

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH THÁI NGUYÊN

Truyện 2

**THÁI NGUYÊN
LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN
CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC
(1954-1975)**

NĂM 2001

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG:

- Thường trực tỉnh uỷ Thái Nguyên.
- Đảng uỷ Quân sự và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên.

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:

- Đại tá: Nguyễn Văn Trình (Ủy viên Ban Thường vụ, Tỉnh uỷ, Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh Thái Nguyên).

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN:

- Đại tá: Nguyễn Bình Nguyễn (Phó Bí thư Thường trực Đảng uỷ Quân sự tỉnh, Phó chỉ huy trưởng về Chính trị Bộ CHQS tỉnh Thái Nguyên).
- Tiến sĩ: Nguyễn Văn Vượng (Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo tỉnh uỷ Thái Nguyên).
- Đại tá: Dương Văn Thảo (Ủy viên Thường vụ Đảng uỷ Quân sự tỉnh, Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng Bộ CHQS tỉnh Thái Nguyên).

NGƯỜI VIẾT:

- Thượng tá: Nguyễn Văn Thắng (chủ biên).
- Tiến sĩ: Nguyễn Xuân Minh.
- Phạm Tất Quỳnh.
- Thạc sĩ: Nguyễn Thị Hương Canh.
- Cử nhân: Ma Khánh Tiên.

HOÀN CHỈNH BẢN THẢO:

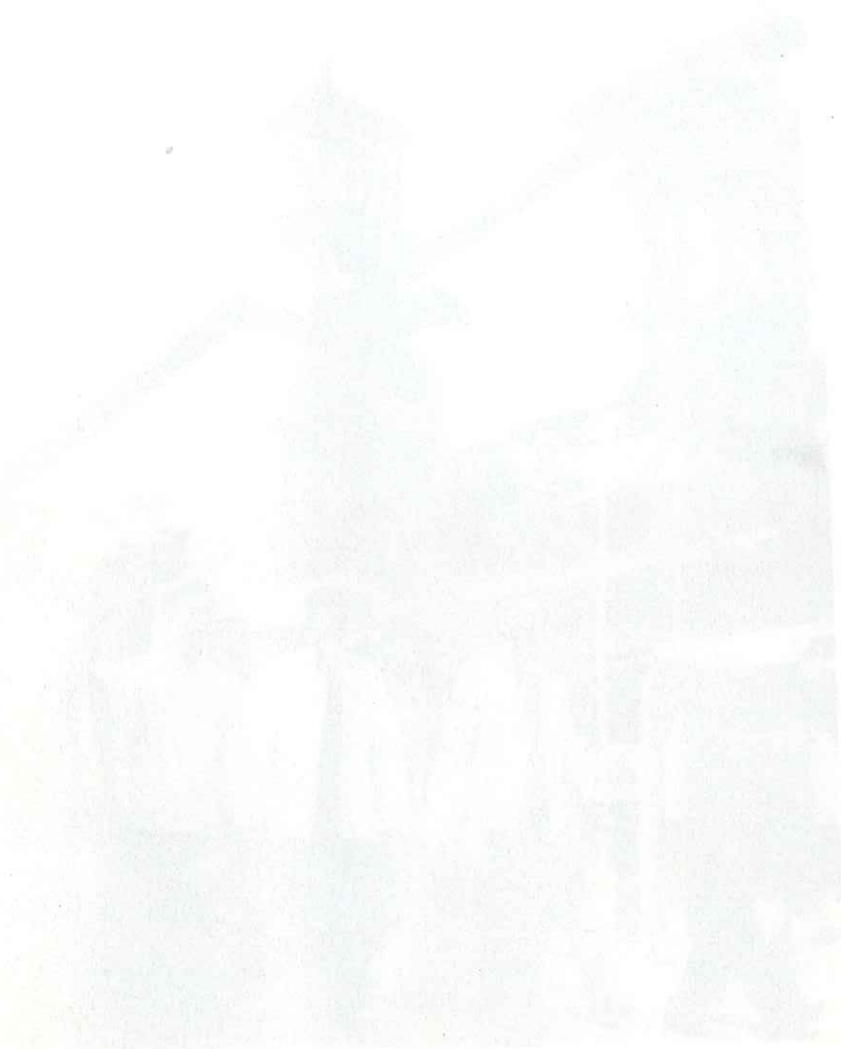
Nguyễn Thắng - Khánh Tiên

BÌA: Khắc Thiệu.

ẢNH TƯ LIỆU: Nhà truyền thống Bộ CHQS tỉnh Thái Nguyên



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Khu gang thép Thái Nguyên
ngày 1-1-1964.



View of the [illegible] building from [illegible] street
[illegible] [illegible]

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Bộ Quốc phòng và Bộ Tư lệnh Quân khu I về việc tổng kết chiến tranh và biên soạn lịch sử quân sự đối với các tỉnh mới tái lập, năm 1999 Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên đã xuất bản và phát hành cuốn sách "Thái Nguyên - Lịch sử đấu tranh vũ trang cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp 1941-1954". Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 57 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944 - 22-12-2001) - ngày Hội Quốc phòng toàn dân, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên xuất bản và phát hành tiếp cuốn "Thái Nguyên - Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975".

"Thái Nguyên - Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975" là một công trình được biên soạn nghiêm túc, công phu và có ý nghĩa lịch sử. Nội dung cuốn sách phong phú, trung thực, vừa ghi lại những chiến công hiển hách của Đảng bộ, quân và dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, vừa phản ánh cả những mặt chưa thành công trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức chỉ huy của các cấp ủy Đảng, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp trên địa bàn. Cuốn sách đã góp phần tổng kết những kinh nghiệm quý giá của chiến tranh nhân dân chống chiến tranh xâm lược, đồng thời góp phần giáo dục, động viên

nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên phát huy truyền thống yêu nước, đánh giặc dũng cảm, kiên cường để xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Phòng Khoa học, công nghệ và Môi trường Quân khu I, Khoa Lịch sử Trường Đại học sư phạm – Đại học Thái Nguyên cùng các cơ quan, ban, ngành hữu quan, các cán bộ, chiến sĩ tham gia chiến đấu và xây dựng Thái Nguyên trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã tận tình giúp đỡ để cuốn sách được ra mắt bạn đọc.

Do điều kiện khai thác tư liệu và năng lực biên soạn của các tác giả còn hạn chế, nên cuốn sách không tránh khỏi những khiếm khuyết. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên và các tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng chí và đồng đảo bạn đọc.

HỒ ĐỨC VIỆT

**UV Trung ương Đảng – Bí thư Tỉnh ủy,
Bí thư Đảng ủy Quân sự tỉnh Thái Nguyên**

CHƯƠNG I

KHÔI PHỤC, CẢI TẠO VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI; XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỊA PHƯƠNG VỮNG MẠNH, SẴN SÀNG CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (8/1954 – 9/1965)

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, ngày 21/7/1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Đông Dương đã được ký kết, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp trường kỳ, gian khổ và anh dũng của dân tộc ta.

Tại cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở sân vận động thị xã Thái Nguyên ngay sau ngày phái đoàn Chính phủ ta đi dự Hội nghị Giơ-ne-vơ trở về, hàng ngàn đồng bào các dân tộc và cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang tỉnh Thái Nguyên chăm chú lắng nghe Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Văn Đồng báo cáo thắng lợi trên lĩnh vực đấu tranh ngoại giao. Niềm vui chiến thắng như nguồn động lực mới, tiếp thêm sức mạnh cho quân và dân Thái Nguyên bước vào thời kỳ mới.

So với nhiều địa phương khác, Thái Nguyên có nhiều lợi thế. Nơi đây trước tháng 8/1945 là Căn cứ địa Cách

mạng. Trong kháng chiến chống Pháp Thái Nguyên là Trung tâm Căn cứ địa Việt Bắc – Thủ đô kháng chiến của cả nước, nơi mà hầu hết các cơ quan đầu não kháng chiến, các đồng chí lãnh đạo cao cấp nhất của Đảng, Chính phủ, quân đội đã đến ở và làm việc; nhiều nhà máy, công xưởng, kho tàng được đặt tại các huyện Định Hoá, Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai; các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng ở địa phương được Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng vững chắc; tuy có một số nơi trong tỉnh bị địch chiếm đóng, nhưng chỉ một thời gian ngắn, chúng đã phải rút chạy. Vì vậy, Thái Nguyên sớm có điều kiện hoà bình để xây dựng cuộc sống mới. Ngay từ khi cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra ác liệt trên chiến trường toàn quốc, Trung ương đã chọn một số xã thuộc hai huyện Đông Hỷ và Đại Từ làm thí điểm giảm tô và cải cách ruộng đất, tịch thu hơn 100 mẫu ruộng của địa chủ chia cho 54 hộ nông dân không có ruộng hoặc thiếu ruộng. Tiếp đó, đầu tháng 5/1954, khi chiến dịch Điện Biên Phủ sắp kết thúc thắng lợi, 47 xã thuộc các huyện Đại Từ, Đông Hỷ, Phổ Yên, Phú Bình bước vào đợt I cải cách ruộng đất, tịch thu, trưng thu và trưng mua hơn 2000 mẫu ruộng, hàng trăm con trâu, bò của địa chủ để chia cho 868 hộ nông dân. Uy thế chính trị và kinh tế của giai cấp nông dân được nâng cao, nhân dân càng thêm tin tưởng, gắn bó với Đảng, với chính quyền dân chủ nhân dân.

Từ sau ngày hoà bình lập lại, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, các cơ quan Trung ương rời Việt Bắc chuyển về Thủ đô, đồng bào tản cư cũng lần lượt trở về

quê cũ, Thái Nguyên mất đi cảnh nhộn nhịp của Thủ đô kháng chiến, trở lại cảnh thanh bình của một tỉnh miền núi và trung du.

Từ thời chiến chuyển sang thời bình, vấn đề nâng cao đời sống mọi mặt cho nhân dân trở thành một yêu cầu cấp thiết. Trong khi đó, nền kinh tế Thái Nguyên chủ yếu là nông nghiệp lạc hậu, mang tính chất tự cung, tự cấp. Vết thương chiến tranh để lại vẫn còn rất nặng nề: nhiều cây số đường giao thông, nhiều cầu cống, kho tàng, nhà cửa... bị tàn phá; nhiều trâu, bò bị giết hại. Đặc biệt, công trình thuỷ lợi đập Thác Huống bị máy bay địch ném bom hư hỏng nặng từ năm 1952, gây khó khăn lớn cho sản xuất nông nghiệp. Ruộng đất nhiều nơi bị bỏ hoang. Ở nông thôn, giai cấp nông dân vẫn bị địa chủ bóc lột, đời sống gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Cuối năm 1954, nạn đói xuất hiện ở một vài huyện trong tỉnh, rõ nhất là huyện Phổ Yên. Đầu năm 1955, nạn đói lan rộng, chủ yếu diễn ra ở 35 xã thuộc 4 huyện phía nam Thái Nguyên.

Cùng với những khó khăn về kinh tế do hậu quả chiến tranh để lại, tình hình chính trị - xã hội ở Thái Nguyên trong thời gian đầu hoà bình lập lại cũng còn nhiều phức tạp. Một số tên tay sai phản động đội lốt các chức sắc, tôn giáo từ Thái Bình, Nam Định lên Thái Nguyên tuyên truyền, dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào công giáo di cư vào Nam. Lợi dụng đức tin của giáo dân, chúng phao tin: "Chúa đã vào Nam, con chiên phải theo Chúa, nếu ở lại khi chết sẽ không được cứu đôi linh hồn". Chúng còn đe dọa: "Sau khi hết thời hạn di cư, Mỹ sẽ dùng bom nguyên tử ném xuống miền Bắc". Những luận điệu tuyên truyền

ấy làm cho nhiều giáo dân hoang mang, dao động. Một số người nhẹ dạ, cả tin vội vã bỏ lại nhà cửa, ruộng vườn, theo địch vào Nam, gây nên khó khăn không nhỏ trong công tác ổn định trật tự, trị an xã hội ở địa phương.

Bên cạnh đó, nhiều tập tục lạc hậu chưa được khắc phục, trình độ dân trí còn thấp. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp, những phong tục, tập quán lạc hậu được giảm nhiều. Nhưng từ sau hoà bình lập lại, nhất là trong thời kì sửa sai cải cách ruộng đất, một số hủ tục lại trở dậy. Một số thanh niên dân tộc Cao Lan đi học làm nghề thầy cúng. Một số đám cưới, đám ma lại tổ chức cỗ bàn linh đình hơn thời thuộc Pháp, nhất là trong đồng bào Dao. Sau hoà bình, các cơ sở y tế của Bộ, của Liên khu và của các đơn vị bộ đội đóng trên địa bàn tỉnh đã rút đi, trong khi mạng lưới y tế của địa phương chưa đủ lớn mạnh để bù đắp, tạo nên sự hẫng hụt lớn trong việc khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân.

Tất cả những khó khăn trên là gánh nặng trên vai Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên. Nhiệm vụ trước mắt đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong tỉnh là nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế, văn hoá, cải thiện đời sống, củng cố an ninh, quốc phòng.

Đứng trước thực trạng kinh tế - xã hội của tỉnh, từ sau ngày hoà bình lập lại, yêu cầu giải phóng khỏi ách áp bức, bóc lột của địa chủ, đem lại ruộng đất cho nông dân càng trở nên cấp thiết. Thực hiện chủ trương của Trung ương, công cuộc cải cách ruộng đất ở tỉnh Thái Nguyên

tiếp tục được triển khai ngay sau khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp.

Lực lượng vũ trang được huy động cùng với các ngành Dân, Chính, Đảng tham gia đợt 2 cải cách ruộng đất. Đến cuối năm 1954, có 75 xã trong tổng số 148 xã đã hoàn thành cải cách ruộng đất. Số xã còn lại, chủ yếu ở vùng cao, do sự phân hoá giai cấp chưa sâu sắc, theo chủ trương chung không tiến hành cải cách ruộng đất, mà chỉ thực hiện giảm tô và cải cách dân chủ trong quá trình vận động hợp tác hoá nông nghiệp.

Cải cách ruộng đất thực sự là cuộc cách mạng, là cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt nhằm xoá bỏ giai cấp bóc lột ở nông thôn. Vì vậy, trong quá trình thực hiện, cuộc cải cách ruộng đất đã gặp phải sự chống đối gay gắt của giai cấp địa chủ và các phần tử phản cách mạng.

Ngay từ khi Đội cải cách ruộng đất về các địa phương, bọn phản động đã cho tay chân chống phá, tung dư luận xấu hòng làm cho nhân dân không dám tham gia cuộc vận động cải cách ruộng đất. Tráng trợn hơn, chúng bỏ thuốc độc để ám hại hoặc đón đường đe dọa cán bộ.

Trước hành động chống phá của địch, các đơn vị bộ đội và lực lượng dân quân, tự vệ phối hợp với công an và nhân dân địa phương triển khai các biện pháp ngăn chặn, trấn áp các tổ chức chính trị phản động, bảo đảm an ninh cho công cuộc cải cách ruộng đất. Lực lượng vũ trang của tỉnh còn phối hợp với chính quyền các cấp và đoàn thể quần chúng tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhân dân, góp phần làm cho công cuộc cải cách ruộng đất hoàn thành thắng lợi. Trên 3.180 mẫu ruộng, 1093 con

trâu, bò, hơn 250 tấn lương thực và nhiều nông cụ khác từ trong tay giai cấp địa chủ đã được chia cho hơn 7000 hộ nông dân nghèo.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, các Đoàn, Đội cải cách ruộng đất đã phạm phải một số sai lầm: đả kích tràn lan, quy nhầm một số phú nông và trung nông lớp trên thành địa chủ, đánh nhầm vào nội bộ Đảng... Những sai lầm này bắt nguồn từ nhận thức lệch lạc, không nắm chắc quy định thành phần giai cấp; phương pháp tư tưởng chủ quan, giáo điều, tác phong quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán; tổ chức thực hiện không đúng nguyên tắc của Đảng (các cơ quan cải cách ruộng đất tổ chức thành hệ thống riêng từ trên xuống dưới với những quyền hạn quá lớn, nên dễ dàng lạm quyền, không dựa vào cơ sở Đảng ở địa phương).

Ngay sau khi phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất, Trung ương Đảng đã kịp thời đề ra chủ trương sửa chữa. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần X (9/1956) chỉ rõ: “Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã thu được...”. Tiếp đó, tháng 11/1956, Trung ương Đảng chỉ thị cho các địa phương “ Phải coi công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức là nhiệm vụ trung tâm, đột xuất trong thời gian trước mắt ”².

1, 2. Dẫn theo “ Cách mạng ruộng đất “. Tài liệu đã dẫn, tr.191

Thực hiện nghị quyết và chỉ thị của Trung ương Đảng, tỉnh uỷ Thái Nguyên triệu tập Hội nghị mở rộng (từ ngày 8 đến ngày 16/11/1956) để xây dựng chương trình và kế hoạch sửa sai.

Nhận rõ công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức là nhiệm vụ trung tâm, đột xuất trước mắt, Ban chỉ huy tỉnh đội Thái Nguyên tổ chức 3 đợt học tập Nghị quyết X của Trung ương Đảng:

- Đợt 1 (từ ngày 3 đến ngày 8/12/1956) cho 36 cán bộ là chi uỷ viên và trung đội trưởng.

Đợt 2 (từ ngày 11 đến ngày 15/12/1956) cho 200 cán bộ, chiến sĩ từ trung đội phó trở xuống

- Đợt 3 (từ ngày 17 đến ngày 20/12/1956) cho số cán bộ, chiến sĩ còn lại.

Thông qua học tập, cán bộ, chiến sĩ xác định được thái độ đúng đắn, thống nhất với nhận định của Trung ương về thắng lợi và sai lầm trong cải cách ruộng đất, tin tưởng vào công tác sửa sai.

Sau các đợt học tập, các Đội công tác sửa sai được thành lập và từ trung tuần tháng 12/1956 bắt đầu đi xuống các xã. Lực lượng dân quân, du kích làm nhiệm vụ theo dõi, canh gác những người bị quản chế và những người bị tình nghi; đồng thời phối hợp chặt chẽ với công an bảo vệ tốt an ninh, trật tự ở địa phương, giải quyết kịp thời một số vụ gây rối trật tự, trị an.

Với tinh thần “kiên quyết, khẩn trương, thận trọng, đi từng bước vững chắc”, các Đội sửa sai kiên trì giải thích, động viên nhân dân tham gia học tập chính sách sửa sai.

Nhờ có chủ trương đúng đắn, được nhân dân đồng tình, ủng hộ, công tác sửa sai thu được kết quả tốt. Thông qua sửa sai, toàn tỉnh có 835 trường hợp bị quy sai là địa chủ được hạ thành phần; 500 đảng viên trong tổng số 712 đảng viên bị xử trí sai được phục hồi Đảng tịch và phục hồi chức vụ công tác... Tổ chức Huyện uỷ và các Ban chỉ uỷ được củng cố và kiện toàn; nội bộ Đảng được thống nhất; vai trò lãnh đạo của các cấp bộ Đảng và mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng được tăng cường...

Công tác sửa sai hoàn thành đã kết thúc thắng lợi cuộc vận động cải cách ruộng đất, tạo nên bước chuyển biến mới trong nông thôn tỉnh nhà. Thắng lợi của cuộc cải cách ruộng đất đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ trung tâm trước mắt là khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, từng bước cải thiện đời sống nhân dân lao động.

Ngày 23/8/1954, Ban Kinh tế tỉnh Thái Nguyên triệu tập cuộc họp với các ngành, các cấp trong tỉnh quán triệt phương châm của Đảng và Chính phủ là phục hồi sản xuất ở những vùng mới giải phóng, đẩy mạnh sản xuất ở các vùng tự do cũ, tăng cường sản xuất lương thực, bảo đảm nhu cầu của cán bộ, nhân dân và quân đội. Xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương, Hội nghị coi việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là công tác trọng yếu bậc nhất trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - tài chính năm 1954, trong đó đặc biệt chú trọng sản xuất lương thực và hoa màu, ra sức tăng vụ để phòng đói, chống đói và giải quyết nạn thiếu ăn lúc giáp hạt.

Để giải quyết khó khăn về kinh tế, trước hết là lương thực, từ cuối năm 1954, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo các địa phương phát động phong trào thi đua phát triển sản xuất

và thực hành tiết kiệm. Phong trào khai hoang, phục hoá được phát động rộng rãi. Trên cơ sở kết quả phát triển sản xuất năm 1955, liên tiếp trong 2 năm (1956 - 1957), nhân dân Thái Nguyên tích cực mở rộng diện tích gieo trồng, đưa diện tích cấy lúa cả năm 1957 lên 50 072 ha, tăng gần 4 000 ha so với năm 1955. Các biện pháp kĩ thuật: cày sâu, bừa kĩ, cấy dày, tăng phân bón, đắp bờ giữ nước, làm cỏ sục bùn tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh.

Công tác thuỷ lợi được đặc biệt coi trọng. Nhân dân trong tỉnh triệt để sử dụng khả năng phát triển thủy nông, sửa chữa hệ thống mương phai bị nước lũ phá vỡ, xây dựng thêm công trình thủy nông mới, tích cực chống hạn và đắp đê phòng lụt. Riêng trong năm 1955, toàn tỉnh đã sửa chữa và làm thêm 516 mương phai, 971 ao, chuôm, 81 cọn nước. Toàn bộ hệ thống kênh mương, đê điều được tu sửa và củng cố. Có bộ đội giúp sức, hệ thống đê sông Công và sông Cầu được giữ vững, góp phần bảo vệ mùa màng và tài sản của nhân dân trong mùa nước lũ.

Theo chủ trương của Tổng Quân uỷ, từ năm 1959 Thái Nguyên thực hiện chính sách phục viên. Số cán bộ, chiến sĩ chuyển ngành, phục viên về địa phương đều phát huy vai trò gương mẫu, xứng danh "Anh bộ đội Cụ Hồ" trên mọi lĩnh vực công tác, sản xuất, được nhân dân tin yêu. Các đồng chí ở lại trong quân ngũ đều yên tâm, phấn khởi làm nhiệm vụ xây dựng quân đội. Những tấm gương lao động quên mình của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang ở địa phương đã có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ mọi

tầng lớp nhân dân các dân tộc trong tỉnh hăng hái lao động sản xuất.

Nhờ tinh thần lao động cần cù, sáng tạo của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, sản xuất nông nghiệp được phục hồi và phát triển, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện (nâng cao). Mức thu nhập bình quân mỗi người dân trong năm 1959 là 303 kg thóc, vượt xa so với trước.

Trên mặt trận giao thông vận tải, Thái Nguyên có 2 tuyến quốc lộ 3A và 1B, đó là những đường giao thông huyết mạch, có vị trí chiến lược. Trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp, thực hiện tiêu thổ kháng chiến, quân và dân ta đã phá cầu, đường để cản bước tiến của địch. Từ năm 1950 trở đi, để phục vụ các chiến dịch, quân và dân ta đã sửa chữa lại cầu, đường. Tuy nhiên, việc sửa đường lúc đó chỉ có tính chất tạm thời. Sau hoà bình lập lại, do yêu cầu phát triển kinh tế, văn hoá và quốc phòng, việc xây dựng cầu, đường được đặt ra theo hướng lâu dài.

Từ cuối năm 1954 và trong năm 1955, Trung ương đã giao cho tỉnh Thái Nguyên khai thác 55000 thanh tà vẹt để kịp thời khôi phục đường xe lửa Hà Nội - Lạng Sơn. Thực hiện nhiệm vụ trên, Tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo khai thác tà vẹt và mở nhiều công trường khai thác tà vẹt tại các xã: Văn Lang (Võ Nai), Tân Hòa (Định Hoá), Yên Cư (Phú Lương), Tân Cương (Đồng Hỷ). Hàng vạn dân công được huy động và tổ chức thành nhiều đại đội lao động trên các công trường. Cuối năm 1955, toàn tỉnh đã khai thác được 59.500 thanh tà vẹt, vượt chỉ tiêu 4500

thanh. Cùng thời gian này, quân và dân trong tỉnh đã hoàn thành xây dựng 3 cầu bê tông, sửa 25 cầu và xây dựng 25 cống mới¹.

Sau thắng lợi của công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, từ năm 1958 miền Bắc nước ta chính thức bước vào thời kì trực tiếp làm nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần XIV (tháng 11/1958), đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm trước mắt là cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, tiểu thương và công thương nghiệp tư bản tư doanh; đồng thời ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh. Tiếp đó, tháng 4/1959, Trung ương Đảng ra Nghị quyết XVI nhiệm vụ đẩy mạnh công cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi.

Dưới ánh sáng của các nghị quyết Trung ương Đảng, toàn tỉnh dấy lên một cao trào cách mạng rộng lớn. Cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp diễn ra sôi nổi khắp các vùng nông thôn. Các lực lượng vũ trang và nửa vũ trang, bộ đội phục viên, thương binh cùng với các ngành tích cực tuyên truyền, vận động nông dân đi theo con đường làm ăn tập thể do Đảng vạch ra. Nhân dân các dân tộc tin tưởng đường lối cách mạng của Đảng, tin ở cán bộ, hăng hái gia nhập tổ đổi công và hợp tác xã. Đầu năm 1958, toàn tỉnh đã thành lập được 2.743 tổ đổi công, với

1. Báo cáo tình hình mọi mặt năm 1955 của tỉnh Thái Nguyên - 19/12/1955 - Lưu trữ Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Thái Nguyên.

19.190 hộ (chiếm 45% số hộ nông dân) và 4 hợp tác xã nông nghiệp. Đến cuối năm 1958, số tổ đổi công lên tới 4.254, với 32.120 hộ nông dân (chiếm 77% số hộ nông dân toàn tỉnh) và 28 hợp tác xã¹. Cùng với phong trào vận động hợp tác hoá nông nghiệp, khí thế trong lao động sản xuất cũng rất sôi nổi. Cán bộ, chiến sĩ trong các đơn vị bộ đội địa phương trực tiếp xuống xã giúp bà con nông dân bắt sâu, chống hạn. Nam, nữ dân quân trong các đội sản xuất phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, tích cực cải tiến nông cụ, áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất, góp phần đưa tổng sản lượng lương thực năm 1958 lên 87986 tấn (vượt 2% so với kế hoạch và tăng 23,6% so với năm 1957).

Sản xuất công nghiệp trong những năm 1958 - 1960 cũng có bước tiến mới. Trong các xí nghiệp quốc doanh, phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được phát động rộng rãi. Dù gặp nhiều khó khăn về kỹ thuật và thiết bị, anh chị em công nhân - phần lớn là thanh niên trong lực lượng tự vệ - đã nêu cao tinh thần dám nghĩ, dám làm, nâng cao năng suất lao động, hoàn thành kế hoạch trước thời hạn từ 10 ngày đến 21 ngày.

Cuối năm 1960, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể đã thu được thắng lợi có tính chất quyết định. Bộ mặt xã hội miền Bắc nói chung và Thái Nguyên nói riêng có nhiều biến đổi rất cơ

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 1958 tại Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh (từ ngày 1 đến ngày 5/2/1959). Lưu trữ Ban NCLSD tỉnh Thái Nguyên.

bản. Đời sống mọi mặt của nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Trong khi đó, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam cũng có bước chuyển biến quan trọng, đánh dấu bằng phong trào đồng khởi 1959 - 1960. Từ thế chiến lược giữ gìn lực lượng, phong trào cách mạng miền Nam đã phát triển sang thế chiến lược tiến công.

Trước sự chuyển biến mới của cách mạng cả nước, Đảng ta quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (từ ngày 5 đến ngày 10/9/1960). Đại hội đã quyết nghị một số vấn đề về nhiệm vụ cách mạng cả nước, nhiệm vụ cách mạng hai miền, mối quan hệ và vị trí, vai trò của cách mạng hai miền; đồng thời thông qua phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm lần I (1961 - 1965).

Vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III vào tình hình cụ thể ở địa phương, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (từ ngày 10 đến ngày 18/3/1961) đề ra chủ trương phát triển nông nghiệp toàn diện, phát triển lâm nghiệp, đồng thời tích cực phát triển công nghiệp địa phương, trên cơ sở củng cố và hoàn thành tốt công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp nhỏ. Nghị quyết Đại hội chỉ rõ: “Hai nhiệm vụ phát triển nông nghiệp và củng cố, phát triển phong trào hợp tác hoá là nhiệm vụ trọng tâm, gắn chặt với nhau, thúc đẩy nhau phát triển, nhằm dần dần bảo đảm được những nhu cầu chính về lương thực, thực phẩm, về nông cụ cải tiến, nông cụ thường và hàng tiêu dùng trong tỉnh, góp phần tích cực phục vụ nhu cầu kiến thiết cơ bản”.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh cũng đề ra nhiệm vụ, các chỉ tiêu cơ bản và những biện pháp lớn để thực hiện kế hoạch 5 năm. Đại hội xác định lấy công tác xây dựng Đảng làm nhiệm vụ hàng đầu, công tác củng cố chính quyền, đoàn thể quần chúng, củng cố quốc phòng và an ninh là những nhiệm vụ quan trọng, có tác dụng quyết định đến việc hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá ở địa phương.

Bước vào thời kì thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ I, Ủy ban hành chính tỉnh phát động toàn quân và toàn dân thực hiện chiến dịch đại vận động sản xuất đông - xuân 1960 - 1961 mang tên "Phát cao cờ hồng, quyết thắng đông - xuân, tiến quân toàn diện".

Nhận thức rõ mục đích, ý nghĩa to lớn của chiến dịch, các tầng lớp nhân dân cùng với lực lượng vũ trang trong tỉnh "quyết đem toàn lực phấn đấu để cót đầy thóc, bô đầy khoai, dồi cỏ xanh tươi, trâu bò béo khỏe, ao hồ đầy tôm cá, để không ngừng nâng cao đời sống nhân dân"¹.

Biến quyết tâm thành hành động, các phong trào thi đua "Mười giỏi", "Ba nhất", "Thi đua áp Bắc", "Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp đồng bào miền Nam ruột thịt" ... diễn ra sôi nổi trong mọi giới, mọi ngành. Nhiều sáng kiến, kinh nghiệm nảy nở và phát triển. Mạnh mẽ nhất là phong trào làm thủy lợi. Hàng trăm đội thủy lợi được thành lập, trong đó có từ 70% đến 100% (đội viên là

1. Nghị quyết phát động chiến dịch đại vận động sản xuất đông - xuân 1960 - 1961 của UBHC tỉnh Thái Nguyên - 14/10/1960 - Lưu trữ UBND tỉnh TN.

thanh niên, dân quân. Nhiều điển hình tiên tiến về công tác thủy lợi xuất hiện, tiêu biểu là chi đoàn thanh niên ở Xuân Trù (Phổ Yên) và Hà Thượng (Đại Từ) được Chủ tịch Hồ Chí Minh khen thưởng. Đâu đâu cũng xuất hiện kiện tướng làm thủy lợi. Hàng chục công trình thủy nông được xây dựng và đưa vào sử dụng, trong đó có nhiều công trình lớn là các hồ Tân Hoà, Tân Kim (Phú Bình), các đập Bến Động (Phổ Yên), Hoàng Nông, Rừng Chùa (Đại Từ), Nà Kháo (Võ Nhai), Ngàn Me (Đồng Hỷ). Hàng ngàn kilômét mương, máng được tu sửa và làm mới. Nhờ đó, việc chủ động tưới và tiêu nước cho hàng ngàn ha ruộng được bảo đảm.

Cùng với phong trào làm thủy lợi, phong trào thi đua làm phân bón ruộng, thả bèo hoa dâu, làm ruộng thí nghiệm, phòng trừ sâu bệnh, áp dụng các biện pháp thủy lợi và nông cụ cải tiến... cũng được đẩy mạnh, góp phần nâng cao năng suất cây trồng. Tổng sản lượng lương thực nhờ đó đã tăng từ 92.961 tấn (năm 1960) lên 119.902 tấn (năm 1965).

Trong tất cả các phong trào trên, lực lượng vũ trang Thái Nguyên có nhiều đóng góp to lớn. Từ năm 1960 đến năm 1964, các đơn vị bộ đội trong tỉnh đã làm được hàng chục vạn ngày công thủy lợi, hàng chục ngàn tấn phân bón, hàng ngàn nông cụ cải tiến, tự túc được một phần lương thực và thực phẩm; đồng thời còn tham gia làm đường nông thôn, chống hạn, khai hoang, làm nhà giúp dân. Năm 1961, huyện Phú Bình báo động huy động 1.200 dân quân đắp đập Tân Kim. Nhờ tổ chức quân sự hóa và lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ nên đã nâng năng suất

đào, đắp đất đá của dân quân Phú Bình bình quân 1 công tăng từ $0,37 \text{ m}^3$ lên $0,6 \text{ m}^3$, rồi $0,824 \text{ m}^3$. Dân quân xã Thanh Ninh (Phú Bình) được giao 1 sào 10 thước ruộng thí điểm thâm canh tăng năng suất lúa, đã đưa năng suất bình quân từ 26 nôi thóc lên 40 nôi thóc/mẫu. Dân quân xã Tân Quang (Đông Hỷ, nay thuộc thị xã Sông Công) sản xuất tự túc một phần lương thực bảo đảm cho huấn luyện quân sự. Tính đến tháng 6/1961, lực lượng vũ trang địa phương toàn tỉnh đã trồng được 639.610 gốc sắn, làm được 753.186 kg phân, đào đắp 20.820 m^3 đất đá để làm thủy lợi, làm được 364 xe cải tiến và trồng 20.555 cây các loại. Dân quân một số nơi còn có phong trào nhận ruộng cấy thí điểm cho hợp tác xã.

Sự đóng góp to lớn của lực lượng vũ trang địa phương đã góp phần đưa sản xuất nông nghiệp trong tỉnh tăng lên không chỉ về diện tích gieo trồng, mà cả về sản lượng. Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp cũng được củng cố. Những tấm gương lao động quên mình, ngày đêm gắn bó, tận tụy với công việc của hợp tác xã, dám nghĩ, dám làm... xuất hiện ngày càng nhiều trong cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang địa phương. Nhiều đồng chí bộ đội phục viên được bà con xã viên tín nhiệm trao cho công việc chủ chốt trong các đội sản xuất và Ban quản trị hợp tác xã. Có những đồng chí làm chủ nhiệm hợp tác xã trong nhiều năm, thường xuyên đứng mũi chịu sào, gặp khó khăn trở ngại không hề nản chí, quyết tâm giữ vững phong trào.

1. - 1 nôi thóc tương đương 28 kg.

Trên mặt trận sản xuất công nghiệp, lực lượng vũ trang Thái Nguyên cũng có nhiều đóng góp đáng kể. Từ năm 1959, nhiều cơ sở công nghiệp Trung ương và địa phương được xây dựng trên địa bàn tỉnh. Ngày 4/6/1959, Chính phủ quyết định thành lập Ban chỉ huy công trường xây dựng Khu gang thép Thái Nguyên. Tiếp đó, năm 1960, lần lượt trên 1000 bộ đội chuyển ngành được tập trung học văn hoá để chuẩn bị tiếp thu kỹ thuật luyện kim. Các chiến sĩ pháo binh, lái xe được biên chế vào các đơn vị lắp máy cơ giới; chiến sĩ thông tin, quan trắc tham gia vào bộ phận trắc địa; chiến sĩ bộc phá được đưa vào đội nổ mìn phá đồi; cán bộ tham mưu, chính trị trở thành cán bộ tổ chức v.v.

Trải qua 3 năm lao động gian khổ và sôi nổi, khẩn trương, cán bộ, chiến sĩ bộ đội chuyển ngành đã cùng anh em công nhân công trường phá, bạt 50 quả đồi, san lấp gần 11.000.000m³ đất, đá, tạo mặt bằng cho các hạng mục công trình. Công sức lao động của cán bộ và công nhân công trường đã đưa đến kết quả lịch sử: 8 giờ 30 phút ngày 29/11/1963, mẻ gang đầu tiên của lò cao số 1 ra lò.

Cùng với việc xây dựng Khu gang thép Thái Nguyên, cuối năm 1960, Nhà máy điện Cao Ngạn với công suất 24000 kw và Mỏ sắt Trại Cau cũng được khởi công xây dựng.

Tất cả các công trình trên được xây dựng bằng sức lao động của hàng ngàn công nhân, trong đó có một bộ phận rất quan trọng là các đơn vị bộ đội và dân quân, tự vệ ở các địa phương trong tỉnh.

Từ những năm 1964, 1965, trong các xí nghiệp, nhà máy, lực lượng tự vệ đẩy mạnh phong trào thi đua giành “3 điểm cao” (năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều), “Thi đua mỗi người làm việc bằng hai”, đăng kí

làm thêm giờ, tự nguyện không nghỉ phép năm. Hàng ngàn sáng kiến, sáng chế được đưa ra áp dụng. Trong năm 1964, toàn tỉnh đã có 1590 sáng kiến, tiết kiệm được 10951 đồng cho Nhà nước, đưa năng suất lao động tăng bình quân từ 0,5% đến 24%. Đến năm 1965, riêng các chiến sĩ tự vệ đã có trên 900 sáng kiến, làm lợi cho Nhà nước hàng ngàn đồng. Nhiều nơi có phong trào tự vệ nhận việc khó và những công tác đột xuất. Phong trào tự túc gây quỹ trong dân quân, tự vệ cũng được đẩy mạnh dưới nhiều hình thức: Tổ chức lao động lấy tiền, đào ao thả cá, làm thêm giờ, cấy lúa...

Sự hình thành các cơ sở công nghiệp trên địa bàn tỉnh, bước đầu tạo nên cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, không những có tác dụng trang bị kĩ thuật cho các ngành kinh tế quốc dân, mà còn tạo điều kiện để xây dựng nên quốc phòng toàn dân vững mạnh. Lực lượng vũ trang nhân dân được bổ sung một lớp thanh niên có trình độ văn hoá, có sức khoẻ và giác ngộ xã hội chủ nghĩa. Hầu hết quân nhân phục viên, chuyển ngành và chiến sĩ dân quân, tự vệ, qua thực tế sản xuất và xây dựng, đã trưởng thành về nhiều mặt, nhất là tay nghề và trình độ khoa học kĩ thuật.

Thái Nguyên là một tỉnh có nhiều thành phần dân tộc, trình độ nhận thức của các dân tộc còn chênh lệch nhau. Ở một số địa phương thuộc vùng rẻo cao và trong một số dân tộc ít người, nhiều phong tục, tập quán lạc hậu còn khá nặng nề. Nạn mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc, ma chay, cưới xin tổ chức tốn kém là hiện tượng phổ biến ở nhiều địa phương.

Trước tình hình trên, Tỉnh uỷ xác định rõ nhiệm vụ công tác văn hoá, xã hội phải đi sâu vào các thôn, bản, chăm lo sức khoẻ cho nhân dân, giải quyết nạn mù chữ, nâng cao trình độ hiểu biết, giáo dục tinh thần yêu nước, đoàn kết dân tộc, kết hợp với việc vận động xây dựng nếp sống văn hoá mới.

Các huyện Phú Lương, Đại Từ, Phổ Yên, thị xã Thái Nguyên... triệu tập Hội nghị cán bộ xã để bàn kế hoạch triển khai thực hiện công tác bình dân học vụ. Lực lượng giáo viên được huy động rộng rãi, bao gồm giáo viên các cấp, thanh niên, bộ đội có trình độ văn hoá. Anh chị em không quản ngày, đêm, mưa, nắng, trèo đèo, lội suối, đến từng nhà vận động bà con đi học. Phong trào thanh toán nạn mù chữ lại trở nên sôi nổi, lôi cuốn hàng ngàn học sinh đủ các lứa tuổi. Các xã Trần Phú (Đại Từ), Tân Thành (Phú Lương) trước đây không có lớp học, nay đã thành lập được nhiều lớp. Ngày 24/6/1961, Thái Nguyên được Hội đồng Chính phủ công nhận là tỉnh hoàn thành thanh toán nạn mù chữ, đạt tỉ lệ 92,51% số người trong diện phải xóa nạn mù chữ.

Cùng với sự tiến bộ của phong trào bình dân học vụ, ngành giáo dục phổ thông trong tỉnh cũng phát triển đều, mỗi năm một tăng. Đến năm học 1964 - 1965, toàn tỉnh có 53741 học sinh (tăng 8,16% so với năm học 1963 - 1964 và gấp 2 lần so với năm học 1959 - 1960). Vào thời điểm này, Thái Nguyên có 6 trường phổ thông cấp III (năm học 1959 - 1960 chỉ có 1 trường) và 158 trường phổ thông cấp I (tăng 25% so với năm học 1959 - 1960); với tổng số

1.953 giáo viên (tăng gấp 5 lần so với năm học 1959 - 1960)¹.

Với phương châm “Văn hoá phải theo sát chính trị, nhà trường phải gắn liền với thực tế xã hội”, ngành giáo dục Thái Nguyên đã góp phần quan trọng vào việc đào tạo, giáo dục thế hệ trẻ, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong thời kì mới.

Những năm 1954 - 1965 cũng chứng kiến sự lớn mạnh của ngành văn hoá - thông tin Thái Nguyên. Với nhiều hình thức hoạt động phong phú, thiết thực, Ngành đã có những đóng góp đáng kể vào công tác tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho cán bộ, bộ đội và nhân dân các dân tộc. Các đội chiếu bóng lưu động, rạp nghệ thuật tư nhân, rạp chiếu bóng thị xã đã tổ chức được nhiều buổi chiếu và biểu diễn cho hàng vạn lượt người xem. Trong hầu hết các cơ quan, xí nghiệp, nông trường, lâm trường, trường học, hợp tác xã đều tổ chức các đội văn nghệ quần chúng, thường xuyên luyện tập và biểu diễn, tạo nên bầu không khí vui tươi, lành mạnh. Các loại sách báo lãng mạn, đời thực từng bước được loại trừ. Việc tổ chức các cuộc triển lãm, trưng bày những di tích lịch sử, văn hoá và kỉ niệm những ngày lễ lớn đã góp phần nâng cao sự hiểu biết về quân đội và quốc phòng, về ý thức xây dựng lực lượng vũ trang trong nhân dân. Phong trào rèn luyện thân thể và thể thao quốc phòng cũng được phát triển ngày càng rộng

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 1964 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tr. 18.

rãi trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là trong thanh niên. Từ những năm 1960 - 1961, phong trào tiếp tục được củng cố và phát triển không những ở các thị xã, thị trấn, mà còn lan rộng đến các làng, bản. Thông qua những hoạt động này, sức khoẻ của cán bộ, nhân dân, nhất là thanh niên được tăng cường, đáp ứng đầy đủ yêu cầu trong các đợt tuyển quân.

Trong cuộc vận động xây dựng nếp sống mới, thực hiện vệ sinh phòng bệnh, cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ cũng là lực lượng nòng cốt. Nhiều đồng chí giữ cương vị phụ trách công tác y tế ở các cơ sở và cơ quan đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, đi xuống các bản làng hẻo lánh, đến từng gia đình để tuyên truyền, vận động bà con các dân tộc hưởng ứng phong trào xây dựng nếp sống mới.

Trải qua 11 năm khắc phục mọi khó khăn, trở ngại, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Thái Nguyên đã phấn đấu đạt được những thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục, củng cố quốc phòng, an ninh, góp phần cùng với nhân dân các tỉnh bạn xây dựng vững chắc hậu phương chiến lược, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Sau ngày hoà bình lập lại, tháng 9/1954, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng ra nghị quyết xác định rõ: "Quân đội nhân dân là trụ cột chủ yếu nhất, chắc chắn nhất để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hoà bình. Cho nên tăng cường quân đội nhân dân là nhiệm vụ rất quan trọng của Đảng, Chính phủ và của toàn thể nhân dân ta"; "hiện tại và trong thời gian khá dài nữa, kẻ thù đế quốc và phong kiến đang tồn tại trên nửa đất nước ta. Âm mưu

của chúng là ra sức chuẩn bị dùng miền Nam làm căn cứ phát động chiến tranh xâm lược. Chúng luôn luôn tìm cách xâm phạm khu phi quân sự và xâm phạm không phận, hải phận của ta, cấu kết với bọn phản động gián điệp, thổ phỉ ở miền Bắc để tạo nên không khí căng thẳng, gây những hoạt động khiêu khích, nhằm phá hoại công cuộc hoà bình xây dựng của nhân dân ta”¹.

Sau khi được giải phóng, miền Bắc nước ta đã căn bản hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và chuyển sang chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong khi đó, nhân dân ta ở miền Nam vẫn tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân nhằm đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, giải phóng miền Nam, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà.

Yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới đòi hỏi phải xây dựng quân đội vững mạnh về mọi mặt. Tháng 3/1955, Nghị quyết Hội nghị lần VII của Ban chấp hành Trung ương Đảng (mở rộng) đã xác định phương hướng xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam tiến dần lên chính quy và hiện đại. Nghị quyết nhấn mạnh: đây “là một công cuộc lâu dài, to lớn, bao gồm các mặt công tác như huấn luyện quân sự và chính trị, cất nhắc, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ, chấn chỉnh biên chế và tổ chức v.v...”². Tiếp đó, vào tháng 3/1957, Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần XII (mở rộng) cũng nêu rõ: “Phải xây dựng một quân

1. NQQS của Đảng 1930 - 1960. NXB QĐND, H, tr.164

2. NQQS của Đảng 1930 - 1960. Sđd, tr.162

đội nhân dân hùng mạnh, tiến dần từng bước đến chính quy hoá và hiện đại hoá”.

Nhận rõ tình hình, nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới, quán triệt chủ trương của Trung ương, Tỉnh uỷ Thái Nguyên sớm đề ra các chỉ thị, nghị quyết và biện pháp cụ thể nhằm xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh.

Ngày 9 và ngày 10/9/1954, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên họp, quyết định chỉnh huấn chính trị và huấn luyện quân sự, kiện toàn tổ chức, biên chế các đơn vị bộ đội, tiếp tục củng cố dân quân, du kích và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ cơ sở; đồng thời xây dựng kế hoạch củng cố những xã chưa qua cải cách ruộng đất.

Chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng và Tỉnh uỷ, từ năm 1955, Ban chỉ huy tỉnh đội Thái Nguyên đã tổ chức bộ đội học tập chính trị, quân sự theo tinh thần Nghị quyết TW VII và Chỉ thị của Tổng cục Chính trị. Thông qua học tập, những tư tưởng hoà bình, muốn nghỉ ngơi, giải ngũ về xây dựng hậu phương gia đình trong một số cán bộ, chiến sĩ được kịp thời phê phán, khắc phục. Tuyệt đại đa số cán bộ, chiến sĩ đều an tâm công tác, tích cực luyện tập, sẵn sàng chiến đấu. Mặc dù quân số giảm sau khi thực hiện chính sách phục viên, nhưng ngoài giờ học tập, cán bộ và chiến sĩ trong các đơn vị bộ đội địa phương vẫn giữ vững chế độ tuần tra, canh gác, không quản ngày, đêm và thời tiết, khí hậu. Trình độ kỹ thuật, chiến thuật của lực lượng vũ trang được nâng lên,

cán bộ, chiến sĩ sử dụng thành thạo các loại vũ khí bộ binh, nắm vững chiến thuật tiến công và phòng ngự cấp tiểu đội, trung đội, đại đội.

Tuy nhiên, những năm đầu sau hoà bình lập lại, công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương của tỉnh Thái Nguyên còn bộc lộ nhiều hạn chế. Tính đến năm 1956, toàn tỉnh có 9 đại đội bộ đội địa phương, trong đó có 3 đại đội thuộc Tiểu đoàn 68; quân số mỗi đại đội có 65 cán bộ, chiến sĩ (Riêng Đại đội 32 chỉ có 32 người). Số cán bộ trung đội và đại đội đều thiếu. Mỗi đại đội thuộc Tiểu đoàn 68 có 2 cán bộ; các đại đội khác chỉ có 1 cán bộ; thậm chí có đại đội vì thiếu cán bộ, đại đội, phải điều cán bộ trung đội lên phụ trách.

Nhiệm vụ chủ yếu của bộ đội địa phương thời gian này là tuần tra canh gác, bảo vệ trật tự trị an. Tiểu đoàn 68 được điều lên Lạng Sơn làm nhiệm vụ bảo vệ tuyến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn. Nhiệm vụ gian khổ, lại xa hậu phương nên một số cán bộ, chiến sĩ muốn chuyển ngành, phục viên. Hiện tượng không thông suốt tư tưởng, lơ là học tập... đã xuất hiện trong cán bộ, cấp trung đội và tiểu đội. Nguyên nhân dẫn đến những hiện tượng trên, một phần là do các cấp lãnh đạo, chỉ huy chưa coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ. Cán bộ lãnh đạo Tỉnh đội có quan niệm chưa đúng về sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ đối với việc xây dựng lực lượng vũ trang và củng cố quốc phòng ở địa phương. Có cán bộ Ban chỉ huy Tỉnh đội, còn cho rằng việc lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang và củng cố quốc phòng là do Đảng uỷ Tỉnh đội

phụ trách, nên không chịu sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ. Ngược lại, sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ đối với cơ quan quân sự tỉnh không thường xuyên, thiếu sự chỉ đạo chặt chẽ và còn ỷ lại. Trong khi đó, ý thức xây dựng quốc phòng của nhân dân chưa được nâng cao, phần nào bị coi nhẹ; hiện tượng muốn cho con, em được giải ngũ, nghỉ ngơi còn khá phổ biến trong nhân dân.

Trước tình hình trên, để hoàn thành nhiệm vụ trong tình hình mới lãnh đạo Tỉnh đội chủ trương tăng cường giáo dục chính trị, cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trong tỉnh, giúp họ nâng cao nhận thức tình hình - nhiệm vụ, kết hợp với công tác động viên thi đua, khen thưởng qua từng đợt công tác. Thực hiện chủ trương ấy, chỉ huy các cấp đã tổ chức cho các đơn vị học tập các tài liệu về cách mạng Việt Nam, về nhiệm vụ và chức trách vinh quang của bộ đội. Cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 68 còn học tập thêm tài liệu "Chức trách vinh quang của người quân nhân cách mạng", Nghị quyết TW 8 và 9; Chính sách dân tộc, Chính sách thành lập Khu Tự trị Việt Bắc ...

Đợt học tập chính trị đã góp phần nâng cao trình độ nhận thức chính trị của cán bộ, chiến sĩ trong các đơn vị bộ đội địa phương, giúp họ làm tốt các nhiệm vụ bảo vệ đường sắt Lạng Sơn, cầu Đa Phúc, cầu Gia Bẩy, đập Thác Huống.

*
* *

Từ năm 1958, miền Bắc thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, tiểu thương và công - thương nghiệp tư bản

tư doanh... Trong khi đó, phong trào cách mạng miền Nam đang đứng trước những thử thách mới cực kỳ gay gắt.

Nhiệm vụ và yêu cầu của cách mạng cả nước đòi hỏi xây dựng quân đội “không những có một lực lượng thường trực mạnh mà phải có một lực lượng hậu bị mạnh”. Vào thời điểm này, miền Bắc bắt đầu thực hiện thí điểm chế độ nghĩa vụ quân sự. Các tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Nghệ An... bắt đầu gọi thanh niên nhập ngũ theo chế độ nghĩa vụ quân sự. Rút kinh nghiệm đợt thí điểm, tháng 4/1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký lệnh ban hành Luật nghĩa vụ quân sự thay cho chế độ tình nguyện tòng quân trước đó. Chỉ có thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự, mới có thể xây dựng được một lực lượng hậu bị lớn mạnh đã trải qua huấn luyện; đồng thời giảm bớt được số quân thường trực, tiết kiệm được nhân lực, vật lực, tăng cường xây dựng kinh tế. Thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự còn có tác dụng nâng cao ý thức quốc phòng cho toàn dân.

Năm 1958, tỉnh Thái Nguyên được Khu uỷ, Uỷ ban hành chính Khu và Quân Khu uỷ Việt Bắc giao nhiệm vụ thí điểm thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự ở các huyện miền núi. Ngày 2/5/1958, đồng chí Nguyễn Hồng An - Tỉnh đội trưởng kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh chính thức giao nhiệm vụ cho 4 huyện: Đại Từ, Định Hoá, Phú Lương và Võ Nhai tuyển từ 200 đến 250 tân binh.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, cấp uỷ Đảng chính quyền các cấp ở 4 huyện Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương, Võ Nhai đã lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc học tập Luật nghĩa

vụ quân sự cho cán bộ và các tầng lớp nhân dân. Các cấp ủy Đảng đều mở hội nghị thảo luận kế hoạch công tác, mục đích, ý nghĩa của chế độ nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy Tỉnh đội biên soạn tài liệu hướng dẫn kế hoạch thực hiện nghĩa vụ quân sự ở xã, gồm hai bước:

- Bước 1: Chuẩn bị và tổ chức học tập cho cán bộ xã, xóm; họp bàn kế hoạch trong chi uỷ, chi bộ; thành lập Ban nghĩa vụ quân sự xã.

- Bước 2: Tổ chức học tập trong nhân dân, tổ chức đăng ký và kiểm tra sức khỏe sơ bộ bằng mắt, đưa người lên Trạm khám sức khỏe, công bố quyết định quân thường trực, quân dự bị, tổ chức học tập, phát chứng minh thư cho quân dự bị và tiễn đưa tân binh.

Thông qua học tập, cán bộ, đảng viên đều hiểu rõ sự cần thiết của chính sách nghĩa vụ quân sự bắt nguồn từ tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, từ đường lối chiến tranh nhân dân và yêu cầu xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng. Ý thức xây dựng quốc phòng trong cán bộ và nhân dân được nâng lên. Vì vậy, chỉ sau 21 ngày triển khai, công tác thí điểm thực hiện nghĩa vụ quân sự ở 4 huyện đã đạt được kết quả tốt đẹp: 226 thanh niên thuộc đủ các thành phần dân tộc được tuyển chọn vào quân đội thường trực¹.

Rút kinh nghiệm từ đợt thí điểm ở 4 huyện miền núi, đầu năm 1959, tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo đăng ký toàn bộ số thanh niên từ 18 tuổi đến 25 tuổi; số quân nhân phục

1. Trong số 226 tân binh, huyện Đại Từ có 86, Phú Lương có 47, Định Hoá có 50 và Võ Nhai có 43

viên, chuyển ngành dưới 45 tuổi và số dân quân, tự vệ dưới 40 tuổi.

Ngày 16/2/1959, Tỉnh đội trưởng kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh chỉ thị và giao chỉ tiêu tuyển tân binh cho các huyện: Phú Bình, Đồng Hỷ, Phổ Yên và thị xã Thái Nguyên¹. Chỉ thị nêu rõ trong khi tuyển chọn tân binh, cần chú trọng đến dân tộc ít người để bảo đảm bình đẳng giữa các dân tộc và tạo nguồn cho cán bộ sau này; chất lượng tân binh phải có từ 40% đến 60 % đoàn viên thanh niên tự nguyện, sức khoẻ loại A1, A2 và đủ tiêu chuẩn chính trị. Chỉ thị còn nhấn mạnh việc xét duyệt tuyển quân phải thận trọng, phải nắm vững tiêu chuẩn, chính sách vận dụng phải khéo léo, linh hoạt, chiếu cố thoả đáng đến đặc điểm địa phương, tránh thành kiến, hẹp hòi.

Thực hiện chỉ thị của Quân khu, Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh tiếp tục triển khai công tác tuyển quân ở các huyện: Đại Từ, Định Hoá, Phú Lương và Võ Nhai. Bấy trạm khám sức khoẻ được thành lập ở 7 huyện (thị xã Thái Nguyên ghép vào huyện Đồng Hỷ). Được Bộ Y tế tăng cường 1 y sĩ, 1 y tá, Bệnh viện Khu và Quân khu tăng cường 1 y sĩ, Tỉnh đã thành lập Đoàn khám tuyển bao gồm các cán bộ tăng cường, 3 y tá Tỉnh đội; 1 y sĩ và 3 y tá của Ty Y tế, cùng với số y sĩ, y tá của các huyện sở tại. Các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ khám sức khoẻ tuyển quân cũng được tổ chức.

1. Cụ thể như sau: Phú Bình tuyển 170 tân binh, Đồng Hỷ 160, Phổ Yên 125 và thị xã Thái Nguyên 27.

Nhận thức được trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nhiều thanh niên nam, nữ là con em nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã hăng hái xung phong tòng quân. Giữa tháng 3/1959: 643 thanh niên có đủ tiêu chuẩn về sức khoẻ và chính trị đã được nhập ngũ.

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác tuyển quân năm 1959 còn có một số hạn chế, thiếu sót. Hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp huyện chưa coi trọng khám sơ tuyển ở xã, dẫn đến tình trạng khám qua loa, đại khái. Một số xã chưa tổ chức cho thanh niên học tập Luật nghĩa vụ quân sự trước khi vận động họ đi khám sức khoẻ. Về phía lãnh đạo, các cấp uỷ Đảng chưa chú trọng đúng mức, chưa quan tâm đến công tác quân sự địa phương.

Nhằm khắc phục những thiếu sót trên, tháng 10/1959, Tỉnh uỷ Thái Nguyên thông qua Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đối với công tác củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng hậu bị, thực hiện vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với lực lượng vũ trang. Từ đó, công tác lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang địa phương có bước chuyển biến mới.

Nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm xây dựng quân đội cho toàn dân, ngày 6/1/1960, được sự uỷ quyền của Uỷ ban hành chính tỉnh, Ban chỉ huy Tỉnh đội tổ chức Hội nghị nghĩa vụ quân sự gồm thủ trưởng các Huyện đội, lãnh đạo các Ty Bưu điện, Thủy lợi, Giao thông, Giáo dục, Tỉnh Đoàn, Phụ nữ, Thương nghiệp, Tuyên huấn, Mặt trận, Hợp tác xã. Trên cơ sở quán triệt tinh thần Chỉ thị 119 của Trung ương và Chỉ thị của Tỉnh uỷ về công tác

xây dựng lực lượng hậu bị và vấn đề tuyển quân, Hội nghị phân công: Tỉnh đội chủ trì công tác tuyển quân; các cơ quan phối hợp chặt chẽ với cơ quan quân sự làm công tác tuyển quân. Hội Phụ nữ có kế hoạch cho cơ sở tổ chức chị em học tập Luật nghĩa vụ quân sự để xác định trách nhiệm động viên chồng, con, anh, em tham gia lực lượng dân quân, tự vệ và tòng quân bổ sung lực lượng cho quân thường trực. Quân y phối hợp với y tế tổ chức khám tuyển chặt chẽ. Ty Giao thông đảm bảo phương tiện xe và người lái tốt để vận chuyển tân binh nhanh, gọn và an toàn.

Tiếp theo Hội nghị nghĩa vụ quân sự, Đảng uỷ Tỉnh đội triệu tập Hội nghị mở rộng tới các trưởng ban và một số cán bộ liên quan nhằm quán triệt chủ trương và bàn biện pháp tổ chức thực hiện. Hội nghị khẳng định công tác tuyển quân là nhiệm vụ hàng đầu, phải tập trung mọi khả năng, phương tiện để bảo đảm yêu cầu và đúng thời gian quy định. Các huyện và các xã cũng lần lượt mở Hội nghị học tập Chỉ thị 119 của Trung ương và Chỉ thị của Tỉnh uỷ về công tác tuyển quân.

Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nên thanh niên trong tỉnh hăng hái xung phong tòng quân. Nhiều điển hình tốt xuất hiện. Xã Động Đạt (huyện Phú Lương) được giao chỉ tiêu tuyển 10 tân binh, nhưng có 40 người xung phong. Xã Phú Đô (huyện Phú Lương) chủ yếu là đồng bào dân tộc Cao Lan, Sán Chí, cũng có 7 thanh niên xung phong nhập ngũ trong khi chỉ tiêu trên giao chỉ có 3 người. Gia đình cụ Lê Văn Hưng (một gia đình liệt sĩ ở phố Gia Bẩy, thị xã Thái Nguyên) có 3 con

đang tại ngũ, cũng xung phong cho tiếp một người con thứ tư tòng quân v.v.

Đầu tháng 4/1960, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra chỉ thị về công tác củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng hậu bị, trong đó nêu rõ: Phải đặt công tác quân sự vào trong chương trình hoạt động của các cấp uỷ; phải phân công cấp uỷ viên phụ trách công tác quân sự; nâng cao yêu cầu công tác huấn luyện quân sự cho lực lượng hậu bị... nhằm đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các cấp uỷ Đảng và Ban chỉ huy quân sự các cấp trong tỉnh đã xây dựng kế hoạch và biện pháp triển khai công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ và chiến sĩ. Các đơn vị bộ đội được tổ chức học tập các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Khu uỷ và Tỉnh uỷ; đồng thời cử cán bộ, chiến sĩ xuống cơ sở trực tiếp tham gia các hoạt động xây dựng kinh tế, văn hoá, xã hội. Thông qua học tập và hoạt động thực tiễn, cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương ngày càng nhận thức rõ tình hình, nhiệm vụ cách mạng nói chung và quân đội nói riêng.

Ban chỉ huy tỉnh đội Thái Nguyên đặc biệt coi trọng việc giáo dục cho cán bộ và chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương nắm vững đường lối, chủ trương chung của Đảng cũng như đường lối và phương châm xây dựng quân đội, nhất là việc nâng cao ý thức tổ chức, kỉ luật và trình độ văn hoá, nắm vững khoa học kĩ thuật quân sự tiên tiến.

Theo hướng chỉ đạo của Ban chỉ huy Tỉnh đội, Ban chỉ huy các Huyện đội, Thị đội thường xuyên chú trọng bồi dưỡng cho cán bộ xã đội, trung đội, đại đội dân quân, tự

vệ về chức trách và nhiệm vụ công tác chính trị trong huấn luyện quân sự cho lực lượng vũ trang địa phương. Ở nhiều nơi, Chính trị viên xã đội, đại đội cùng với cấp uỷ bàn bạc thống nhất biện pháp tổ chức huấn luyện cho dân quân, tự vệ và quân dự bị.

Tuy có những bước chuyển biến mới, song công tác chính trị trong huấn luyện quân hậu bị còn nhiều mặt hạn chế. Chính trị viên phó xã đội và Chính trị viên trung đội còn yếu về nghiệp vụ. Nhiều cán bộ quân sự trực tiếp làm nhiệm vụ huấn luyện chưa được bồi dưỡng về công tác chính trị.

Để nâng cao trình độ của cán bộ và chiến sĩ trong việc sử dụng vũ khí hiện đại, những tri thức khoa học quân sự tiên tiến, cũng như trình độ chỉ huy và trình độ tác chiến, nhiều cán bộ chỉ huy các cấp trong tỉnh được cử đi đào tạo, bồi dưỡng tại các trường quân sự, chính trị của Bộ và Quân khu. Cán bộ đơn vị bộ đội địa phương cũng lần lượt thay phiên nhau tham dự các khoá huấn luyện quân sự chính quy. Thông qua các khoá huấn luyện, kỹ thuật bắn súng, động tác chiến đấu cá nhân, chiến thuật phân đội nhỏ (tiểu đội, trung đội, đại đội) của cán bộ, chiến sĩ được nâng lên rõ rệt. Vũ khí trang bị của các đơn vị bộ đội địa phương cũng được đổi mới.

Với những thành tích đạt được, trong hai năm liên (1962 - 1963), Thái Nguyên đã được nhận cờ thưởng luân lưu "Đơn vị khá nhất" của Quân khu Việt Bắc.

Để chuẩn bị cho công tác tuyển quân năm 1964, ngay từ cuối năm 1963, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã mở cuộc hội

nghị, bàn phương hướng, nội dung và nhiệm vụ công tác tuyển quân năm 1964. Hội nghị chỉ rõ: “Để đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn của chiến trường, năm 1964 sẽ tuyển gấp rưỡi, gấp đôi quân số của các đợt tân binh năm 1963 gộp lại và sẽ lấy nhiều đợt trong năm, chứ không lấy gọn”. Ngoài ra, do yêu cầu của chiến trường, Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh sẽ còn lấy quân đợt xuất, không nằm trong kế hoạch của tỉnh.

Ban chỉ huy Tỉnh đội phối hợp với Ty Y tế chỉ đạo các huyện tổ chức điều trị một số bệnh thông thường cho những người trong độ tuổi tuyển quân (từ 17 tuổi 25 tuổi); chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức khám sức khỏe và xét duyệt chính trị, tổ chức tuyên truyền, giáo dục Luật nghĩa vụ quân sự trong nhân dân và thanh niên.

Đầu tháng 2/1964, huyện Đại Từ tổ chức thí điểm điều tra công tác đăng ký tuyển quân ở các xã An Khánh, Cù Vân, Phục Linh, Hà Thượng, Hùng Sơn, Tân Thái, Lục Ba, Mỏ than Làng Cẩm và Đoàn địa chất 12. Qua điều tra, số thanh niên đăng ký tuyển quân đạt 100% và đã có 404 trong tổng số 461 quân nhân phục viên chuyển ngành vào dân quân (chiếm 87,63%).

Ngày 17/11/1964, Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh mở Hội nghị tổng kết công tác tuyển quân năm 1964, đồng thời đề ra một số công tác lớn nhằm thực hiện nhiệm vụ tuyển quân năm 1965. Hội nghị quyết định thành lập Đoàn khám tuyển tân binh năm 1965 gồm 19 đồng chí do bác sĩ Nguyễn Văn Nam (Phòng Y tế Võ Nhai) làm Trưởng đoàn, đồng chí Dương Văn Cước (Trưởng tiểu ban

động viên thuộc Ban Tham mưu Tỉnh đội) làm Chính trị viên và hai đồng chí: Trần Minh Đức (y sĩ ty Y tế), Nguyễn Văn Định (y sĩ Tỉnh đội) làm Phó đoàn.

Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh khẳng định: Công tác xây dựng lực lượng hậu bị năm 1964 đã đạt nhiều thành tích lớn về các mặt, đặc biệt là công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu có chuyển biến mạnh về chiều sâu. Tuy nhiên, trong công tác tuyển quân, các huyện Phú Bình, Đại Từ, Đông Hỷ không đạt chỉ tiêu (các huyện khác đều đạt và vượt). Ở hầu hết các huyện (trừ huyện Phú Bình) đều có hiện tượng chống lệnh, giữ chồng, con, em ở lại. Đó là một hiện tượng không lành mạnh. Đối với công tác tuyển quân năm 1965, Hội đồng đề ra một số yêu cầu cụ thể:

+ Bảo đảm đầy đủ quân số, chất lượng tốt, chỉ tiêu chính xác, thực hiện đúng tỷ lệ tuyển lựa.

+ Xoá bỏ các hiện tượng: đào ngũ, trốn tránh, kháng lệnh, giữ chồng, con, em ở nhà.

+ Vận dụng chính sách miễn, hoãn cho tốt, không để chính trị phạm lọt lưới vào quân thường trực ngắm ngắm phá hoại.

Để đạt được những yêu cầu trên, Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh chỉ đạo:

- Ngành công an chịu trách nhiệm xét duyệt tiêu chuẩn chính trị.

- Ngành Y tế bảo đảm khâu khám tuyển.

- Ngành Giao thông, Bưu điện bảo đảm việc giao thông liên lạc, vận chuyển tân binh theo yêu cầu.

- Kết hợp chặt chẽ các đoàn thể Mặt trận, Thanh niên, Phụ nữ.

- Ngành Lương thực, Thực phẩm bảo đảm cơ sở vật chất.

- Tỉnh đội, Huyện đội là cơ quan tham mưu.

Nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời và có những biện pháp cụ thể, công tác tuyển quân năm 1965 đạt kết quả tốt. Việc tổ chức khám sức khoẻ ở các huyện đều đảm bảo chỉ tiêu (riêng huyện Võ Nhai mới đạt 42%). Toàn tỉnh đã tuyển được 536 thanh niên đủ tiêu chuẩn nhập ngũ (thiếu 12 chỉ tiêu do Trung đoàn 210 chưa nhận), trong đó có 25 đảng viên, 339 đoàn viên, 28 người có trình độ văn hoá cấp III và 256 người có trình độ văn hoá cấp II.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đầu năm 1965, Thái Nguyên đã điều động gần 150 cán bộ dự bị vào quân thường trực. Ngày 21/5/1965, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp rút kinh nghiệm đợt 1 thực hiện Chỉ thị điều động cán bộ dự bị vào quân đội. Hội nghị khẳng định các cấp uỷ Đảng, chính quyền và các ngành đã nhận rõ tính cấp bách của việc xây dựng quân đội trong tình hình hiện tại, do đó đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ điều động cán bộ dự bị vào quân đội. Công tác xét duyệt, tuyển cán bộ vào quân đội, gọi cán bộ tái ngũ được thực hiện tốt. Tuyệt đại đa số cán bộ được điều động vào quân đội đều phấn khởi nhận nhiệm vụ. Tuy nhiên, việc vận dụng tiêu chuẩn có nơi còn lúng

túng, thiếu linh hoạt, đưa người không đủ tiêu chuẩn sức khoẻ vào quân đội. Một số ít cán bộ vào quân đội chưa thực sự yên tâm. Một số cơ quan tìm cách giữ người tốt, đưa người không đủ điều kiện vào quân đội...

Trên cơ sở phân tích, đánh giá những ưu, khuyết điểm của đợt 1, Hội nghị đã vạch ra kế hoạch thực hiện đợt 2 điều động cán bộ dự bị vào quân đội.

Ngày 4/6/1965, Đại đội 73 của tỉnh Thái Nguyên được thành lập theo quyết định ngày 22/5/1965 của Quân khu Việt Bắc. Thượng úy Nguyễn Văn Các được bổ nhiệm làm Đại đội trưởng, thiếu úy Nguyễn Ngọc Long làm Đại đội phó và thiếu úy Ma Văn Viên làm Quyền Chính trị viên trưởng. Đại diện Tỉnh uỷ và Uỷ ban hành chính tỉnh trao cho cán bộ, chiến sĩ Đại đội 73 lá cờ thêu dòng chữ "Thái Nguyên anh dũng". Lúc mới thành lập, Đại đội 73 có 111 cán bộ và chiến sĩ thuộc 8 dân tộc anh em. Hầu hết cán bộ từ tiểu đội phó trở lên đều là quân nhân tái ngũ, số ít nhập ngũ theo chế độ nghĩa vụ quân sự đã trải qua từ 3 đến 4 năm tuổi quân, nên ít nhiều có kinh nghiệm tổ chức, chỉ huy, quản lý bộ đội. Đại đội 73 được biên chế thành 3 trung đội và 1 tiểu đội, trang bị súng bộ binh, trong đó có 3 súng đại liên.

Thực hiện Quyết định số 410/QĐ ngày 25/4/1959 của Bộ Quốc phòng, ngày 13/1/1960, tại khu H.32 (một địa điểm nằm trên đường từ Thái Nguyên đi xã Khe Mo, huyện Đông Hi), Trung đoàn pháo cao xạ 210 - trực thuộc Bộ Tư lệnh Phòng không - được thành lập). Theo Mệnh lệnh số 2228/B1 - TC của Bộ Tư lệnh Phòng không về việc triển khai phòng ngự yếu địa Thái Nguyên, Trung đoàn 210 có nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu chủ yếu là Khu gang

thép Thái Nguyên; ngoài ra còn bảo các cơ quan Dân - Chính - Đảng Khu Tự trị Việt Bắc. Lúc mới thành lập, Trung đoàn 210 có 3 đại đội pháo cao xạ 90mm, 2 đại đội pháo cao xạ 57mm và 1 tiểu đoàn pháo cao xạ 37mm. Từ ngày 6 đến ngày 17/1/1961, Trung đoàn 210 tham gia diễn tập "Chống, đánh địch tăng cường trinh sát, khiêu khích gây tình hình căng thẳng" do Bộ Tư lệnh Phòng không tổ chức.

Được học tập các điều lệnh nội vụ, đội ngũ, cảnh bị và kỉ luật quân đội, mọi mặt sinh hoạt, công tác và luyện tập chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 210 dần dần đi vào nền nếp chính quy và thống nhất. Bản chất tốt đẹp của "Anh bộ đội Cụ Hồ" ngày càng được phát huy, gây ảnh hưởng tốt trong nhân dân.

*

* *

Song song với việc xây dựng quân đội thường trực, các cấp lãnh đạo, chỉ đạo tỉnh Thái Nguyên rất quan tâm xây dựng và củng cố lực lượng dân quân, tự vệ.

Trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, dân quân, tự vệ là lực lượng chiến lược, không chỉ đóng vai trò trực tiếp sản xuất, xây dựng kinh tế, bảo vệ trật tự, trị an xã hội ở địa phương, mà còn là lực lượng chiến đấu, phối hợp đặc lực và là nguồn bổ sung không bao giờ cạn cho lực lượng thường trực.

Ngay sau khi hoà bình lập lại, Tỉnh uỷ Thái Nguyên đã có những nghị quyết quan trọng về việc đẩy mạnh

củng cố dân quân, du kích, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ xã đội, coi đó là một trong những nhiệm vụ thường xuyên của các cấp uỷ, các Ban chỉ huy Huyện đội và Thị đội. Trong năm 1955, lãnh đạo tỉnh đã triệu tập 4 cuộc hội nghị cán bộ các huyện và xã để rút kinh nghiệm xây dựng chương trình, kế hoạch củng cố lực lượng bán vũ trang, kinh nghiệm phối hợp giữa Huyện đội, Thị đội với các ngành, các giới trong công tác xây dựng dân quân. Cũng trong năm 1955, tỉnh còn tổ chức bồi dưỡng cho 140 cán bộ xã đội trưởng, xã đội phó, khắc phục được một phần tư tưởng cầu an, mất cảnh giác.

Từ ngày 17 đến ngày 21/9/1956, Liên khu Việt Bắc tổ chức Hội nghị dân quân toàn Liên khu để bàn về công tác trị an và quyết định giao cho lực lượng dân quân làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ sản xuất ở cơ sở.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Liên khu, Tỉnh đội Thái Nguyên tổ chức học tập cho 38 cán bộ chỉ huy và cán sự các Huyện đội (có đại biểu ngành Công an tham dự) nhằm làm rõ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của lực lượng dân quân trong công tác bảo vệ trật tự trị an. Ban chỉ huy Tỉnh đội phối hợp Công an tỉnh trình lên Uỷ ban hành chính tỉnh bản quy định về nhiệm vụ và ranh giới của công an và du kích trong công tác giữ gìn trật tự trị an. Chế độ đãi thọ cho dân quân, du kích làm nhiệm vụ canh gác cũng được nâng từ 1,2 kg gạo lên 1,8 đến 2 kg gạo một ngày.

Nhờ những biện pháp tích cực trên, các biểu hiện lệch lạc, sai trái trong nhận thức cũng như trong việc điều động dân quân, du kích làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự trị

an từng bước được khắc phục. Sau sửa sai cải cách ruộng đất, phong trào dân quân Thái Nguyên đi dần vào thế ổn định. Đặc biệt ở 4 huyện miền núi (Đại Từ, Định Hoá, Phú Lương, Võ Nhai), sau đợt thí điểm thực hiện nghĩa vụ quân sự, lực lượng dân quân được củng cố; ý thức quốc phòng được nâng lên. Những nơi có các kho tàng, đường giao thông quan trọng, đều có lực lượng dân quân tuần tra, canh gác, bảo vệ.

Sau ngày bầu cử cấp uỷ, từ cuối năm 1958, Tỉnh đội chỉ đạo các huyện củng cố bộ máy các Ban chỉ huy Xã đội. Đối với các huyện miền núi, tỉnh chủ trương tiếp tục tổ chức đăng kí dân quân, phân loại dân quân 1, dân quân 2 và biên chế thành các tiểu đội, trung đội cho thích hợp. Đối với thị xã Thái Nguyên và 3 huyện Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên, tỉnh chủ trương tăng cường giáo dục, đăng kí, biên chế thành các tiểu đội, trung đội trực thuộc xã đội. Tháng 6/1959, tỉnh lại tiếp tục mở một lớp huấn luyện quân sự cho cán bộ Xã đội và trung đội tự vệ để làm giáo viên huấn luyện quân sự ở xã. Xã Thượng Đình (Phú Bình) được chọn làm thí điểm huấn luyện cho dân quân, tự vệ, đã có 56,27% cán bộ xã đội, 54,22% cán bộ trung đội và 33% cán bộ tiểu đội được tham gia huấn luyện.

Để nâng cao chất lượng cán bộ dân quân, tự vệ, các cấp uỷ viên và những quân nhân phục viên có khả năng, có uy tín được phân công phụ trách Xã đội. Tính đến năm 1959, toàn tỉnh có 275 trong tổng số 511 cán bộ Xã đội là quân nhân phục viên (chiếm 53,81%). Mặc dù vậy, tình trạng cấp uỷ viên không muốn tham gia phụ trách Xã đội

vẫn còn phổ biến. Một số huyện mới được 1/3 số xã có chi uỷ viên phụ trách Xã đội. Có nơi, chi uỷ viên được đưa sang phụ trách Xã đội, nhưng lại kiêm nhiệm quá nhiều công việc khác nên ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo quân sự của các cấp. Một số nơi không đưa phân quân sự vào chương trình công tác của cấp uỷ... Nhằm khắc phục tình trạng đó, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra chỉ thị nhấn mạnh việc phân công cấp uỷ trực tiếp phụ trách công tác quân sự; chi bộ xã và xí nghiệp phải cử đảng viên làm chính trị viên trung đội dân quân, tự vệ; những nơi nào có cán bộ quân sự phải kiêm nhiệm quá nhiều công việc thì cấp uỷ phải xem xét và giảm bớt công tác khác để không ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo quân sự của Đảng; trong thời gian trước mắt, các cấp uỷ và chi bộ cần lãnh đạo phong trào “Ba tốt”¹ trong dân quân, tự vệ do Tỉnh đội phát động.

Năm 1961, Tỉnh uỷ ra: “Chỉ thị tăng cường lãnh đạo cuộc vận động xây dựng dân quân, tự vệ và quân dự bị”, chỉ rõ 4 nội dung:

- Xây dựng tổ chức, rèn luyện kỉ luật.
- Sẵn sàng chiến đấu, giữ gìn trị an và phòng gian bảo mật.
- Chấp hành điều lệ, chế độ quy định.
- Lao động sản xuất và tiết kiệm.

1. “Ba tốt”: Lao động sản xuất tập thể tốt; Học tập chính trị - quân sự tốt; Trị an phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu tốt.

Bốn nội dung trên nhằm động viên mọi nhân tố tích cực của dân quân, tự vệ và quân dự bị, đồng thời quán triệt 4 quan điểm đã được bồi dưỡng trong đợt chỉnh huấn vào việc xây dựng dân quân, tự vệ và quân dự bị. Trên cơ sở đó, sẽ tạo nên khí thế mới trong phong trào xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ vững mạnh, có kỹ thuật, chiến thuật tốt đủ khả năng bảo vệ địa phương, bổ sung quân thường trực, sẵn sàng chiến đấu, tiên tiến trong lao động sản xuất và hoàn thành tốt mọi công tác.

Được sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, từ những năm 1960 - 1961, vai trò lãnh đạo của các cấp bộ Đảng đối với phong trào dân quân, tự vệ có bước phát triển mới. Tính đến năm 1964, hầu hết các đơn vị dân quân, tự vệ đều có cấp uỷ viên, đảng viên tham gia. Ở các xã xung yếu, 100% đơn vị dân quân, tự vệ có chi uỷ viên trực tiếp làm chính trị viên hoặc trung đội trưởng. Cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ xung phong đi đầu trong lao động sản xuất, hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ trật tự trị an ở địa phương. Công tác huấn luyện dân quân, tự vệ trong tỉnh được duy trì thường xuyên. Trong những năm 1960 - 1964, quân số tham gia huấn luyện đều tăng, có năm vượt chỉ tiêu quy định. Chất lượng huấn luyện trong mỗi đợt được nâng cao hơn trước.

Đánh giá phong trào dân quân, tự vệ của địa phương trong hai năm (1962 - 1963), Ban Thường vụ Tỉnh uỷ nêu rõ: "Năm 1962, tỉnh ta có nhiều cố gắng đưa phong trào dân quân, tự vệ từ một tỉnh thuộc loại kém trở thành một tỉnh khá trong toàn Quân khu và hiện nay đang là một

tỉnh có phong trào dân quân, tự vệ dẫn đầu trong Khu tự trị Việt Bắc”.

Nhằm giữ vững và nâng cao chất lượng phong trào dân quân, tự vệ, ngày 10/3/1964, Tỉnh uỷ ra nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ quân sự, trong đó nêu rõ “Phải tiếp tục xây dựng lực lượng hậu bị, dân quân, tự vệ lớn mạnh cả về ba mặt tinh thần, tổ chức và trình độ kĩ, chiến thuật, cũng như về tinh thần lao động sản xuất nhằm đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trước mắt và lâu dài”; “Nâng cao hơn nữa trình độ giác ngộ chính trị, tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cho lực lượng hậu bị và toàn dân, kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế và quốc phòng để hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ chiến đấu và sản xuất”.

Theo phương hướng đó, từ năm 1964, công tác giáo dục chính trị được các cấp uỷ Đảng, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp quan tâm đẩy mạnh, nhằm vạch rõ âm mưu, thủ đoạn phá hoại của địch và nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cho các lực lượng vũ trang địa phương. Tỷ lệ cán bộ chính trị được học tập tăng từ 137% (năm 1963) lên 165,2% (năm 1965). Tỉnh tổ chức phổ biến thời sự, giáo dục chính trị cho 41.180 lượt cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ. Nhiều xã vùng xung yếu ở các huyện Đại Từ, Phổ Yên, Phú Bình, Đông Hỷ được tổ chức diễn tập sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức dân quân, tự vệ được củng cố, kiện toàn một bước. Nhiều đồng chí trong cấp uỷ được cử sang phụ trách Xã đội. Những người không đủ tiêu chuẩn được đưa ra khỏi lực lượng dân quân, tự vệ. Tính đến năm 1964, toàn tỉnh có 100% cơ sở

dân quân, tự vệ có cấp uỷ phụ trách. Ở các vùng xung yếu: Dân Tiến, Hoà Bình (Võ Nhai), Bảo Linh (Định Hoá), Thành Công (Phổ Yên), Quang Trung (Đồng Hỷ), phong trào dân quân, tự vệ chuyển từ yếu lên khá. Tuyệt đại đa số cán bộ Xã đội và cán bộ chỉ huy dân quân, tự vệ đều được tham gia huấn luyện, bồi dưỡng.

Để đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu trong những năm trước mắt, từ năm 1964, Tỉnh đội, Huyện đội phân công cán bộ tổ chức lại hệ thống trình sát, quân báo. Mạng lưới quân báo được tổ chức ở 112 xã trong tổng số 151 xã. Các huyện Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phú Bình còn mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 113 quân báo viên ở 50 xã. Dân quân ở một số xã thực hiện “Bốn có” (Báo động có vũ khí, có dây thừng, có gạo, có ống đựng nước). Nhiều xã trong một số huyện có phong trào sắm và sử dụng vũ khí thô sơ...

Những hoạt động kể trên có tác dụng rất lớn trong việc giáo dục ý thức cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cho dân quân, tự vệ và nhân dân. Phong trào dân quân, tự vệ có những bước phát triển mạnh mẽ hơn trước. Nếu trong năm 1963, toàn tỉnh chỉ có 6 đơn vị đăng kí phấn đấu trở thành “Đơn vị quyết thắng”, thì năm 1964 đã có 287 đơn vị đăng kí trở thành “Đơn vị tiên tiến” và “Đơn vị quyết thắng”. Trong số này, Trung đội nữ dân quân làng Vo và Trung đội nam dân quân Việt Lương (Phú Bình) được Quân khu Việt Bắc tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”.

Bước vào năm 1965, qua cuộc vận động thống nhất lực lượng dân quân, tự vệ, quân dự bị, tổ chức dân quân, tự

vệ được củng cố vững chắc hơn. Các huyện Định Hoá, Phú Bình, Phổ Yên, Đông Hi... còn thành lập được các đội “Bạch đầu quân”. Hầu hết ở các xã, lực lượng dân quân đều có cấp uỷ phụ trách. Số lượng dân quân, tự vệ năm 1965 tăng 12,4% so với năm 1964 và chiếm 9,34% dân số toàn tỉnh. Cùng thời gian này, phong trào tình nguyện đi chiến đấu, phong trào “Ba sẵn sàng”, “Ba đảm đang”, v.v... diễn ra sôi nổi, nhất là trong thanh niên. Trên 130000 dân quân, tự vệ, thanh niên ghi tên đăng kí “Ba sẵn sàng”; trên 70000 người viết đơn tình nguyện xin đi chiến đấu. Ý thức xây dựng quân đội ngày càng được thể hiện rõ trong toàn dân.

Sự vững mạnh về mọi mặt của lực lượng vũ trang địa phương cũng như việc nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng trong nhân dân các dân tộc là một trong những nhân tố quan trọng giúp cho Thái Nguyên đập tan các tổ chức phản động, giữ vững trật tự trị an, sẵn sàng chiến đấu.

*

* *

Từ cuối năm 1954, địch thường tung tay chân vào các công xưởng, nhà máy của ta để phá hoại. Riêng Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, trong năm 1955 đã xảy ra 4 vụ địch hoạt động phá hoại. Tại mỏ than Lam Sơn thường xuyên có hiện tượng ăn cắp và gây cháy, làm thiệt hại đến sản xuất. Ở một vài nơi, bọn phản động đội lốt tôn giáo tung tay chân đi vào giáo dân tuyên truyền, xuyên tạc đường

lối, chính sách của Đảng và Chính phủ. Nguy hiểm hơn là các tổ chức chính trị phản động “Nhất tâm dân tộc”, “Hoà bình tối mật” xuất hiện ở một vài huyện trong tỉnh.

Trước tình hình trên, một mặt Đảng bộ và chính quyền các cấp tăng cường giáo dục quần chúng nâng cao tinh thần cảnh giác, mặt khác dựa vào lực lượng dân quân, tự vệ và công an phối hợp với nhân dân địa phương vây bắt và trừng trị những tên đầu sỏ.

Tháng 1/1955, sau khi nhận được chỉ thị của Trung ương, tỉnh Thái Nguyên đã triệu tập 130 cán bộ học tập và thảo luận kế hoạch chống di cư; đồng thời tập trung 25 cán bộ, tổ chức thành 8 đội cùng với 1 đội tuyên truyền, đi xuống các xã có địch hoạt động, phát động quần chúng đấu tranh chống âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai. Gần 3300 cán bộ, trên 32300 quần chúng thuộc 66 xã, thị trấn được tổ chức học tập về tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, về chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng và Chính phủ. Nhờ đó, nhân dân đã tích cực phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương ngăn chặn được các âm mưu, hành động chống phá của địch.

Thực hiện Nghị quyết 39 và Chỉ thị 40 của Trung ương Đảng, từ năm 1961, tỉnh Thái Nguyên bắt đầu khoanh vùng trấn áp bọn phản cách mạng ở 11 xã. Sang năm 1962, Tỉnh uỷ ra Nghị quyết 18 nhằm đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết 39 của Trung ương. Đến năm 1963, Thái Nguyên đã hoàn thành cuộc phát động phong trào bảo vệ trị an. Từ đó trở đi, phong trào được tiến hành thường xuyên theo 7 nội dung bảo vệ trị an và 4 tiêu

chuẩn đơn vị khá; xử trí các phần tử phá hoại, làm trong sạch địa bàn. Từ năm 1961 đến năm 1965, tỉnh Thái Nguyên củng cố được 29 xã yếu thành 18 xã khá, 11 xã trung bình.

Thông qua các đợt củng cố vùng xung yếu, tư tưởng cán bộ và quần chúng được phát động, ý thức làm chủ và tinh thần cảnh giác cách mạng trong cán bộ và nhân dân được nâng cao; trách nhiệm bảo vệ cơ quan, bảo vệ nội bộ trong cán bộ, công nhân viên chức cũng như ý thức về nghĩa vụ quốc phòng toàn dân tăng lên rõ rệt. Tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng được kiện toàn vững chắc. Đội ngũ cán bộ các dân tộc ngày thêm trưởng thành. Lực lượng dân quân, tự vệ và công an vũ trang nhân dân ngày càng lớn mạnh về nhiều mặt, có đủ khả năng bảo vệ địa phương và sẵn sàng chiến đấu.

Trong khi đó, tại miền Nam, đế quốc Mỹ đã bị quân và dân ta giáng những đòn mạnh mẽ, mở đầu bằng phong trào đồng khởi 1959 - 1960. Từng mảng cơ sở ngụy quyền ở thôn, xã bị sụp đổ; chính quyền cách mạng được thành lập. Cách mạng miền Nam nhanh chóng phát triển thành cuộc chiến tranh cách mạng ngày càng rộng khắp. Từ năm 1964, chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ đứng trước nguy cơ phá sản hoàn toàn.

Nhằm cứu vãn tình thế thất bại trên chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ và tay sai tăng cường các hoạt động khiêu khích, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta. Chúng liên tiếp tung biệt kích, gián điệp và do thám bằng máy bay đối với miền Bắc.

Thái Nguyên là một tỉnh được Trung ương Đảng và Chính phủ chọn làm địa bàn xây dựng nhiều cơ sở kinh tế và quốc phòng quan trọng. Đó là Khu liên hiệp gang thép Thái Nguyên - một cơ sở công nghiệp luyện kim đầu tiên của miền Bắc; là hệ thống các nhà máy (Z) chuyên sản xuất, sửa chữa vũ khí và máy móc quốc phòng. Thái Nguyên cũng là thủ phủ, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự của Khu tự trị Việt Bắc.

Nhận rõ vị trí quan trọng có ý nghĩa chiến lược của tỉnh Thái Nguyên, năm 1964 đế quốc Mỹ đã cho 25 lần tốp máy bay vào hoạt động trinh sát trên không phận tỉnh. Từ năm 1965, hoạt động do thám của máy bay Mỹ ngày càng tăng. Chỉ trong 9 tháng đầu năm 1965, đế quốc Mỹ đã cho 221 lần tốp máy bay theo hai hướng chính : Tây - Tây Bắc và Đông - Đông Bắc vào trinh sát trên không phận các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Võ Nhai, Phú Lương, Đông Hỷ, Định Hoá, thành phố Thái Nguyên.

Để chủ động đối phó với mọi tình huống có thể xảy ra, tỉnh uỷ Thái Nguyên chỉ thị các huyện, thành, cơ quan, xí nghiệp phải đặt việc đề phòng âm mưu, hành động khiêu khích, phá hoại của địch thành một trong những nội dung công tác thường xuyên.

Ngày 30/7/1964, Tỉnh uỷ ra chỉ thị nêu rõ: "Các huyện và thành phố Thái Nguyên phải đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, phòng, chống gián điệp biệt kích và tổ chức

bảo vệ chặt chẽ các cơ sở quốc phòng và các công trình xây dựng kinh tế ở địa phương; các cơ quan, xí nghiệp phải tăng cường công tác phòng không nhân dân... Các cấp uỷ Đảng phải nắm vững lực lượng quân sự ở địa phương, phải củng cố và tăng cường các tổ chức công an, dân quân địa phương, giáo dục cho anh em tinh thần sẵn sàng chiến đấu và dũng cảm chiến đấu, truy lùng và tiêu diệt bằng được bọn gián điệp, biệt kích khi chúng xâm nhập vào địa phương; lãnh đạo chặt chẽ kế hoạch phối hợp giữa công an và dân quân trong công tác bảo vệ trị an lúc bình thường cũng như khi có tình hình đột xuất xảy ra". Tỉnh uỷ còn yêu cầu các địa phương phải tổ chức cho các xã, nhất là các xã vùng xung yếu, tiếp tục và lần lượt thực tập phương án phòng, chống gián điệp, biệt kích theo từng bước từ thấp đến cao.

Song song với cuộc vận động bảo vệ trị an được phát động rộng rãi ở các cơ sở, công tác phòng không nhân dân cũng được xúc tiến khẩn trương.

Trong 6 tháng đầu năm 1964, các kho tàng, tài liệu quan trọng cũng như chất nổ, chất cháy được chuyển ra khỏi thành phố Thái Nguyên. Các đội phòng cháy, chống cháy, cứu thương, các tổ sản máy bay bay thấp được thành lập. Hầu hết các nơi trong tỉnh đều xây dựng lại các mạng lưới thông tin báo động phòng không. Nhiều nơi tổ chức các trạm quan sát, theo dõi máy bay địch và thống nhất hiệu lệnh báo động dây chuyền, hiệu lệnh huy động lực lượng khi có gián điệp, biệt kích. Tỉnh uỷ cùng

với một số ngành chuyên trách chỉ đạo tốt các cuộc diễn tập phòng không nhân dân ở khu bắc, trung tâm và khu vực phía nam thành phố Thái Nguyên.

Đầu năm 1965, Tỉnh uỷ Thái Nguyên họp với đại diện Tỉnh đội và lãnh đạo, các ty Thương nghiệp, Lương thực, Công an, Y tế bàn biện pháp tăng cường các tổ chức chỉ huy, xây dựng hệ thống hầm, hào phòng, tránh, thông tin liên lạc và vạch kế hoạch sơ tán, bảo vệ các tài sản quan trọng.

Để chuẩn bị cho diễn tập phòng không theo mệnh lệnh của Khu vào trung tuần tháng 2/1965, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chủ trương cho sơ tán người già, trẻ em và chuyển các chất nổ, chất cháy ra khỏi phạm vi thành phố Thái Nguyên, huy động học sinh, thanh niên mở rộng hệ thống công sự, hầm, hào. Tiếp đó, ngày 8/7/1965, Uỷ ban hành chính tỉnh ra chỉ thị nêu rõ những biện pháp cơ bản thực hiện phòng không nhân dân. Căn cứ vào tình hình thực tế, Uỷ ban hành chính tỉnh chia Thái Nguyên làm hai vùng: Vùng ở trạng thái bị uy hiếp (có thể địch bắn phá) gồm thành phố Thái Nguyên và các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ, các thị trấn, các chợ; và vùng ở trạng thái phòng thủ. Trên cơ sở đó, Uỷ ban hành chính tỉnh đề ra nhiệm vụ cho vùng trạng thái bị uy hiếp "phải chuẩn bị thật khẩn trương, chu đáo để chiến đấu, sản xuất tốt và lâu dài, kết hợp việc đào đắp công sự, che chắn kho tàng với việc sơ tán, phân tán, bảo đảm sản xuất, công tác và các hoạt động khác".

“Các cơ quan, xí nghiệp, trường học di chuyển khỏi thành phố Thái Nguyên. Các đơn vị, bộ phận có thể di chuyển mà vẫn hoạt động được, không ảnh hưởng lớn đến công tác, sản xuất và học tập.

Các bộ phận được phân công ở lại phải nhẹ nhàng, có hầm trú ẩn chắc chắn, có giao thông hào che chắn những bộ phận thiết yếu, chuẩn bị sẵn địa điểm, kế hoạch, phương tiện để di chuyển nhanh chóng khi cần thiết. Các kho tàng, hiện vật bảo tàng, tài liệu lưu trữ chỉ để lại những thứ cần thiết cho sản xuất và công tác, cho sinh hoạt, còn thì phân tán theo quy hoạch lâu dài...

... Các hệ thống quan sát, thông tin báo động, lực lượng xung kích phòng không, tổ chức chỉ huy phòng không đều phải được củng cố, bảo đảm việc chỉ huy được mau lẹ, thông suốt. Tăng cường luyện tập và thực tập về phòng không. Có trận địa bắn máy bay cho dân quân, tự vệ.

... Vận động nhân dân sơ tán lâu dài, vững chắc, bảo đảm người lớn có công ăn việc làm, trẻ em có nơi ăn học...”¹.

Đối với vùng trạng thái phòng thủ, Ủy ban hành chính tỉnh nhấn mạnh: “Yêu cầu chung là bảo đảm hầm hố trú ẩn đầy đủ, vững chắc, bảo đảm sản xuất, công tác và sinh

1. Chỉ thị về những biện pháp cơ bản của phòng không nhân dân - UBHC tỉnh Bắc Thái - Số 01/NC - 8/7/1965, tr.1, 2.

hoạt bình thường. Các địa phương cần tổ chức đón tiếp giúp đỡ đồng bào sơ tán để đồng bào yên tâm sản xuất...”¹.

Nhờ có sự lãnh đạo chặt chẽ, kịp thời của các cấp lãnh đạo, tính đến ngày 10/7/1965, 2/3 số cán bộ trong các cơ quan đã sơ tán ra cách thành phố Thái Nguyên từ 8 km đến 21 km; 1/3 số cán bộ còn lại cũng phân tán ra cách thành phố ít nhất 1 km để tiếp tục làm việc và có thể chỉ đạo chiến đấu khi xảy ra chiến sự. Khoảng 50% nhà ở trong thành phố Thái Nguyên được tháo dỡ và 80% nhân dân thành phố cũng được tổ chức đi sơ tán, trong đó có 5600 người sơ tán vĩnh viễn, số còn lại sáng đi tối về. Các mặt hàng thiết yếu như gạo, muối, dầu thắp sáng được bán trước tiêu chuẩn 2, 3 tháng cho nhân dân và đưa về các huyện, xã quản lí.

Nhằm tăng cường khả năng phòng thủ, đầu năm 1965, tỉnh uỷ Thái Nguyên được Bộ Quốc phòng, Khu uỷ và Quân khu Việt Bắc giao nhiệm vụ xây dựng khu vực huấn luyện bộ đội tên lửa mang tên: “Công trường 200”, tại xã Hợp Tiến (Đồng Hỷ). Khu gang thép Thái Nguyên cử một đoàn cán bộ, kĩ sư, công nhân kĩ thuật, do đồng chí Phan Văn Thái - Giám đốc Mỏ sắt Trại Cau - phụ trách cùng bộ đội nghiên cứu thực địa để xây dựng đồ án thiết kế. Ty Giao thông làm thêm cầu, sửa lại hàng chục kilômét đường từ ga Quan Triều về “Công trường 200”.

1. Chỉ thị về những biện pháp cơ bản của phòng không nhân dân - UBHC tỉnh Bắc Thái - Số 01/NC - 8/7/1965, tr.1, 2.

Cán bộ, công nhân Mỏ sắt Trại Cau vừa sản xuất, bảo đảm kế hoạch Nhà nước, vừa tham gia lao động cùng với bộ đội xây dựng đường điện cao thế vào công trường. Cuối tháng 4/1965, sau một thời gian lao động vất vả, khẩn trương, bộ đội và công nhân đã hoàn thành khoảng 2/3 khối lượng công việc của công trường, gồm 32 lớp học (trong đó có 3 nhà lớn chứa khí tài để bộ đội luyện tập sau khi học lí thuyết).

Theo phê chuẩn ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, từ ngày 1-7-1965, hai tỉnh Bắc Cạn và Thái Nguyên được hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái. Ban chỉ huy tỉnh đội Bắc Thái được kiện toàn do các đồng chí Nguyễn Hồng An (Tỉnh đội trưởng Thái Nguyên) làm Tỉnh đội trưởng; Nguyễn Tâm (Chính trị viên Tỉnh đội Thái Nguyên) làm Chính trị viên; Nguyễn Quốc Thành (tỉnh đội trưởng Bắc Kạn làm tỉnh đội phó).

Để bảo đảm sự chỉ đạo và chỉ huy tác chiến kịp thời trong mọi tình huống ở một tỉnh mới hợp nhất, địa hình phức tạp, giao thông liên lạc khó khăn, ngày 27/8/1965, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định thành lập Ban công tác làm nhiệm vụ nghiên cứu, bố trí địa điểm sơ tán của Tỉnh uỷ và Ủy ban hành chính tỉnh do các đồng chí Đặng Dũng (Ủy viên thư kí Ủy ban hành chính tỉnh) làm Trưởng ban, Nguyễn Văn Nguyên (Phó văn phòng Tỉnh uỷ) làm Phó ban, Nguyễn Kim Du (Trưởng phòng Bưu điện đặc biệt) Ủy viên.

Ban phòng không nhân dân tỉnh cũng được thành lập, do các đồng chí Nguyễn Thế Đạt (Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh) làm Chủ nhiệm, Hoàng Khải Giáp

(Trưởng ty Công an) làm Phó chủ nhiệm, Nguyễn Hồng An (Tỉnh đội trưởng) làm Tham mưu trưởng. Sở chỉ huy Ban phòng không nhân dân tỉnh đặt tại Sở chỉ huy Tỉnh đội. Từ Sở chỉ huy Ban Phòng không nhân dân tỉnh, mạng lưới thông tin liên lạc được nối thông với Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh và các cơ quan Quân khu Việt Bắc, Trung đoàn 210 và hệ thống báo động phòng không, bảo đảm sự liên lạc thông suốt.

Ở cơ sở Ban phòng không nhân dân các cấp huyện, xã cũng được xây dựng và củng cố, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ trên giao.

Phán đoán âm mưu địch sẽ đánh phá các mục tiêu khu vực phía bắc Tỉnh, Ban chỉ huy Tỉnh đội quyết định điều 2 trung đội bộ binh của Đại đội 73 từ Thái Nguyên lên thị xã Bắc Cạn, vừa làm nhiệm vụ bảo vệ địa bàn, vừa tổ chức trận địa phục kích bắn máy bay địch bay thấp. Cuối tháng 8/1965, hai trung đội này đã có mặt ở vị trí chiến đấu trước thời hạn quy định và bắt tay vào việc xây dựng hệ thống hầm, hào, công sự chiến đấu, sẵn sàng đánh trả các cuộc tấn công của máy bay Mỹ.

Thực hiện Chỉ thị 140 của Trung ương Đảng và Chỉ thị 164 của Phủ Thủ tướng, ngành Y tế tỉnh nhanh chóng chuyển hoạt động từ thời bình sang thời chiến. Các bệnh xá huyện được bổ sung trang thiết bị đa khoa, nâng cấp thành bệnh viện để đáp ứng yêu cầu điều trị trong thời chiến. Bệnh viện A của tỉnh và Bệnh viện gang thép Thái Nguyên được bổ sung thêm cán bộ và dụng cụ y tế.

Để đáp ứng yêu cầu thời chiến, ty Y tế quyết định thành lập Ban Y tế phòng không các cấp từ tỉnh đến các huyện, xã. Ban Y tế phòng không tỉnh được chia thành 4 tuyến; mỗi tuyến gồm một số cơ sở y tế, nhằm phục vụ kịp thời yêu cầu điều trị khi chiến tranh xảy ra. Sau khi thành lập, Ban Y tế phòng không các cấp mở lớp bồi dưỡng cán bộ thương cho hơn 100 y sĩ, y tá.

Việc báo động luyện tập chiến đấu của bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ và việc báo động luyện tập phục vụ chiến đấu, phòng tránh của nhân dân được Ban chỉ huy Tỉnh đội và các Huyện đội tổ chức thường xuyên. Mỗi lần diễn tập, lại rút kinh nghiệm, bổ sung phương án, khắc phục những thiếu sót về tổ chức, thực hành chiến đấu của lực lượng vũ trang và phòng tránh của nhân dân. Nhiều mặt hoạt động xã hội dần dần được chuyển sang thời chiến. Các cơ quan, xí nghiệp, trường học... bước đầu đã thực hiện nếp sống quân sự hoá.

Trải qua 11 năm (7/1954 - 9/1965) vừa xây dựng kinh tế, văn hoá, bảo vệ trật tự, trị an xã hội, vừa tích cực xây dựng theo hướng chính quy và hiện đại, lực lượng vũ trang nhân dân Thái Nguyên đã trưởng thành về mọi mặt. Cùng với sự tăng lên về số lượng, trình độ giác ngộ chính trị, cũng như trình độ văn hoá, khoa học - kĩ thuật và trình độ chỉ huy, trình độ tác chiến của cán bộ, chiến sĩ đã được nâng lên rõ rệt. Chế độ sinh hoạt, công tác và huấn luyện chiến đấu từng bước đi vào nề nếp. Ý thức cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu trong toàn quân và toàn dân được nâng cao. Đáng chú ý là lực lượng dân quân, tự vệ được xây dựng và củng cố thành một hệ thống rộng

khấp, có cơ sở vững chắc trong nhân dân. Từ những năm 60, thế trận chiến tranh nhân dân được xây dựng, sẵn sàng đánh trả mọi âm mưu và hành động đánh phá của đế quốc Mỹ. Đó chính là những nhân tố bảo đảm cho quân và dân tỉnh Thái Nguyên đứng vững trong những năm có chiến tranh phá hoại ác liệt, góp phần đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ trên địa bàn và cùng với cả nước làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam.

PHIA HOAI LAI THU NHAT CUA DE QUOC MI
(10/1985-3/1988)

Dầu tháng 10/1965, việc Mỹ tăng cường cho các loại máy bay vào trình sát Thái Nguyên, trong đó trọng tâm là trình sát các trung tâm giao thông trên Quốc lộ 7. Quốc lộ 7 là trục địa phương không của ta ở khu vực thành phố Thái Nguyên. Bằng thủ đoạn cũng một hình thức như tập máy bay, bay ở nhiều tầng, nhiều hướng khác nhau, có tập ghim dính, lượn vòng, bỏ náon như bom rơi, phóng không-cứu ta bản lên, để tập khác bất ngờ bay vào chụp nhả, máy bay trình sát của địch đã phát hiện và chụp ảnh được một số trận địa của ta.

Từ giữa tháng 10/1967, đế quốc Mỹ mở một chiến dịch lớn, cho không quân đánh phá ác liệt các tuyến giao thông phía bắc và vùng đồng-bằng-thứ do Hà Nội nhằm cắt đứt đường tiếp viện từ Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác vào miền Bắc Việt Nam.

CHƯƠNG II

VỪA TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU, VỪA SẢN XUẤT, GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG CUỘC CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (10/1965-3/1968)

Đầu tháng 10/1965, giặc Mỹ tăng cường cho các loại máy bay vào trinh sát Thái Nguyên, trong đó trọng tâm là trinh sát các trọng điểm giao thông trên Quốc lộ 3, Quốc lộ 1B và các trận địa phòng không của ta ở khu vực thành phố Thái Nguyên. Bằng thủ đoạn cùng một lúc cho nhiều tốp máy bay, bay ở nhiều tầng, nhiều hướng khác nhau, có tốp nghi binh, lượn vòng, bỏ nhào nhử hỏa lực phòng không của ta bắn lên, để tốp khác bất ngờ bay vào chụp ảnh, máy bay trinh sát của địch đã phát hiện và chụp ảnh được một số trận địa của ta.

Từ giữa tháng 10/1965, đế quốc Mỹ mở một chiến dịch lớn, cho không quân đánh phá ác liệt các tuyến giao thông phía bắc và vùng đông bắc thủ đô Hà Nội nhằm cắt đứt đường tiếp viện từ Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác vào miền Bắc Việt Nam.

Cầu Gia Bẫy (thành phố Thái Nguyên) cùng với Cầu Phà (thị xã Bắc Kạn) và cầu Bắc Giang (thị xã Bắc Giang) là những mục tiêu đánh phá chủ yếu của không quân Mỹ trong chiến dịch này. Cầu Gia Bẫy bắc qua sông Cầu nối liền Quốc lộ 3 từ Hà Nội lên và Quốc lộ 1B từ Lạng Sơn xuống. Đây là một chiếc cầu lớn, dài khoảng trên 100 mét, chia làm ba nhịp, nằm trên Quốc lộ 1B - một tuyến vận chuyển chiến lược quan trọng - xuất phát từ miền biên giới Đông Bắc của Tổ quốc qua địa bàn các huyện Võ Nhai, Đông Hỷ về thành phố Thái Nguyên, theo Quốc lộ 3 xuôi về thủ đô Hà Nội hoặc ngược lên các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng... Hàng ngày lưu lượng xe ô tô các loại qua cầu Gia Bẫy trung bình khoảng 1000 lượt chiếc. Là một chiếc cầu lớn nằm trên một tuyến vận chuyển có ý nghĩa chiến lược quan trọng cả về quốc phòng và kinh tế, nhưng do ta chưa nhận thức đầy đủ và đánh giá hết âm mưu đánh phá cầu Gia Bẫy của địch¹, nên tại khu vực đầu cầu còn tập trung nhiều cửa hàng dịch vụ (sửa chữa xe đạp, ăn uống ...), lực lượng phòng không trực tiếp bảo vệ cầu chỉ có Trung đội 2 tự vệ tiểu khu Gia Bẫy (thuộc Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ), vũ khí có 1 súng thượng liên và 14 súng trường, bố trí trên đồi Két Nước (giáp cầu Gia Bẫy về phía Quốc lộ 3).

1. Do nhận định ở thành phố Thái Nguyên máy bay địch sẽ đánh phá Khu gang thép Thái Nguyên và Nhà máy điện Cao Ngạn trước, nên các loại hỏa lực phòng không từ súng máy cao xạ 12,7mm, 14,5mm đến các loại pháo cao xạ 37 mm, 57 mm, 100mm của Trung đoàn 210 đều tập trung bố trí bảo vệ Khu gang thép Thái Nguyên và Nhà máy điện Cao Ngạn.

Ngày 17/10/1965, sáng sớm Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc điện cho Ban chỉ huy Tỉnh đội thông báo địch có thể sẽ đánh lớn vào yếu địa Thái Nguyên. Trước đó, một vài lần Quân khu đã điện thông báo như vậy nhưng không thấy địch đánh, nên nảy sinh tư tưởng chủ quan, trực ban tác chiến Tỉnh đội đã không thông báo điện của Quân khu đến các cơ quan chức năng. Vì là ngày chủ nhật, trùng với phiên chợ chính ở trung tâm Thành phố, nên người đi chợ qua lại hoặc nghỉ ngơi tập trung ở khu vực cầu Gia Bẫy rất đông. Vào lúc 9 giờ 55 phút từ hướng đông nam huyện Võ Nhai 1 tốp 4 máy bay phản lực Mỹ bay vòng lên hướng Đông Bắc (sau Núi Voi), rồi vòng lại theo Quốc lộ 1B, vọt lên lấy độ cao, bỏ nhào ném bom cầu Gia Bẫy. Vì địch áp dụng thủ đoạn bay thấp, đến gần mục tiêu mới vọt lên lấy độ cao bỏ nhào ném bom, nên ra đa trinh sát của ta không phát hiện được; trong khi đó mạng lưới trinh sát phát hiện máy bay địch từ xa của ta chưa tốt, nên ta hoàn toàn bị bất ngờ. Toàn Thành phố không kịp báo động phòng không. Cán bộ, chiến sĩ Trung đội 2 tự vệ tiểu khu Gia Bẫy đang sửa chữa hầm hào, công sự trên đồi Két Nước và dọc đường từ cầu Gia Bẫy lên Mỏ Bạch, nghe tiếng máy bay địch nhiều người còn tưởng máy bay của ta, thì đã nghe tiếng bom nổ rền, đất đá bắn tung toé, rào rào lên người, lên súng, khói bụi bay mù mịt...

Tuy lần đầu đối mặt với máy bay phản lực hiện đại của đế quốc Mỹ, lại trong tình huống bị bất ngờ, nhưng từ khẩu đội trưởng súng máy thượng liên Nông Quốc Khánh, đến các xạ thủ Hoàng Văn Đương, Lê Xuân Tảo và các chiến sĩ bắn súng trường K44: Phạm Việt Hùng

(tức Triều), Nguyễn Trung Ái, Ngô Đình Quý... đã dũng cảm, không sợ hy sinh, nhanh chóng vượt qua đất đá ngổn ngang, khói bom mù mịt ... có mặt ở vị trí chiến đấu. Các đồng chí Trần Văn Đương (Trung đội trưởng Trung đội 2 tự vệ tiểu khu Gia Bẫy) đang ở khu vực Bến Tượng; Phạm Quang Hợp (Trung đội trưởng Trung đội 1 tự vệ HTX cơ khí Hồng Hà) và nữ cứu thương Nguyễn Thị Mỹ Dung ở khu phố Chiến Thắng; Nguyễn Thị Tuyết, Bùi Thị Vân, Phạm Văn Bông, Trần Thị Kim Dung... đang sửa chữa hầm, hố phòng không ở khu vực bến than Gia Bẫy (trong đó có nhiều đồng chí bị sức ép bom Mỹ làm rách hết quần áo)... đã dũng cảm vượt qua đất đá, bom đạn, lao lên trận địa chiến đấu.

Vừa dứt đợt ném bom của máy bay Mỹ, các đồng chí Phan Văn Giao (Bí thư chi bộ, Chính trị viên Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ kiêm Chính trị viên Trung đội 2); Vũ Đình Đức (Đại đội phó Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ) đã có mặt tại trận địa đồi Két Nước trực

1. Tháng 10/1965, khu phố Hoàng Văn Thụ có 3 tiểu khu: Gia Bẫy, Chiến Thắng và Quán Triều. Từ năm 1961, khu phố Hoàng Văn Thụ đã xây dựng được 1 đại đội tự vệ. Tháng 10/1965, Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ có 2 trung đội là Trung đội 1 tự vệ cơ khí Hồng Hà trực chiến trên đồi Cô Kê và Trung đội 2 tự vệ tiểu khu Gia Bẫy trực chiến trên đồi Két Nước. Ban chỉ huy Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ gồm các đồng chí Bá Đức Khảm (Đại đội trưởng), Vũ Đình Đức (Đại đội phó), Phan Văn Giao (Chính trị viên). Ban chỉ huy Trung đội 1 gồm các đồng chí Phạm Quang Hợp (Trung đội trưởng), Nguyễn Văn Thiệp (Trung đội phó), Lê Văn Chính (Chính trị viên). Ban chỉ huy Trung đội 2: Trần Văn Đương (trung đội trưởng), Lưu Quang Bích (Trung đội phó), Phan Văn Giao (kiêm Chính trị viên).

tiếp chỉ huy đơn vị chiến đấu. Trừ đồng chí Bá Đức Khảm, (đảng viên, Đại đội trưởng) đi công tác vắng, còn lại 9 đảng viên chi bộ khu phố Hoàng Văn Thụ đều có mặt ở trận địa đồi Két Nước và khu vực bị địch đánh phá để động viên tự vệ tiếp tục chiến đấu và tổ chức giải quyết hậu quả. Tại khu vực đầu cầu Gia Bẫy, bom Mỹ đã làm đứt hơn 100 mét dây truyền thanh và đường dây điện thoại. Quyết tâm giữ vững mạch máu thông tin liên lạc thông suốt trong mọi tình huống, các đồng chí Vũ Văn Soái và Nguyễn Thừa Cơ (công nhân bảo dưỡng đường dây phòng Bưu điện thành phố Thái Nguyên) đã dũng cảm vượt qua đất đá, khói bom và cát bụi mù mịt, có mặt ở vị trí đầu cầu nối thông đường dây truyền thanh và đường dây điện thoại, kịp thời đảm bảo thông tin, liên lạc phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo và chỉ huy chiến đấu.

Trận ném bom thứ nhất của máy bay Mỹ xuống khu vực cầu Gia Bẫy làm một số nhà dân ở hai bên đầu cầu bị đổ, một số người bị chết và bị thương. Sau trận máy bay địch ném bom lần thứ nhất, ngoài những người làm nhiệm vụ chiến đấu và chỉ đạo giải quyết hậu quả, nhiều người khác không có nhiệm vụ cũng tập trung rất đông ở khu vực cầu Gia Bẫy. Giữa lúc đó, 10 giờ 15 phút, từ hướng Bắc, 1 tốp 2 máy bay địch bất ngờ lao tới bờ nhào ném hai loạt bom, mỗi loạt 4 quả xuống cầu. Tiếp đó, 1 tốp, 5 máy bay khác từ độ cao 1000 mét cùng lao xuống ném bom khu vực cầu và bắn rốc két, ném bom xuống trận địa Đại đội 101 pháo cao xạ 100mm (thuộc Trung đoàn cao xạ 210) ở Gia Sàng. Cùng lúc đó 1 tốp, 2 máy

bay khác lượn vòng ngoài để quan sát, chỉ thị mục tiêu và 1 tốp bay cao để sẵn sàng yểm trợ, đề phòng máy bay ta tấn công.

Giữa lúc nhiều tốp máy bay phản lực Mỹ đang gầm thét, lồng lộn, bắn phá và ném bom dữ dội vào trận địa đồi Két Nước, công sự sụt lở, khói bom mù mịt, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Đại đội phó Vũ Đình Đức và Trung đội trưởng Trần Văn Dương, khẩu thượng liên trong tay khẩu đội trưởng Nông Quốc Khánh và các xạ thủ Hoàng Văn Dương, Lê Xuân Tảo liên tiếp rung lên, nhả những loạt đạn quyết liệt vào máy bay địch. Một quả bom Mỹ rơi trúng khẩu đội thượng liên, làm cả khẩu đội hy sinh. Quyết trả thù cho đồng đội, các chiến sĩ bắn súng trường Phạm Việt Hùng, Nguyễn Văn Giồng, Vũ Ngọc Thiệp, Nguyễn Thị Hợi, Vũ Xuân Trường, Phạm Văn Bông, Ngô Đình Quý... đã không hề nao núng, tiếp tục nhằm thẳng vào các tốp máy bay địch nổ súng, đẩy chúng lên cao và vòng ra xa mục tiêu, tạo điều kiện cho các đơn vị cao xạ bảo vệ Thành phố tiêu diệt chúng. Giặc Mỹ điên cuồng ném bom, huỷ diệt trận địa, làm toàn bộ 32 cán bộ, chiến sĩ Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ chiến đấu trên đồi Két Nước bị thương, vong (trong đó có 15 đồng chí hy sinh).

Tinh thần chiến đấu hy sinh, kiên cường, dũng cảm của cán bộ, chiến sĩ Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ trong trận chiến đấu ngày 17/10/1965 đã tô thắm thêm truyền thống anh hùng, bất khuất của mảnh đất đã từng diễn ra cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, là Căn cứ địa Cách mạng trước tháng Tám năm 1945 và

Thủ đô kháng chiến của cả nước trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Máu, xương của cán bộ, chiến sĩ Đại đội tự vệ và nhân dân khu phố Hoàng Văn Thụ đổ xuống trong trận chiến đấu bảo vệ cầu Gia Bảy ngày 17/10/1965 mãi mãi nêu một tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho các thế hệ nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên noi theo.

Tại trận địa Đại đội 101 pháo cao xạ 100 mm (thuộc Trung đoàn 210) ở đồi Gia Sàng, dưới sự chỉ huy của Trung úy, Đại đội trưởng Trần Ngọc Cảnh, 8 khẩu đội pháo cao xạ 100mm và 2 khẩu đội súng máy cao xạ 14,5mm đã liên tiếp nhả đạn vào các tốp máy bay địch. Tại khẩu đội 3, sau mỗi khẩu lệnh "bắn" của khẩu đội trưởng Ma Trường Nguyên¹ khẩu pháo cao xạ 100mm lại rung lên nhả đạn về hướng máy bay địch. Phát hiện được trận địa Đại đội 101, máy bay địch ném 4 quả bom phá và bắn nhiều loạt đạn rốc két xuống trận địa, một quả đạn rốc két rơi trúng hòm đạn của Khẩu đội 1, làm 5 viên đạn nổ tung, chiến sĩ Nguyễn Quang Bình - một tân binh quê ở khu Hoàn Kiếm (Hà Nội) - hy sinh tại chỗ, chiến sĩ Khoá - cũng là một tân binh, quê ở Hà Nội bị thương. Một quả đạn rốc két khác nổ tung trước cửa hầm khẩu đội 3 làm khói, bụi bay lên mù mịt. Mặc cho các loại đạn của ta bắn lên, đạn rốc két của máy bay địch bắn xuống, đan nhau chi chít trên đầu, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 101 không

1. Sau này là Nhà văn, Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Phó giám đốc Sở Văn hoá - Thông tin, Chủ tịch Hội văn nghệ tỉnh Thái Nguyên

hệ nao núng, vẫn kiên cường đánh trả máy bay địch. Sát cánh chiến đấu với cán bộ, chiến sĩ các khẩu đội pháo cao xạ 100mm, cán bộ, chiến sĩ 2 khẩu đội 9 và 10 súng máy cao xạ 14,5mm cũng sục sôi nhả những loạt đạn tròn rã và khá tập trung vào các tốp máy bay địch bay thấp. Một chiếc máy bay địch trúng đạn của Trung đoàn 210, phụt khói lao thấp dần và rơi ở Lạng Sơn¹.

Giữa lúc cuộc chiến đấu với máy bay địch đang diễn ra quyết liệt thì khẩu pháo cao xạ 100mm của khẩu đội 3 bị hỏng máy tống đạn, lập tức khẩu đội trưởng Ma Trường Nguyên lệnh cho pháo thủ số 3 tắt động cơ, rồi trực tiếp nhảy lên sửa chữa máy đo ngòi, kịp thời đưa khẩu đội trở lại vị trí tiếp tục chiến đấu.

Cùng thời gian trên, tại trận địa đồi Kô Kê, khi khả năng bắn máy bay địch trong công sự bị hạn chế, lập tức Đoàn Văn Bảo (16 tuổi, chiến sĩ tự vệ HTX cơ khí Bắc Nam) đã dũng cảm lao lên thành công sự, làm giá súng thượng liên cho đồng đội bắn máy bay địch.

Tại khu vực Nhà máy điện Cao Ngạn, giữa lúc máy bay địch đang lông lộn, găm rít trên trời, một mình chiến sĩ tự vệ Đặng Ngọc Lan, đã vận chuyển 56 hòm đạn, mỗi hòm nặng 37 kg lên trận địa phục vụ bộ đội chiến đấu. Toàn bộ cán bộ, công nhân trong ca trực Nhà máy Điện đã bình tĩnh bám máy, đảm bảo sản xuất liên tục. Khi 2 trạm phân phối điện lưới 35 KVA phục vụ lò cao bị hỏng nặng, hệ thống chuyển tải đột ngột giảm

1. Theo báo cáo số 35/A-TC của Tỉnh đội Bắc Thái lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ UBND tỉnh - hồ sơ số 25, cặp số 3.

công suất, van an toàn xả hơi không sập, lập tức kíp trưởng Đặng Đức Biện dũng cảm bình tĩnh lao lên đỉnh lò cao 30 mét đóng van lại an toàn; Trưởng ca La Thái Ngân bình tĩnh động viên bộ phận trực bảng điện bám máy, điều chỉnh tần số, công suất đảm bảo cấp điện liên tục, ổn định cho Khu gang thép Thái Nguyên.

Tại ty Y tế, khi trận bom thứ nhất vừa dứt, Phó Trưởng ty kiêm Trưởng ban cấp cứu phòng không tỉnh, bác sĩ Nguyễn Kim Anh đã lập tức cùng một số bác sĩ, y sĩ, y tá lên xe cứu thương, ra khu vực bị địch đánh phá hỗ trợ cho tuyến 1 cấp cứu người bị nạn. Khi đến cách cầu Gia Bẫy khoảng 100 mét thì xe cứu thương bị hỏng; cùng lúc đó máy bay địch ô ạt vào ném bom bắn phá cầu Gia Bẫy lần thứ hai. Mặc cho máy bay địch gầm rít trên đầu, bom đạn địch nổ rền xung quanh, đất đá bắn tung toé, mảnh bom, mảnh đạn bay vù vù, khói bom mù mịt, lái xe Nguyễn Văn Thái - một chiến sĩ Điện Biên năm xưa - vẫn bình tĩnh sửa xe, kịp thời đưa được nhiều người bị nạn đi cấp cứu. Các đồng chí Ôn Đức Thành (y sĩ xét nghiệm Trạm vệ sinh dịch tễ), Nguyễn Thị Diệu (y sĩ Trạm bảo vệ bà mẹ - trẻ em), Nguyễn Khắc Hà (y tá Ban cấp cứu phòng không tỉnh... đã không quản nguy hiểm, xông vào các khu vực bị địch đánh phá và các trận địa phòng không tìm kiếm, cấp cứu được nhiều người bị nạn.

Tại Trạm cấp cứu phòng không cơ động, ngay trong khi máy bay Mỹ còn đang ô ạt lao vào ném bom, bắn phá cầu Gia Bẫy lần thứ nhất, bác sĩ Tô Thủ (Trạm trưởng) đã lập tức từ nhà riêng ở khu tập thể công nhân Gang thép đạp xe lên Trạm làm nhiệm vụ.

Công tác cấp cứu người bị nạn lúc đầu gặp nhiều khó khăn và lúng túng vì lực lượng cứu thương và tải thương tuyến I bị thương, vong nhiều. Để khắc phục tình hình đó, cán bộ, nhân viên các Ban y tế phòng không nhân dân tỉnh và Thành phố đã chủ động vượt qua nguy hiểm xuống tận nơi địch đánh phá để cấp cứu nạn nhân. Sau khi được sơ cứu ở tuyến I, các nạn nhân được đưa thẳng lên tuyến III; nhờ đó, mà những khó khăn, lúng túng ban đầu nhanh chóng được khắc phục, do đó trong số 39 nạn nhân cấp cứu, chỉ có 9 người bị chết.

Ngay khi cầu Gia Bẫy bị máy bay Mỹ ném bom, bắn phá các đồng chí lãnh đạo Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính thành phố Thái Nguyên và Trung tá Nguyễn Hồng An (Tỉnh đội trưởng)... đã có mặt tại khu vực bị địch đánh phá, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo cơ sở triển khai khắc phục hậu quả. Mẹ Cao Thị Vi, đảng viên, 50 tuổi, đang làm nhiệm vụ tìm kiếm, cứu chữa người bị nạn thì được tin con trai là Phạm Việt Hùng (tức Triều) hy sinh trên trận địa đồi Két Nước. Mẹ đã lên trận địa, vuốt mắt vĩnh biệt con trai và nén đau thương, động viên đồng đội của con mình tiếp tục chiến đấu. Cán bộ, nhân viên Cửa hàng ăn uống số I thành phố Thái Nguyên mang bia và nước ngọt lên trận địa đồi Kê phục vụ bộ đội và tự vệ. Chị em phụ nữ các phố Trưng Vương, Đội Cấn, Phan Đình Phùng đã góp gạo, nấu cơm tiếp tế cho dân quân, tự vệ trực chiến.

Sau ngày 17/10/1965, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố tổ chức lễ truy điệu các cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ đã chiến đấu kiên cường và hy sinh anh dũng

để bảo vệ cầu. Ban chỉ huy Thành đội cử cán bộ kiểm tra, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ trực chiến trên các trận địa. Ủy ban hành chính Thành phố quyết định cấp bổ sung 168 kg gạo, 154 đồng cho 4 đơn vị dân quân, tự vệ trực chiến, cử đoàn đại biểu vào các bệnh viện động viên, thăm hỏi, tặng quà cho cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ và nhân dân bị thương; vận động nhân dân quyên góp được 736 đồng giúp đỡ cho gia đình có người bị nạn. Công ty vệ sinh Thành phố tổ chức chôn cất những người bị chết suốt từ tối ngày 17 đến 4 giờ sáng ngày 18/10/1965. Những việc làm kịp thời đó của các cấp ủy Đảng, Chính quyền, đoàn thể từ tỉnh xuống Thành phố và cơ sở đã có ý nghĩa rất quan trọng trong việc ổn định tư tưởng và củng cố niềm tin cho nhân dân và các lực lượng vũ trang ở địa phương vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước; đồng thời có tác dụng to lớn động viên, khích lệ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân trên địa bàn tỉnh tích cực chiến đấu ngay trên mảnh đất quê hương mình.

Trận máy bay Mỹ ném bom, bắn phá cầu Gia Bảy ngày 17/10/1965, quân và dân thành phố Thái Nguyên đã kiên cường chiến đấu, dũng cảm khắc phục được một số thiệt hại, nhưng do thiếu kinh nghiệm phòng tránh và bố trí lực lượng đánh trả, nên bị tổn thất rất nhiều. Trong trận này, đế quốc Mỹ đã huy động tới 29 lần chiếc máy bay phản lực các loại hiện đại nhất lúc bấy giờ, ném 116

1. Tuyến I: Cơ sở

Tuyến II: Bệnh viện huyện

Tuyến III: Bệnh viện Tỉnh, Khu

quả bom phá (32 quả loại 250 kg và 84 quả loại 450 kg) và bắn nhiều loạt đạn rốc két xuống khu vực cầu Gia Bảy và trận địa pháo cao xạ Đại đội 101 ở xóm Xuân Quang (xã Gia Sàng). Cầu Gia Bảy bị trúng 3 quả bom: 2 mố bị hỏng, dầm chủ và dầm bên thượng lưu bị đứt 3 chỗ, dầm bên hạ lưu bị đứt 1 chỗ, gãy 4 cốt về phía Quốc lộ 3, các loại xe ô tô không thể đi lại được; giao thông qua cầu bị ngừng trệ. Thiệt hại về người, số thương, vong lên tới 147 người, trong đó có tới 71 người bị chết tại chỗ (trong số 71 người bị chết tại chỗ có 45 người gia đình ở khu vực hai đầu cầu, 2 gia đình chết cả vợ lẫn chồng, 1 gia đình chết hết cả vợ, chồng và các con; 21 người làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu và các nhiệm vụ khác; trong số 76 người bị thương¹ có 24 người bị thương nặng. Thiệt hại về tài sản có 45 ngôi nhà bị cháy, đổ; 3 cơ sở sản xuất thủ công nghiệp; 2 xe ô tô, 10 xe đạp bị phá hủy).

Trước thiệt hại rất lớn về người và của trong trận máy bay địch đánh phá cầu Gia Bảy ngày 17/10/1965, ngay đêm 17/10/1965, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc đã gửi điện kêu gọi quân và dân thành phố Thái Nguyên "chống dao động, chuẩn bị tốt hơn nữa để chiến đấu và phục vụ chiến đấu, kiên quyết bảo vệ khu công nghiệp lớn của Tổ quốc và cửa ngõ của hậu phương căn cứ địa Việt Bắc"².

1. Theo báo cáo số 159 ngày 3/11/1965 của Sở Y tế Khu tự trị Việt Bắc, trận 17/10/1965 có 76 người bị thương (55 người vào điều trị tại Bệnh viện Khu, 15 người vào điều trị tại Bệnh viện Gang thép, 2 người vào điều trị tại Bệnh viện điều dưỡng và 4 người lên điều trị tại Bệnh viện huyện Đại Từ); trong số đưa vào các bệnh viện cứu chữa có 9 người bị chết.

2. Tài liệu lưu trữ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên.

Đồng chí Chu Văn Tấn, Bí thư Khu uỷ kiêm Chính uỷ Quân khu Việt Bắc đã trực tiếp xuống gặp gỡ, động viên, nhắc nhở cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 210 bình tĩnh rút kinh nghiệm trận chiến đấu ngày 17/10/1965, để đánh địch đạt hiệu quả tốt hơn. Sự chỉ đạo trực tiếp, sâu sát, kịp thời của đồng chí Bí thư Khu uỷ kiêm Chính uỷ Quân khu Việt Bắc đã góp phần quan trọng động viên cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn phòng không 210 xây dựng ý chí và quyết tâm chiến đấu, đánh thắng địch trong các trận chiến đấu sau này.

Sau ngày 17/10/1965, một trong những việc làm có ý nghĩa quan trọng của Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh và các cơ quan chức năng là đã kịp thời kiểm điểm ưu, khuyết điểm, rút ra được những bài học xương, máu về công tác lãnh đạo, chỉ đạo phòng, tránh và đánh địch, trên cơ sở đó đã đề ra được những nội dung và biện pháp khắc phục trước mắt.

Từ ngày 6 đến ngày 8/11/1965, tại thành phố Thái Nguyên, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã họp Hội nghị mở rộng đến Bí thư Thành uỷ Thái Nguyên và cán bộ lãnh đạo, chỉ huy Tỉnh đội kiểm điểm rút kinh nghiệm trước Ban Thường vụ Khu uỷ. Hội nghị đã nghiêm khắc kiểm điểm, thấy rõ những nguyên nhân dẫn đến tổn thất nặng nề trong trận máy bay Mỹ ném bom cầu Gia Bẩy ngày 17/10/1965. Về lãnh đạo, Tỉnh uỷ mà trước hết là Ban Thường vụ, không chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết 11 của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết 123 của Bộ Chính trị về chuyển hướng tổ chức lãnh đạo từ thời bình sang thời chiến. Mặc dù đây là hai Nghị

quyết quan trọng, có ý nghĩa lịch sử, chỉ đạo các Đảng bộ
kịp thời chuyển địa phương từ thời bình sang thời chiến,
nhưng Tỉnh uỷ mới phổ biến trong Ban Thường vụ, chưa
quán triệt sâu sắc từ trên xuống, từ trong Đảng ra ngoài
quần chúng. Chính vì chưa tổ chức học tập, quán triệt
sâu sắc các Nghị quyết của Trung ương Đảng và Bộ
Chính trị, nên trong Ban Thường vụ Tỉnh uỷ có đồng chí
cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh còn cho rằng Thái
Nguyên là thành phố lớn có công nghiệp hiện đại, là Thủ
đô của Khu tự trị Việt Bắc, nên việc bố phòng của ta rất
đầy đủ. Mặt khác Thái Nguyên lại ở sâu trong nội địa,
nên máy bay địch có bay vào cũng phải thận trọng, từ đó
dẫn đến chủ quan, coi thường địch, ỷ lại vào vũ khí và lực
lượng quân sự, thiếu khẩn trương và kiên quyết trong
việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không nhân dân.
Nhận thức không đúng đó đã gây tư tưởng chủ quan, mất
cảnh giác cho cán bộ và nhân dân.

Sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ đối với công tác quân sự và
cơ quan Tỉnh đội còn thiếu chặt chẽ, thường xuyên.
"Trên thực tế, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ giao cho đồng chí
Tỉnh đội trưởng quá nhiều việc, nhưng lại ít giúp đỡ,
kiểm tra. Việc Tỉnh đội không báo cáo nghiêm túc về
điện khẩn sáng 17/10 là khuyết điểm của Tỉnh đội,
nhưng nếu Tỉnh uỷ lãnh đạo Tỉnh đội chặt chẽ, thành
nên nếp thường xuyên thì sẽ không xảy ra tình trạng
không báo cáo này"¹.

1. Kết luận của đồng chí Bí thư Khu uỷ ngày 8/11/1965.

Phòng không, sơ tán là một nhiệm vụ rất quan trọng để chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, nhưng Tỉnh lại thiếu chủ trương, biện pháp, kế hoạch tổ chức đưa dân đi sơ tán. Giữa Tỉnh uỷ và Thành uỷ còn thiếu bàn bạc để thống nhất kế hoạch sơ tán phòng không, nên có lúc Thành uỷ chủ trương tập trung lãnh đạo đưa dân đi sơ tán triệt để thì có đồng chí lãnh đạo Tỉnh đã không những không tán thành mà còn nói " Còn để thành phố sống hay cho thành phố chết". Thành phố trực tiếp nắm dân, hô hào dân đi sơ tán nhưng các ngành của tỉnh vẫn chưa có kế hoạch phục vụ nhân dân ở nơi sơ tán, nên đời sống nhân dân đi sơ tán rất khó khăn, vẫn phải trở về thành phố vào những ngày nghỉ, giờ nghỉ để mua bán, giải quyết những nhu cầu tối thiểu do cuộc sống đặt ra. Máy bay địch đánh phá ngày 17/10/1965 đúng vào ngày chủ nhật, có phiên chợ chính ở trung tâm Thành phố, nên số người tập trung về Thành phố rất đông, lại không được giải toả kịp thời, do đó bị thương, vong nhiều. Mặt khác, do ta phán đoán mục tiêu đánh phá của địch ở khu vực thành phố Thái Nguyên không chính xác, nên bố trí hoả lực phòng không xa mục tiêu, tổ chức đánh địch chưa tốt, do đó mục tiêu bị tổn thất.

Hội nghị kiểm điểm, rút kinh nghiệm công tác lãnh đạo của Tỉnh uỷ trong trận máy bay địch đánh phá cầu Gia Bẫy ngày 17/10/1965 đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề giúp cho lãnh đạo tỉnh rút ra những bài học sâu sắc, từ đó đã đề ra những biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo công tác

phòng tránh và đánh địch sau này được chặt chẽ và có hiệu quả hơn.

Sau Hội nghị kiểm điểm rút kinh nghiệm của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ trước Ban Thường vụ Khu uỷ, Tỉnh uỷ và Uỷ ban hành chính tỉnh đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không, sơ tán và tổ chức đánh địch. Tổ chức chỉ huy phòng không các cấp trong tỉnh được kiện toàn. Ở cấp tỉnh, đồng chí Doanh Hằng (Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh) trực tiếp làm Chủ nhiệm Ban phòng không nhân dân tỉnh thay đồng chí Nguyễn Thế Đạt (Uỷ viên Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh). Uỷ ban hành chính tỉnh củng cố lại Sở chỉ huy Ban phòng không nhân dân tỉnh đủ 5 người (1 chủ nhiệm, 2 cán bộ nội chính và 2 nhân viên giúp việc) làm nhiệm vụ giúp việc Ban phòng không nhân dân tỉnh thường trực và truyền đạt các chỉ thị, mệnh lệnh của Chủ nhiệm xuống các huyện, cơ quan, đơn vị. Ban chỉ huy Tỉnh đội kiện toàn Sở chỉ huy trực chiến phòng không, thường trực chiến đấu 24/24 giờ trong ngày, kíp trực đủ 10 cán bộ, chiến sĩ; trang bị một tổng đài 10 cửa và 7 máy điện thoại do đồng chí Nguyễn Hồng An (Tỉnh đội trưởng kiêm Tham mưu trưởng Ban phòng không nhân dân tỉnh) trực tiếp chỉ huy¹.

1. 10 người trong kíp trực: 1 thường trực chỉ huy, 1 trực ban tác chiến, 1 sĩ quan phòng không, 1 sĩ quan quân báo, 1 sĩ quan chính trị, 1 sĩ quan hậu cần và 3 chiến sĩ thông tin.

Đối với các huyện, thành, cơ quan, nông trường, xí nghiệp, tuy không tổ chức sở chỉ huy phòng không như ở cấp tỉnh nhưng đều tổ chức Thường trực phòng không nhân dân, thành phần trực có 1 chỉ huy quân sự huyện, thành hoặc chỉ huy tự vệ, 1 thường trực Chủ nhiệm phòng không (do thường trực UBHC huyện, thành thay nhau đảm nhiệm) và từ 2 đến 3 cán bộ quân sự và nội chính giữ việc.

Cùng với việc củng cố, kiện toàn tổ chức chỉ huy phòng không nhân dân các cấp, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban chỉ huy Tỉnh đội, các Huyện đội, Thành đội trong tỉnh căn cứ vào tổ chức dân quân, tự vệ, nhiệm vụ bảo vệ các mục tiêu và quy luật hoạt động của máy bay địch trên địa bàn, đã củng cố và xây dựng được 146 trận địa, với 1.570 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ trực chiến (không kể số cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ trực chiến của huyện Phú Lương). Việc cấp dưỡng cho dân quân, tự vệ trực chiến do ngân sách địa phương đài thọ, mà ngân sách địa phương lại rất khó khăn, eo hẹp, nên thường xuyên trên địa bàn tỉnh chỉ có 15 trận địa phòng không có lực lượng trực chiến 24/24 giờ trong ngày. Đối với công tác phòng tránh, Tỉnh đã cử nhiều đoàn cán bộ xuống thành phố Thái Nguyên và các huyện trọng điểm dọc các trục đường giao thông, kho tàng, cầu, cống, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng, củng cố hầm, hào và tổ chức nhân dân đi sơ tán. Qua kiểm tra trên địa bàn 7 huyện, thành trong tỉnh (chưa tính huyện Phú Lương), cán bộ và nhân dân đã đào, củng cố và tu sửa được 79.613 hầm, hố; 210.440

. mét giao thông hào¹. Tuy nhiên, còn có tới 50% hầm, hố chưa có nắp đậy, giao thông hào còn bị sụt, lở nhiều. Về công tác sơ tán phòng không, tại thành phố Thái Nguyên, Ban phòng không nhân dân Thành phố huy động 24 cán bộ tổ chức thành các đoàn xuống các khối phố kiểm tra, tuyên truyền, vận động nhân dân di sơ tán. Ủy ban hành chính Thành phố phát động thi đua 15 ngày làm công tác sơ tán phòng không chống Mỹ, cứu nước với các nội dung:

- Tổ chức vận động nhân dân sơ tán.
- Củng cố, tu sửa hầm, hào.

1.

Stt	Đơn vị	Số trận địa	Số cán bộ, chiến sĩ DQ,TV tham gia (người)	Giao thông hào (mét)	Hầm, hố
	Thành phố Thái Nguyên	52	769	51.365	19.889
1	Huyện đội Phổ Yên	10	84	35.000	10.000
3	Huyện đội Phú Bình	8	56	35.500	7.560
4	Huyện đội Đại Từ	10	130	50.000	7.560
5	Huyện đội Đông Hỷ	7	49	11.340	6.220
6	Huyện đội Định Hoá	10	122	2.500	6.565
7	Huyện đội Võ Nhai	42	360	3.735	1830
8	Huyện đội Phú Lương	7			
		146	1.570	210.440	79.613

- Củng cố, tổ chức các đội cứu thương, đào bới, chôn cất, tiếp tế.

Đồng thời UBHC Thành phố cũng đề ra những biện pháp kiên quyết xử lý đối với những người cố tình không đi sơ tán:

- Tạm thu phương tiện sản xuất, tạm thu số gạo đến khi có chứng nhận đã đi sơ tán của cơ sở.

- Tổ chức dỡ nhà xếp gọn, nếu cần xung vào công quỹ.

Tuy các biện pháp của Ủy ban hành chính Thành phố có phần thô bạo, nhưng kết hợp với công tác đôn đốc, kiểm tra, tuyên truyền, giáo dục của Tỉnh nên hầu hết các cơ quan, công sở của tỉnh (kể cả các cửa hàng mậu dịch, lương thực) đã sơ tán hết ra khỏi Thành phố; 21.000 người dân Thành phố đã đi sơ tán, số người còn lại chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Ở Khu gang thép Thái Nguyên, gần 1000 hộ với 2253 nhân khẩu đã đi sơ tán về các huyện hoặc các tỉnh; một số nhà trẻ đã được Công đoàn Gang thép tổ chức sơ tán xa các trọng điểm máy bay địch có thể đánh phá. Tuy nhiên, vẫn còn tới 11 nhà trẻ với 274 cháu vẫn chưa được sơ tán khỏi khu vực Gang thép. Tại huyện Phổ Yên, các cơ quan huyện đã thực hiện sơ tán tương đối triệt để khỏi thị trấn Ba Hàng về các vùng nông thôn. Tuy nhiên, do không nắm chắc được âm mưu và thủ đoạn đánh phá giao thông của địch, nên các cơ quan Huyện đội, Công an, Bưu điện huyện ... đều sơ tán về xóm Núi, xóm Trại (xã Nam Tiến) dọc 2 tuyến Quốc lộ 3 và đường sắt Thái Nguyên - Hà Nội... là những mục tiêu đánh phá giao thông của địch trong những năm 1966, 1967.

Trong công tác cấp cứu phòng không, toàn tỉnh củng cố lại được 385 đội y tế phòng không, trong đó thành phố Thái Nguyên đã củng cố lại được 65 đội với 513 người tham gia. Rút kinh nghiệm trận cầu Gia Bẫy 17/10/1965, ở tuyến I do thiếu bông băng, cặp nẹp, kỹ thuật băng bó chưa tốt, việc cấp cứu người bị thương không được kịp thời nên dẫn đến tử vong tăng, Ban y tế phòng không tỉnh đã chỉ đạo Ban y tế phòng không các huyện, thành mở các lớp ngắn ngày bồi dưỡng kỹ thuật băng bó, cấp cứu vết thương cho cán bộ y tế các xã và các đội cấp cứu phòng không của dân quân, tự vệ ở các hợp tác xã, xóm, công, nông trường, xí nghiệp; vận động nhân dân mua túi thuốc phòng không, làm thêm cáng, nẹp trang bị cho đội y tế phòng không tuyến I. Các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ... là những đơn vị tiêu biểu làm tốt công tác xây dựng, củng cố, bồi dưỡng lực lượng cấp cứu phòng không tuyến I.

Cùng với công tác chuẩn bị phòng, tránh và đánh trả máy bay địch, quân và dân Thái Nguyên còn làm tốt công tác đảm bảo giao thông, vận tải thời chiến. Thực hiện Nghị quyết ngày 21/8/1965, của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, "Đảm bảo giao thông thời chiến là một mặt trận chiến đấu. Đảm bảo giao thông vận tải là công tác trung tâm, đột xuất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong tỉnh", Uỷ ban hành chính tỉnh đã quyết định thành lập "Ban đảm bảo giao thông thời chiến" các cấp từ tỉnh xuống huyện và các xã có các trục đường giao thông quan trọng đi qua, để làm nhiệm vụ tổ chức công tác đảm bảo giao thông trên địa bàn mình khi bị máy bay địch đánh

phá. Ban đảm bảo giao thông thời chiến tỉnh do đồng chí Lê Nguyên Kính - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - làm Trưởng ban và đại diện các ngành Giao thông, Quân sự. Công an làm ủy viên.

Nhờ lãnh đạo tỉnh thấy rõ vị trí, tầm quan trọng của công tác đảm bảo giao thông, vận tải thời chiến, có kế hoạch tổ chức thực hiện tương đối chu đáo, nên mỗi khi cầu, đường bị máy bay địch đánh hỏng, tỉnh đã luôn luôn có lực lượng ứng cứu kịp thời, nhất là ở những điểm giao thông huyết mạch. Trận ngày 17/10/1965, khi cầu Gia Bẫy bị phá hỏng, các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, UBHC tỉnh, Ban chỉ huy Tỉnh đội và Ban chỉ huy thành đội Thái Nguyên đã khẩn trương huy động lực lượng ứng cứu, nên chưa đầy 6 tiếng đồng hồ sau hoạt động GTVT trên tuyến đã được khôi phục hoàn toàn. Các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh, lãnh đạo thành phố Thái Nguyên và Ban chỉ huy Tỉnh đội đã trực tiếp ra hiện trường, chỉ đạo, động viên 1.400 dân quân, tự vệ và dân công ra phối hợp với 200 cán bộ, chiến sĩ bộ đội công binh Quân khu Việt Bắc làm ngầm và ghép phà Sơn Cẩm, đào phá bom nổ chậm ở khu vực cầu Gia Bẫy. Chỉ 1 giờ sau khi máy bay địch đánh phá hỏng cầu Gia Bẫy, ty Giao thông đã điều 20 xe ô tô tải chở đá làm ngầm Sơn Cẩm; Hợp tác xã thuyền thành phố Thái Nguyên đã có sáng kiến ghép 3 thuyền thành 1 phà có trọng tải 2,5 tấn để chở xe ô tô con qua sông khi cần thiết. Kết quả đến 16 giờ ngày 19/10/1965 đường ngầm Sơn Cẩm được khai thông, đến 18 giờ cùng ngày Hợp tác xã thuyền thành phố Thái

Nguyên đã lắp ghép xong cầu phao Bến Oánh, kịp thời đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân.

Tuy nhiên, việc sửa, chữa cầu Gia Bẫy diễn ra rất chậm, nên mãi 10 ngày sau cầu mới được sửa, chữa xong. Nguyên nhân chủ yếu là do tỉnh không tự khắc phục được khó khăn về nguyên, vật liệu; việc huy động lực lượng vũ trang địa phương ra đảo, phá bom nổ chậm ở khu vực cầu tiến hành chậm; các nguyên tắc, thủ tục sửa, chữa cầu trong trường hợp bị máy bay địch phá hỏng đã được Hội nghị bảo đảm giao thông toàn quốc phổ biến, nhưng tỉnh không có người đi dự, nên không nắm được... Các thiếu sót và khuyết điểm trên đã được lãnh đạo tỉnh và các cơ quan chức năng nghiêm khắc kiểm điểm, rút kinh nghiệm, nên thời gian sau này mặc dù máy bay địch đánh phá hệ thống giao thông Thái Nguyên rất ác liệt, nhưng Thái Nguyên vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải thời chiến trên địa bàn tỉnh luôn luôn kịp thời, thông suốt.

Ba ngày sau trận đánh phá cầu Gia Bẫy (17/10/1965), ngày 20/10/1965, giặc Mỹ tiếp tục cho máy bay xâm phạm vùng trời phía nam thành phố Thái Nguyên. Đơn vị tên lửa 3091 bảo vệ Thành phố đã phóng đạn chính xác, bắn rơi 1 chiếc máy bay phản lực F100. Tiếp đó, ngày 16/11/1965, giặc Mỹ tiếp tục huy động 18 lần chiếc máy bay ném 22 quả bom phá, bắn nhiều loạt đạn rốc két và đạn 20mm xuống các cầu Mỏ Gà, Suối Cạn, Cầu Sen, Cầu Rắn trên Quốc lộ 1B ở khu vực Võ Nhại; xã Lương Sơn và Nông trường chăn nuôi của Khu gang thép Thái Nguyên nằm trên địa bàn xã Tân Khánh (thuộc huyện Phú Bình).

Chỉ riêng trận bắn phá ngày 16/11/1965, bom đạn Mỹ đã giết hại 13 người (Võ Nhai 10 người, Phú Bình 3 người), bị thương 29 người khác (Võ Nhai 24 người, Phú Bình 5 người); Quốc lộ 1B bị hỏng nhẹ 1 đoạn. Ngày 1/12/1965, 1 tốp 4 máy bay Mỹ bắn rốc két xuống thị trấn Trại Cau làm chết 1 người và bị thương 7 người khác. Hầu hết những người bị chết và bị thương do máy bay địch đánh phá ngày 16/11 và ngày 1/12/1965 đều ở ngoài hầm trú ẩn.

Trước tình hình máy bay Mỹ tăng cường đánh phá hệ thống giao thông và các cơ quan công, nông trường trên địa bàn tỉnh làm nhiều người bị thương, vong, Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác phòng không, phát động nhân dân đào thêm hầm, hào trú ẩn ở những nơi công cộng và dọc các tuyến đường giao thông; chỉ đạo các cơ quan chức năng kiện toàn tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng đảm bảo giao thông vận tải trong tình huống địch đánh phá ác liệt.

Rút kinh nghiệm công tác huy động lực lượng đảm bảo giao thông sau trận ngày 17/10/1965 và nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh đối với công tác đảm bảo giao thông, vận tải thời chiến, kịp thời đối phó với âm mưu và hành động đánh phá giao thông ngày càng ác liệt của địch, ngày 11/12/ 1965, Ủy ban hành chính tỉnh quyết định kiện toàn Ban đảm bảo giao thông vận tải thời chiến tỉnh do các đồng chí Nguyễn Thế Đạt (Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh) làm Trưởng ban, Nguyễn Xuyên (Trưởng ty

Giao thông) làm Phó ban thường trực, Nguyễn Quốc Thành (Tỉnh đội phó) làm Phó ban phụ trách đường trọng điểm và các đồng chí: Lê Kim Quý (Phó ty Công an), Đồng Văn Dương (Trưởng ty Bưu điện), Đặng Thanh Cao (Bí thư Tỉnh Đoàn), Nguyễn Văn Hương (Phó ty Lao động) làm Ủy viên. Quyết định của Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh nêu rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Ban đảm bảo giao thông vận tải tỉnh là:

1- Lãnh đạo, chỉ đạo toàn bộ công tác đảm bảo giao thông vận tải trong tỉnh gồm các công tác cầu đường, bốc dỡ, chuyển tải, vận tải (kể cả đường sắt), làm cho giao thông, vận tải trên địa bàn tỉnh được thông suốt trong mọi tình huống.

2- Chuẩn bị khả năng về nhân lực, nguyên liệu thiết bị, phương tiện để kịp thời huy động đối phó với hành động đánh phá giao thông của địch; có phương án chiến đấu, tổ chức lực lượng dân quân, tự vệ, thanh niên sửa chữa cầu, đường, bến phà và vận chuyển hàng hoá.

3- Thống nhất chỉ huy và điều động nhân lực, nguyên vật liệu, phương tiện phục vụ cho công tác đảm bảo giao thông thời chiến. Chịu trách nhiệm tổ chức sửa chữa cầu, đường, phà, chuyên chở, bốc dỡ hàng hoá, phân phối kho tàng, bến bãi.

4- Tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các Ban đảm bảo giao thông vận tải cấp dưới.

Cùng với việc kiện toàn Ban đảm bảo giao thông vận tải thời chiến các cấp, để có lực lượng sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải trong tình huống

bị địch đánh phá ác liệt, thực hiện chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, cuối tháng 11, đầu tháng 12/1965, Ban chỉ huy Tỉnh đội quyết định điều động cán bộ, tuyển tân binh thành lập Đại đội 91 và Trung đội 4, Trung đội 5 công binh (bộ đội địa phương) làm nhiệm vụ cơ động đảm bảo giao thông, vận tải ở các trọng điểm nằm trên địa bàn tỉnh. Ban chỉ huy Đại đội 91 gồm các đồng chí Vũ Huy Đát (Đại đội trưởng), Nông Đình Niên (Chính trị viên), Hoàng Văn Thời (Đại đội phó); Vũ Văn Ngọc (Chính trị viên phó) Chỉ huy Trung đội 4 gồm 2 đồng chí: Hà Đức Bình (Trung đội trưởng), Phạm Văn Mã (Trung đội phó); Chỉ huy Trung đội 5 gồm 2 đồng chí: Nguyễn Văn Cường (Trung đội trưởng), Dương Văn Bảng (Trung đội phó).

Ngày 13/12/1965, theo đề nghị của Đảng uỷ Tỉnh đội, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra quyết định thành lập các chi bộ Đại đội 91, Trung đội 4 và Trung đội 5 trực thuộc Đảng bộ Tỉnh đội. Chi bộ Đại đội 91 gồm 14 đảng viên (13 chính thức, 1 dự bị) do các đồng chí Nông Đình Niên (Chính trị viên đại đội) làm Bí thư, Vũ Huy Đát (Đại đội trưởng) làm Phó Bí thư và các đồng chí Hoàng Văn Thời, Vũ Văn Ngọc, Ngô Thường Dụ làm Chi uỷ viên. Chi bộ Trung đội 4 gồm 6 đảng viên (5 chính thức, 1 dự bị) do các đồng chí Trung đội trưởng và Trung đội phó làm Bí thư và Phó Bí thư. Chi bộ Trung đội 5 gồm 7 đảng viên (5 chính thức, 2 dự bị) do các đồng chí Trung đội trưởng và Trung đội phó làm Bí thư và Phó Bí thư. Sau khi kiện toàn bộ máy chỉ huy và lãnh đạo, tuyển tân binh, ổn định biên chế tổ chức, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 91 và các trung đội 4 và 5 bộ đội công binh tỉnh đã nhanh chóng hoàn

thành nhiệm vụ huấn luyện, lên đường làm nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải ở các trọng điểm cầu Đa Phúc (Đại đội 91), ngầm Sơn Cẩm (Trung đội 4) và phà Thác Oánh (Trung đội 5).

Thực hiện Thông tư số 71 của Thủ tướng Chính phủ, đầu tháng 12/1965, Tỉnh ủy giao cho Tỉnh Đoàn thanh niên thành lập Đội 91 thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước tập trung, làm nhiệm vụ xung kích phục vụ chiến đấu và đảm bảo giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh. Thực hiện quyết định của Tỉnh ủy, chỉ sau một thời gian ngắn, Tỉnh Đoàn thanh niên đã thành lập xong Đội 91 gồm 5 đại đội (mang phiên hiệu từ đại đội 911 đến đại đội 915) với 600 đội viên do đồng chí Nghiêm Xuân Đạo (Phó Bí thư Tỉnh Đoàn) làm Đội trưởng và hai đồng chí Nguyễn Thế Cường (cán bộ trung cấp giao thông - ty giao thông), Bùi Quế (Bí thư Thành Đoàn Thái Nguyên) làm Đội phó.

Nhằm tăng cường hệ thống giao thông vận tải ở phía bắc và đông bắc thủ đô Hà Nội, theo sự thoả thuận giữa hai Đảng và Chính phủ hai nước Việt Nam - Trung Quốc, từ cuối năm 1965, Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc đã cử một số đơn vị công binh sang giúp ta xây dựng, sửa chữa và nâng cấp một số tuyến đường sắt và đường ô tô quan trọng. Trên địa bàn Thái Nguyên, các đơn vị C18, C19 thuộc Chi đội 4¹ giúp ta sửa chữa, nâng cấp đoạn Quốc lộ 3 từ ngã ba Bờ Đậu (Phú Lương) lên cầu Ổ Gà (Chợ

1. Chi đội tương đương sư đoàn

Mới). Trên cơ sở nền đường cũ, các đơn vị C18, C19 đã mở rộng nền đường, làm lại và rải đá toàn bộ mặt đường.

Đơn vị C3 thuộc Chi đội 1, giúp ta làm đường sắt Kép - Lưu Xá rộng 1 mét 40, làm thêm đường sắt 1 mét 40 Lưu Xá - Đa Phúc và làm một đường hầm dài 260 mét ở đoạn toa xe Lương Sơn.

Việc các đơn vị bộ đội công binh Trung Quốc sang giúp xây dựng, sửa chữa và nâng cấp một số đường giao thông quan trọng trên địa bàn tỉnh ta từ những tháng cuối năm 1965 đã góp phần rất to lớn đảm bảo giao thông thời chiến, không những chỉ đối với Thái Nguyên mà còn đối với cả nước. Đây là một việc làm thể hiện sự ủng hộ của Đảng, Chính phủ, quân đội và nhân dân Trung Quốc đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Nhân dân các dân tộc Thái Nguyên rất biết ơn sự giúp đỡ quý báu đó của Đảng, Chính phủ, quân đội và nhân dân Trung Quốc.

Để giúp Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo công tác phục vụ các đơn vị bộ đội công binh Trung Quốc, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định thành lập Ban Ngoại vụ tỉnh do đồng chí Triệu Văn Tịnh (Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh) làm Trưởng ban; đại diện Ban chỉ huy Tỉnh đội và các ty Công an, Giao thông, Lâm nghiệp làm Phó ban. Tại các huyện (thành) có bộ đội công binh Trung Quốc đến làm nhiệm vụ đều thành lập 1 tổ Ngoại vụ do một đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ (Thành uỷ) phụ trách. Ngay sau khi được thành lập, Ban Ngoại vụ tỉnh và các tổ Ngoại vụ ở các huyện (thành) đã khẩn

trương kiện toàn biên chế, tổ chức, xây dựng nền nếp chế độ làm việc. Nhờ đó, cuối năm 1965, khi các đơn vị bộ đội công binh Trung Quốc sang tới Thái Nguyên, Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ giúp Bạn khắc phục khó khăn, nhanh chóng ổn định chỗ ăn, ở, kịp thời triển khai nhiệm vụ theo đúng kế hoạch đã thoả thuận giữa Đảng, Chính phủ hai nước Việt Nam và Trung Quốc¹.

Nhờ cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp trong tỉnh có chủ trương lãnh đạo và chỉ đạo kịp thời, kiên quyết; các ngành chức năng có nhiều cố gắng xây dựng lực lượng chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đảm bảo giao thông vận tải thời chiến, cộng với sự giúp đỡ to lớn của

1. Đến tháng 6/1967, các đơn vị C17, C18 bộ đội công binh Trung Quốc đã hoàn thành nhiệm vụ sửa chữa, nâng cấp Quốc lộ 3 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Chất lượng công trình đảm bảo tốt theo thiết kế 300 lượt ô tô qua lại trong một ngày đêm. Do yêu cầu vận tải của ta quá lớn, nên đoạn từ km31 đi cầu Ổ Gà (Chợ Mới - Bắc Kạn) lưu lượng xe ô tô qua lại trung bình một ngày đêm lên tới 500 lượt chiếc, đoạn từ ngã ba Bờ Đậu đến km31 trung bình một ngày đêm lên tới 800 lượt chiếc, vì vậy chỉ một thời gian ngắn sau khi ta đưa vào sử dụng thì mặt đường ở những đoạn đường vòng đã xuất hiện ổ gà, gợn sóng và bong nhựa. Cuối năm 1967, đơn vị C3 bộ đội công binh Trung Quốc đã làm xong đường sắt khổ rộng 1mét40 từ Kép đi Lưu Xá; đến tháng 3/1969 làm xong đường sắt khổ rộng 1mét40 từ Lưu Xá đi Đa Phúc và làm xong đường hầm dài 260m ở Đoạn toa xe Lương Sơn. Trong quá trình sửa chữa, nâng cấp và xây dựng đường, các đơn vị C18, C19, C3 bộ đội công binh Trung Quốc đã tổ chức chiến đấu tại chỗ, bắn rơi 3 máy bay Mỹ (C18, C19 bắn rơi 2 chiếc, C3 bắn rơi 1 chiếc), 49 cán bộ, chiến sĩ thuộc 2 đơn vị C18, C19 bị thương, vong.

các đơn vị bộ đội công binh Trung Quốc, năm 1966 nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên sẵn sàng đối phó với tình huống không quân Mỹ đánh phá ác liệt hệ thống giao thông vận tải trên địa bàn.

Qua gần 3 tháng (từ ngày 17/10 đến ngày 19/12/1965) trực tiếp đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã bước đầu vượt qua được thử thách ác liệt và hy sinh, làm tốt công tác phục vụ chiến đấu và chiến đấu, cùng với các đơn vị bộ đội chủ lực của Quân khu và Bộ bắn rơi 2 máy bay Mỹ, góp phần đưa số máy bay Mỹ bị quân và dân miền Bắc bắn rơi lên 834 chiếc. Trên các mặt trận đảm bảo giao thông vận tải thời chiến, sản xuất, huy động sức người, sức của cho chiến trường, 100% các huyện, thành trên địa bàn tỉnh đều vượt chỉ tiêu; đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh được giữ vững và ổn định. Những thắng lợi bước đầu đó là cơ sở cho nhân dân và các lực lượng vũ trang trong tỉnh tiến lên giành nhiều thắng lợi hơn nữa trong năm 1966.

Tuy từ ngày 20/12/1965, máy bay Mỹ không trực tiếp đánh phá Thái Nguyên, nhưng từ thực tiễn 3 tháng đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, ngày 7/2/1966, Tỉnh uỷ họp, ra Nghị quyết chỉ rõ âm mưu, thủ đoạn đánh phá của địch "Năm 1966 địch sẽ đánh phá Bắc Thái ác liệt hơn, mục tiêu đánh phá của chúng sẽ là Khu công nghiệp Thái

Nguyên và các trọng điểm giao thông nằm trên Quốc lộ 3 và Quốc lộ 1B. Nhiệm vụ đặt ra cho quân và dân Bắc Thái là phải lấy sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu làm mục tiêu; phải tăng cường chuẩn bị để đối phó với chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ với quy mô ngày càng lớn và tính chất ngày càng ác liệt hơn. Tích cực củng cố căn cứ địa; chuẩn bị trận địa, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh phá hoại của địch trong mọi tình huống".

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh uỷ và để đảm bảo sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng phù hợp với quy mô tổ chức và sát với nhiệm vụ của từng ban, ngành ở các cơ quan Tỉnh đội, ngày 22/2/1966, Đảng uỷ Tỉnh đội quyết định thành lập các chi bộ ở các ban: Tham mưu, Chính trị, Hậu cần¹. Ngay sau khi thành lập các chi bộ cơ quan Tỉnh đội đã nhanh chóng ổn định tổ chức, phân chia tổ Đảng, duy trì tốt nền nếp, chế độ sinh hoạt, công tác, học tập, từng bước lãnh đạo các cơ quan Tỉnh đội ngày càng tiến bộ và trưởng thành.

Đầu năm 1966, để đảm bảo công sự, trận địa cho quân chủng Phòng không - Không quân đưa một số đơn vị tên

1. Chi bộ Tham Mưu do đồng chí Nguyễn Long Bảo (Tham mưu trưởng) làm Bí thư

Chi bộ Ban Hậu Cần do đồng chí Nguyễn Thế Địch (Chủ nhiệm Hậu Cần) làm Bí thư

Chi bộ Ban Chính trị do đồng chí Hà Nhân Dân (Chủ nhiệm Chính trị) làm Bí thư

lửa cơ động lên chiến đấu trên địa bàn tỉnh, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã cử đại úy Hoàng Ích Tân (Phó Tham mưu trưởng) phụ trách một số cán bộ các cơ quan Tỉnh đội làm nhiệm vụ chỉ đạo Ban chỉ huy các Huyện đội, Thành đội huy động dân quân, tự vệ làm gấp một số công sự, trận địa đảm bảo cho bộ đội tên lửa triển khai chiến đấu. Ba tháng đầu năm 1966, Ban chỉ huy Huyện đội các huyện Phổ Yên, Phú Lương, Phú Bình, Đồng Hỷ và thành phố Thái Nguyên đã huy động hàng ngàn lượt dân quân, tự vệ và nhiều phương tiện san ủi, đào đắp được hàng chục ngàn mét khối đất đá, xây dựng xong 7 trận địa tên lửa nằm trên địa bàn tỉnh. Tại huyện Phú Bình, hàng trăm dân quân các xã Bảo Lý, Tân Kim, Tân Hoà, Tân Khánh, Lương Sơn, Xuân Phương, Hồng Phong, (nay là Úc Kỳ), Cáp Tiến (nay là Kha Sơn) đã được huy động tham gia xây dựng trận địa tên lửa ở xã Lương Sơn. Sau 7 ngày, đêm lao động miệt mài, trong điều kiện mưa dầm, gió bắc, dân quân huyện Phú Bình đã hoàn thành việc xây dựng trận địa tên lửa ở xã Lương Sơn với tổng khối lượng đào, đắp hơn 2 nghìn mét khối đất, đá. So với chỉ tiêu được giao, dân quân các xã Bảo Lý đã làm vượt 25 mét khối, Lương Sơn vượt 15 mét khối. Đặc biệt 22 cán bộ, chiến sĩ Trung đội dân quân xóm Hải Ninh (xã Tân Kim) đốt đuốc đào, đắp trong một đêm được 51,5 mét khối đất, đá (bình quân mỗi người đạt 2,3 mét khối). Các cụ phụ lão xã Lương Sơn thay nhau nấu nước uống, mang ra tận công trường xây dựng trận địa tên lửa, phục vụ dân quân làm trận địa. Tuy xây dựng trận địa tên lửa là nhiệm vụ

đột xuất, nhưng được sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh và sự ủng hộ nhiệt tình của các ban, ngành chức năng, Ban chỉ huy Tỉnh đội làm tốt công tác chỉ huy các Huyện đội (Thành đội) huy động dân quân ra làm trận địa, nên cuối tháng 2, đầu tháng 3 năm 1966, các đơn vị tên lửa đã có trận địa để triển khai chiến đấu, kịp thời trừng trị máy bay Mỹ xâm phạm vùng trời Thái Nguyên. Vào hồi 14giờ 54 phút ngày 3/3/1966, đơn vị bộ đội tên lửa bảo vệ Khu gang thép Thái Nguyên đã bắn 1 máy bay trinh sát không người lái của Mỹ bay từ Phú Bình lên Võ Nhai rơi xuống xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ. Đây là chiếc máy bay Mỹ bị bắn rơi đầu tiên trên vùng trời Thái Nguyên năm 1966.

Trước tình hình máy bay Mỹ tăng cường trinh sát Thái Nguyên, đầu tháng 3/1966, Ban chỉ huy Tỉnh đội gửi điện nhắc các Ban chỉ huy Huyện đội (Thành đội) và các cơ quan, đơn vị: "Phải đề phòng địch không trinh sát trước mà bất ngờ đánh phá ngay vào Khu công nghiệp Thái Nguyên, các trận địa phòng không và các trọng điểm giao thông trên các quốc lộ số 3 và 1B, phải đề phòng địch đánh sáng sớm và chiều tối. Các đơn vị trực chiến của dân quân, tự vệ phải thường trực sẵn sàng chiến đấu".

Tiếp đó, Ban chỉ huy Tỉnh đội chỉ đạo các Huyện đội, Thành đội tăng cường công tác xây dựng, phát triển lực lượng dân quân, tự vệ, đáp ứng yêu cầu phục vụ chiến đấu và chiến đấu. Quý I/1966, các huyện, thành trên địa

bàn Thái Nguyên đã phát triển thêm được 1350 dân quân, tự vệ. Xã Phúc Chu (huyện Định Hóa) – một xã miền núi xa xôi - đã xây dựng được 1 đại đội lão dân quân với sự tham gia của 120 cụ, có tác dụng rất lớn động viên các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, đặc biệt là tầng lớp thanh niên tích cực tham gia xây dựng lực lượng bán vũ trang ở địa phương.

Về phía địch, sau hơn 1 tháng (kể từ ngày 24/12/1965 tạm ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, ngày 31/1/1966, giặc Mỹ tiếp tục mở các đợt đánh phá mới, ác liệt hơn ra phạm vi toàn miền Bắc.

Để đối phó với các đợt đánh phá mới của địch, Ủy ban hành chính tỉnh tổ chức các đoàn cán bộ đi kiểm tra, đôn đốc công tác phòng không, sơ tán ở Khu gang thép Thái Nguyên, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, Nhà máy điện Cao Ngạn, thị trấn Ba Hàng (huyện Phổ Yên) và một số trọng điểm có thể bị địch đánh phá ở thành phố Thái Nguyên và huyện Phú Lương. Qua kiểm tra, các đơn vị trên đã có 49.600 người sơ tán xa các trọng điểm máy bay địch có thể đánh phá từ 1 km đến 5 km. Nhân dân ở các khu vực cầu Gia Bẫy, ga Lưu Xá đã sơ tán triệt để. Nhân dân thị trấn Ba Hàng mới sơ tán được 46 hộ trên tổng số 140 hộ, nhân dân khu vực cầu Giang Tiên (huyện Phú Lương) mới sơ tán được 17 hộ trên tổng số 28 hộ. Trước tình hình đó, các đoàn kiểm tra của tỉnh đã chỉ đạo các huyện Phổ Yên, Phú Lương nhanh chóng tổ chức khắc phục.

Nhằm tăng cường lực lượng đảm bảo giao thông, vận tải trên địa bàn tỉnh luôn luôn kịp thời, thông suốt trong tình huống máy bay địch đánh phá ác liệt nhất, đầu

tháng 4/1966, theo chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã tổ chức thành lập Tiểu đoàn 19 công binh (bộ đội địa phương) làm nhiệm vụ cơ động đảm bảo giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở Đại đội 91 và các trung đội 4 và 5 cùng một số cán bộ, chiến sĩ công binh Đoàn 250 do Quân khu điều về, Ban chỉ huy Tỉnh đội xây dựng Tiểu đoàn 19 gồm 2 đại đội 91, 92 và Trung đội trinh sát công binh. Ban chỉ huy Tiểu đoàn 19 gồm các đồng chí: đại úy Hoàng Quốc Xuân (Tiểu đoàn trưởng), trung úy Cao Xuân Thư (quyền Chính trị viên), thượng úy Lê Văn Phụ (Tiểu đoàn phó) và trung úy Hoàng Văn Lịch (Chính trị viên phó). Về lãnh đạo, Tiểu đoàn 19 thành lập 1 Đảng bộ gồm 3 chi bộ¹ với 51 đảng viên do các đồng chí Cao Xuân Thư (quyền Chính trị viên tiểu đoàn) làm Bí thư Đảng uỷ, Hoàng Quốc Xuân (Tiểu đoàn trưởng) làm Phó Bí thư Đảng uỷ, và các đồng chí: Lê Văn Phụ (Tiểu đoàn phó), Hoàng Văn Tỉnh (Chính trị viên Đại đội 91, Bí thư chi bộ Đại đội 91 - Trung đội trinh sát), Nguyễn Văn Ngư (Chính trị viên, Bí thư chi bộ Đại đội 92), Lê Văn Khanh (Tham mưu trưởng Tiểu đoàn), Nguyễn Trung Tiến (Bí thư chi bộ Tiểu đoàn bộ) làm Đảng uỷ viên.

Từ giữa tháng 4/1966, máy bay địch tăng cường các hoạt động trinh sát trên vùng trời Thái Nguyên. 14 giờ 20 phút ngày 23/4/1966, địch cho 12 máy bay trinh sát vũ trang, chia làm 3 tốp, bay thành nhiều tầng, nhiều hướng

1. Chi bộ Đại đội 91 - Trung đội trinh sát, Chi bộ Đại đội 92 và Chi bộ Tiểu đoàn bộ.

vào trinh sát thành phố Thái Nguyên. Các lực lượng phòng không bảo vệ Thành phố đã cảnh giác cao, nổ súng bắn rơi tại chỗ 2 máy bay phản lực F105, tiêu diệt giặc lái. Cuối tháng 4/1966, 3 hàng không mẫu hạm của địch tiến ra vùng biển bắc Nghệ Tĩnh. 8 giờ sáng ngày 28/4/1966, Ủy ban hành chính tỉnh được Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc thông báo: "Địch có khả năng đánh sâu, đánh lớn vào Quân khu. Tỉnh cần có kế hoạch để các lực lượng vũ trang chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu cao nhất cả ngày, lẫn đêm, trong mọi thời tiết. Cần chú ý bảo vệ các mục tiêu kinh tế, quốc phòng, các trọng điểm giao thông, các nơi đông dân cư. Có biện pháp ổn định tư tưởng cho nhân dân khi bị địch đánh phá. Tích cực thi đua, quyết tâm bắn rơi tại chỗ máy bay thứ 1000 bằng mọi loại vũ khí". Sau khi nhận được thông báo, Ủy ban hành chính tỉnh điện ngay cho các đơn vị vũ trang đóng quân trên địa bàn; đồng thời cử cán bộ đi kiểm tra công tác phòng không, sơ tán ở khu vực thành phố Thái Nguyên. 16 giờ chiều 28/4/1966, Ban chỉ huy Trung đoàn 210 nhận được lệnh của Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân vào sẵn sàng chiến đấu cấp I. Tiếp đó, 2 giờ 15 phút sáng 29/4/1966, Văn phòng Trung ương Đảng điện thông báo cho Tỉnh ủy "Ngày 29/4/1966, địch có khả năng sẽ đánh phá Bắc Thái. Phải cho dân sơ tán ra khỏi các khu vực Gang thép, Cao Ngạn, Quán Triều, Gia Bẫy, Đồng Bầm". Văn phòng Tỉnh ủy đã kịp thời thông báo cho Ủy ban hành chính tỉnh, Thành ủy Thái Nguyên, Công ty gang thép Thái Nguyên và các cơ quan, đơn vị biết, chuẩn bị đối phó.

Tại Công ty gang thép Thái Nguyên, sau khi nhận được thông báo của Văn phòng Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ, Ban Giám đốc và Ban chỉ huy phòng không khẩn trương hội ý và quyết định:

- Tổ chức ngay lực lượng chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

- Đôn đốc sơ tán triệt để những người không có nhiệm vụ sản xuất và những bộ phận làm việc không trọng yếu.

- Kiểm tra, củng cố hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống báo động phòng không, có kế hoạch xử lý trong sản xuất.

Tại Trung đoàn 210, cán bộ các cơ quan Trung đoàn bộ thay nhau xuống các trận địa kiểm tra, điều chỉnh quyết tâm và chỉ đạo huấn luyện chiến đấu. Tại các đại đội pháo cao xạ 100mm, cán bộ, chiến sĩ luyện tập thuần thục cách bắn trực tiếp, không dùng khí tài ra đa và máy chỉ huy. Các đồng chí lãnh đạo Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh và Thành uỷ Thái Nguyên đã trực tiếp xuống các đơn vị cơ sở Trung đoàn 210 thăm hỏi, động viên cán bộ, chiến sĩ. Ban chỉ huy Trung đoàn 210 quyết định:

- Lệnh cho các trận địa không được tự động bắn máy bay trinh sát để giữ yếu tố bí mật và bất ngờ.

- Khi có máy bay địch, các đồng chí Trung đoàn trưởng và Chính uỷ lên nóc hầm, chỉ huy bắn máy bay bay thấp; Trung đoàn phó và Tham mưu trưởng ở dưới hầm, chỉ huy đánh địch theo thông báo của mạng ra đa tình báo cấp trên.

Ngày 29/4/1966, đúng như nhận định của Trung ương và Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, 14 giờ 47 phút địch

cho 2 tốp máy bay hoạt động ở đông, đông - bắc thành phố Thái Nguyên 80km; 15 giờ 07 phút, từ các vọng quan sát máy bay địch bằng mắt của Trung đoàn 210 ở Đèo Khế (Đại Từ), Phú Lương, Võ Nhai.. dồn dập báo về có máy bay địch bay thấp hoạt động. Còi báo động phòng không thành phố Thái Nguyên rú lên từng hồi liên tiếp, hệ thống loa phóng thanh của Thành phố liên tục thông báo tình hình hoạt động của máy bay địch. Các tổ chiến đấu và phục vụ chiến đấu của dân quân, tự vệ Thành phố nhanh chóng có mặt ở các vị trí chiến đấu. Cán bộ, chiến sĩ tự vệ xưởng Hàn tán và phòng Thiết kế (Công ty gang thép Thái Nguyên) chạy gần 1km đến các trận địa pháo cao xạ của Trung đoàn 210 kịp thời phục vụ chiến đấu. Tiểu đội dân quân xã Bá Sơn (huyện Đồng Hỷ) nhanh chóng vận động ra trận địa phối hợp chiến đấu với đơn vị công an vũ trang. Em Bùi Văn Hoà mới 13 tuổi, nhà ở xã Túc Duyên, đang chăn trâu, nghe báo động phòng không, biết ở nhà chú mình có một hòm đạn, vội chạy về vác lên trận địa cho các chú dân quân.

15 giờ 9 phút, từ hướng Núi Voi, 2 máy bay phản lực Mỹ bay ở độ cao khoảng 800 mét lao thẳng về phía cầu Gia Bẫy; cùng lúc đó, từ hướng đông bắc thành phố Thái Nguyên, 4 máy bay phản lực khác theo dãy núi Linh Nham bay về hướng đông nam Thành phố, rồi vòng lên theo hướng đường sắt Trại Cau - Gang thép. Theo dõi chặt chẽ hoạt động của máy bay địch, từ nóc hầm Sở chỉ huy Trung đoàn 210 ở xã Tích Lương (huyện Đồng Hỷ), Trung đoàn trưởng Nguyễn Luân dùng máy 2 oát hạ lệnh cho các phân đội súng máy cao xạ của các đại đội 103, 104

và Đại đội 304 (cao xạ 37 mm) phối hợp với các loại hoả lực tầm thấp của dân quân, tự vệ Thành phố nổ súng quyết liệt, đánh trả 2 tốp máy bay của địch từ hướng Núi Voi lao xuống. Các loạt đạn 14,5mm, 37mm, 57mm rượt đuổi, bám riết theo 2 chiếc máy bay này, 1 chiếc trúng đạn, vội bay vòng lại theo hướng đông bắc Thành phố hòng thoát thân, nhưng chỉ đến khu vực xã Văn Lăng (huyện Võ Nhai) thì bị rơi cùng với 4 quả bom chưa kịp ném. Đây là chiếc máy bay thứ 999 bị quân và dân miền Bắc bắn rơi. Còn tốp thứ hai 4 chiếc F105 bay theo hướng đường sắt Trại Cau - Gang thép, đến khu vực Lò cao, 2 chiếc đầu bay thấp hơn, bất ngờ bỏ nhào ném bom ga Lưu Xá và ga Lập Tàu, các loại hoả lực phòng không của ta không kịp đánh trả; 2 chiếc sau bay cao hơn, bỏ nhào định ném bom thì bị các loại hoả lực phòng không của ta đồng loạt bắn trả, không cất được bom, 1 chiếc trúng đạn bị thương bay về hướng Tây Bắc. Tiếp đó, 6 chiếc máy bay F105 khác cũng từ hướng đông bắc Thành phố, bay thấp theo dãy núi Linh Nham xuống phía Nam, rồi đột ngột quay lên hướng Gang thép, bỏ nhào ném bom ga Lưu Xá, ga Lập Tàu, xóm Tiến Thành (xã Quyết Thắng - huyện Đồng Hỷ), bắn đạn rốc két xuống Nhà máy điện Cao Ngạn. Các lực lượng phòng không của ta tập trung bắn mãnh liệt vào khu vực máy bay địch bỏ nhào. Tại trận địa Đại đội 101 (pháo cao xạ 100mm) trên đồi Tiến Lập, xã Gia Sàng, (cách ga Lưu Xá khoảng 600 mét về phía Tây Bắc), dưới sự chỉ huy của Đại đội phó Nguyễn Văn Hữu và Chính trị viên Nguyễn Quang Thịnh, 8 khẩu pháo cao xạ 100mm bắn tập trung vào chiếc F105 đi đầu

từ lúc nó vọt lên lấy độ cao, bỏ nhào ném bom. Hai loạt đạn đầu nổ rất chụm, nhưng lại vọt cao liên tục; máy bay địch ném 4 quả bom vào gần trận địa, đất đá bắn tung toé, khói bụi bay mù mịt. Không nao núng, các pháo thủ bình tĩnh cất lại ngòi nổ, nhằm vào chiếc thứ hai, bắn dựng thành màn đạn cố định vào khu vực bỏ nhào. Loạt đạn thứ nhất sau khi các pháo thủ cất lại ngòi nổ đã bắn trúng chiếc máy bay F105 bay thứ hai, làm nó cháy bùng lên như một bó đuốc lớn, lao xuống cánh đồng làng Chùa, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương, tên giặc lái máy bay Mỹ bị tiêu diệt, lúc đó là 15 giờ 22 phút ngày 29/4/1966. Đây là chiếc máy bay Mỹ thứ 1000 bị quân và dân ta bắn rơi trên miền Bắc.

Khi phát hiện máy bay Mỹ bị bắn rơi, Ban giám thị trại giam Phú Sơn lập tức cử 1 tổ cảnh sát đem, theo chó nghiệp vụ, vận động đến địa điểm máy bay rơi làm công tác bảo vệ hiện trường và lùng bắt giặc lái.

Trong các khu vực bị máy bay địch đánh phá ác liệt, tự vệ các xưởng Bê tông, Gạch chịu lửa, Đường sắt, Tổng kho khối Cung ứng, Tổng đội 62 (thuộc Công ty gang thép Thái Nguyên) vẫn bình tĩnh chiến đấu. Tại khu vực ga Lập Tàu - nơi bị máy bay Mỹ ném bom ác liệt - đảng viên Nguyễn Văn Đấu vừa chỉ huy tự vệ chiến đấu đánh trả máy bay địch, vừa bình tĩnh hướng dẫn hàng trăm công nhân (phần lớn là phụ nữ) đang bốc xếp gang thổi rút ra khỏi vùng nguy hiểm, hạn chế được số người bị thương, vong¹. Đồng chí Minh Đoàn ở tổ tải thương, khối 37 Lưu

1. 6 người chết, 26 người bị thương.

Xá, mặc cho máy bay Mỹ gầm rít trên đầu, bom đạn địch nổ rền bốn phía, vẫn dũng cảm lao lên trận địa phục vụ chiến đấu.

Trận đánh chiều 29/4/1966, giặc Mỹ huy động 15 máy bay phản lực hiện đại gồm các loại F105, RF101, F4, với các thủ đoạn chiến thuật nham hiểm: bay nhiều tầng, nhiều hướng, vừa nghi binh, vừa đánh phá, vừa trinh sát mục tiêu. Máy bay của chúng đã ném xuống ga Lưu Xá và ga Lập Tàu 36 quả bom phá, làm hỏng 14 toa tàu, 1 ô tô ray, 24 đoạn đường sắt dài khoảng 800 mét, hệ thống ghi, hệ thống tín hiệu bị hư hỏng, làm cho việc vận chuyển nguyên, vật liệu bằng đường sắt từ ngoài vào Khu gang thép Thái Nguyên tạm thời bị gián đoạn; ngoài ra, máy bay của chúng còn ném xuống xóm Tiến Thành (xã Quyết Thắng, huyện Đồng Hỷ) 4 quả bom phá, làm hỏng 13 gian nhà, bị thương 25 người (trong đó có 17 phụ nữ); bắn rốc két xuống Nhà máy điện Cao Ngạn, làm đứt dây cao thế và thủng tường nhà kho.

Trong đạn, bom ác liệt của giặc Mỹ, quân và dân Thái Nguyên đã tỏ ra vững vàng, dũng cảm, kiên cường chiến đấu, bắn rơi tại chỗ chiếc máy bay Mỹ thứ 999 và chiếc máy bay Mỹ thứ 1000 trên miền Bắc và bắn bị thương 1 chiếc khác.

Được tin cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 210 phối hợp với các lực lượng vũ trang thành phố Thái Nguyên bắn rơi tại chỗ 2 chiếc máy bay Mỹ thứ 999 và thứ 1000 trên miền Bắc, đêm 29/4, đồng chí Tư lệnh Quân khu Việt Bắc: Đại tá Đàm Quang Trung đã gửi điện biểu dương cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 210 và gửi quà tặng Đại đội 101 (đơn

vị trực tiếp bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1000); đồng thời chỉ thị cho cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 210 tổ chức rút kinh nghiệm ngay, để các trận chiến đấu tới lập công xuất sắc hơn.

Tin quân và dân Thái Nguyên bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1000 trên miền Bắc đã làm cho quân và dân cả nước nức lòng; 173 tập thể và cá nhân ở trong và ngoài nước đã gửi điện và thư đến chúc mừng. Trong thư chúc mừng của các đồng chí Đại tá Đàm Quang Trung, Tư lệnh và Đại tá Dương Đại Lâm, Phó Chính uỷ Quân khu Việt Bắc có đoạn: "Thay mặt toàn thể cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Quân khu, chúng tôi nhiệt liệt hoan nghênh thành tích to lớn của quân và dân Thái Nguyên. Chúc quân và dân Thái Nguyên đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu; tăng cường đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết các lực lượng vũ trang; ra sức thi đua sản xuất, sẵn sàng chiến đấu cao và chiến đấu giỏi; đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân, đặc biệt tổ chức tốt các trận địa bắn máy bay bay thấp để bắn rơi nhiều máy bay Mỹ, bảo vệ vững chắc Khu căn cứ địa và lập thành tích rực rỡ về mọi mặt hơn nữa". Thư của cán bộ công nhân Nhà máy nhựa Hải Phòng viết "Để thể hiện tinh thần hợp đồng tác chiến trên hai mặt trận sản xuất và chiến đấu, toàn thể cán bộ, công nhân Nhà máy nhựa Hải Phòng nhiệt liệt hoan nghênh thành tích bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1000 của quân và dân Thái Nguyên. Chúng tôi xin gửi tặng đơn vị trực tiếp bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1000 trên miền Bắc 20 đôi dép nhựa do chúng

tôi làm ra, đó là những sản phẩm vượt mức kế hoạch do tiết kiệm nguyên liệu". Thư chúc mừng của kiều bào Thái Lan về nước ở phố Tân Hương, xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình có đoạn "Kiều bào chúng tôi cảm thù sâu sắc giặc Mỹ vô lương, nên đã đoàn kết, ra sức tăng gia, sản xuất nhiều lúa, ngô, khoai, sắn và rau xanh các loại; chăn nuôi giỏi, sản xuất cừ, đảm bảo đủ ăn và cung cấp cho bộ đội ăn no, đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Chúng tôi nhiệt liệt hoan nghênh chiến công xuất sắc của quân và dân Thái Nguyên bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1000 trên miền Bắc, và thân tặng đơn vị có thành tích bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1000 một tạ gạo và một con lợn 60kg mà bà con kiều bào đã tiết kiệm và quyên góp được". Đồng bào tỉnh Sơn La gửi tặng 20 huy hiệu "Quyết thắng" cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân có thành tích xuất sắc nhất bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1000. Cán bộ, công nhân Nông trường quốc doanh 2/9 (Bộ Nông trường) tổ chức lao động, lấy tiền mua tặng 1 con bò; cán bộ, giáo viên Trường sư phạm tỉnh Thái Bình gửi tặng 150kg gạo v.v.

Trong niềm vui chiến thắng, tối 30/4/1966, tại thành phố Thái Nguyên hàng nghìn nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Thái Nguyên tổ chức mít tinh, mừng chiến công bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1000 trên miền Bắc. Các đồng chí Bí thư Khu uỷ kiêm Chính uỷ Quân khu Việt Bắc và Bí thư Tỉnh uỷ đã đến dự, biểu dương chiến công của quân và dân Thái Nguyên.

Bị thất bại nặng nề, giặc Mỹ điên cuồng đánh phá Thái Nguyên, nhưng càng đánh phá, chúng càng thất bại. Ngày 5/5/1966, trưng trị 10 máy bay Mỹ đến ném bom, bắn phá khu vực các mỏ than Quán Triều, Khánh Hoà, ga Lưu Xá và xóm Tiến Thành (xã Quyết Thắng, huyện Đồng Hỷ), quân và dân Thái Nguyên bắn rơi 1 chiếc, tiêu diệt giặc lái. Tiếp đó, ngày 8/5/1966, 12 máy bay Mỹ đến ném bom xuống ga Lưu Xá và cầu Mỏ Gà (xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai), quân và dân Thái Nguyên lại bắn rơi tiếp 2 máy bay nữa. 15 giờ 15 phút ngày 22/5/1966, giặc Mỹ huy động 5 lần tốp, với 17 lần chiếc máy bay vào ném bom, bắn phá các khu vực cầu Gia Bẫy, ga Lưu Xá. Tại khu vực ga Lưu Xá, bom Mỹ đã làm đứt gần 300 mét dây điện cao thế, phá hỏng nhiều đường dây điện thoại, làm các kênh liên lạc Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kinh và thành phố Thái Nguyên đi Trại Cau, Gang thép, Trung đoàn 210 và các huyện Phú Bình, Phổ Yên bị đứt liên lạc. Quyết tâm giữ vững mạng thông tin liên lạc thông suốt, kịp thời phục vụ các cấp, các ngành lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất và chiến đấu, ngay từ khi khói bom, đạn chưa tan hết, cán bộ, công nhân Đội xung kích ty Bưu điện tỉnh đã có mặt tại hiện trường để khôi phục và sửa chữa đường dây, đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, các kênh liên lạc bị đứt đã được nối thông.

Cuối tháng 5, đầu tháng 6/1966, mưa nhiều ở đầu nguồn làm mực nước các sông, suối trên địa bàn Thái Nguyên dâng cao. Tại cầu Gia Bẫy mực nước sông Cầu dâng cao tới 24 mét. Lợi dụng tình hình đó, giặc Mỹ huy động máy bay, bom đạn đánh, phá ác liệt các cầu Gia

Bảy, Trà Vườn (thành phố Thái Nguyên), Đa Phúc (Phổ Yên) và cầu Mây (Phú Bình). Để đối phó với hành động tập trung đánh phá các trọng điểm giao thông của địch, Trung đoàn 210 điều 2 đại đội pháo cao xạ 37mm và 57mm ra triển khai trận địa ở sát 2 đầu cầu Gia Bảy để bảo vệ cầu; Tiểu đoàn 19 công binh điều 1 đại đội xuống đảm bảo giao thông, vận tải ở cầu Đa Phúc, 1 đại đội đảm bảo giao thông, vận tải ở cầu Gia Bảy, phà bến Oánh và ngầm Sơn Cẩm; các lực lượng công binh của dân quân, tự vệ và các lực lượng ứng cứu giao thông ở các trọng điểm được củng cố và tăng cường; Đội 91 thanh niên xung phong sẵn sàng cơ động đảm bảo giao thông vận tải đoạn Quốc lộ 1 B từ cầu Gia Bảy đến giáp Bắc Sơn (Lạng Sơn) và đoạn Quốc lộ 3 từ ngã ba Bờ Đậu đến cầu Đa Phúc. Nhờ có sự chuẩn bị tốt lực lượng, sẵn sàng đối phó với tình huống địch đánh phá giao thông ác liệt, nên khi chiến sự xảy ra, giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh luôn luôn đảm bảo thông suốt.

Từ 15 giờ 05 phút đến 15 giờ 30 phút ngày 2/6/1966, giặc Mỹ cho 6 lần tốp, với 19 lần chiếc máy bay, ném 19 quả bom phá xuống cầu Gia Bảy, 12 quả bom phá xuống đoạn km 15 Quốc lộ 1B (thuộc xã Quang Sơn), 6 quả bom phá xuống bãi tập lái xe ô tô thuộc xã Quang Trung và 4 quả bom bị mẹ xuống xã Đoàn Kết (huyện Đồng Hỷ).

Tại cầu Gia Bảy, mặt cầu bị bay mất ván một đoạn ở giữa, nửa cầu phía Đồng Bẩm bị vỡ xuống, 1 chân cầu bị hỏng; đoạn đường đầu cầu phía Quốc lộ 3 bị trúng 4 quả bom, khoét thành 1 hố sâu 10 mét, đường kính 30 mét, cầu bị hỏng nặng, giao thông qua cầu hoàn toàn bị

ngừng trệ. Trước tình hình đó, Ban đảm bảo giao thông tỉnh huy động 1 xe ủi và 120 công nhân ra san, lấp hố bom ở đầu cầu, đồng thời quyết định thành lập Ban chỉ huy sửa chữa cầu Gia Bẫy gồm đại diện ty Giao thông và Ban chỉ huy Tỉnh đội. Đêm 5/6, mưa to ở thượng nguồn, nước sông Cầu dâng cao, ô tô không qua được ngầm Sơn Cẩm, Ban đảm bảo giao thông tỉnh quyết định cho bộ đội công binh tỉnh chở phà Thác Oánh. Ban chỉ huy sửa chữa cầu huy động công nhân Đội duy tu thuộc Phân đội cầu đường (ty Giao thông) và Đại đội 91 (công binh Tỉnh đội) sửa chữa cầu liên tục từ 10 giờ đến 12 giờ 1 ca. Tối 8/6, đồng chí Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh trực tiếp đến hiện trường kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo sửa chữa cầu. 21 giờ 30 phút ngày 12/6 thông cầu. Trước tình hình cho chạy thử xe ô tô từ 5 tấn trở lên, đến 8 tấn thì cầu có hiện tượng bị lắc ngang, đồng chí Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh chỉ đạo cho công nhân và bộ đội lấp ván cầu, lắp giằng chéo bằng gỗ. Đến 9 giờ sáng ngày 14/6, các xe 9 tấn, 10 tấn đi lẻ qua cầu an toàn.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo, chặt chẽ, sâu sát hàng ngày của các đồng chí lãnh đạo Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh, trực tiếp là của Ban đảm bảo giao thông vận tải và Ban chỉ huy sửa chữa cầu Gia Bẫy, và nhờ sự cố gắng vượt bậc của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 91 (thuộc Tiểu đoàn 19 công binh Tỉnh đội) và cán bộ, công nhân Đội duy tu, Phân đội cầu đường (thuộc ty Giao thông), nên khi địch đánh hỏng cầu Gia Bẫy, giao thông vận tải từ Lạng Sơn theo Quốc lộ 1B về thành phố Thái Nguyên vẫn đảm bảo thông suốt qua ngầm Sơn Cẩm và phà Thác Oánh. Tuy cầu bị hỏng rất nặng, nhưng sau 12 ngày, đêm làm

việc vất vả, khẩn trương, miệt mài liên tục từ 10 giờ đến 12 giờ 1 ca của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 91 và cán bộ công nhân Phân đội cầu đường, cầu Gia Bấy đã được sửa chữa xong, giao thông vận tải qua cầu được thông suốt.

Liên tiếp 2 ngày 21 và 22/6, địch cho 21 lần tốp máy bay vào đánh phá Thái Nguyên cả sáng lẫn chiều. Ngày 21/6, từ 7 giờ 31 phút, máy bay Mỹ ném bom cầu Trà Vườn, ga Quán Triều; từ 15 giờ 07 phút, máy bay Mỹ ném bom Công trường 1B. Ngày 22/6, 8 giờ 03 phút, máy bay Mỹ ném bom cầu Mỏ Bạch, cầu Trà Vườn, đập Thác Huống; 15 giờ, máy bay Mỹ ném bom Nhà máy điện Cao Ngạn, Bệnh viện A (ở xã Vô Tranh, huyện Phú Lương). Bom Mỹ đã làm 34 người chết (có 8 bệnh nhân khoa Sản - Bệnh viện A), 42 người bị thương; cầu Trà Vườn (nằm trên đường sắt Trại Cau - Gang thép, bắc qua sông Cầu) bị sập một phía Trại Cau; kho xăng ở xã Hoá Trung, huyện Đông Hỷ bị cháy 561 phi xăng (ước khoảng 80 tấn).

Ngay sau khi cầu Trà Vườn bị máy bay Mỹ ném bom phá hỏng, lãnh đạo Công ty gang thép Thái Nguyên đã huy động hàng nghìn cán bộ, công nhân ra phối hợp cùng với nhân dân địa phương san, lấp hố bom, sửa chữa cầu. Đến chiều 22/6, cầu Trà Vườn đã sửa chữa xong, đảm bảo liên tục việc vận chuyển quặng sắt từ mỏ Trại Cau về cung cấp cho Lò cao Gang thép sản xuất.

Tại Công trường 202 (ở xã Cù Vân, huyện Đại Từ), máy bay Mỹ ném bom làm 3 người chết, 1 người bị thương, 1 ngôi nhà bị đổ. Tại huyện Đại Từ, ngay sau khi được tin máy bay Mỹ ném bom Công trường 202, các đồng

chí Đỗ Khắc Tới (Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện), Nguyễn Văn Cường (Công an huyện), Dương Văn Minh (cán bộ Huyện đội), Lưu Sĩ Tư (y sĩ điều trị) đã lập tức đến nơi bị địch đánh, phá chỉ đạo giải quyết hậu quả và kiểm tra thực hiện các phương án xử lý tình huống khi địch đánh phá.

Tại huyện Phú Lương các đồng chí lãnh đạo Huyện uỷ, Ủy ban hành chính, Huyện đội, Công an đã trực tiếp xuống chỉ đạo cấp uỷ, chính quyền cơ sở và Bệnh viện A rút kinh nghiệm, sửa chữa hầm, hào, củng cố các đội cứu thương, tải thương, đào bới hầm sập, cấp cứu người bị nạn.

Ngày 28/6/1966, địch cho 5 lần tốp, 14 lần chiếc máy bay vào ném 20 quả bom phá xuống khu vực cầu Gia Bẫy, 8 quả bom phá xuống ga Lưu Xá và 15 quả bom phá xuống Quốc lộ 1B (đoạn từ km15 đến km17), bắn rốc két xuống xã Phúc Xuân (huyện Đồng Hỷ). Tại cầu Gia Bẫy, 3 quả bom phá đã rơi trúng lòng đường giáp đầu cầu về phía Đồng Bẩm, làm đường bị hỏng. Tại ga Lưu Xá, 300 mét đường sắt và 1 toa tàu bị hỏng. Quyết tâm giữ vững giao thông vận tải qua cầu Gia Bẫy kịp thời, thông suốt, chỉ sau 4 giờ, Đại đội 91 (Tiểu đoàn 19) và 1 đại đội thuộc Đội 91 thanh niên xung phong cùng với dân quân, tự vệ thành phố Thái Nguyên đã san lấp xong hố bom, đảm bảo thông đường. Chiều ngày 29/6/1966, 11 lần tốp gồm các loại máy bay F4, F105 và RF101 của địch liên tục hoạt động trên bầu trời Thái Nguyên từ các hướng Tây Bắc xuống Đông Nam và Tây Bắc sang Đông Bắc. Khoảng 16 giờ, 4 tốp, 8 máy bay địch từ hướng Tam Đảo bay dọc theo sông Công vào trận địa trực chiến phòng không của

Trung đội dân quân xã Trung Thành (huyện Phổ Yên) đặt tại gò Đá Trắng do các đồng chí Nguyễn Tiến Bản (Xã đội trưởng) và Phạm Văn Sáu (Trung đội trưởng) trực tiếp chỉ huy. Khẩu đại liên Còlicốp trong tay 12 cán bộ, chiến sĩ Trung đội dân quân trực chiến xã Trung Thành rung lên, nhả đạn vào các tốp máy bay địch, góp phần quan trọng cùng với quân và dân tỉnh Vĩnh Phú bắn rơi 1 máy bay Mỹ.

Tháng 6/1966, số lần và số mục tiêu đánh phá của máy bay Mỹ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nhiều hơn, hoạt động đánh phá dồn dập hơn so với tháng 5. Ngoài đánh phá giao thông, máy bay địch đánh phá sang các mục tiêu bệnh viện, kho tàng, xăng dầu, trận địa ở ngoại vi thành phố Thái Nguyên. Thủ đoạn đánh phá chủ yếu của địch là dùng máy bay F105 từ các sân bay ở Thái Lan qua Lào, lợi dụng các trục sông Cầu, sông Công, Quốc lộ 3, Quốc lộ 1B, đường sắt Thái Nguyên - Hà Nội, đường sắt Gang thép - Trại Cau và các dãy núi cao để đột nhập. Khi vào đánh mục tiêu địch đều chọn hướng đánh khác nhau, nhưng vẫn lấy các trục đường, trục sông, đỉnh núi làm chuẩn. Cùng đánh một mục tiêu, nhưng mỗi trận đánh địch lại dùng độ cao và góc bổ nhào khác nhau (cùng đánh cầu Trà Vườn nhưng trận ngày 21/6, 3 máy bay F105 bay ở độ cao 4000 mét, góc bổ nhào từ 30 độ đến 35 độ; trận ngày hôm sau (22/6), cũng 3 máy bay F105, nhưng lại bay ở độ cao từ 4000 mét đến 4500 mét, góc bổ nhào từ 45 độ đến 50 độ). Đặc biệt, trong tháng 6/1966, địch đã chuyển từ thủ đoạn bay thấp, đánh lén sang hoạt động công kích ô ạt, ở độ cao từ 2500 mét đến 5000 mét.

Trong các ngày 29, 30 tháng 6 và 2,3,4 tháng 7/1966, địch liên tục cho nhiều tốp máy bay vào hoạt động trinh sát các trận địa phòng không, chụp ảnh các mục tiêu trên địa bàn Thái Nguyên, chuẩn bị đánh lớn. Trước tình hình đó, sáng 6/7/1966, đồng chí Nguyễn Tâm (Chính trị viên) thay mặt Ban chỉ huy Tỉnh đội trực tiếp báo cáo với Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh: "Trong những ngày tới địch sẽ đánh lớn vào Bắc Thái. Mục tiêu đánh phá chủ yếu của chúng là các trọng điểm giao thông và Khu công nghiệp Thái Nguyên, khả năng địch sẽ đánh nhiều trận, nhiều mục tiêu kết hợp và ác liệt hơn. Đề nghị Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh chỉ thị cho các ngành, các huyện, thành chuẩn bị, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu và phòng không sơ tán".

Chiều 6/7/1966, 15 giờ 25 phút đúng như nhận định của Ban chỉ huy Tỉnh đội, từ hướng tây nam thành phố Thái Nguyên, 4 máy bay F105 của địch vòng lên, 3 chiếc bỏ nhào ném bom ga và kho vật liệu Lưu Xá, 1 chiếc bay thấp, định vòng lên phía Bắc đánh lén Nhà máy điện Cao Ngạn, bị các loại hỏa lực phòng không tầm thấp của ta bắn lên mãnh liệt, trúng đạn, bốc cháy, rơi xuống xã Thịnh Đức (huyện Đồng Hỷ), tên giặc lái bị tiêu diệt; 15 giờ 30 phút, máy bay địch lao vào ném bom Bệnh viện khu và Trường y sĩ Việt Bắc; 10 phút sau (vào hồi 15 giờ 45 phút), máy bay địch lại từ hướng Tây Bắc theo trục sông Công bay về hướng Tây Nam, vòng lên hướng Bắc, tăng độ cao, bỏ nhào ném bom bi vào trận địa Đại đội 101 ở Gia Sàng, 1 chiếc trong tốp này bị hỏa lực phòng không

của ta bắn bị thương nặng, bay về đến vùng Tây Bắc của Tổ quốc thì bị rơi. Cũng vào lúc 15 giờ 45 phút, 1 tốp máy bay khác của địch vào ném bom khu vực kho xăng dầu Quán Triều, 1 chiếc bị hoả lực phòng không của ta bắn trọng thương, rơi ở vùng Tây Bắc. Tiếp đó, 15 giờ 54 phút, 6 máy bay F105 của địch từ hướng Tây Bắc, bay thấp dọc theo trục sông Công về phía Tây Nam, vòng lên hướng Đông Bắc ném bom đập Cầu Mây, kho gạo Cầu Mây và cầu Bảo Lý (Phú Bình). 16 giờ 10 phút, 1 máy bay RF101 của địch từ hướng Tây Bắc bay thấp theo trục đường sắt Quán Triều - Gang thép về phía Đông Nam trình sát kết quả đánh phá.

Là ngày mở đầu giai đoạn đánh phá ác liệt của địch vào Thái Nguyên, nên chỉ trong thời gian hơn 30 phút buổi chiều ngày 6/7, địch đã cho nhiều tốp máy bay, vừa nghi binh, trình sát, vừa đánh phá 9 điểm nằm trên địa bàn các huyện Phú Bình, Đông Hỷ và thành phố Thái Nguyên. Bom Mỹ đã phá hỏng cầu và đường sắt từ ga Quán Triều vào Nhà máy điện Cao Ngạn; Bom Mỹ đã ném trúng đập Cầu Mây (Phú Bình) khoét thành một hố sâu 6 mét, rộng 8 mét, cắt đôi bờ đập làm cho nước từ sông Cầu tràn vào tàn phá ruộng, đồng. Trưng trị quân xâm lược Mỹ, quân và dân Thái Nguyên đã chiến đấu kiên cường, dũng cảm, lập công xuất sắc, bắn rơi 3 máy bay Mỹ, trong đó có 1 chiếc rơi tại chỗ.

Đập Cầu Mây bị hỏng, Đoàn 250 (Quân khu Việt Bắc) điều 2 tiểu đoàn ra phối hợp cùng với dân quân, tự vệ và

nhân dân huyện Phú Bình hàn khẩu, cứu đập. Tại chỗ đập bị bom Mỹ phá hỏng, nước chảy xiết, gần 100 cán bộ, chiến sĩ Đoàn 250 và dân quân, tự vệ huyện Phú Bình dùng cảm ngâm mình dưới nước nhiều giờ liền để làm hàng rào ngăn đất, đá đưa xuống hàn khẩu khỏi bị trôi. Nhờ tinh thần lao động dũng cảm, quên mình của cán bộ, chiến sĩ Đoàn 250, dân quân, tự vệ và nhân dân huyện Phú Bình, đập Cầu Mây đã được hàn khẩu, kịp thời ngăn dòng nước sông Cầu hung dữ tràn vào phá hoại ruộng, đồng, làng xóm.

Hôm sau, (ngày 7/7), trưng trị 6 tốp máy bay địch vào đánh phá Bệnh viện khu, Kho vật liệu Lưu Xá, Khu tập thể công nhân xưởng Hàn tán (Công ty gang thép Thái Nguyên), Khu Ba Cống (gần Phố Hương), Cầu số 5 và Kho xăng Quán Triều, quân và dân Thái Nguyên lại lập công mới, bắn rơi 1 chiếc và bắn bị thương 1 chiếc khác. Ngày 8/7, vào lúc 15 giờ 10 phút, 1 tốp 4 máy bay địch từ phía Tây Bắc bay thấp theo trục sông Công xuống phía Tây Nam, vòng lên bờ nhào ném bom Khu tập thể công nhân xưởng Hàn Tán; 3 phút sau, từ hướng Tây Bắc, 4 máy bay khác của địch bay đến khu vực Núi Voi thì vòng lại, 2 chiếc bờ nhào ném bom Cầu số 5, 2 chiếc bờ nhào ném bom Nhà máy điện Cao Ngạn. Tiếp đó, 15 giờ 16 phút, 1 tốp 3 chiếc máy bay F105 từ hướng Tây Bắc vòng lên phía Bắc, quay lại bờ nhào, định ném bom tiếp Nhà máy điện Cao Ngạn thì bị lực lượng phòng không của ta bắn lên dữ dội, 1 chiếc trúng đạn bốc cháy rơi tại chỗ xuống khu vực Cầu số 5, 2 chiếc còn lại vội góc đầu lên, tháo chạy, cất bom bừa bãi xuống khu vực núi Pháo (Đại

Từ). Vào hồi 15 giờ 29 phút, 1 tốp 4 máy bay F105 của địch lại tiếp tục vào ném bom Nhà máy điện Cao Ngạn, bị lực lượng phòng không của ta bắn cháy 1 chiếc. Sau 3 ngày (6,7,8 tháng 7/1966) tập trung máy bay, bom đạn đánh phá Thái Nguyên ác liệt, bị quân và dân Thái Nguyên bắn rơi 6 máy bay, địch tạm ngừng đánh phá, tiếp tục cho máy bay vào trinh sát Thái Nguyên. Ngày 11/7, trên vùng trời Thái Nguyên, Không quân ta chiến đấu với 3 tốp máy bay trinh sát của địch, bắn rơi 2 chiếc, trong đó có 1 chiếc rơi tại huyện Hữu Lũng (tỉnh Lạng Sơn).

Ngày 14/7, địch cho 3 tốp 11 máy bay F105 và 4 máy bay F4H vào đánh phá cả cầu đường sắt và cầu đường bộ Đa Phúc. Máy bay ta đã lên phối hợp chiến đấu với quân và dân Thái Nguyên. Do máy bay địch ở thế đông áp đảo, nên 2 máy bay của ta đã bị địch bắn trúng, 1 chiếc rơi xuống xã Phúc Thuận (huyện Phổ Yên), phi công nhảy dù được dân quân, tự vệ và nhân dân địa phương bảo vệ, chăm sóc, đưa về đơn vị an toàn; 1 chiếc rơi xuống xã Phúc Thọ (huyện Đại Từ), phi công bị hy sinh, được nhân dân địa phương tắm rửa, khâm liệm và mai táng chu đáo.

Dự đoán địch sẽ đánh lớn vào Thái Nguyên, ngày 12/7/1966, Bộ Tư lệnh Quân Khu Việt Bắc chỉ thị cho Ban chỉ huy Tỉnh đội "Kiểm tra lại tất các trận địa và công tác đảm bảo chiến đấu. Cũng cố, tăng cường các đài quan sát để phát hiện địch từ xa, đánh trả kịp thời". Thực hiện chỉ thị của Quân khu, Ban chỉ huy Tỉnh đội báo cáo và đề

xuất với Ủy ban hành chính tỉnh chỉ thị cho các cơ quan, đơn vị, huyện, thành "Sơ tán triệt để khỏi các trọng điểm địch có thể đánh phá, kiểm tra củng cố lại hầm, hố phòng không. Các trận địa phòng không phải thường trực sẵn sàng chiến đấu cao".

Trước tình hình giặc Mỹ tăng cường leo thang đánh phá miền Bắc, ngày 17/7/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do, đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn"¹

Đáp lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã làm tốt công tác chiến đấu, góp phần quan trọng cùng với các đơn vị bộ đội không quân, cao xạ, tên lửa của Bộ và Quân khu đánh thắng ròn rã đợt oanh kích ác liệt từ ngày 19 đến ngày 31/7/1966 của máy bay địch vào Thái Nguyên.

Chiều ngày 19/7, địch cho 13 tốp máy bay F105 từ Thái Lan qua Lào, vượt dãy núi Tam Đảo bay qua Thái Nguyên xuống đánh kho xăng, dầu Đông Anh (Hà Nội). Quyết tâm đánh địch từ xa để bảo vệ thủ đô Hà Nội, Tiểu đoàn tên lửa 71 (Trung đoàn 285) ở trận địa Bình Sơn,

1. Hồ Chí Minh: vì độc lập, vì tự do, vì chủ nghĩa xã hội - Nxb, Hà Nội 1970, trang 282, 283

dưới sự chỉ huy của Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Hữu Sinh, kíp chiến đấu gồm sĩ quan điều khiển Ngô Văn Tác và các trác thủ Nguyễn Văn Sáng, Lê Hồng Vân, Nguyễn Văn Kiểm hiệp đồng ăn ý, bắn rơi 1 máy bay Mỹ ngay từ quả đạn đầu tiên. Tiếp đó, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn tên lửa 62 (Trung đoàn 236) ở trận địa Thịnh Đức (Đồng Hỷ) cũng phóng đạn kịp thời, bắn rơi tiếp 1 chiếc máy bay Mỹ nữa.

Phát hiện được trận địa tên lửa của ta ở Bình Sơn, máy bay địch tập trung phóng 18 quả đạn rốc két xuống khu vực trận địa Tiểu đoàn 71. Một phân đội thuộc Trung đoàn cao xạ 225, làm nhiệm vụ bảo vệ Tiểu đoàn 71 đã kiên cường đánh trả, buộc máy bay địch phải vòng ra xa, bắn trượt mục tiêu, bảo vệ trận địa an toàn. Tiểu đoàn 71 và Tiểu đoàn 62 tiếp tục phóng đạn, bắn rơi 2 máy bay nữa của địch, đưa số máy bay Mỹ bị bắn rơi trong ngày 19/7 trên bầu trời Thái Nguyên lên 4 chiếc. Đây là ngày có số máy bay Mỹ bị bắn rơi nhiều nhất trên vùng trời Thái Nguyên kể từ khi chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ leo thang đến Thái Nguyên (17/10/1965).

Ngày 20/7, địch cho hàng chục tốp máy bay vào đánh phá và trinh sát Thái Nguyên cả sáng, lẫn chiều. Buổi sáng, máy bay địch ném bom khu vực doanh trại đơn vị 382 ở xã Dân Chủ (huyện Đồng Hỷ), cầu Đa Phúc (huyện Phổ Yên), Phố Trào (huyện Phú Lương). Buổi chiều, chúng ném bom cầu Trần Quốc Bình, Kho xăng Cù Vân, các xã Bình Sơn, Tân Cương và ngã tư vào Lò mổ Tích Lương (huyện Đồng Hỷ).

Do làm tốt công tác sơ tán và phòng tránh theo chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu và Ủy ban hành chính tỉnh, nên mặc dù địch đánh phá ác liệt rất nhiều nơi, nhưng chỉ có 4 người bị thương. Các đơn vị bộ đội tên lửa bảo vệ Thái Nguyên đã phóng đạn kịp thời, bắn rơi 3 máy bay Mỹ, trong đó có chiếc máy bay trinh sát điện tử EB66 bị Tiểu đoàn tên lửa 72 (Trung đoàn 285) ở trận địa Vô Tranh (Phú Lương) bắn rơi tại chỗ. Đây là chiếc máy bay trinh sát điện tử EB66 đầu tiên của đế quốc Mỹ bị lực lượng phòng không của ta bắn rơi tại chỗ. Điều đó đã khẳng định lực lượng phòng không của ta hoàn toàn có đủ khả năng tiêu diệt máy bay trinh sát điện tử của địch ở ngoài đội hình.

Ngày 21/7, 4 lần tốp, 13 lần chiếc máy bay địch vào đánh phá cầu đường sắt và cầu đường bộ Đa Phúc, Kho xăng Hoá Trung và các xã Phúc Xuân, Phúc Trìu (huyện Đông Hỷ), bắn rốc két xuống xã Vô Tranh (huyện Phú Lương). Các Tiểu đoàn tên lửa 62, 71, 72 đã phóng đạn kịp thời, tiêu diệt 2 máy bay Mỹ.

Tiếp theo, ngày 25/7, từ 6 giờ 45 phút đến 7 giờ 18 phút, địch cho 12 chiếc máy bay F105 chia làm 3 tốp vào ném bom cầu Gia Bẩy, cầu Trà Vườn, xã Lương Sơn (huyện Phú Bình), Kho xăng dầu Hoá Trung, xã Khe Mò (huyện Đông Hỷ), Bộ đội tên lửa bảo vệ thành phố Thái Nguyên đã kịp thời phóng đạn bắn rơi 1 máy bay Mỹ. 7 giờ 22 phút, 6 máy bay F105 Mỹ từ hướng Tây Bắc theo trục sông Công lao xuống định ném bom các cầu đường sắt và đường bộ Đa Phúc, nhưng do Tiểu đoàn cao xạ bảo vệ cầu Đa Phúc đánh trả quyết liệt, nên máy bay địch

không bỏ nhào ném bom được, buộc phải vòng lên ném 8 quả bom phá loại 450kg xuống đoạn đường sắt Thái Nguyên - Hà Nội đi qua khu vực xóm Núi, xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên. Đoạn đường sắt này khá hiểm yếu, hai bên đường đều là hồ nước rộng, nếu bị địch đánh hỏng thì việc sửa chữa, khôi phục của ta sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Do không nắm được âm mưu đánh phá của địch đối với đoạn đường này, nên không những nhân dân ở xóm Núi (cạnh đường) không đi sơ tán mà các cơ quan Huyện đội, Công an huyện Phổ Yên còn sơ tán đến đây, thậm chí có người còn đào hầm trú ẩn dưới gốc bụi tre, ven hồ nước, sát đường. Trong số 8 quả bom phá do máy bay Mỹ ném xuống khu vực đoạn đường này lúc 7 giờ 22 phút có 1 quả rơi trúng hầm trú ẩn dưới gốc bụi tre, sát đường, làm 1 người chết, 2 người bị thương; 1 quả khác rơi cạnh 1 hầm trú ẩn khác cách đường sắt 50 mét về phía Tây, làm 8 người bị chết (có 1 người già và 7 trẻ em), 1 người bị thương nặng. Tổn thất về người do máy bay địch ném bom xuống xóm Núi (xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên) sáng 25/7 khá nặng nề. Nguyên nhân chủ yếu là do ta không nắm được hết âm mưu đánh phá giao thông của địch, chỉ chú ý đến việc phòng không, sơ tán ở các trọng điểm cầu, cống, mà không chú ý đến những đoạn đường hiểm yếu.

Tiếp theo trận ngày 25/7, 13 giờ 5 phút chiều 31/7, 1 tốp, 4 máy bay địch bay ở độ cao dưới 2000 mét từ hướng Tây Bắc theo dọc sông Công xuống phía tây nam Gang thép vòng lên, bị các đơn vị bộ đội tên lửa và cao xạ bảo vệ thành phố Thái Nguyên nổ súng đánh trả quyết liệt, 3 chiếc tăng độ cao lên trên 3000 mét tháo chạy về phía

Tam Đảo, 1 chiếc tách khỏi đội hình ném 4 quả bom xuống đập Phượng Hoàng (huyện Đại Từ).

Như vậy, tháng 7/1966, địch thực hiện một bước leo thang mới, tiến hành 60 lần hoạt động trinh sát và đánh phá Thái Nguyên liên tục 13 ngày. Trong 60 lần hoạt động, có 25 lần đánh phá, trong 25 lần đánh, phá, có 11 lần đánh mục tiêu kinh tế, 8 lần đánh mục tiêu giao thông, 4 lần đánh mục tiêu dân sự và 2 lần đánh mục tiêu quân sự. Địa bàn đánh phá của địch đã mở rộng ra khắp các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Phú Lương, Võ Nhai, Đại Từ và thành phố Thái Nguyên.

Nhờ rút được nhiều bài học xương máu trong trận địch đánh phá cầu Gia Bẫy ngày 17/10/1965, Đảng bộ và các cấp chính quyền trong tỉnh đã làm tốt công tác phòng không, sơ tán, nên thiệt hại về người và của do máy bay địch đánh, phá không đáng kể. Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã tỏ ra rất dũng cảm, kiên cường. Tại huyện Phú Lương, khi máy bay địch bắn cháy trận địa tên lửa ở xã Vô Tranh, lửa cháy lan nhanh đến vị trí để đạn; không do dự, Leòng Thị Côn (Tiểu đội trưởng Tiểu đội nữ dân quân xã Vô Tranh) vừa dũng cảm lao vào dập lửa, vừa kêu gọi các chiến sĩ trong tiểu đội xông vào cứu đạn, cứu trận địa an toàn. Tại thành phố Thái Nguyên, Nguyễn Thị Hiền (nữ dân quân xã Đồng Quang), đang làm nhiệm vụ trên đài quan sát thì máy bay địch ném bom vào trận địa, bị thương nặng nhưng vẫn không rời vị trí chiến đấu. Trần Minh Giang (Chính trị viên Trung đội dân quân xã Gia Sàng) đang chiến đấu trên trận địa thì được tin máy

bay Mỹ ném bom, cháy nhà, đơn vị cho về, nhưng đã bình tĩnh trả lời "Nhiệm vụ của tôi lúc này là bắn tan xác máy bay Mỹ, công việc ở nhà đã có bà con hợp tác xã". Nguyễn Thị Thu (14 tuổi) đội viên Đội thiếu niên tiên phong tiểu khu Quán Triều, đang gánh nước uống lên trận địa cho các chú bộ đội, thì máy bay địch đánh phá, không may bị ngã xuống hố cá nhân, cả hai thùng nước sôi đổ vào người, đã hy sinh anh dũng trong niềm tiếc thương vô hạn của mọi người. Trong lúc máy bay địch ném bom, bắn phá dữ dội vào Nhà máy điện Cao Ngạn, làm nhà điều khiển trung tâm bị sập, đường nước tuần hoàn bị đứt ngang bên ống xi phông, cán bộ, công nhân Nhà máy Điện vẫn bình tĩnh thao tác máy đúng qui trình kỹ thuật, đảm bảo máy móc an toàn, giữ vững dòng điện liên tục phục vụ cho chiến đấu và sản xuất. Cán bộ, đoàn viên, thanh niên ở các huyện, thành trong tỉnh đã đóng góp gần 4000 ngày công giúp các đơn vị bộ đội làm đường cơ động xe, pháo và công sự, trận địa chiến đấu

Tháng 7/1966 tinh thần chiến đấu và phục vụ chiến đấu kiên cường, dũng cảm của nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã góp phần rất to lớn cùng các đơn vị bộ đội tên lửa, cao xạ, không quân bắn rơi 18 máy bay Mỹ trong trên vùng trời Thái Nguyên. Những ngày tháng 7/1966 mãi mãi là những trang sử hào hùng nhất của Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang tỉnh Thái Nguyên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc.

Thi đua đánh địch với các đơn vị bộ đội tên lửa, cao xạ, lực lượng dân quân, tự vệ Thái Nguyên đã tổ chức nhiều

trận địa phục kích, đón lõng, bắn máy bay địch bay thấp. Tại huyện Đại Từ, nghiên cứu thấy máy bay địch từ phía Tuyên Quang sang thường bay rất thấp theo trục Đường 13, đến khu vực núi Pháo tăng độ cao vào trinh sát hoặc đánh phá thành phố Thái Nguyên, Trung đội dân quân xã Hà Thượng đã tổ chức trận địa phục kích, đón lõng trên đồi 100, cạnh Đường 13.

Ngày 1/8/1966, 12 giờ 15 phút tổ chức chiến Trung đội dân quân xã Hà Thượng do Trung đội trưởng Nguyễn Văn Đệ và Chính trị viên trung đội Nguyễn Hùng Xuân trực tiếp chỉ huy đang nghỉ trưa trong lán trực chiến thì nghe keng báo động phòng không, lập tức cả 6 cán bộ, chiến sĩ đều bật dậy lao nhanh ra vị trí chiến đấu. Trong giây lát chiếc cò đuôi nheo trong tay Trung đội trưởng Nguyễn Văn Đệ đã giơ cao, 2 khẩu súng máy và 3 khẩu súng trường trong tay 5 cán bộ, chiến sĩ còn lại đã lên đạn, sẵn sàng chờ địch. Từ hướng Tuyên Quang, theo trục Đường 13, 1 tốp, 2 máy bay trinh sát RF4C của địch bay ở độ cao khoảng 200 mét đang lao về hướng trận địa. Bỏ chiếc thứ nhất bay chệch về phía bên trái, nhằm chiếc thứ hai lao thẳng vào trận địa, đến đúng tầm hỏa lực, Trung đội trưởng Nguyễn Văn Đệ phát cò hạ lệnh cho Trung đội đồng loạt nổ súng. Lập tức, 1 loạt, 18 viên đạn súng máy, súng trường nổ đánh, gọn, tập trung làm chiếc máy bay địch đang lao thẳng vào trận địa trúng đạn, khựng lại, vội bỏ dỡ phi vụ, vòng lại phía sau hông thoát thân, nhưng cũng chỉ bay về được đến khu vực xã Đồng Thịnh (huyện Định Hoá) thì bị rơi. Đây là chiếc máy bay Mỹ đầu tiên bị lực lượng dân quân, tự vệ Thái Nguyên



Thanh niên huyện Đại Từ chuẩn bị nhập ngũ.



bắn rơi. Trung đội dân quân xã Hà Thượng (Đại Từ) là đơn vị dân quân, tự vệ đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên bắn rơi máy bay phản lực Mỹ bằng súng bộ binh. Với thành tích này, nhân dân và lực lượng dân quân xã Hà Thượng (huyện Đại Từ) đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công.

Chiến công bắn rơi máy bay phản lực Mỹ bằng súng bộ binh là kết quả của bao ngày, đêm, phấn đấu, luyện tập làm chủ vũ khí và cũng là thắng lợi của quyết tâm chiến đấu cao của cán bộ, chiến sĩ dân quân xã Hà Thượng (huyện Đại Từ). Thắng lợi đó đã chứng tỏ lực lượng dân quân, tự vệ Thái Nguyên hoàn toàn có đủ khả năng bắn rơi máy bay phản lực Mỹ bay thấp bằng súng bộ binh, nó khẳng định chủ trương tổ chức các trận địa dân quân, tự vệ phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp bằng súng bộ binh của Ban chỉ huy Tỉnh đội là hoàn toàn đúng đắn và có hiệu quả.

Sau khi Trung đội dân quân xã Hà Thượng (huyện Đại Từ) bắn rơi máy bay Mỹ, các đồng chí Nguyễn Hồng An (Tỉnh đội trưởng), Ma Văn Viên (Tỉnh đội phó) đã trực tiếp xuống xã Hà Thượng nghiên cứu kinh nghiệm và cách tổ chức trận địa đón lõng, phục kích máy bay địch bay thấp để chỉ đạo dân quân, tự vệ toàn tỉnh.

Hơn 1 giờ sau khi Trung đội dân quân xã Hà Thượng (huyện Đại Từ) bắn rơi chiếc máy bay trinh sát RF4C của giặc Mỹ, từ 13 giờ 20 phút đến 17 giờ 03 phút ngày 1/8/1966, giặc Mỹ liên tiếp cho 7 tốp máy bay gồm các loại F105, F4C, F101... vào đánh phá và trinh sát ga Lưu Xá, cầu Gia Bẫy, xã Gia Sàng (thành phố Thái Nguyên) và

các xã Đồng Tiến, Tân Quang, Thịnh Đức, Tích Lương (huyện Đồng Hỷ), La Hiên (huyện Võ Nhai). Đơn vị tên lửa bảo vệ thành phố Thái Nguyên, bằng một quả đạn được phóng lên kịp thời, điều khiển chính xác đã bắn 1 chiếc F105D bùng cháy như một bó đuốc lớn, lao xuống xã Bình Dân (huyện Đại Từ), tiêu diệt giặc lái.

Trước những thất bại liên tiếp, từ ngày 7 đến ngày 14/8, máy bay địch điên cuồng đánh phá huỷ diệt các trận địa phòng không của ta. Trong 2 ngày 7 và 8, chúng huy động 10 lần tốp, 22 lần chiếc máy bay đánh phá các trận địa ở các xã Gia Sàng, Cam Giá (thành phố Thái Nguyên), Trần Phú (huyện Phú Bình). Thủ đoạn của chúng là dùng nhiều tốp nhỏ, lẻ 2 chiếc một, hoạt động phân tán, đánh nhiều nơi, trong một khu vực, cùng một lúc để phân tán hỏa lực của ta; tăng cường dùng thủ đoạn bỏ nhào khoan¹ hoặc lợi dụng hướng mặt trời, vọt lên tăng độ cao, bất ngờ bỏ nhào ném bom xuống trận địa. Đánh vào trận địa Đại đội 101 ở Gia Sàng, 2 máy bay F105 của địch vọt lên tăng độ cao cùng một lúc, với giãn cách khoảng từ 5 giây đến 7 giây, sau đó liên tiếp bỏ nhào cùng một hướng, nhưng xuống đến một độ cao nhất định thì mỗi chiếc ngoặt, khoan ném bom vào một nơi và phân tán ra hai hướng khác nhau. Thủ đoạn xảo quyệt này của địch đã làm cho ta khó phán đoán âm mưu từng chiếc

1 Bỏ nhào khoan là máy bay địch vừa vọt lên tăng độ cao, vừa nghiêng cánh và lượn vòng, khi đến điểm cao nhất thì ngoặt gấp theo đường số 8, đồng thời làm động tác nghiêng, ngửa, rồi bỏ nhào ném bom.

đánh vào mục tiêu nào. Để đối phó với tên lửa của ta, khi phát hiện có tên lửa ta bắn lên, địch dùng thủ đoạn cho máy bay ngoặt gấp xuống độ cao thấp, rồi cơ động độ cao và hướng. Với thủ đoạn này, ngày 7/8 máy bay địch đã làm cho 2 quả đạn tên lửa của ta phóng lên bị "quá tải", rơi xuống đất (1 quả rơi xuống khu vực Trường rẻo cao Việt Bắc - thành phố Thái Nguyên và 1 quả rơi xuống xã Tích Lương, huyện Đồng Hỷ). Các thủ đoạn đánh phá trên của địch đã phần nào hạn chế đến kết quả đánh trả của ta. Ngày 7/8, mặc dù các đơn vị bộ đội tên lửa và cao xạ của ta đánh trả rất mãnh liệt, bắn rất nhiều đạn, nhưng cũng chỉ bắn rơi tại chỗ (xuống xã Tức Tranh, huyện Phú Lương) được 1 chiếc máy bay địch.

Chiều ngày 12/8, địch cho 24 lần chiếc máy bay F105 ném nhiều bom phá, bom bi và bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa xuống các trận địa pháo cao xạ 100mm của các đại đội 101, 102, 104, 105 (Trung đoàn 210). Mặc dù bị địch tập trung đánh phá, nhưng các lực lượng phòng không của ta đã đánh trả rất mãnh liệt, bắn rơi 2 máy bay F105, trong đó có một chiếc rơi tại chỗ xuống xã Văn Yên, huyện Đại Từ. Tại xóm Bầu (xã Văn Yên), chị Phạm Thị Ngồng (vợ bộ đội đang chiến đấu ở chiến trường miền Nam, mới sinh con trai được 7 tháng) vừa vác cào cỏ ra đồng làm cỏ lúa thì thấy chiếc máy bay Mỹ bị cháy, rơi xuống địa bàn xã. Nhìn lên trời chị thấy một tên giặc lái máy bay Mỹ đang nhảy dù về phía xóm Bầu, không chân chừ, với chiếc cào cỏ trên tay chị lao nhanh về phía chiếc dù và tên giặc lái máy bay Mỹ đang rơi, đến cách nhà khoảng 1km, thì vừa lúc tên giặc lái chạm đất, chưa kịp

tháo dù. Vừa chĩa chiếc cào cỏ vào ngực tên giặc lái, chị vừa hô lớn "giơ tay lên". Bị bất ngờ, tên giặc lái máy bay Mỹ sợ hãi vội giơ hai tay lên, đúng lúc đó, anh, chị em dân quân trong xã cũng vừa chạy tới, cùng chị Phạm Thị Ngồng trói tên giặc lái giải lên huyện.

Tại trận địa Đại đội 102 ở xã Quang Vinh (thành phố Thái Nguyên), trong lúc cán bộ, chiến sĩ đang tập trung đánh 1 tốp máy bay địch khác từ hướng Tây Bắc sang, thì bất ngờ 2 chiếc máy bay địch bay rất thấp từ hướng Tây Nam cùng bốc lên lấy độ cao bỏ nhào 1 chiếc ném bom xuống Cầu Đá rồi bay ra hướng Tây Nam, 1 chiếc ném cả bom phá và bom bi xuống trận địa rồi bay ra hướng Tây Bắc. Bị đánh lén bất ngờ, hơn 40 cán bộ, chiến sĩ Đại đội 102 bị thương, vong, 3 khẩu pháo cao xạ 100mm bị phá huỷ, cả trận địa bị tê liệt, mất sức chiến đấu. Đây là một tổn thất nặng nề của ta trước thủ đoạn nghi binh, đánh lén của địch. Nguyên nhân chính của tổn thất này là do ta không phát hiện địch từ xa, nên không tổ chức đánh trả được kịp thời. Qua tổn thất của Đại đội 102 trong trận đánh ngày 12/8, các lực lượng phòng không bảo vệ Thái Nguyên đã họp rút kinh nghiệm và kết luận: "... Một trong những nguyên nhân quan trọng để đánh thắng địch, bảo vệ được mình là phải tổ chức trinh sát, phát hiện được địch từ xa và tổ chức đánh trả kịp thời". Từ kinh nghiệm đó, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã tổ chức thêm 6 trạm trinh sát máy bay địch từ xa bằng mắt thường ở các huyện Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ. Tuy nhiên, do phương tiện thông tin liên lạc trang bị cho các trạm này còn thiếu, nên hiệu quả phát hiện máy bay địch còn thấp.

Đối với Trung đoàn 210, trong trận chiến đấu chiều 18/8, nhờ phán đoán địch tương đối chính xác về âm mưu và thủ đoạn đánh phá, quản lý chắc các tốp máy bay bay thấp và đánh lén, nên các đại đội trong Trung đoàn đều chủ động đánh trả kịp thời, bắn đúng thời cơ và đúng đối tượng. Trừ Đại đội 102 bị mất sức chiến đấu do bị địch đánh lén từ chiều 12/8, còn các đại đội 101, 103, 104, 105, 106 (pháo cao xạ 100 mm), 501, 502 (pháo cao xạ 57 mm) và 12 đại đội pháo cao xạ 37mm, 1 đại đội và 2 trung đội súng máy cao xạ 14,5mm, 12,7mm của Trung đoàn đều tham gia chiến đấu bảo vệ an toàn Khu gang thép Thái Nguyên và Nhà máy điện Cao Ngạn. Tuy nhiên, do Ban chỉ huy Trung đoàn quản lý, chỉ huy các đơn vị bắn chưa tốt, các pháo thủ thao tác chậm và kém chính xác, chuyển tiếp mục tiêu chưa kịp thời nên không bắn rơi được máy bay địch.

15 giờ 15 phút chiều 22/8, địch cho một tốp 2 máy bay F105 từ phía Tây Bắc sang ném 6 quả bom phá xuống khu vực Đầm Chấm, xã Văn Yên (huyện Đại Từ). Trong số 6 quả bom do máy bay Mỹ ném xuống có 1 quả chưa nổ, làm nhân dân sợ hãi không dám ra đồng cày, cấy. Trước tình hình đó, Ban chỉ huy xã đội Văn Yên chủ trương cho một dân quân ngồi trên quả bom để nhân dân noi gương ra đồng cày, cấy. Lý Thị Dầu (21 tuổi, vợ bộ đội đang chiến đấu ở chiến trường xa), nữ dân quân xã Văn Yên đã dũng cảm xung phong nhận nhiệm vụ đó. Trước Ban chỉ huy Xã đội, chị đã hứa "Tôi sẽ làm tròn nhiệm vụ của tôi. Nếu tôi có chết, Ban chỉ huy Xã đội và bạn bè nhớ truy điệu tôi như một người lính trên chiến trường".

Noi gương nữ dân quân Lý Thị Dầu, nhân dân xã Văn Yên hăng hái cày, cấy hết diện tích ở cánh đồng Đầm Chấm.

Trước tình hình giặc Mỹ cho máy bay leo thang đánh phá Thái Nguyên ngày càng ác liệt, lực lượng vũ trang bảo vệ Khu công nghiệp và một số trọng điểm giao thông ở Thái Nguyên được gấp rút tăng cường. Về chủ lực, sau khi Bộ điều Tiểu đoàn tên lửa 62 (Trung đoàn 236), Tiểu đoàn tên lửa 71 (Trung đoàn 285) và hai trung đoàn cao xạ 225, 231 về bảo vệ Hải Phòng, các tiểu đoàn tên lửa 87,88 (Trung đoàn 274) và Tiểu đoàn tên lửa 77 (Trung đoàn 257) đã được lệnh cơ động lên chiến đấu bảo vệ Thái Nguyên. Về địa phương, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã quyết định trang bị thêm súng cho lực lượng dân quân, tự vệ chiến đấu, bảo đảm trung bình 18 người có 1 súng bộ binh; các đơn vị dân quân, tự vệ trực chiến phòng không được trang bị thêm 15 khẩu súng đại liên Cô-li-cốp. Ủy ban hành chính tỉnh huy động hơn 2000 dân quân, tự vệ, dân công ở các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đông Hỷ, thành phố Thái Nguyên và Đại đội 91 thanh niên xung phong làm trong 2 ngày, đêm: đào đắp, xây dựng xong 9 trận địa cao xạ và tên lửa, đáp ứng kịp thời yêu cầu triển khai chiến đấu của các đơn vị.

Ngày 20/8/1966, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 27 “Về việc đẩy mạnh công tác phòng không, sơ tán”. Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh cử hai đoàn cán bộ đi kiểm tra công tác phòng không sơ tán. Đoàn thứ nhất đi Túc Duyên, Gia Sàng, Đông Bẩm (thành phố Thái Nguyên), Quyết Thắng,

Tích Lương (huyện Đồng Hỷ) và một số cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn huyện Đồng Hỷ và thành phố Thái Nguyên. Đoàn thứ hai kiểm tra dọc Quốc lộ 3 từ thành phố Thái Nguyên đi cầu Đa Phúc; dọc Quốc lộ 1B từ thành phố Thái Nguyên đi Võ Nai; Đường 13 từ ngã ba Bồ Đậu (huyện Phú Lương) đi thị trấn Hùng Sơn (huyện Đại Từ) và một số cửa hàng mậu dịch ở các khu vực thành phố Thái Nguyên, khu Gang thép và huyện Đồng Hỷ. Ngoài ra, các đoàn còn kiểm tra một số hợp tác xã thủ công nghiệp và một số cơ quan, nông, lâm trường, xí nghiệp của Trung ương, Khu và Tỉnh. Qua kiểm tra, các cơ quan, đơn vị đều quán triệt tốt Chỉ thị 27 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đến cán bộ và nhân dân; nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân về công tác phòng không, sơ tán đã được nâng lên; hầm hào phòng không đã thường xuyên được tu sửa và làm thêm; các kho tàng đã được phân tán và ngụy trang. Tại các xã Gia Sàng và Túc Duyên (thành phố Thái Nguyên), nhân dân đã làm cả hầm phòng tránh cho người và cho gia súc, có nhà còn xây cả hầm cất giấu đồ đạc, thóc lúa, có hộ còn làm tới 2, 3 hầm; các hầm được thường xuyên quét, dọn sạch sẽ. Xã viên các hợp tác xã nông nghiệp ở các xã Quyết Thắng (huyện Đồng Hỷ), An Khánh (huyện Đại Từ) đào rất nhiều hầm, hố phòng tránh cá nhân ở ngoài đồng. Tại huyện Đồng Hỷ, Huyện uỷ đã họp với các ngành, các cấp kiểm điểm và bàn phương án thực hiện Chỉ thị 27 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; toàn huyện đã đào được 12000 hầm, hố phòng tránh các loại; riêng cơ quan, Huyện uỷ và Uỷ ban hành chính huyện đã làm

được 49 hầm có nắp. Với thành tích đó, Đồng Hỷ là huyện dẫn đầu toàn tỉnh trong việc thực hiện Chỉ thị số 27 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Các đoàn kiểm tra của tỉnh cũng phát hiện được dọc Quốc lộ 3 đoạn từ Gang thép đến ngã ba Bồ Đậu, dọc Quốc lộ 1B đoạn từ cầu Gia Bẫy đến Võ Nhai, dọc các đường Phố Hương đi Hà Châu (Phú Bình), Đồng Quang đi Phúc Trìu, hầm hố phòng tránh còn ít, thậm chí có đoạn còn quá ít, có đoạn lại quá dày, nắp hầm mỏng nên không chống được bom bi. Tại xã Đồng Bẩm, ở hợp tác xã Sa Hương còn 11 hộ chưa có hầm trú ẩn, trong đó 3 hộ có người là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của xã. Do Ban phòng không nhân dân xã Đồng Bẩm hoạt động kém hiệu quả, không nắm được các lực lượng cấp cứu, y tế, đào bới, tải thương v.v, nên khi máy bay địch đánh phá chợ Đồng Bẩm và xóm Văn Thánh làm chết 9 người, bị thương 2 người thì các bộ phận chuyên trách lúng túng; cán bộ lãnh đạo xã mỗi người chạy một ngã khiến cho quần chúng nhân dân băn khoăn, lo lắng, dao động. Đội xe ô tô của Công ty lâm sản thực phẩm tỉnh ở Đồng Bẩm cũng không có hầm, hố phòng tránh.

Tại huyện Đại Từ, thị trấn Hùng Sơn là nơi tập trung đông dân nhưng hầm, hào trú ẩn cũng không đảm bảo chất lượng; gia đình đồng chí Chủ tịch Thị trấn và gia đình một đồng chí cán bộ Công an huyện không có hầm trú ẩn; các cửa hàng nông sản, thực phẩm hầm, hố sụt lở, xuống cấp không được sửa lại; Bệnh viện Đại Từ không có hầm trú ẩn cho bệnh nhân; Trạm xá thị trấn Hùng Sơn không có hầm, hố trú ẩn cho cán bộ, nhân viên.

Tại huyện Phổ Yên, nhân dân ở thị trấn Ba Hàng sơ tán chưa triệt để. Ở Nhà máy gạch Tân Tiến có tới 268 cán bộ, công nhân và 154 cháu nhỏ chưa có hướng sơ tán; toàn Nhà máy chỉ có 3 hầm trú ẩn, mỗi hầm chứa tối đa 10 người là đảm bảo chất lượng, còn lại là hầm kém chất lượng và 750 mét giao thông hào không có nắp ...

Qua các phát hiện trên, các đoàn cán bộ kiểm tra công tác phòng không nhân dân của tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đề ra biện pháp khắc phục, nhắc nhở hai huyện Đại Từ, Phổ Yên và Nhà máy gạch Tân Tiến phải coi "Công tác phòng không nhân dân quan trọng như công tác sản xuất và chiến đấu".

Bước vào mùa khô năm 1966 - 1967, khi cục diện chiến tranh ở miền Nam ngày càng có lợi cho ta, thì ở miền Bắc những bước leo thang đánh phá của đế quốc Mỹ cũng ráo riết và ác liệt hơn. Đối với Thái Nguyên, từ tháng 9/1966, giặc Mỹ huy động máy bay ô ạt ném bom, bắn phá xuống nhiều mục tiêu nằm trên địa bàn nhiều huyện, thành trong tỉnh. Nhờ Ủy ban hành chính tỉnh tổ chức kiểm tra, phát hiện và chỉ đạo sớm, các huyện, thành kịp thời có nhiều biện pháp khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm trong công tác phòng không, sơ tán, nên đã hạn chế được nhiều tổn thất trong các đợt đánh phá tiếp theo của máy bay địch.

Ngày 1/9/1966, 14 máy bay địch vào ném nhiều bom phá và bom bi xuống cầu Rắn, cầu Suối Cạn (nằm trên Quốc lộ 1B), cầu suối Cựa Gà (xã Phúc Trìu, huyện Đồng Hỷ) và Kho xăng Cù Vân (Đại Từ). Tiếp đó, 8 giờ 40 phút ngày 4/9, 1 tốp gồm 4 máy bay F105 và 2 máy bay F4C từ

hướng Tam Đảo bay sang định đánh phá thành phố Thái Nguyên, bị Tiểu đoàn tên lửa phiên hiệu 3962 phát hiện, phóng một quả đạn chính xác vào chiếc F4c đi đầu, làm nó bùng cháy như một bó đuốc lớn lao xuống xã Phúc Xuân (huyện Đồng Hỷ), 4 quả bom phá chưa kịp ném, văng ra gần chỗ xác máy bay rơi. Thấy đồng bọn bị tiêu diệt, 5 chiếc máy bay địch còn lại hốt hoảng bỏ dở phi vụ, bay vòng lại phía sau chuồn thẳng. Thắng lợi của trận đánh này một lần nữa khẳng định bài học cảnh giác, phát hiện địch từ xa, chủ động, tích cực tiến công tiêu diệt máy bay địch ngay từ quả đạn đầu, loạt đạn đầu là biện pháp tốt nhất để bảo vệ mục tiêu và bảo vệ mình.

Các ngày 10,11, 14, 15, 16, 17, 19, 20, 26, 28/9, nhiều máy bay địch đến đánh phá và trinh sát nhiều điểm nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên và các huyện Phố Yên, Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Lương, Phú Bình, Võ Nhai. Quân và dân Thái Nguyên đã kiên cường chiến đấu đánh máy bay địch, bảo vệ địa bàn; đặc biệt, lần đầu tiên quân và dân Thái Nguyên đã hiệp đồng chặt chẽ với lực lượng không quân chiến đấu ngoan cường, giành thắng lợi giòn giã. Đó là trận 15 giờ chiều ngày 20/9, khi máy bay địch vào ném bom, bắn phá Công trường 82 nằm trên địa bàn xã Yên Ninh, Phố Đu, xã Động Đạt (huyện Phú Lương), cầu Rắn nằm trên Quốc lộ 1B (huyện Võ Nhai), Phi đội MIG-21 thuộc Sư đoàn không quân 371 lên phối hợp chiến đấu với quân và dân Thái Nguyên bắn rơi 2 chiếc trên vùng trời Thái Nguyên. Chiều 28/9, máy bay địch đánh phá, Kho lương thực Tích Lương (huyện Đồng Hỷ) bị cháy, trong kho có 252 tấn thóc và 7 tấn gạo. Lập tức

Ban chỉ huy xã đội xã Tích Lương đã huy động dân quân ra cùng với nhân dân và lực lượng cứu hỏa của công an dập lửa, cứu thóc, số thóc bị ướt được chuyển đi phơi; số thóc lẫn đất, cát được mang đi sàng lọc; số thóc tốt được đóng bao mang đi xay sát.

Tháng 10/1966, để chuẩn bị cho các đợt đánh phá mới ác liệt hơn, hoạt động của máy bay địch trên địa bàn Thái Nguyên chủ yếu là trinh sát cả ban ngày và ban đêm. Sau 1 tháng trinh sát thăm dò lực lượng và phát hiện mục tiêu, ngày 2/11, địch cho 14 máy bay vào ném 58 quả bom phá, 2 quả bom bi mẹ và bắn nhiều loạt đạn rốc két xuống 8 địa điểm nằm trên địa bàn các huyện Võ Nhai, Phú Lương, Đại Từ, làm 12 người chết, 22 người bị thương. Tại huyện Đại Từ, máy bay địch ném bom làm cháy kho Lương thực đang chứa 60 tấn gạo và 140 tấn thóc, Ủy ban hành chính huyện đã huy động 360 dân quân và nhân dân, 60 học sinh Trường trung cấp công nghiệp dập lửa cứu kho và vận chuyển số thóc, gạo còn lại trong kho đi nơi khác. Trong các ngày 4 và 7/11, máy bay địch đánh phá, ném nhiều bom bi và bom nổ chậm xuống Thái Nguyên. Các lực lượng phòng không của ta đánh trả quyết liệt, nhưng không có kết quả.

23 giờ 45 phút đêm 21/11, sau khi nhận được thông báo của Bộ Quốc phòng "Ngày 22/11, địch sẽ đánh vào Nhà máy điện Cao Ngạn và các trọng điểm ở thành phố Thái Nguyên", Ban chỉ huy Tỉnh đội đã lập tức báo cáo với Tỉnh uỷ, Ủy ban hành chính tỉnh; thông báo cho Ủy ban hành chính thành phố Thái Nguyên và Nhà máy điện Cao Ngạn. Ủy ban hành chính thành phố Thái

Nguyên đã cử cán bộ đi kiểm tra, đôn đốc công tác phòng không sơ tán ngay trong đêm. Các lực lượng phòng không bảo vệ Nhà máy điện Cao Ngạn và các trọng điểm ở thành phố Thái Nguyên đã làm tốt công tác chuẩn bị chiến đấu, sẵn sàng đánh địch.

Đúng như nhận định của Bộ Quốc phòng, ngày 22/11, địch cho 4 tốp máy bay vào trinh sát và đánh phá thành phố Thái Nguyên, trong đó tốp thứ ba từ hướng Tây Bắc bay xuống hướng Đông Nam, vòng lại hướng Tây Bắc định bỏ nhào ném bom Nhà máy điện Cao Ngạn, thì bị một quả đạn tên lửa của ta phóng lên trúng đội hình, 1 chiếc F4H bốc cháy rơi tại chỗ. Ngay sau khi máy bay địch bị tên lửa bắn cháy, giặc lái Mỹ nhảy dù, các đồng chí Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Uỷ ban hành chính và Xã đội trưởng xã Sơn Cẩm đã nhanh chóng báo động dân quân ra phối hợp với tự vệ Nhà máy Mỳ sợi vây bắt giặc lái.

Về phía địch, nhằm phối hợp với các hoạt động mùa khô trên chiến trường miền Nam, tháng 12/1966, Tổng thống Mỹ Giôn - xơn quyết định mở chiến dịch "Sấm rền 52", đánh vào 44 mục tiêu trên toàn miền Bắc, trong đó có nhiều mục tiêu ở Thái Nguyên. Về phía ta sau khi phát hiện 3 tàu sân bay của Mỹ ở ngoài khơi vịnh Bắc Bộ di chuyển lên phía Bắc, mật độ thông tin vô tuyến điện của địch tăng lên rõ rệt, Bộ Tổng Tham mưu đã ra lệnh cho các đơn vị tăng cường sẵn sàng chiến đấu. Ngay từ đêm 1/12, các lực lượng phòng không của ta đã chủ động đón đánh máy bay địch. Tại Thái Nguyên, 8 giờ 30 phút ngày 2/12, máy bay địch vào đánh phá nhiều điểm nằm

trên địa bàn Thành phố và các huyện Đại Từ, Phổ Yên. Trùng trị bọn giặc trời Mỹ, một đơn vị pháo cao xạ 37mm thuộc Chi đội 3 (bộ đội công binh Trung Quốc sang giúp ta làm đường giao thông) ở Trại Cau (huyện Đồng Hỷ) đã nổ súng kịp thời, bắn trúng một chiếc máy bay địch, làm nó bốc cháy lao xuống làng Hoan (xã Hoà Bình). Cùng thời gian trên, 1 đơn vị bộ đội tên lửa của Quân chủng Phòng không – Không quân cũng triển khai chiến đấu kịp thời, bắn 1 máy bay địch rơi xuống xóm Thái Hoà (xã Tân Thái, huyện Đại Từ)

Trong hai ngày 3 và 4/12, máy bay địch trinh sát địa bàn Thái Nguyên lên tới trên 30 lần chiếc, chỉ có 2 lần chiếc bắn 3 quả đạn tên lửa xuống các xã An Khánh, Tân Thành (huyện Đại Từ) và Thành Công (huyện Phổ Yên).

Chiều 5/12, từ 15 giờ 30 phút, địch cho 24 máy bay F105 và F4 chia làm nhiều tốp từ 2 hướng Tây Nam và Tây Bắc bay vào vùng trời Thái Nguyên. 15 giờ 35 phút, máy bay địch bắn tên lửa xuống Trường trung cấp Nông Lâm nằm trên địa bàn huyện Đại Từ và xuống trận địa cao xạ ở xã Quang Vinh (thành phố Thái Nguyên); mấy phút sau, 1 tốp máy bay khác của địch lao vào bắn tên lửa và thả 4 quả bom bi mẹ (mỗi quả có 340 quả bom bi con) xuống trận địa tên lửa ở xã Độc Lập (huyện Đại Từ) làm 8 người chết, 25 người bị thương, trong đó có 7 người bị thương nặng. Phối hợp chiến đấu với các lực lượng phòng không bảo vệ Thái Nguyên, 1 biên đội 4 máy bay MiG21 của Trung đoàn 921, Sư đoàn 371 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân đã nhanh chóng bay lên cản phá đội hình, bắn chiếc máy bay chỉ huy của địch

cháy, rơi xuống huyện Sơn Dương, (tỉnh Tuyên Quang). Bị không quân ta đánh mạnh, địch không thực hiện được kế hoạch đánh phá lớn vào Thái Nguyên.

Tiếp đó, các ngày 13, 16, 19, 26/12, máy bay địch đánh phá, trinh sát và thả nhiều truyền đơn xuống thành phố Thái Nguyên và các huyện Phổ Yên, Đồng Hỷ, Đại Từ. Do làm tốt công tác phòng tránh và sơ tán, nên ta cũng hạn chế được nhiều tổn thất. Trong các trận trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu tháng 12/1966, tại huyện Đồng Hỷ, trong lúc nhiều máy bay địch đang lồng lộn, gầm thét trên đầu các chiến sĩ dân quân xã Quyết Thắng Nguyễn Văn Hiền, Hoàng Văn Bản vẫn dũng cảm khiêng, vác từng hòm đạn pháo cao xạ 100mm, nặng 84kg lên trận địa cho bộ đội chiến đấu. Mẹ Phạm Thị Đợt, tuy 63 tuổi, nhưng hàng ngày vẫn nấu nước sôi, mang lên trận địa cho bộ đội và dân quân, tự vệ trực chiến. Nhân dân trong huyện đã giúp đỡ bộ đội 350 ngày công làm lán, trại, ủng hộ 335 kg thịt, 152 kg gạo nếp, 165kg đậu, lạc, vừng, 125kg chè búp; nhân dân 3 xã Tích Lương, Phúc Trìu, Tân Cương ủng hộ dân quân trực chiến 662 kg thịt lợn, trâu, bò; 1550 đồng tiền mặt.

Năm 1966, trong số 1388 quả bom phá, 86 quả bom bi mẹ với trên 35.300 quả bom bi con và gần 270 quả đạn rốc két, tên lửa do máy bay địch trút xuống tỉnh Bắc Thái (cũ) thì có tới 1296 quả bom phá, 210 quả đạn rốc két và tên lửa cùng toàn bộ 84 quả bom bi mẹ, với hơn 35.300 quả bom bi con là trút xuống Thái Nguyên. Toàn bộ địa bàn 8 trên 9 huyện, thành của tỉnh Thái Nguyên hiện nay đều bị đánh phá, trong đó thành phố Thái Nguyên và

các huyện Đông Hỷ, Đại Từ, Phổ Yên bị đánh phá ác liệt nhất. Trong chiến tranh ác liệt, nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã quen dần với nếp sống quân sự hoá, kiên cường, dũng cảm chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ quê hương, giữ vững mạch máu giao thông - vận tải, góp phần cùng với các lực lượng bộ đội cao xạ, tên lửa, không quân của Bộ, Quân khu và bộ đội công binh Trung Quốc bắn rơi 38 máy bay, tiêu diệt và bắt sống nhiều giặc lái Mỹ. Về công tác phòng không, sơ tán, cấp uỷ và chính quyền các cấp trong tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, cán bộ và nhân dân có nhiều cố gắng, nên đã hạn chế được nhiều tổn thất. Tuy nhiên, do địch tập trung máy bay, bom đạn đánh phá địa bàn Thái Nguyên ác liệt trên diện rộng nên đã có tới 599 người bị thương, vong, trong đó có 203 người bị chết, 350 ngôi nhà bị cháy hoặc bị đổ; 33 toa tàu hỏa, 6 xe ô tô và một số máy nổ, máy tiện, cần trục bị phá huỷ; khoảng 150 tấn thóc, gạo bị cháy và bị hỏng...

So với năm 1965, năm 1966 tính chất và thủ đoạn đánh phá của địch ở Thái Nguyên ác liệt và xảo quyết hơn nhiều. Chúng huy động nhiều tốp máy bay, từ nhiều hướng ồ ạt vào đánh phá nhiều điểm cùng một lúc, rồi rút nhanh; chúng kết hợp chặt chẽ nghi binh và đánh phá; đánh phá và trinh sát mục tiêu. Từ ngày 2/6/1966 trở đi, chúng liên tiếp ném bom bi hoặc kết hợp bom bi, với bom phá; mục tiêu đánh phá của chúng mở rộng từ quân sự, giao thông (năm 1965) sang các mục tiêu kho tàng, bệnh viện, trường học, đập nước, đê điều, các cơ sở sản xuất và dân cư...

Vượt lên trên đạn, bom ác liệt của giặc Mỹ, các mặt sản xuất, y tế, giáo dục, văn hoá - xã hội của Thái Nguyên vẫn được giữ vững và phát triển. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, so với kế hoạch đề ra, diện tích cấy lúa mùa vượt 2,1%; diện tích trồng khoai lang tăng 35,4%, đàn trâu, bò tăng 4,1%; đàn lợn tăng 3,1%. Trên mặt trận giáo dục, so với năm học trước, số học sinh cấp 1 tăng 8.868 em, cấp 2 tăng 4.886 em, cấp 3 tăng 661 em. Về Y tế đã vừa củng cố, vừa phát triển được 10 bệnh viện, bệnh xá ở tỉnh và các huyện, bổ sung 22 bác sỹ, 127 y sỹ, 77 y tá, 20 xét nghiệm viên, 2 dược sỹ cao cấp cho các bệnh viện, bệnh xá tỉnh và huyện; đào tạo 109 y sỹ, 388 hộ sinh, 966 y tá cho các trạm xá xã. Ngoài ra, tỉnh còn xây dựng được 1 bệnh viện Đông y 40 giường bệnh, với 11 cán bộ, bác sỹ, y sỹ, y tá.

Ở Khu công nghiệp Thái Nguyên, thép vẫn ra lò và dòng điện vẫn được đưa lên lưới phục vụ cho đời sống, sản xuất và chiến đấu. Sản xuất trong các hợp tác xã thủ công nghiệp của tỉnh vẫn được giữ vững và các chỉ tiêu huy động sức người, sức của chi viện cho các chiến trường của nhân dân các dân tộc Thái Nguyên vẫn luôn luôn đạt và vượt yêu cầu. Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái Nguyên vững vàng bước vào năm 1967 với ý chí và quyết tâm chiến đấu cao hơn, sản xuất tốt hơn, để đảm bảo đời sống và đóng góp sức người, sức của cho chiến trường tốt hơn.

Bước sang năm 1967, cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam ngày càng quyết liệt. Ở chiến

trường miền Nam, cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai bằng ba cuộc hành quân lớn (chủ yếu là cuộc hành quân Gian sơn xity đánh vào Tây Ninh) nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và chủ lực ta của đế quốc Mỹ đều bị thất bại. Ở miền Bắc, chúng thực hiện nhiều đợt ném bom mở rộng ra hầu hết các tỉnh. Ngày 24/1/1967, bọn chóp bu Mỹ và ngụy Sài Gòn họp ở Hô-nô-lu-lu quyết định đẩy mạnh đánh phá bằng không quân, làm tê liệt hệ thống giao thông vận tải miền Bắc, nhằm triệt đường viện trợ từ ngoài vào Bắc Việt Nam; cắt nguồn tiếp tế vật chất và người từ Bắc Việt Nam vào Nam Việt Nam và Lào; huỷ diệt tiềm lực kinh tế và quốc phòng của Bắc Việt Nam. Các chiến dịch đánh phá mang tên "Sấm rền" của không quân Mỹ năm 1967 được bổ sung nhiều mục tiêu mới. Tập đoàn không quân số 7 của địch được quyền đánh phá vào toàn bộ 6 hệ thống mục tiêu điện lực, công nghiệp, giao thông, kho nhiên liệu, cơ sở quân sự và trận địa phòng không.

Dự đoán năm 1967, địch sẽ leo thang, đánh phá ác liệt vào Khu công nghiệp Thái Nguyên, Ban chỉ huy Tỉnh đội quyết định trang bị thêm súng máy cao xạ 12,7mm và 14,5mm cho các trận địa trực chiến phòng không của tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên và Nhà máy điện Cao Ngạn.

Về lực lượng phòng không bảo vệ Thái Nguyên, từ cuối tháng 12/1966 có sự thay đổi. Theo thỏa thuận giữa hai Đảng, Chính phủ hai nước Việt Nam và Trung Quốc, từ ngày 5/12/1966, Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc

đã lần lượt cử các chi đội¹ 62, 170, 168 pháo cao xạ sang bảo vệ các mục tiêu quan trọng ở Thái Nguyên, thay thế cho Trung đoàn cao xạ 210 vào chiến đấu ở tuyến lửa Quân khu 4 và chiến trường miền Nam. Ngày 25/12/1965, Chi đội 62 hành quân đến Thái Nguyên. Để đảm bảo cho Chi đội 62 ổn định nơi ăn, ở, sinh hoạt, tập trung vào nhiệm vụ tiếp nhận các trận địa của Trung đoàn 210, nhanh chóng triển khai chiến đấu, ngày 9/1/1967, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh chỉ thị cho các ngành, các cấp trong tỉnh "Bằng mọi biện pháp tích cực nhất, đảm bảo vật chất phục vụ kịp thời đầy đủ và an toàn cho Chi đội 62".

Thực hiện chỉ thị của Ủy ban hành chính tỉnh, nhân dân các huyện Phú Lương, Đông Hỷ, Võ Nhai, Phú Bình, Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên đã giúp Chi đội 62 làm nhiều nhà ở, nhà kho, vận chuyển hàng hoá, kéo pháo, nguy trang trận địa, cử nhiều đoàn đại biểu các ngành, các giới đến thăm hỏi, động viên, tặng quà cho cán bộ, chiến sĩ Chi đội 62.

Bộ tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân cử Tổ sĩ quan liên lạc do thiếu tá Nguyễn Tín phụ trách lên cùng với Ban chỉ huy Tỉnh đội bàn và tổ chức thực hiện kế hoạch hiệp đồng chiến đấu với Chi đội 62.

Từ giữa tháng 1/1967, Chi đội 62 bắt đầu tiếp nhận trận địa của Trung đoàn 210 và triển khai chiến đấu. Trung đoàn 210 vừa phối hợp chiến đấu với Chi đội 62,

1. Chi đội tương đương với sư đoàn

vừa rút dần từng đơn vị đi chiến đấu ở Quân khu 4 và chiến trường miền Nam.

Về phía địch, phát hiện được Chi đội 62 mới đến chưa có kinh nghiệm chiến đấu và một số đơn vị của Trung đoàn 210 rút đi làm nhiệm vụ ở nơi khác, đế quốc Mỹ tập trung máy bay và bom đạn đánh phá ác liệt vào các mục tiêu và trận địa của ta ở Thái Nguyên, gây cho ta nhiều tổn thất nặng nề.

Ngày 17/1/1967, địch huy động 49 máy bay vào đánh phá thành phố Thái Nguyên và huyện Đồng Hỷ cả hai buổi sáng và chiều. Buổi sáng từ 7 giờ 10 phút máy bay địch đã vào ném nhiều bom phá và bom bi xuống Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, ga Lưu Xá, cầu Trà Vườn và nhiều điểm nằm trong Khu gang thép Thái Nguyên. Buổi chiều máy bay địch tiếp tục ném bom phá và bom bi xuống Đoàn cơ giới, Xưởng 19/5, Bệnh viện cũ, Tổng kho thiết bị, Kho xăng, Bãi than của Công ty gang thép Thái Nguyên và một số trận địa của ta ở Gia Sàng, Túc Duyên, Phúc Xuân. Tổng cộng trong ngày máy bay Mỹ đã ném tới 170 quả bom phá các loại từ 250kg đến 1000kg, 14 quả bom bi mẹ xuống 27 điểm nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên và huyện Đồng Hỷ, làm hơn 100 người bị thương, vong, chết 25 con trâu bò, 28 con lợn, cháy và hỏng 379 gian nhà. Trận địa Đại đội 102 (Trung đoàn 210) bị máy bay Mỹ ném trúng cả bom phá và bom bi, làm 27 người bị chết (trong đó có 15 bộ đội, 1 tự vệ, còn lại là dân quân và nhân dân phục vụ chiến đấu), 59 người bị thương (trong đó có 24 bộ đội, 5 tự vệ, còn lại là dân quân và nhân dân). Liên tiếp các ngày 20, 21, 22 và 28/1,

máy bay Mỹ tiếp tục đánh phá nhiều trọng điểm giao thông nằm trên 2 tuyến đường sắt và đường bộ Thái Nguyên đi Đa Phúc. Tại Đa Phúc (Phổ Yên), bom Mỹ đã phá hỏng 1 nhịp cầu đường sắt; cầu đường bộ bị một quả bom rơi trúng mố cầu, lan can cầu bị gãy; đường sắt đi qua xóm Diện (xã Hồng Tiến) bị hỏng 1 đoạn dài khoảng 20 mét. Tại huyện Phú Bình, máy bay Mỹ ném bom phá xuống ga Lương Sơn và Cầu Ca. Tại thành phố Thái Nguyên, cầu Gia Bẫy bị địch ném 36 quả bom phá làm bay mất nhiều ván trên mặt cầu; cầu Trà Vườn bị ném 10 quả bom phá. Ngày 29/1, máy bay Mỹ lại đánh phá ác liệt vào các trận địa cao xạ của ta ở các xã Quang Vinh, Quyết Thắng, và xóm Hào Thọ (xã Tích Lương). Tại trận địa Đại đội 105 (Trung đoàn 210) ở xã Quang Vinh, trong lúc bộ đội ta vừa thu pháo, chuẩn bị bàn giao trận địa cho Chi đội 62 thì máy bay Mỹ lao đến ném 4 quả bom phá và 6 quả bom bi mẹ xuống trận địa, làm 18 cán bộ, chiến sĩ hy sinh (có 2 bộ đội Trung Quốc), 24 cán bộ, chiến sĩ khác bị thương (có 4 bộ đội Trung Quốc), 2 khẩu pháo cao xạ 100mm bị hỏng.

Nhận được tin Đại đội 105 bị máy bay địch ném cả bom phá và bom bi vào trận địa, lập tức đồng chí Bí thư Đảng uỷ kiêm Giám đốc Nhà máy điện Cao Ngạn Nguyễn Công Bằng đã điều gấp 2 đội cứu, thương, tải thương, cùng toàn bộ số thuốc cấp cứu phòng không của Nhà máy và một xe ô tô xuống trận địa, cứu chữa thương binh. Công tác chỉ đạo, tổ chức cấp cứu kịp thời của đồng chí Bí thư Đảng uỷ kiêm Giám đốc Nhà máy điện Cao Ngạn đã góp phần hạn chế tử vong cho cán bộ, chiến sĩ Đại đội 105.

Tổn thất về người và vũ khí của Đại đội 105 trong trận ngày 29/1 khá nặng nề. Nguyên nhân dẫn đến tổn thất là do sự phối hợp bàn giao trận địa và tổ chức chiến đấu giữa Đại đội 105 và Chi đội 62 không tốt. Qua tổn thất này, Trung đoàn 210 và Chi đội 62 đã rút kinh nghiệm, chỉ đạo các đơn vị tổ chức hiệp đồng chặt chẽ, đảm bảo vừa bàn giao trận địa, vừa đánh địch liên tục.

Trước tình hình máy bay địch đánh phá liên tục, ác liệt, hiệu suất chiến đấu của ta thấp, tổn thất nhiều, Ban chỉ huy Tỉnh đội và Tổ sĩ quan liên lạc của Quân chủng Phòng không - Không quân phối hợp tổ chức Hội nghị trao đổi kinh nghiệm đánh địch và hiệp đồng chiến đấu giữa các lực lượng phòng không của ta và Chi đội 62. Sau Hội nghị này, hiệu suất chiến đấu của các lực lượng phòng không bảo vệ Thái Nguyên từng bước được nâng lên.

Từ giữa tháng 3/1967, đế quốc Mỹ tập trung máy bay, bom đạn đánh phá có tính chất huỷ diệt Khu gang thép Thái Nguyên. Ngày 10/3, giặc Mỹ huy động 32 máy bay, ném 108 quả bom phá xuống Nhà máy gạch chịu lửa và các xưởng Cán thép 650, Cơ khí, Hoá nghiệm, Hàn tán, Sửa chữa động lực 2, Thiêu kết, Bảo dưỡng cơ giới, Nhà nồi hơi, Hệ thống dẫn hơi, Kho chữ T, Bãi để than, Trạm điện 35kv ... làm chết 4 người, bị thương 2 người. Hôm sau (11/3), giặc Mỹ lại huy động tiếp 46 máy bay, ném 180 quả bom phá và nhiều bom bi, bắn nhiều quả đạn rốc két, tên lửa xuống 12 điểm nằm trong Khu gang thép Thái Nguyên làm 7 người chết, 23 người bị thương, nhiều nhà cửa, máy móc thiết bị bị phá huỷ. Ngoài đánh phá

Khu gang thép Thái Nguyên, giặc Mỹ còn huy động 62 máy bay ném bom, bắn phá ác liệt nhiều nơi trên địa bàn các huyện Phú Bình, Đồng Hỷ và vùng ngoại vi thành phố Thái Nguyên.

Quyết chiến đấu để bảo vệ Khu công nghiệp luyện kim lớn đầu tiên của Tổ quốc, trong hai ngày 10 và 11/3, nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã làm tốt công tác chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần quan trọng cùng với Chi đội 62 bắn rơi 5 máy bay Mỹ. (ngày 10/3 bắn rơi 2 chiếc - có 1 chiếc rơi tại xóm Hào Thọ, xã Tích Lương, huyện Đồng Hỷ, ngày 11/3 bắn rơi tại chỗ 3 chiếc: 1 chiếc rơi xuống xóm Văn Giang, xã Vinh Quang, huyện Đại Từ; 1 chiếc rơi ở rừng Ba Cửa, xóm Bình Định, xã Bình Sơn, thuộc huyện Đồng Hỷ, 1 chiếc rơi ở xóm Lâu, xã Minh Đức, huyện Phổ Yên). Toàn bộ các tên giặc lái 5 chiếc máy bay bị bắn rơi trong 2 ngày 10 và 11/3 đều bị tiêu diệt hoặc bị bắt sống. Tiếp theo, các đêm 19 và 20/3/1967, máy bay địch tiếp tục vào bắn tên lửa và ném nhiều bom phá xuống Khu gang thép Thái Nguyên.

Trong đạn, bom ác liệt của giặc Mỹ, đội ngũ cán bộ, công nhân Công ty gang thép Thái Nguyên đã nêu cao khẩu hiệu "Tay búa, tay súng", dũng cảm, kiên cường vừa bám máy, bám lò, bám xưởng giữ vững sản xuất, vừa làm tốt công tác phục vụ chiến đấu và chiến đấu. Tại phân xưởng Đúc thép, trong lúc bom đạn địch đang nổ rền 4 phía, mặt đất rung chuyển, hệ thống cấp điện bị hỏng, cần trục ngừng chạy, lập tức quản đốc Vương Diệc chỉ huy công nhân trèo lên cao, dùng sức người đẩy cần trục,

đưa nồi nước thép đang nóng chảy trên 1000 độ đến vị trí rót thép, cứu từng mẻ thép an toàn. Tại xưởng Động lực, tầng trên của nhà đặt Tổng đài 500 số bị đánh sập, nữ công nhân trực tổng đài Lương Thị Thanh đã bình tĩnh tiếp chuyển thông tin, liên lạc chính xác, kịp thời phục vụ Ban chỉ huy tự vệ và Ban giám đốc Công ty chỉ huy, chỉ đạo chiến đấu và sản xuất.

Giặc Mỹ tập trung máy bay, bom đạn đánh phá hòng huỷ diệt Khu gang thép Thái Nguyên và làm nhụt ý chí của đội ngũ cán bộ, công nhân Gang thép. Nhưng chúng đã thất bại. Lời thề "Khi Tổ quốc cần chúng tôi sẵn sàng đổi máu lấy thép" đã vang lên trong đội ngũ cán bộ, công nhân và tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên từ những ngày tháng 3/1967 lịch sử này. Giữ vững lời thề của mình, trong cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ lần thứ nhất, cán bộ, công nhân Công ty gang thép Thái Nguyên đã trực tiếp chiến đấu 102 trận, với 1.457 lần chiếc máy bay và 2247 quả bom phá các loại (không kể nhiều bom bi và đạn rốc két, tên lửa). Trong sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, 112 cán bộ, công nhân, chiến sĩ tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên đã hy sinh, 226 đồng chí khác bị thương.

Tiêu biểu là đồng chí Chu Văn Cương (đảng viên, dân tộc Tày), công nhân coi nước lò cao số I. Ngày 1/8/1966, Chu Văn Cương đang kiểm tra hệ thống nước làm mát vỏ lò cao số I thì máy bay Mỹ ập đến đánh phá. Mặc dù bị thương rất nặng, phải nằm trên giường cấp cứu ở bệnh viện, nhưng điều quan tâm trước tiên của Chu Văn

Cương là hải đội "Lò cao có hoạt động bình thường không". Vì vết thương quá nặng, Chu Văn Cương đã hy sinh tại bệnh viện ngay trong ngày hôm đó. Tinh thần của liệt sĩ Chu Văn Cương đã được cán bộ, công nhân Công ty gang thép Thái Nguyên noi gương, học tập. Tiếp theo đồng chí Chu Văn Cương là đồng chí Hồng Long, Phó giám đốc Công ty phụ trách sản xuất. Kể từ trận đánh phá đầu tiên đến trận đánh phá cuối cùng của máy bay Mỹ vào Khu gang thép Thái Nguyên, lần nào cũng vậy, sau mỗi trận đánh phá của địch, nếu không đi công tác vắng là đồng chí Hồng Long đều có mặt ngay tại các nơi bị địch đánh phá để vừa chỉ đạo giải quyết hậu quả, vừa nghiên cứu khôi phục lại sản xuất.

Cùng với đánh phá huỷ diệt Khu gang thép Thái Nguyên, cuối tháng 3/1967, địch tập trung đánh phá huỷ diệt Nhà máy điện Cao Ngạn, nhằm cắt nguồn năng lượng thiết yếu cho Khu công nghiệp Thái Nguyên và chìm thành phố Thái Nguyên trong bóng tối. 15 giờ 15 phút ngày 19/3/1967, lợi dụng các dãy núi cao ở phía Bắc và Tây Bắc, địch cho 3 máy bay F105 bay ở độ cao từ 200 mét đến 300 mét, đột nhập vào tới gần khu vực Cao Ngạn, bất ngờ tăng độ cao, bỏ nhào ném 7 quả bom phá và bắn 2 quả đạn tên lửa xuống phía bắc Nhà máy điện Cao Ngạn 400 mét, làm hỏng 1 trạm biến thế điện, đứt dây điện cao thế và hỏng 200 mét đường sắt từ ga Quán Triều vào Nhà máy Điện. Ngay đêm 19/3, cán bộ, công nhân Nhà máy Điện đã tập trung sửa chữa, sáng 20/3, Nhà máy Điện lại tiếp tục phát điện, công suất bình thường.

Tiếp đó, 23 giờ 5 phút ngày 23/3, máy bay địch từ hướng Đông Nam lao lên thả 24 quả bom phá xuống khu vực Cao Ngạn, có 3 quả vào khu vực Ủy ban hành chính xã Cao Ngạn, 9 quả dọc theo sông Cầu, sát Nhà máy Điện, 12 quả vào khu vực Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ. 3 giờ 55 phút ngày 24 /3, cũng từ hướng Đông Nam, máy bay địch tiếp tục lao tới ném 8 quả bom phá xuống Nhà máy điện Cao Ngạn làm lò 1, lò 2 hỏng nặng, lò 3 hỏng nhẹ, đường sắt chở nhiên liệu vào Nhà máy Điện bị hỏng 40 mét, Nhà máy phải tạm ngừng sản xuất toàn bộ để sửa chữa, khôi phục. Với quyết tâm "địch đánh hỏng, ta sửa chữa, phục hồi", chỉ sau một thời gian ngắn cán bộ, công nhân Nhà máy điện Cao Ngạn đã sửa chữa phục hồi xong lò 1, chạy 2 phát điện máy số 1 và số 2. Nhưng trước tình hình địch đánh phá ác liệt, liên tục suốt ngày, đêm, làm hỏng cầu tải than, trạm bơm tuần hoàn và băng tải, lãnh đạo Nhà máy điện Cao Ngạn đã quyết định chuyển hướng sang sơ tán thiết bị.

Tuy máy bay địch đánh phá Thái Nguyên rất ác liệt suốt ngày, đêm, nhưng trong nhân dân vẫn xuất hiện các hiện tượng chủ quan, mất cảnh giác; nhiều nơi trong đó có cả những nơi là trọng điểm đánh phá của máy bay địch, nhân dân họp chợ hoặc tổ chức các hoạt động, hội họp tập trung rất đông người. Rạp chiếu bóng ở thành phố Thái Nguyên, buổi tối vẫn tổ chức chiếu phim, thu hút rất nhiều người đến xem, buộc đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc phải chỉ thị tháo máy chiếu phim.

Trước tình hình đó, ngày 25/3/1967, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra chỉ thị " Một tháng đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân" từ cuối tháng 3 đến cuối tháng 4/1967, chỉ rõ cho các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh phải "Tiếp tục sơ tán dân ra xa các mục tiêu có thể bị địch đánh phá. Bố trí lực lượng đánh địch bảo vệ mục tiêu". Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, ngày 29/3/1967, Ban chỉ huy Tỉnh đội đề ra kế hoạch " Một tháng làm hầm, hào"; cơ quan Tỉnh uỷ cử các đoàn cán bộ xuống tận cơ sở ở các huyện Phổ Yên, Đông Hỷ, Phú Bình, Đại Từ, Phú Lương và thành phố Thái Nguyên kiểm tra và tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

Tại thành phố Thái Nguyên, thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và kế hoạch của Ban chỉ huy Tỉnh đội, sau 3 ngày, 100% hộ gia đình ở phố Phan Đình Phùng đã làm xong hầm liên nhà, liên đường, có lối thoát. Nhân dân xã Quang Vinh thành lập các đội chuyên đào hầm giúp các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình bộ đội và các gia đình có hoàn cảnh neo đơn. Cán bộ, công nhân Công ty gang thép Thái Nguyên và cán bộ, chiến sĩ Đại đội 2 Công an nhân dân vũ trang đã đào 2 hầm địa đạo sâu 50 mét, ăn sâu vào lòng núi từ 15 mét đến 17 mét.

Qua kiểm tra, các đoàn cán bộ của Tỉnh uỷ nhận thấy: Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Phú Lương chưa triển khai xong chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đến các cơ quan cấp huyện; Uỷ ban hành chính huyện Đại Từ chưa có kế hoạch triển khai cho cấp xã. Các thiếu sót, khuyết điểm đó của Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính 2

huyện Đại Từ, Phú Lương đã được các đoàn cán bộ của Tỉnh uỷ kịp thời chỉ đạo sửa chữa, khắc phục.

Cùng với nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ quê hương, giữ vững và phát triển sản xuất, tháng 4/1967, nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã phát hiện, phá tan tổ chức phản động "Hội nông dân liên hiệp Việt Nam" ở Định Hoá, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương. "Hội nông dân liên hiệp Việt Nam" là một tổ chức phản động có mưu mống hoạt động từ năm 1963. Đầu năm 1967, tổ chức phản động này do Ma Khánh Hiệu và Lương Văn Dư cầm đầu, lực lượng đã có 94 tên, trong đó đáng chú ý có 4 là cán bộ trung đội, 1 là cán bộ tiểu đội và 12 là dân quân, 3 là giáo viên, 1 là Phó chủ nhiệm hợp tác xã, 1 là Phó bí thư chi đoàn, 20 tên có chân trong các đảng phái phản động cũ. Chúng đã bầu Chủ tịch Hội, Ban chấp hành chiến khu, Tư lệnh và Tham mưu trưởng quân đội, may cò (nền xanh, sao đỏ) và nêu các khẩu hiệu phản động "Tiêu diệt chế độ cộng sản", "Tiêu diệt chế độ Hồ Chí Minh" ; "Giải phóng nông dân", "Máu phải trả máu, đầu phải trả đầu, của phải trả của, ruộng phải trả ruộng", đã khắc 2 con dấu "Ban chấp hành chiến khu" và "Bộ quân lực". Lợi dụng các sơ hở của ta, tại 2 xã Bảo Cường và Quy Kỳ (huyện Định Hoá), chúng kích động nhân dân và các phần tử lưu manh, bất mãn gây rối, phá bầu cử Hội đồng nhân dân, đòi ruộng đất, cấm chông xuống ruộng hợp tác xã, dả kích lãnh tụ. Lương Văn Dư đã ngang nhiên vào nhà anh Thọ (dân quân) lấy một khẩu súng trường K44, viết giấy để lại với nội dung rất ngạo mạn

"Bộ đội của Hội nông dân liên hiệp Việt Nam thiếu vũ khí, mượn tạm. Báo cho nhà chức trách địa phương và mọi người được rõ. Tổng tư lệnh Quân giải phóng nông dân và nhân dân Việt Nam. Dương Kiên Công".

Để đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, ngày 9/4/1967, dưới sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và sự chỉ đạo trực tiếp của Công an tỉnh, các lực lượng vũ trang nhân dân huyện Định Hoá được nhân dân giúp đỡ đã bắt gọn 9 tên cầm đầu trong tổ chức phản động "Hội nông dân liên hiệp Việt Nam", xoá sổ toàn bộ tổ chức này¹.

Qua việc phát hiện, trấn áp, xoá sổ tổ chức phản động "Hội nông dân liên hiệp Việt Nam", các cấp uỷ Đảng, chính quyền từ tỉnh xuống cơ sở đã rút được nhiều bài học kinh nghiệm về công tác xây dựng địa bàn vững mạnh, trong sạch, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân, đặc biệt là lực lượng bán vũ trang ở cơ sở phải thực sự đảm bảo chất lượng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân.

Sau khi xoá sổ "Hội nông dân liên hiệp Việt Nam", Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, đã thành lập một đoàn cán bộ xuống tăng cường cho các cơ sở ở huyện Định Hoá để làm công tác tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng, củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và các

1. Sau khi bắt các tên cầm đầu, ta bắt tiếp 7 tên nguy hiểm khác. Từ ngày 10 đến ngày 12/5/1970, Toà án nhân dân tỉnh đã mở phiên toà công khai kết án tên Lương Văn Dự tử hình, Ma Khánh Hiệu tù chung thân, 14 tên còn lại lĩnh án từ 3 năm đến 7 năm tù giam.

lực lượng vũ trang. Được nhân dân ủng hộ giúp đỡ, chỉ trong một thời gian ngắn, Đoàn cán bộ tăng cường của tỉnh đã hoàn thành nhiệm vụ. Các tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể ở Định Hoá đã được củng cố. Ban chỉ huy huyện đội Định Hoá được tăng cường về chất lượng, 6 trung đội tự vệ của các cơ quan huyện; các tiểu đội, trung đội dân quân và các Ban chỉ huy xã đội các xã trong huyện, nhất là 2 xã Bảo Cường, Qui Kỳ được củng cố, kiện toàn, bảo đảm chất lượng tốt.

Trấn áp, xoá sổ tổ chức chính trị phản động "Hội nông dân liên hiệp Việt Nam", nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên nói chung, huyện Định Hoá nói riêng, phấn khởi, tin tưởng vào đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, hăng hái tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, lao động sản xuất, tích cực đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến.

Để không ngừng xây dựng cơ quan quân sự địa phương ngày càng vững mạnh cả về tổ chức Đảng, tổ chức chỉ huy, đủ sức làm tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền địa phương về mọi mặt công tác, trong đó trọng tâm là công tác xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang địa phương vững mạnh, đáp ứng yêu cầu chiến đấu, phục vụ chiến đấu, đảm bảo giao thông vận tải thời chiến và chi viện cho các chiến trường, từ ngày 11 đến ngày 13/4/1967, Đảng bộ Tỉnh đội¹ tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ nhất với sự có mặt của 39 đại biểu chính thức đại diện cho các

1. Đảng bộ tỉnh đội được thành lập theo quyết định số 198/QĐ ngày 19/11/1965 của ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc. Các đồng chí Lê Hoàng - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Khu ủy Khu tự trị Việt Bắc kiêm Bí thư Tỉnh ủy; Thượng tá Võ Quốc Vinh, Ủy viên Ban Thường vụ Quân khu ủy, Chủ nhiệm Chính trị Quân khu Việt Bắc đã đến dự và chỉ đạo Đại hội. Đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh đội từ ngày thành lập đến nay, báo cáo chính trị và tự kiểm điểm của Đảng ủy trình bày tại Đại hội đã chỉ rõ: "...trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, yêu cầu chiến đấu và chi viện sức người, sức của cho chiến trường ngày càng cao, các lực lượng vũ trang địa phương phát triển nhanh chóng, nhưng sự lãnh đạo của Đảng bộ vẫn được giữ vững và bám sát các yêu cầu, nhiệm vụ; lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ vượt chỉ tiêu trên giao 2,6%; lãnh đạo bộ đội địa phương, dân quân tự vệ huấn luyện đủ nội dung, vượt thời gian 3 tháng; lãnh đạo và chỉ đạo các lực lượng vũ trang địa phương phục vụ chiến đấu và chiến đấu 1750 trận, đóng góp 55 vạn ngày công làm hầm hào, công sự chiến đấu, ngụy trang trận địa, làm đường giao thông và vận chuyển vũ khí. góp phần cùng với nhân dân các dân tộc trong tỉnh và các lực lượng phòng không của bộ đội chủ lực đánh bại ngay từ đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ trên địa bàn tỉnh...

Đảng bộ đã thường xuyên có kế hoạch, chỉ tiêu, nội dung và biện pháp xây dựng chi bộ và rèn luyện Đảng viên theo tiêu chuẩn 4 tốt, phân loại đảng viên năm 1966, 72% đảng viên ở đơn vị, 63% đảng viên ở cơ quan đạt tiêu chuẩn 4 tốt. Đại hội đã bầu Đảng ủy Tỉnh đội khoá I gồm

9 uỷ viên, Ban Thường vụ Đảng uỷ gồm 3 đồng chí: Mã Kim Thành (Chính trị viên Tỉnh đội - Bí thư), Nguyễn Hồng An (Tỉnh đội trưởng - Phó Bí thư), Nguyễn Xuân Hiệp (Chính trị viên phó Tỉnh đội - Uỷ viên Thường vụ).

Tiếp đó, ngày 6/5/1967, Đảng uỷ Tỉnh đội họp quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung xây dựng bộ đội địa phương trong thời kỳ mới. Đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng đơn vị cơ sở trong lực lượng bộ đội địa phương của Đảng uỷ và Ban chỉ huy Tỉnh đội kể từ ngày hợp nhất hai tỉnh đến nay, Đảng uỷ Tỉnh đội đã nhất trí khẳng định "Sau khi hợp nhất 2 tỉnh, để đảm bảo cho các nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, xây dựng căn cứ địa và giữ vững giao thông vận tải thời chiến, bộ đội địa phương của tỉnh đã phát triển nhanh chóng cả về qui mô tổ chức và quân số, trang bị. Đại đội 73 đã tổ chức phục kích, đón lõng đánh trả máy bay địch 43 trận, bắn rơi 1 chiếc máy bay phản lực Mỹ; hoàn thành xây dựng các công trình chiến đấu do Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh giao cho với chất lượng tốt; tích cực tham gia giúp đỡ các địa phương huấn luyện dân quân, tự vệ đạt kết quả cao. Tiểu đoàn 19 công binh (tiên thân là Đại đội công binh 91 và các trung đội công binh 4 và 5) đã hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm giao thông ở các trọng điểm cầu Đa Phúc, phà thác Oánh và ngầm Sơn Cẩm; đội ngũ cán bộ, chiến sĩ của Tiểu đoàn qua chiến đấu và xây dựng ngày càng trưởng thành. Trong các đơn vị bộ đội địa phương của tỉnh, trung bình hàng năm tỷ lệ lãnh đạo đạt

25%, tỷ lệ đảng viên 4 tốt đạt 72%, tỷ lệ chi bộ 4 tốt đạt 75%".

Trước yêu cầu chi viện lực lượng cho các chiến trường đòi hỏi ngày càng cao và cấp bách, đầu tháng 5/1967, Quân khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc giao cho Ban chỉ huy Tỉnh đội xây dựng, huấn luyện 1 tiểu đoàn bộ binh chiến đấu bổ sung cho chiến trường miền Nam. Thực hiện nhiệm vụ trên, Ban chỉ huy Tỉnh đội quyết định điều toàn bộ Ban chỉ huy và Tiểu đoàn bộ Tiểu đoàn 19 công binh sang xây dựng Tiểu đoàn bộ binh chiến đấu bổ sung cho chiến trường miền Nam mang phiên hiệu Tiểu đoàn 68. Trên cơ sở khung Ban chỉ huy Tiểu đoàn 19, Ban chỉ huy Tỉnh đội điều bổ sung thêm cán bộ, tổ chức tuyển tân binh xây dựng Tiểu đoàn 68 gồm cơ quan Tiểu đoàn bộ và 3 đại đội bộ binh, 1 đại đội hỏa lực cối 82. Ban chỉ huy Tiểu đoàn 68 gồm các đồng chí Đại úy Hoàng Quốc Xuân (Tiểu đoàn trưởng), Đại úy Nhan Văn Sâu (Chính trị viên), Thượng úy Lê Văn Phụ và Thượng úy Hà Thiêm Thuởng (Tiểu đoàn phó và Chính trị viên phó), Đảng ủy Tỉnh đội quyết định thành lập Đảng bộ Tiểu đoàn 68 gồm 5 chi bộ (4 chi bộ đại đội và chi bộ cơ quan Tiểu đoàn bộ) và chỉ định Đảng ủy Tiểu đoàn gồm 7 đồng chí, do các đồng chí Nhan Văn Sâu làm Bí thư, Hoàng Quốc Xuân làm Phó Bí thư. Sau khi ổn định tổ chức lãnh đạo, chỉ huy và tập huấn cán bộ, đầu tháng 7/1967, Tiểu đoàn 68 triển khai tuyển quân; đến 20/7 tuyển xong, bước vào xây dựng, củng cố nơi ăn, ở, chuẩn bị huấn luyện. Đầu tháng 8/1967, Tiểu đoàn 68 bước vào huấn luyện

chiến đấu. Sau một tháng học tập, kết quả kiểm tra đạt yêu cầu trở lên các khoa mục: bắn súng trường CKC 77,76%, bắn súng tiểu liên AK bài 1: 84,52% (có 47,62% khá giỏi), ném lựu đạn 93%, công sự 85,34%, võ thuật: 78%, hành quân đường dài trên 100 km có mang, vác nặng từ 25kg đến 30kg đảm bảo 100% cán bộ, chiến sĩ tới đích.

Căn cứ kết quả thực tế sau một tháng rèn luyện và huấn luyện chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 68, ngày 20/9/1967, Đảng uỷ Tỉnh đội ra Nghị quyết số 393 giao nhiệm vụ cho Tiểu đoàn 68 "Phải nhận rõ tình hình nhiệm vụ, phấn khởi lên đường với quyết tâm cao, hoàn thành chương trình học tập, huấn luyện với chất lượng tốt nhất; rèn luyện thể lực, tập hành quân mang, vác để có sức khỏe bền bỉ, dẻo dai, đảm bảo 100% quân số hành quân đến đích; giữ gìn và sử dụng tốt mọi loại vũ khí trang bị. Xây dựng đơn vị đạt tới đích cuối cùng là đi chiến đấu tại chiến trường với thời gian khẩn trương, tích cực và chất lượng cao nhất"

Thực hiện Nghị quyết 393 của Đảng uỷ Tỉnh đội, 95% cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 68, (trong đó có 100% cán bộ, chiến sĩ Đại đội bộ binh 2) đã viết đơn tình nguyện xung phong đi chiến đấu ở chiến trường, trong đó có 45 đồng chí viết đơn tình nguyện bằng máu, tiêu biểu là các đồng chí Đặng Minh Đức và Dương Quý An.

Ngày 20/12/1967, tại xã Vạn Thọ (huyện Đại Từ) 633 cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 68 đã phấn khởi lên đường:

"Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước,

Mà lòng phơi phới dậy tương lai"

*

* *

Về phía địch, sau khi đánh phá có tính chất huỷ diệt Khu gang thép Thái Nguyên và Nhà máy điện Cao Ngạn, quí 2/1967, địch tiếp tục đánh phá Thái Nguyên ác liệt hơn vào tất cả các loại mục tiêu, không cần trình sát trước, không kể ngày, đêm, thời tiết nắng, mưa.

Từ tháng 6/1967, chúng tập trung đánh vào các trận địa phòng không. Chỉ tính riêng địa bàn thành phố Thái Nguyên, từ tháng 6 đến tháng 9/1967, máy bay địch đã ném 78 quả bom bi mẹ, phần lớn là bom bi nổ chậm xuống các trận địa phòng không gây cho ta rất nhiều khó khăn về khắc phục hậu quả.

Ngày 12/7/1967, máy bay địch ném nhiều bom bi và bom phá xuống 4 trận địa (xóm Thống Nhất, xã Đồng Quang; sân bay Đồng Bẩm; xưởng Động Lực (Gang thép); Lò mổ Tích Lương). Hôm sau (13/7), máy bay địch đánh trận địa xóm Làng Đông (Đồng Bẩm).

Ngày 10/8/1967, 32 máy bay Mỹ ném 33 quả bom phá, 27 quả bom bi mẹ xuống 12 điểm nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên và các huyện Phố Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ. Ở thành phố Thái Nguyên, máy bay địch ném 12 quả bom bi mẹ, hầu hết là bom bi nổ chậm xuống các trận địa Quang Vinh, Quyết Thắng, Gia Sàng. Tại trận địa Quang

Vinh, bom bi nổ chậm đã làm 20 cán bộ, chiến sĩ ta bị thương, vong. Trước tình hình nhiều đồng chí bị thương lẫn lộn trên vũng máu, các nữ dân quân xã Quang Vinh đã dũng cảm bò dưới làn bom bi nổ chậm vào trận địa đưa từng thương binh ra cứu chữa. Các nữ dân quân Vũ Thị Hồi, Nguyễn Thị Mùi (ở xóm Xuân Quang, xã Gia Sàng) có con nhỏ vẫn xung phong lên trận địa cứu thương, tải thương. Lão dân quân Trần Bích (62 tuổi) ở khu phố Quán Triều, không quản tuổi cao, sức yếu, dũng cảm vượt qua bom, đạn địch lên trận địa làm nhiệm vụ cứu thương và đã hy sinh anh dũng tại trận địa.

Hành động dũng cảm, sẵn sàng hy sinh cả tính mạng của mình để cấp cứu thương binh của nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã góp phần hạn chế được nhiều tử vong cho bộ đội khi địch đánh phá vào trận địa. Những tấm gương quên mình vì sự nghiệp bảo vệ quê hương, sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng ấy đã góp phần tăng cường sức mạnh cho các lực lượng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ Thái Nguyên đánh thắng địch.

Song song với đánh phá các trận địa phòng không, quí 3/1967, máy bay Mỹ cũng đánh phá ác liệt các trọng điểm giao thông nằm trên địa bàn Thái Nguyên. Chỉ tính riêng cầu, đường sắt và cầu đường bộ Đa Phúc, địch đã đánh đi, đánh lại tới 15 lần, với 437 quả bom phá, bom hơi từ 250 kg đến 1000kg, 6 quả bom bi mẹ và nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa.

Để đảm bảo giao thông trên Quốc lộ 3 và đường sắt Thái Nguyên - Hà Nội, Đội 91 thanh niên xung phong đã

điều 1 đại đội xuống đóng chốt ở xóm Trà Vinh (xã Trung Thành, huyện Phổ Yên) cùng với Đại đội 92 công binh của Tỉnh đội và dân quân 2 xã Thuận Thành, Trung Thành (huyện Phổ Yên) làm thêm 1 đường ngầm, 1 cầu cáp treo và mở thêm 2 bến phà qua sông Công ở phía thượng lưu cầu Đa Phúc. Bộ Giao thông vận tải và Tổng cục Đường sắt giao cho Đoàn sửa chữa đầu máy toa xe Lương Sơn làm thêm đường tránh qua khu vực xóm Phù Lôi (xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên) và duy tu sửa chữa, khôi phục giao thông đường sắt sau mỗi trận đánh phá của địch. Phối hợp chặt chẽ với cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn cao xạ của Quân khu bảo vệ cầu Đa Phúc, được sự giúp đỡ của cán bộ Hoá học Tỉnh đội và Quân khu, 1 tổ dân quân xã Thuận Thành (huyện Phổ Yên) thường xuyên làm nhiệm vụ thả màn khói bảo vệ cầu; ngoài ra, mỗi khi có máy bay địch hoạt động là tổ này lại có mặt trên trận địa giúp bộ đội tiếp đạn, tải thương. Nhờ đó, tháng 8/1967, địch đánh hỏng nặng cầu đường bộ Đa Phúc, nhưng giao thông vận tải qua sông Công ở khu vực Đa Phúc vẫn đảm bảo thường xuyên thông suốt.

Tại khu vực thành phố Thái Nguyên, cầu Gia Bẫy cũng bị máy bay địch đánh đi đánh lại rất nhiều lần. Để tăng cường công tác chỉ huy, chỉ đạo đảm bảo giao thông vận tải ở khu vực Thành phố, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố đã quyết định thành lập "Ban chỉ huy đảm bảo giao thông khu vực Gia Bẫy" do các đồng chí Dương Quyền (Chủ tịch Uỷ ban hành chính Thành phố) làm Chỉ huy trưởng, Hoàng Nam Thành (Thành đội trưởng) làm Chỉ huy phó, Đại đội trưởng Đại đội 91 công

binh Tĩnh đội và đại diện các ngành Công an, Giao thông của Thành phố làm Ủy viên. Sau khi thành lập, Ban chỉ huy đảm bảo giao thông khu vực Gia Bảy đã chỉ đạo và tổ chức tốt việc tu bổ, sửa chữa các bến phà Thác Oánh, Ngọc Lâm và các đường ngầm Sơn Cẩm, Bến Tượng. Nhờ đó mà khi địch đánh phá hỏng cầu Gia Bảy, giao thông vận chuyển hàng hoá và cơ động lực lượng trên Quốc lộ 1B qua khu vực Gia Bảy luôn đảm bảo thông suốt.

Ngoài đánh phá các mục tiêu quân sự, giao thông, địch còn mở rộng đánh phá sang các mục tiêu dân cư và kinh tế. Ngày 11/7/1967, máy bay địch ném 84 quả bom phá xuống các xóm Phấn Mễ, Trung Thành (thuộc xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương) làm 33 người bị chết, 11 người bị thương (trong đó gia đình anh Sơn chết cả 2 vợ chồng, còn lại 2 con nhỏ; gia đình anh Bầu chết cả vợ và 4 người con, còn lại 1 bố già; gia đình anh Mão có 9 người, chết 7 người, còn lại 2 con nhỏ không nơi nương tựa). Ngoài ra bom Mỹ còn giết hại 55 con trâu, làm cháy, đổ 11 ngôi nhà.

Ngày 19/9/1967, máy bay Mỹ ném 18 quả bom phá xuống xã Tân Phú (huyện Phổ Yên) làm sập, đổ 75 nóc nhà; gia đình bà Ngô Thị Cửa bị chết hết người lớn, chỉ còn 2 em bé không nơi nương tựa.

Các công trình thuỷ lợi ở Thái Nguyên cũng là mục tiêu đánh phá của máy bay Mỹ, trong đó đập Thác Huống là mục tiêu bị đánh phá ác liệt nhất. Đập Thác Huống nằm trên hệ thống nông giang sông Cầu được xây dựng từ năm 1927, đảm bảo tưới tiêu cho khoảng 20.000 ha ruộng của huyện Phú Bình (tỉnh Thái Nguyên) và một số

huyện của tỉnh Bắc Giang. Trong kháng chiến chống Pháp, năm 1952 giặc Pháp đã ném bom phá huỷ toàn bộ đập Thác Huống. Hoà bình lập lại ta, đã sửa chữa, tu bổ lại. Ngày 15/9/1967, máy bay Mỹ ném 8 quả bom phá xuống cách đập 30 mét về phía thượng lưu làm 1 nhà kè và đập bị hỏng nặng. Tiếp đó, ngày 20/11/1967, máy bay Mỹ ném tiếp xuống khu vực đập 16 quả bom phá, làm đứt 1 đoạn dây cáp của cầu. Ngoài đập Thác Huống, máy bay địch còn ném bom xuống cống Vạn Già và cầu Mây, cắt đứt đôi thân đê vào giữa mùa nước lớn, gây cho ta nhiều tổn thất.

*
* *
* *

Ngày 16/10/1967, máy bay địch ném nhiều bom phá và bom từ trường xuống khu vực trung tâm thành phố Thái Nguyên, gây cho ta rất nhiều khó khăn trong việc khắc phục hậu quả. Tuy từ tháng 6/1967, địch đã thả bom từ trường ở các địa phương khác, nhưng khi địch dùng loại bom này để đánh phá Thái Nguyên thì ta vẫn chưa tìm hiểu được nguyên lý cấu tạo và nguyên lý gây nổ, nên chưa có biện pháp chống phá. Khi địch ném bom từ trường xuống trung tâm Thành phố, đồng chí Trung úy Đoàn Mạnh Hùng, trợ lý công binh Thành đội Thái Nguyên, khi đi kiểm tra, đánh dấu bom nổ chậm đã đeo súng ngắn, kim loại của súng ngắn đã kích bom từ trường nổ, bị hy sinh.

Một xe ô tô chở lương thực và một số người dắt xe đạp qua khu vực có bom từ trường, kim loại ở xe ô tô và xe

đạp đã kích bom từ trường nổ, gây thương, vong. Đường vận chuyển qua trung tâm thành phố Thái Nguyên bị ách tắc. Không thể để 23 quả bom từ trường cản trở giao thông, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc chỉ đạo Tỉnh đội cho công binh tạm thời đánh dấu các vị trí có bom nổ chậm, cử cán bộ đi nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của Quân Khu 4 và Hải Phòng dùng các vật bằng sắt và nam châm kích thích gây nổ bom từ trường. Sau đó, được sự hỗ trợ của bộ đội Công binh Quân khu Việt Bắc, các chiến sĩ công binh của tự vệ thành phố Thái Nguyên đã dùng dây buộc mảnh tôn kéo qua bom từ trường, gây nổ từng quả một. Bằng phương pháp này, bộ đội Công binh Quân khu và tự vệ thành phố Thái Nguyên đã lần lượt phá nổ 23 quả bom từ trường, giải tỏa ách tắc giao thông qua khu vực trung tâm thành phố Thái Nguyên.

Năm 1967 máy bay địch đánh phá hệ thống giao thông Thái Nguyên rất ác liệt. Cầu Đa Phúc bị đánh 21 lần, cầu Trà Vườn 11 lần, ga Quán Triều 8 lần, ga Lưu Xá 11 lần, ga Phố Yên 8 lần, ga Lương Sơn 9 lần, đoạn đường đê Tân Phú - Thuận Thành (Phố Yên): 9 lần. Ngoài ra, máy bay địch còn đánh vào các bệnh viện Khu Việt Bắc, Gang thép, Phố Yên, Trạm xá Thành phố, các trường Đại học Sư phạm Việt Bắc, phổ thông cấp 1 các xã Hợp Thành, Thành Công, Đồng Tiến, Hồng Tiến (huyện Phố Yên).

So với năm 1966, năm 1967 số trận đánh phá của địch tăng gấp đôi (trong đó số trận đánh đêm tăng gấp 15 lần), số lần tốp tăng gấp 4,6 lần, số lần chiếc máy bay tăng gấp 3 lần (riêng số bom bi tăng gấp 11 lần) và những thủ

đoạn rất thâm hiểm, xảo quyệt trên một phạm vi rộng, nên số thương, vong của ta trên địa bàn Thái Nguyên lên tới 1.328 người¹.

Đế quốc Mỹ định dùng máy bay, bom đạn đánh phá hồng lay chuyển ý chí và quyết tâm đánh Mỹ của các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên. Nhưng chúng đã lầm. Máy bay và bom đạn của chúng chỉ làm tăng thêm ý chí quyết chiến, quyết thắng và tinh thần lao động, sáng tạo của quân và dân Thái Nguyên. Năm 1967 quân và dân Thái Nguyên đã kiên cường chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần bắn rơi 15 máy bay, bắt sống và tiêu diệt nhiều giặc lái Mỹ. Các mặt sản xuất, văn hoá, giáo dục, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của tỉnh được giữ vững, có mặt còn phát triển.

Năm 1967, mặc dù thành phố Thái Nguyên là nơi bị máy bay địch đánh phá ác liệt nhất so với các huyện, thị khác trong tỉnh, nhưng so với trước chiến tranh phá hoại, tổng giá trị sản phẩm thủ công của thành phố tăng 117%, tư liệu sản xuất nông nghiệp tăng 169%, xây dựng cơ bản và giao thông vận tải tăng 219%, sản xuất đồ gỗ tăng 117%. Trong sản xuất nông nghiệp, nhiều cánh đồng bị bom tàn phá, bà con nông dân phải san lấp hố bom, lội ruộng bùn nhật từng quả bom bị để cày, cấy. Các cánh đồng ở Phú Xá, Tân Minh, Xuân Quang ...vừa cấy xong, lại bị địch ném bom phải cấy đi, cấy lại tới 3,4 lần. Ở cánh

1. Tổng số thương, cả tỉnh Bắc Thái (cũ) là 1424 người (có 470 người chết thì số thương, vong của Thái Nguyên là: 1328 người. (có 242 người chết)

đồng gần các cầu cống, trận địa, nhà máy là trọng điểm đánh phá của địch, thì thanh niên, dân quân là lực lượng xung kích, đi đầu dũng cảm bám ruộng, bám đồng để sản xuất. Toàn thành phố có 50% số hợp tác xã nông nghiệp đạt 5 tấn thóc trên 1 ha gieo trồng. Về chăn nuôi lợn, mỗi héc ta gieo trồng đạt bình quân 3,1 con; mỗi hộ sản xuất nông nghiệp bình quân nuôi 2,1 con; chăn nuôi gia cầm phát triển mạnh, nên nhân dân thành phố Thái Nguyên đã bán cho nhà nước 4 tấn gà, vịt, dẫn đầu toàn tỉnh Bắc Thái (cũ). Do chuyển đổi cơ cấu cây trồng nên năm 1967, sản lượng rau xanh của Thành phố đã chiếm 38,8% tổng giá trị sản lượng cây trồng. Về giáo dục, năm học 1966-1967 trong điều kiện phòng không, sơ tán nhưng con em nhân dân Thành phố đã đạt tỷ lệ lên lớp và thi đỗ tốt nghiệp cao nhất tỉnh, 60% học sinh cấp I và cấp II ở Thành phố đạt tiêu chuẩn cháu ngoan Bác Hồ. Trong phong trào thi đua "dạy tốt, học tốt", trường phổ thông cấp II Hoàng Văn Thụ thành phố Thái Nguyên là lá cờ đầu của tỉnh, được Hội đồng Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Năm 1967, Phổ Yên cũng là huyện bị máy bay địch đánh phá ác liệt sau thành phố Thái Nguyên, nhưng sản xuất lương thực của Phổ Yên cũng đạt kết quả tốt, được ghi vào sổ vàng thành tích sản xuất lương thực của tỉnh cùng với thành phố Thái Nguyên và huyện Đại Từ.

Trong công tác tuyển quân, xây dựng lực lượng vũ trang, chi viện chiến trường, mặc dù trong điều kiện chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra hết sức ác liệt nhưng Thái Nguyên vẫn đảm bảo hoàn thành vượt chỉ tiêu 0,9% (trong đó huyện Định Hoá, dẫn đầu tỉnh

vượt chỉ tiêu 15,55%, ty Giao thông vượt 2,85% và ty Nông nghiệp vượt 6,66%). Con em nhân dân các dân tộc Thái Nguyên vào bộ đội đã có mặt chiến đấu và công tác ở khắp các chiến trường, mặt trận; nhiều đồng chí đã lập công xuất sắc và đặc biệt xuất sắc, trở thành những tấm gương sáng về ý chí, quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, về tinh thần chiến đấu hy sinh, sẵn sàng xả thân vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Tiêu biểu cho những tấm gương sáng ngời đó là đồng chí Phạm Thanh Ngân, (quê ở xã Lương Phú, huyện Phú Bình), Biên đội trưởng Biên đội máy bay phản lực chiến đấu MIG21 thuộc Trung đoàn 921 (Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân) trong hai năm 1966, 1967 đã trực tiếp lái máy bay chiến đấu bắn rơi 7 máy bay Mỹ (trong đó năm 1966 bắn rơi 1 chiếc, năm 1967 bắn rơi 6 chiếc); ngoài ra còn chỉ huy Biên đội bắn rơi 8 chiếc máy bay Mỹ khác. Điển hình là các trận chiến đấu:

Ngày 7/10/1967, đồng chí Phạm Thanh Ngân đã chỉ huy Biên đội chiến đấu với 12 máy bay F4 Mỹ trên vùng trời Hà Tây. Mặc dù chiến đấu trong điều kiện lực lượng địch đông gấp nhiều lần nhưng đồng chí Phạm Thanh Ngân vẫn bình tĩnh phát hiện chỗ yếu của địch, dũng cảm, mưu trí chỉ huy Biên đội bất ngờ lao thẳng vào đội hình 12 chiếc F4 của địch, bắn 2 quả đạn tên lửa, tiêu diệt hai máy bay địch, trong đó đồng chí trực tiếp bắn rơi 1 chiếc. Ngày 18/11/1967, chiến đấu với đội hình 8 máy bay F105 và F4 của địch trên bầu trời Phú Thọ, đồng chí Phạm Thanh Ngân đã kiến quyết, linh hoạt chỉ huy Biên đội công kích thẳng vào tốp F105 đi đầu, bắn rơi tại chỗ

2 chiếc (trong đó đồng chí bắn rơi 1 chiếc). Tiếp đó, ngày 20 tháng 11 năm 1967, khi chỉ huy Biên đội 2 máy bay MIG21 chiến đấu với 24 máy bay F4 và F105 của địch trên bầu trời Phú Thọ - Hà Tây, đồng chí Phạm Thanh Ngân đã dũng cảm, bình tĩnh, phán đoán tình hình, chọn đúng đối tượng, mưu trí chỉ huy Biên đội vượt lên trên đầu tốp F4 (đang triển khai đội hình đánh lại ta) thọc sâu vào tốp F105 đi sau, bắn rơi 2 chiếc, trong đó đồng chí trực tiếp bắn rơi 1 chiếc, bẻ gãy mũi tấn công của máy bay địch vào Hà Nội.

Tiếp theo đồng chí Phạm Thanh Ngân là đồng chí Ma Văn Viên. Đồng chí Ma Văn Viên sinh năm 1941, quê ở xã Tân Dương, huyện Định Hoá, nhập ngũ tháng 8/1965. Trong những năm 1966, 1967, là Tiểu đội trưởng thuộc Đại đội 12, Tiểu đoàn 4, Trung đoàn công binh 259 làm nhiệm vụ khoan đá, đục đường hầm, xây dựng các công trình phục vụ chiến đấu; đồng chí Ma Văn Viên đã sử dụng máy khoan nặng đạt năng suất lao động 150% (cao nhất đơn vị). Khi đục đá để đánh bộc phá, đồng chí đã đạt năng suất phá đá 300%, góp phần đưa Tiểu đội hoàn thành vượt mức kế hoạch 27% (cao nhất đại đội). Ngoài ra, đồng chí Ma Văn Viên còn xung phong đi đổ bê tông (một công việc nặng nhọc - khẩn trương) hàng tháng trời hoặc xung phong đi làm việc ở những nơi đất đá dễ bị sụt lở, có nhiều khó khăn nguy hiểm. Đồng chí Ma Văn Viên đã 2 lần dũng cảm, mưu trí cứu được nhiều đồng đội khỏi bị đất đá vùi, lấp.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc đó, ngày 18/6/1969, đồng chí Phạm Thanh Ngân và ngày

25/8/1970, đồng chí Ma Văn Viên đã được Đảng, Nhà nước, Quốc hội tuyên dương danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Tuy còn nhiều hạn chế về các mặt, nhưng những thành tích và kinh nghiệm trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, sản xuất và xây dựng hậu phương mà quân và dân Thái Nguyên đã giành được năm 1967 là cơ sở để Thái Nguyên vững vàng bước sang năm 1968.

*

* *

Đầu năm 1968, trên chiến trường miền Nam ta đã tiến công và nổi dậy, tạo cục diện mới trên chiến trường, phá tan kế hoạch tìm, diệt của địch. Từ phản công, địch phải lùi về phòng ngự trên hai hướng chính Sài Gòn - Gia Định và Trị - Thiên.

Ở miền Bắc, cuộc chiến tranh phá hoại bằng Không quân và Hải quân của đế quốc Mỹ cũng bị thất bại nặng nề.

Mặc dù giặc Mỹ dùng Không quân và Hải quân đánh phá miền Bắc rất ác liệt, nhưng hệ thống giao thông vận tải miền Bắc vẫn luôn luôn thông suốt; hàng hoá, lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh từ miền Bắc chi viện cho miền Nam tăng gấp 6 lần. Hàng chục vạn cán bộ, chiến sĩ từ hậu phương miền Bắc ngày đêm vượt Trường Sơn đến chiến trường tăng cường lực lượng cho miền Nam đánh Mỹ. Đến tháng 1/1968, lực lượng Quân giải phóng miền Nam đã lên tới 7 sư đoàn, 50 tiểu đoàn độc

lập bộ đội chủ lực; 55 tiểu đoàn, 17 đại đội, 144 trung đội độc lập bộ đội địa phương; ngoài ra, còn có 30 vạn dân quân, tự vệ.

Từ thực tế đó Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng ta nhận định "chúng ta đang đứng trước triển vọng và thời cơ chiến lược lớn. Đế quốc Mỹ đang ở trong tình thế tiến, thoái lưỡng nan về chiến lược"¹. "Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của ta là động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh của ta lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định"².

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, đêm 30/01/1968 (tức đêm 29 rạng 30 Tết Mậu Thân), lực lượng vũ trang nhân dân ta ở miền Nam đã mở một cuộc Tổng tiến công vào 4 trên 6 thành phố, 37 trên 44 thị xã và hàng trăm quận lỵ, thị trấn, hỗ trợ cho nhân dân giành quyền làm chủ nhiều vùng nông thôn rộng lớn.

Hoà chung với khí thế của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân miền Nam, Tỉnh ủy quyết định đẩy mạnh lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng tránh và đánh địch. Công tác phòng không nhân dân được các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đặt lên ngang hàng với các công tác khác, do đó đã hạn chế được nhiều tổn thất do máy bay địch đánh phá gây ra.

1, 2. Các Nghị quyết của bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 12/1967

Tháng 1/1968, máy bay địch đánh phá Thái Nguyên 8 ngày (3, 4, 5, 6, 8, 15, 18, 23), ném 96 quả bom phá, 18 quả bom bi mẹ, bắn 2 quả đạn tên lửa xuống 20 điểm trên địa bàn các huyện Phổ Yên, Đại Từ, Đồng Hỷ và thành phố Thái Nguyên. Ác liệt nhất là ngày 18/1, máy bay địch ném 28 quả bom phá, 10 quả bom bi mẹ xuống 9 điểm nằm trên địa bàn 7 xã Hùng Sơn, Hà Thượng, Vinh Quang, An Mỹ, Đoàn Kết, Tiến Bộ, Phục Linh (huyện Đại Từ).

Tháng 2/1968, địch đánh phá Thái Nguyên 5 ngày (4, 10, 14, 17, 19), ném 42 quả bom phá, bắn 4 quả tên lửa xuống 6 điểm nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên và huyện Phổ Yên.

Tháng 3/1968, địch đánh phá Thái Nguyên 4 ngày (6, 10, 14, 30), ném 64 quả bom phá, bắn 2 quả tên lửa xuống 8 điểm nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên và các huyện Đồng Hỷ, Phú Bình, Đại Từ.

Trùng trị quân xâm lược Mỹ, 3 tháng đầu năm 1968, quân và dân Thái Nguyên đã bắn rơi 2 máy bay địch (trong đó có 1 máy bay trinh sát không người lái), góp phần cùng với quân và dân miền Bắc đưa số máy bay Mỹ bị bắn rơi trong quý I/1968 lên 73 chiếc. Tuy số lượng máy bay Mỹ bị bắn rơi trên miền Bắc quý I/1968 không nhiều, nhưng đây là một đòn bồi tiếp vào lực lượng không quân Mỹ sau khi chúng bị thất bại trong các đợt đánh lớn vào Hà Nội, Hải Phòng và Thái Nguyên.

Bị thất bại nặng nề trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam Tết Mậu Thân 1968

và cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, ngày 31/3/1968, Tổng thống Mỹ Giôn-Xơn buộc phải chính thức tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, không ra tranh cử Tổng thống nhiệm kỳ II vào tháng 11/1968 và chấp nhận đàm phán với Chính phủ ta tại Pari (Pháp). Cùng với các tỉnh miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, Thái Nguyên đã kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ.

Trải qua hơn 2 năm 5 tháng leo thang đánh phá Thái Nguyên (kể từ trận đầu tiên ném bom cầu Gia Bẫy ngày 17/10/1965), đế quốc Mỹ đã huy động hơn 1110 lần tốp với khoảng gần 3700 lần chiếc máy bay phản lực gồm đủ các loại F105, F4, RF101, RF4C... vào trinh sát và đánh phá xuống 8 trên 8 huyện, thành thuộc tỉnh Thái Nguyên¹. Máy bay Mỹ đã ném xuống Thái Nguyên 9828 quả bom phá, 164 quả bom hơi, 918 quả bom bi mẹ, bắn 81 quả đạn tên lửa, 254 loạt đạn rốc két² xuống hầu hết các mục tiêu giao thông, quân sự, kinh tế, dân cư, nhà

1, 2. Đánh tỉnh Bắc Thái (cũ) giặc Mỹ huy động: 1158 tốp, 3820 lần chiếc máy bay, ném 10.272 quả bom phá, 172 quả bom hơi, 918 quả bom bi mẹ, bắn 81 quả đạn tên lửa, 309 loạt đạn rốc két, làm thương vong 2273 người, phá huỷ 3942 ngôi nhà. Quân và dân Bắc Thái bắn rơi 59 máy bay Mỹ (trong đó có 8 chiếc bị bắn rơi trên bầu trời tỉnh Bắc Kạn: ngày 5/9/1965, Đại đội 73 ở thị xã Bắc Kạn bắn rơi 1 chiếc; ngày 23/4/1966, đơn vị C19 bộ đội công binh Trung Quốc bắn 1 chiếc rơi xuống xã Ngọc Phái (Chợ Đồn); ngày 8/5/1966: bộ đội tên lửa bắn 2 chiếc rơi xuống đỉnh núi Phia BJoóc (Bạch Thông); ngày 14/8/1966 1 chiếc rơi xuống xã Thanh Bình (Chợ Mới); ngày 4/2/1967: 1 chiếc rơi xuống xã Quảng Bạch (Chợ Đồn), 1 chiếc rơi xuống xã Mỹ Phương (Chợ Rã); ngày 9/7/1967 không quân bắn 1 chiếc rơi xuống Rã Bản (Chợ Đồn)

thờ, bệnh viện, trường học... làm thương, vong 2.177 người, phá hỏng 3820 ngôi nhà, thiêu hủy 473,6 tấn xăng, dầu, mìn.

Phát huy truyền thống của quê hương "Căn cứ địa Cách mạng" trước tháng Tám 1945, "Thủ đô kháng chiến" trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), quân và dân Thái Nguyên đã nêu cao ý chí, quyết tâm đánh Mỹ, cùng với các lực lượng phòng không, không quân của Bộ, Quân khu và Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc tiến hành thắng lợi cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ trên địa bàn toàn tỉnh, bắn rơi 51 máy bay phản lực hiện đại, bắt sống và tiêu diệt nhiều giặc lái máy bay Mỹ, góp phần vẻ vang vào chiến công chung của quân và dân miền Bắc.

Đối với nhiệm vụ đảm bảo giao thông, vận tải thời chiến, Đảng bộ, quân và dân Thái Nguyên đã xác định đây là một nhiệm vụ trung tâm và thường xuyên nên đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tập trung sức người, sức của giữ cho mạch máu giao thông trên địa bàn tỉnh luôn luôn thông suốt. Từ Thái Nguyên, hàng hóa, lương thực, thực phẩm, vũ khí, khí tài và các phương tiện chiến tranh khác vẫn đảm bảo ngày đêm theo các phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ xuôi về Hà Nội, rồi tỏa đi chi viện cho các chiến trường, mang đến cho đồng bào miền Nam ruột thịt tất cả sức mạnh vật chất và tinh thần của hậu phương miền Bắc. Chỉ tính trong gần 3 năm chiến tranh ác liệt (từ tháng 10/1965 đến tháng 12/1967), hơn 2 vạn con, em ưu tú của nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã

hăng hái lên đường đánh Mỹ, trong đó có tới gần 2 vạn cán bộ, chiến sỹ đã vượt Trường Sơn vào chiến đấu cùng với đồng bào, đồng chí miền Nam.

Trên mặt trận sản xuất và xây dựng hậu phương, quân và dân Thái Nguyên đã kịp thời chuyển hướng phù hợp với hoàn cảnh thời chiến. Các mặt sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp vẫn đảm bảo tốt và có mặt phát triển; an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh luôn luôn giữ vững và ổn định; các mặt giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội đều phát triển tốt.

Tất cả những thành tựu mà quân và dân Thái Nguyên đã giành được trong cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (từ tháng 10/1965 đến tháng 3/1968), là cơ sở, tiền đề rất quan trọng để quân và dân Thái Nguyên tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn trong thời kỳ mới - thời kỳ tranh thủ thời gian địch tạm ngừng đánh phá, đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế xã hội, động viên tuyển quân chi viện chiến trường, sẵn sàng đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mỹ.

CHƯƠNG III

ĐẨY MẠNH ĐỘNG VIÊN TUYẾN QUÂN CHI VIỆN CHIẾN TRƯỜNG, TIẾP TỤC XÂY DỰNG, Củng Cố ĐỊA BÀN VỮNG MẠNH, GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG CUỘC CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ HAI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (4/1968 - 12/1972)

Sau Tết Mậu Thân 1968, ở nhiều đô thị trên khắp chiến trường miền Nam, các cuộc tấn công và nổi dậy của quân và dân ta còn tiếp tục diễn ra hai đợt nữa. Tuy có giành được một số kết quả nhất định, nhưng "quân địch đã chuyển chiến lược, ra sức thực hiện biện pháp quét và giữ, kéo quân về phòng thủ dày đặc các tuyến thành thị. Yếu tố bất ngờ của ta không còn nữa. Sức của ta đã hao mòn và sút giảm đi nhiều, cơ sở chính trị bộc lộ và bị tan rã, căn cứ đứng chân của ta ở các vùng nông thôn lại bị bỏ lỏng"¹, ta bị "...tổn thất, mất đất, mất dân, thương vong

1. Hoàng Dũng: Tết Mậu Thân bước ngoặt quyết định; Tạp chí lịch sử quân sự số 1, 1998, trang 15,16.

nhiều, ảnh hưởng kéo dài nhiều đến những năm sau"¹.

Tình hình đó đòi hỏi sự chi viện sức người, sức của của hậu phương lớn miền Bắc cho chiến trường miền Nam trở nên to lớn và cấp bách hơn bao giờ hết. Tại Hội nghị giao chỉ tiêu tuyển quân năm 1968 cho các tỉnh, thành miền Bắc do Hội đồng Chính phủ tổ chức đầu năm 1968, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã chỉ thị "Công tác động viên tuyển quân là công tác trung tâm số một, là vấn đề cấp bách phải được ưu tiên. Động viên lực lượng bổ sung cho chiến trường lúc này có tính chất quyết định".

Năm 1968, Thái Nguyên được Trung ương giao chỉ tiêu tuyển quân tăng gấp 3,2 lần năm 1965, 2,03 lần năm 1966, 3,49 lần năm 1967 và bằng 91% chỉ tiêu tuyển quân cả 3 năm 1965, 1966, 1967 cộng lại. Chỉ tiêu tuyển quân năm 1968 của các huyện Đại Từ gấp 2,85 lần năm 1965, 1,41 lần năm 1966 và 5,64 lần năm 1967; Đồng Hỷ gấp 2,81 lần 1965, 1,4 lần 1966, 2,43 lần 1967; Phú Bình gấp 1,9 lần 1965, 1,24 lần 1966, 2,72 lần 1967; Phổ Yên gấp 2,02 lần 1965, 1,28 lần 1966, 4,30 lần 1967; Phú Lương gấp 2,7 lần 1965, 2,03 lần 1966, 2,43 lần 1967; Định Hoá gấp 2,29 lần 1965, 1,56 lần 1966, 2,35 lần 1967; Võ Nhai gấp 1,74 lần 1965, 2,11 lần 1967. Đặc biệt, các cơ quan, đơn vị của Trung ương và địa phương nằm trên địa bàn Thái Nguyên, chỉ tiêu tuyển quân năm

1. Tổng kết Bộ Tổng Tham mưu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Nxb QĐND, Hà Nội 1997, trang 125.

1968 gấp 11,02 lần năm 1965, 12,25 lần năm 1966 và 5,25 lần năm 1967.

Với chỉ tiêu tuyển quân năm 1968 Trung ương giao lớn như vậy, công tác động viên tuyển quân trở thành nhiệm vụ lớn nhất trong công tác quân sự địa phương năm 1968 của Thái Nguyên. Quân, dân Thái Nguyên thực hiện nhiệm vụ động viên tuyển quân với chỉ tiêu lớn, lại trong điều kiện có rất nhiều khó khăn mới nảy sinh. Trong những năm 1965, 1966, trước khí thế chống Mỹ, cứu nước sôi nổi, công tác động viên tuyển quân có nhiều thuận lợi. Nhưng chiến tranh diễn ra ngày càng ác liệt, kéo dài, qua nhiều đợt tuyển quân từ năm 1965 đến năm 1967, lực lượng dự bị của Thái Nguyên đã cạn dần. Mặt khác, tiêu chuẩn tuyển quân năm 1968 lại có những điểm đòi hỏi cao hơn; đối tượng tuyển quân chủ yếu là thanh niên từ 18 tuổi đến 25 tuổi; rất hạn chế tuyển những người trên 30 tuổi, những người có từ 3 con trở lên và những gia đình có nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, do chiến tranh ác liệt kéo dài, trong nhân dân, đặc biệt là trong thanh niên ở các huyện, thành đã xuất hiện tư tưởng ngại gian khổ, hy sinh, không muốn đi bộ đội. Qua các đợt tuyển quân năm 1967, một số thanh niên ở các huyện Phổ Yên, Phú Lương không đi khám sức khỏe, hoặc có đi khám nhưng không khám hết các chuyên khoa. Hiện tượng gia đình cán bộ, đảng viên không gương mẫu cho con em mình đi bộ đội, gây suy bì, ty nạnh trong nhân dân cũng là những khó khăn của Thái Nguyên trong công tác tuyển năm 1968.

Tuy chỉ tiêu tuyển quân cao, khó khăn có nhiều, nhưng quán triệt sâu sắc chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và trước trách nhiệm và nghĩa vụ đối với đồng bào, đồng chí miền Nam nói chung, đối với quân và dân tỉnh Khánh Hoà anh em kết nghĩa nói riêng, Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã xác định bất kỳ trong hoàn cảnh nào cũng "...kiên quyết động viên đạt và vượt mức quân số, đảm bảo chất lượng tốt, thời gian nhanh, giao quân gọn và an toàn"¹. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra "Thông tri lãnh đạo công tác động viên tuyển quân năm 1968", giao nhiệm vụ Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, Tỉnh Đoàn thanh niên và Ban chỉ huy Tỉnh đội có nội dung, kế hoạch hướng dẫn, giáo dục, động viên sâu rộng trong nhân dân về tình hình, nhiệm vụ mới và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của thanh niên; ty Văn hoá - Thông tin, Báo Đảng tỉnh phải vận dụng các hình thức tuyên truyền phong phú, động viên thanh niên hăng hái lên đường nhập ngũ; các ty Y tế, Công an, các ngành Lương thực, Thực phẩm, Thương nghiệp phải làm tốt công tác khám tuyển, xét duyệt và đảm bảo cơ sở vật chất cho các công tác động viên tuyển quân; các ngành, các cấp trong tỉnh phải làm tốt công tác hậu phương quân đội, thực hiện tốt công tác thương binh, gia đình liệt sĩ, giúp đỡ gia đình bộ đội; làm tốt công tác tiễn đưa tân binh lên đường đánh giặc".

Rút kinh nghiệm công tác tuyển quân những năm trước, đầu năm 1968, Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh do

1. Nghị quyết chuyên đề về công tác quân sự địa phương năm 1968 của Tỉnh uỷ Bắc Thái.

các đồng chí Doanh Hằng (Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh) làm Chủ tịch, Nguyễn Hồng An (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Tỉnh đội trưởng) làm Phó chủ tịch đã họp phiên đầu tiên¹ để thảo luận các biện pháp chỉ đạo, phân công trách nhiệm của các thành viên trong Hội đồng.

Tiếp đó, Uỷ ban hành chính tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết rút kinh nghiệm công tác động viên tuyển quân 3 năm 1965, 1966, 1967; giao chỉ tiêu tuyển quân năm 1968 cho các huyện, thành, cơ quan, đơn vị nằm trên địa bàn tỉnh. Tại Hội nghị, đồng chí Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch UBHC kiêm Chủ tịch Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh đã quán triệt cho các đồng chí Bí thư, Chủ tịch, cán bộ chỉ huy quân sự các huyện, thành, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nằm trên địa bàn tỉnh ý nghĩa, tầm quan trọng và yêu cầu cấp bách của công tác động viên, tuyển quân năm 1968; giao nhiệm vụ cho các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp phải hoàn thành tốt chỉ tiêu động viên tuyển quân. Sau Hội nghị tổng kết rút kinh nghiệm công tác động viên tuyển quân 3 năm 1965, 1966, 1967, Ban chỉ huy Tỉnh đội tổ chức hội nghị bồi dưỡng nghiệp vụ về tiêu chuẩn, đối tượng, thủ tục động viên tuyển quân năm 1968 cho Ban chỉ huy các Huyện đội, Thành đội.

Đợt 1 động viên tuyển quân năm 1968, tỉnh giao cho 3

1. Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh được thành lập từ ngày họp nhất 2 tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái (1/7/1965), nhưng vì nhiều lý do nên đầu năm 1968 mới họp phiên đầu tiên.

huyện Phổ Yên, Phú Lương, Đại Từ tuyển 900 thanh niên vào bộ đội. Lúc đầu do Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính các huyện Phổ Yên, Phú Lương chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác động viên, tuyển quân; chưa thấy rõ động viên tuyển quân là công tác trung tâm, đột xuất nên thiếu lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ. Tại huyện Phổ Yên, trước thời hạn giao quân 15 ngày huyện mới khám tuyển và xét duyệt được 66% chỉ tiêu. Tại huyện Phú Lương, sau 1 tháng triển khai cũng mới chỉ khám tuyển và xét duyệt được 32% quân số. Trước tình hình đó, các đồng chí Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh đã phân công nhau trực tiếp xuống hai huyện Phổ Yên và Phú Lương kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo công tác động viên tuyển quân. Tại huyện Phổ Yên, Huyện uỷ giao cho Ban Tuyên giáo cử cán bộ trực tiếp tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân trong huyện thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng và yêu cầu cấp bách của công tác động viên tuyển quân; Huyện Đoàn thanh niên chỉ đạo đẩy mạnh phong trào thanh niên "Ba sẵn sàng", vận động thanh niên đi khám tuyển; Huyện Hội Phụ nữ vận động chị em động viên chồng, con, người yêu lên đường đánh giặc; các ngành Kiểm sát, Tòa án đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền về pháp luật và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc cho nhân dân, đặc biệt là cho thanh niên. Chị em phụ nữ huyện Phổ Yên đã may tặng mỗi thanh niên lên đường nhập ngũ một túi đựng bàn chải, thuốc đánh răng, một khăn mặt mùi xoa theo hai câu thơ:

"Đi đi anh, non nước chờ anh đó,

Tiền tuyến cần, đã có hậu phương"¹

Phòng Y tế huyện tổ chức 4 đợt khám tuyển liên tục, cử cán bộ y tế trực tiếp xuống xã Minh Đức để khám tuyển. Ban Thường vụ Huyện uỷ, Thường trực Uỷ ban hành chính huyện 3 lần họp với các Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Uỷ ban hành chính xã và thủ trưởng các cơ quan huyện bàn biện pháp thực hiện chỉ tiêu tuyển quân. Uỷ ban hành chính huyện tập trung anh em lên đường nhập ngũ trước giao quân 1 ngày để giáo dục truyền thống quê hương, tổ chức tặng quà và động viên anh em lên đường đánh giặc.

Tại huyện Phú Lương, Huyện uỷ cử 24 đồng chí Huyện uỷ viên trực tiếp xuống các xã kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo tuyển quân. Các đồng chí Huyện uỷ viên xuống chỉ đạo các xã mang theo lệnh gọi nhập ngũ do Chủ tịch UBHC huyện ký sẵn, xét duyệt được trường hợp nào phát lệnh gọi nhập ngũ ngay. Đồng chí Bí thư Huyện uỷ trực tiếp đối chiếu, kiểm tra danh sách đảng viên, giao nhiệm vụ cho Đảng bộ từng xã, từng cơ quan, đơn vị cử đảng viên đi đánh Mỹ. Trước khi anh em lên đường nhập ngũ, đồng chí Chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện và cán bộ Huyện Hội phụ nữ đã trực tiếp nói chuyện, động viên anh em phấn khởi lên đường đánh Mỹ.

Tại huyện Đại Từ (huyện được tỉnh giao tuyển quân bổ sung đợt I hỗ trợ cho hai huyện Phổ Yên và Phú

1. Báo cáo công tác tuyển quân năm 1968 của huyện Phổ Yên .

Lương), do Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính và Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ từ việc tổ chức khám tuyển đến xét duyệt, nên chỉ sau 8 ngày kể từ khi nhận nhiệm vụ, huyện đã hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân được giao.

Nhờ có quyết tâm cao, với nhiều biện pháp tích cực của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng từ tỉnh xuống các huyện và cơ sở, nên tuyển quân đợt I năm 1968, Thái Nguyên đã tuyển được 904 thanh niên vào bộ đội, vượt chỉ tiêu trên giao về số lượng 0,44%, (trong đó huyện Phổ Yên vượt 2,33%, huyện Phú Lương vượt 0,73%). Về chất lượng, đảng viên đạt 8,2% (vượt chỉ tiêu 2,2%), đoàn viên đạt 57,1% (chỉ tiêu là 60%); độ tuổi từ 18 đến 25 đạt 58,2%, còn lại ở độ tuổi từ 26 đến 30, số người nhập ngũ có 3 con trở lên chỉ có 3,6%.

Đánh giá kết quả tuyển quân đợt I năm 1968, Báo cáo sơ kết của Ban chỉ huy Tỉnh đội đã khẳng định "Đối chiếu với nhiệm vụ và yêu cầu động viên tuyển quân đợt I năm 1968, tỉnh đã hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, vượt thời gian qui định của Quân khu"¹.

Từ kết quả công tác động viên, tuyển quân đợt I năm 1968 ở 3 huyện Phổ Yên, Phú Lương, Đại Từ, Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính và Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh đã rút ra được một số kinh nghiệm:

1. Tài liệu lưu trữ tại cặp 36, Trung tâm lưu trữ UBND tỉnh Thái Nguyên.

Một là, cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp phải quán triệt sâu sắc, đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng và yêu cầu cấp bách của công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường, từ đó có quyết tâm cao, có nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên, liên tục.

Hai là, coi trọng công tác giáo dục chính trị, động viên tư tưởng cho các đối tượng đặc biệt là cho thanh niên.

Ba là, quản lý chặt chẽ đối tượng động viên tuyển quân cả về số lượng và chất lượng.

Rút kinh nghiệm công tác tuyển quân đợt I, Tỉnh uỷ chỉ đạo các cơ quan, huyện, thành "Phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quân sự tỉnh, huyện để làm công tác tuyển quân đợt II, chú ý lãnh đạo ở các vùng yếu, vùng xa xôi, hẻo lánh". Thực hiện chỉ thị của Tỉnh uỷ, tuyển quân đợt 2/1968 các huyện, thành nằm trên địa bàn Thái Nguyên đã tuyển được 1046 thanh niên vào bộ đội (vượt chỉ tiêu Quân khu giao 11 người).

Ngay sau khi giao xong quân đợt 2, ngày 20/5/1968, Phủ Thủ tướng giao tiếp cho tỉnh Bắc Thái (cũ) tuyển quân đợt 3 với chỉ lớn gấp 1,5 lần chỉ tiêu năm 1967. Nếu so với chỉ tiêu tuyển quân cả năm 1967, chỉ tiêu tuyển quân đợt 3/1968 của các huyện Đại Từ gấp 2,85 lần, Phổ Yên gấp 2,58 lần, Phú Bình gấp 1,13 lần, Đông Hỷ gấp 1,28 lần, Định Hoá gấp 1,05 lần.

Để hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân đợt 3, đầu tháng 6/1968, Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh tổ chức Hội nghị sơ kết rút kinh nghiệm công tác tuyển quân 6 tháng đầu năm 1968, bàn nội dung, biện pháp tuyển quân đợt 3.

Tiếp đó, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ mời các đồng chí Bí thư các Huyện uỷ, Thành uỷ lên quán triệt nhiệm vụ lãnh đạo tuyển quân 6 tháng cuối năm, trong đó chú trọng lãnh đạo tuyển quân đợt 3. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ biên soạn tài liệu "Vinh dự và trách nhiệm của thanh niên đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước", Báo Đảng và Đài phát thanh tỉnh tăng cường tuyên truyền, động viên, khích lệ quyết tâm của thanh niên lên đường đánh Mỹ; Tỉnh Đoàn thanh niên phát động thanh niên tham gia "Ngày Hội thanh niên tòng quân chống Mỹ, cứu nước". Sau khi Tỉnh Đoàn phát động, huyện Đoàn các huyện Võ Nhai, Phú Bình, Đồng Hỷ tổ chức ngày "Hội thanh niên tòng quân" với hơn 7600 thanh niên tham dự (Võ Nhai: 1600 người, Phú Bình 3500 người và Đồng Hỷ hơn 2500 người). Ngay trong ngày "Hội thanh niên tòng quân" các huyện Võ Nhai, Phú Bình, Đồng Hỷ đã có 5500 thanh niên viết đơn tình nguyện nhập ngũ.

Triển khai tuyển quân đợt 3, ngành Y tế đưa các y, bác sĩ và phương tiện xuống tận cơ sở tổ chức khám tuyển; ngành Thương binh và xã hội phát động phong trào thi đua "Toàn dân chấp hành chính sách hậu phương quân đội", tuyên truyền giáo dục và quán triệt cho nhân dân hiểu sâu sắc: "anh em thương binh, gia đình liệt sĩ, anh em bộ đội đang trực tiếp chiến đấu ở chiến trường là những người có công với nước, với dân, không thể để gia đình và bản thân anh em gặp khó khăn mà không được giúp đỡ". Hưởng ứng phong trào thi đua do ngành Thương binh - Xã hội phát động, huyện Phổ Yên đã điều hoà lương thực cho 150 gia đình thương binh, liệt sĩ, gia

đình bộ đội đang chiến đấu ở chiến trường có nhiều khó khăn, trung bình mỗi gia đình 5kg gạo; huyện Phú Bình điều hoà lương thực cho 95 gia đình, trung bình mỗi gia đình 10kg gạo; hợp tác xã Sơn Hà (xã Tân Phú, huyện Phổ Yên) nhận nuôi cụ Nguyễn Thị Hồng là mẹ liệt sĩ. Ở khắp các huyện, thành trong tỉnh, nhiều chị vợ liệt sĩ, vợ bộ đội được địa phương quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt thành cán bộ; được ưu tiên sắp xếp việc làm, ổn định đời sống gia đình. Tại huyện Phổ Yên, 14 chị được bầu vào Hội đồng nhân dân, 2 chị được bầu làm Phó Chủ tịch, 3 chị được bầu làm Ủy viên Ủy ban hành chính xã. Tại huyện Đại Từ, 3 chị được bầu vào Hội đồng nhân dân, 2 chị được bầu làm Ủy viên Ủy ban hành chính xã. Chỉ tính riêng 3 huyện Định Hoá, Phú Bình, Phổ Yên đã có 327 chị được bố trí vào làm việc ở các trại giống cây trồng, ở các cửa hàng thương nghiệp ... có thu nhập tương đối ổn định. Sự quan tâm giúp đỡ của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, cơ quan, đoàn thể và nhân dân đã tạo cho anh em thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội giữ được cuộc sống sinh hoạt bình thường. Các gia đình chính sách thấy rõ được sự ưu việt trong chính sách hậu phương quân đội của Đảng và Chính phủ, vui vẻ, phấn khởi động viên chồng, con mình an tâm đánh giặc; anh em bộ đội đang chiến đấu ở chiến trường tin tưởng ở hậu phương, tăng thêm ý chí giết giặc, lập công. Cụ Cặp (bố liệt sĩ) ở xóm Nhe (xã Thành Công, huyện Phổ Yên) nói "Đảng và Chính phủ rất quan tâm đến anh em thương binh, gia đình liệt sĩ. Tôi còn 3 người con, nếu Đảng cần tôi xin nguyện cho cả 3 cháu tòng quân".

Vừa đẩy mạnh phong trào thi đua "Toàn dân thực hiện chính sách hậu phương quân đội", cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp huyện, xã vừa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân đợt 3. Huyện uỷ Phú Bình tạm hoãn họp 2 ngày để tập trung cán bộ xuống cơ sở tuyên truyền vận động tuyển quân; các đồng chí Bí thư và Phó Bí thư Huyện uỷ trực tiếp xuống nắm tình hình, chỉ đạo, giúp đỡ cơ sở tuyển quân. Ở các xã Nga My, Hà Châu (là các xã thuộc vùng yếu, các đợt trước có ít thanh niên tòng quân, một số người nhập ngũ đến đơn vị lại bỏ ngũ về), các đồng chí trong Đảng uỷ, Uỷ ban hành chính xã phân công nhau đi xuống các xóm, hợp tác xã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân.

Huyện uỷ Đông Hỷ cũng tạm hoãn họp 2 ngày để tập trung cán bộ xuống các xã hữu ngạn sông Cầu chỉ đạo tuyển quân. Đồng chí Bí thư Huyện uỷ cũng trực tiếp xuống nắm tình hình tuyển quân ở các xã để lãnh đạo, chỉ đạo. Ở xã Khe Mo (nơi có nhiều đồng bào dân tộc ít người sinh sống, các đợt tuyển quân trước rất ít người nhập ngũ), sau khi xét duyệt nhập ngũ đợt 3 xong, các đồng chí trong Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã phân công nhau trực tiếp xuống từng gia đình có người đi bộ đội động viên, giúp đỡ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho anh em phấn khởi lên đường; Phòng Y tế huyện đưa các y, bác sĩ về tận các xã Khe Mo, Đoàn Kết làm công tác khám tuyển. Các cụ phụ lão xã Phúc Trìu làm tặng mỗi anh em lên đường nhập ngũ một chiếc "gậy vượt Trường Sơn đánh Mỹ".

Tại các cơ quan tỉnh, cấp uỷ Đảng, Thủ trưởng, Công đoàn, Phụ nữ, Thanh niên...các ty Kiến trúc, Thuỷ lợi, Bưu điện... đã quan tâm giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh em lên đường nhập ngũ.

Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Đại Từ theo tặng anh em lên đường nhập ngũ lá cờ truyền thống của quê hương mang dòng chữ "Đèo Khế anh dũng" và làm tặng mỗi người một chiếc lược khắc dòng chữ "1- 8 con, em Đại Từ ra đi là chiến thắng" làm bằng xác chiếc máy bay Mỹ bị dân quân xã Hà Thượng bắn rơi ngày 1/8/1966. Chị em phụ nữ xã Cù Vân tổ chức giúp đỡ các chị có chồng, con mới đi bộ đội. Hợp tác xã Lương Sơn cử hẳn một người đến giúp đỡ gia đình anh Can có vợ mới đẻ, để anh an tâm lên đường đánh Mỹ.

Nhờ thực hiện nhiều biện pháp tổng hợp từ việc giáo dục, tuyên truyền, cải tiến tác phong lãnh đạo, chỉ đạo tuyển quân đến việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội..., nên nhiều gia đình đã phấn khởi động viên chồng, con tòng quân, nhiều thanh niên đã xung phong lên đường đánh Mỹ.

Ở xã Quang Vinh (huyện Đại Từ), mẹ Dương Thị Liên đưa cả hai con trai lên huyện xin cho cùng nhập ngũ; cả bố, mẹ anh Trần Văn Bột đều ký vào đơn tha thiết đề nghị cho con được nhập ngũ khi anh chưa tròn 18 tuổi.

Ở huyện Phú Bình, cụ Hoàng Văn Tự (xã Dương Thành) tuy đã có một con đi thanh niên xung phong, nhưng vẫn trực tiếp làm đơn xin cho con trai là Hoàng Hà được lên đường nhập ngũ; mẹ Dương Thị Phách (xã

Xuân Phương) đã có chồng và hai con trai đang tại ngũ, vẫn tha thiết xin bằng được cho con trai thứ ba là Dương Văn Tự được đi chiến đấu đợt này. Hai anh em ruột Vũ Tăng (Phó ban Tuyên giáo Huyện uỷ) và Vũ Thịnh (Bí thư Đoàn xã Tân Kim) đều xung phong lên đường đánh Mỹ. Anh Tình (con đồng chí Chủ tịch xã Lương Sơn) 7 lần viết đơn xin đi bộ đội. Các đồng chí Dương Văn Liên, Nguyễn Ngọc Đan, Dương Văn Năng đã chích máu, ký vào đơn xung phong nhập ngũ. Các anh Quyên, Khuyên, Quyên (xã Nga My), Quảng (xã Hà Châu) sau khi được giáo dục, động viên đã nhận ra sai lầm, khuyết điểm đảo ngũ của mình, tình nguyện trở lại quân đội.

Tại huyện Võ Nhai, các đồng chí Nguyễn Như Thái, Chu Văn Lâm, Đàm Văn Sáu (xã Lôu Thượng) chưa có lệnh gọi nhập ngũ, vẫn có mặt ở địa điểm giao quân, kiên quyết xin đi bộ đội.

Nhờ các cấp uỷ Đảng, cơ quan, đoàn thể các cấp trong tỉnh làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giáo dục, động viên, tuyên truyền kết hợp với toàn dân làm tốt công tác hậu phương quân đội, nên mặc dù chiến tranh ác liệt kéo dài, nguồn tuyển quân hạn chế, chỉ tiêu tuyển quân lớn, thời gian chuẩn bị ngắn, lại diễn ra đúng lúc chuẩn bị bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp tỉnh và khu, nhưng các huyện, thành, cơ quan, đơn vị nằm trên địa bàn Thái Nguyên vẫn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân đợt 3, trong đó thành phố Thái Nguyên là lá cờ đầu của tỉnh vượt 16,1%, các huyện Phú Bình vượt 1,37%, Võ Nhai vượt 1,28%, Đại Từ vượt 0,72%, Đồng Hỷ vượt

0,59%, Định Hoá vượt 0,47%. Các ty Lâm nghiệp vượt 5,38%, Bưu điện vượt 3,14%, Thuỷ lợi vượt 1,1% và các ty Kiến trúc, Công nghiệp đạt 100%. Với thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân đợt 3, thành phố Thái Nguyên và huyện Phú Bình được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen và Giấy khen; huyện Đại Từ và hai huyện Đông Hỷ, Phổ Yên được Uỷ ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc tặng Bằng khen và Giấy khen; hai huyện Định Hoá, Võ Nhai và các ty Lâm nghiệp, Bưu điện, Thuỷ lợi được Uỷ ban hành chính tỉnh tặng Bằng khen và Giấy khen.

Bên cạnh những thành tích xuất sắc nêu trên, trong tuyển quân đợt III năm 1968, Thái Nguyên cũng còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm cần phải nhanh chóng khắc phục:

Một là, công tác điều tra, thống kê, nắm thực lực còn yếu, chuẩn bị chưa đầy đủ, nên tuy hầu hết các huyện, thành, cơ quan, đơn vị đều đạt và vượt chỉ tiêu nhưng rất vất vả.

Hai là, một số cơ sở chưa quán triệt đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng và yêu cầu cấp bách của công tác động viên, tuyển quân trong thời kỳ mới, nên quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo chưa cao.

Ba là, sự phối hợp giữa các ngành, các giới trong thời gian chuẩn bị chưa thật chặt chẽ; công tác giáo dục chưa thật sự có bề sâu.

Các thiếu sót, khuyết điểm trên đã hạn chế đến kết quả công tác động viên tuyển quân đợt 3. Huyện Phú

Lương giao quân chỉ đạt 86%, có 15 trường hợp chống lệnh, trong đó có 1 đảng viên và 6 đoàn viên; huyện Võ Nhai còn xã Sảng Mộc không có người nhập ngũ (xã trắng); huyện Đồng Hỷ đưa cả con địa chủ, cường hào, gian ác mới đi tù về vào bộ đội.

Rút kinh nghiệm công tác tuyển quân đợt 3 và được sự chỉ đạo trực tiếp của Đoàn cán bộ Bộ Tổng Tham mưu và Phủ Thủ tướng, đợt tuyển quân thứ 4 năm 1968, các huyện, thành, cơ quan, đơn vị thuộc địa bàn Thái Nguyên hoàn thành vượt chỉ tiêu 9,3%.

Sau tuyển quân đợt 4, quý 4/1968, Thái Nguyên tiếp tục tuyển bù đủ số quân giải quyết chính sách đạt 100% chỉ tiêu Quân khu giao.

Cùng với công tác động viên tuyển quân giao cho các đơn vị bộ đội chủ lực, trước yêu cầu cấp bách về lực lượng của tiền tuyến lớn, đầu năm 1968, tỉnh được Quân khu uỷ, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc giao nhiệm vụ xây dựng và huấn luyện tiếp 2 tiểu đoàn bộ binh chiến đấu bổ sung cho chiến trường miền Nam. Thực hiện nhiệm vụ trên, tháng 4/1968, Đảng uỷ, Ban chỉ huy Tỉnh đội điều động cán bộ xây dựng khung Tiểu đoàn 68B (còn gọi là Tiểu đoàn 68.2) gồm 3 đại đội bộ binh, 1 đại đội hoá lực và cơ quan Tiểu đoàn bộ do các đồng chí Thượng uỷ Dương Văn Cước làm Tiểu đoàn trưởng, Thượng uỷ Vũ Ngự làm Chính trị viên, các Trung uỷ Phạm Văn Xá và Nguyễn Văn Ngự làm Tiểu đoàn phó và Chính trị viên phó. Quá trình xây dựng Tiểu đoàn 68B có nhiều thuận lợi hơn so với quá trình xây dựng Tiểu đoàn 68A, vì Ban chỉ huy Tỉnh đội đã rút được kinh nghiệm xây dựng Tiểu

đoàn 68A; Tiểu đoàn 68B được tiếp nhận toàn bộ cơ sở vật chất của Tiểu đoàn 68A để lại.

Rút kinh nghiệm tuyển quân của Tiểu đoàn 68A, sau khi ổn định xong tổ chức, biên chế khung, để thuận lợi cho việc động viên tinh thần, vật chất và phát huy truyền thống của từng vùng, Tiểu đoàn 68B tổ chức tuyển quân gọn ở mỗi huyện 1 đại đội. Đại đội Đại Từ đã được Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện tặng lá cờ "Đèo Khế anh hùng".

Ngay sau khi tuyển được 800 tân binh (vượt chỉ tiêu trên giao 1,65%), có 90 đảng viên, 509 đoàn viên, Tiểu đoàn 68B khẩn trương ổn định biên chế, tổ chức, nơi ăn, ở, nhanh chóng triển khai huấn luyện chiến đấu. Từ ngày 1/5 đến ngày 10/6/1968, Tiểu đoàn 68B hoàn thành chương trình huấn luyện, kết quả đạt yêu cầu trở lên bắn: bài 1 súng tiểu liên AK 85,77% (có 64,22% khá, giỏi), súng trường CKC: 63,39% (có 45,7% khá giỏi); bắn bài 2 súng tiểu liên AK 99,34% (có 38,36% khá, giỏi), súng trường CKC: 98,55% (có 23,51% khá, giỏi); kết quả kiểm tra các khoa mục khác đều đạt yêu cầu trở lên từ 80,7% đến 91,82%. Qua giáo dục, rèn luyện, hầu hết cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 68B đều xây dựng được quyết tâm lên đường vào chiến trường miền Nam đánh Mỹ, tỷ lệ hao hụt quân số ở mức thấp (5,43%) so với qui định của Bộ Quốc phòng. Ngày 20/6/1968, từ xã Vạn Thọ (huyện Đại Từ) giàu truyền thống đấu tranh cách mạng, 635 cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 68B đã xuất phát lên đường vượt Trường Sơn vào chiến trường B, sát cánh cùng đồng bào và chiến sĩ miền Nam đánh Mỹ với quyết tâm:

"Ra đi giữ trọn lời thề,

Đánh thắng giặc Mỹ mới về quê hương".

Ngay sau khi Tiểu đoàn 68B lên đường bổ sung cho chiến trường miền Nam, đầu tháng 7/1968, Ban chỉ huy Tỉnh đội điều động, sắp xếp cán bộ khung và tuyển quân xây dựng tiếp Tiểu đoàn 68C (còn gọi là Tiểu đoàn 68.3) gồm 4 đại đội và cơ quan tiểu đoàn bộ. Ban chỉ huy Tiểu đoàn 68C gồm các đồng chí Thượng úy Đỗ Thắng (Tiểu đoàn trưởng), Thượng úy Ngô Ngọc Diện (Chính trị viên), Thượng úy Hoàng Tân và Thượng úy Nguyễn Đăng Sơn (Tiểu đoàn phó), Trung úy Vũ Văn Thân (Chính trị viên phó). Tiểu đoàn 68C tuyển quân ở thành phố Thái Nguyên và các huyện Võ Nhai, Phú Lương, Na Rì mỗi nơi 1 đại đội. Mặc dù tuyển vượt 16,72% chỉ tiêu quân số, nhưng do khám tuyển không tốt, quá trình quản lý, giáo dục, huấn luyện có nhiều thiếu sót, nên cuối đợt huấn luyện, tỷ lệ quân số hao hụt của Tiểu đoàn 68C lên tới 26%, không đủ chỉ tiêu của một tiểu đoàn quân tăng cường bổ sung cho chiến trường. Quán triệt sâu sắc nhiệm vụ "Tất cả vì miền Nam ruột thịt", trong bất kỳ tình huống nào thì lực lượng chi viện cho chiến trường miền Nam vẫn đảm bảo "quân không thiếu một người", Đảng uỷ, Ban chỉ huy Tỉnh đội gấp rút điều cán bộ, chiến sĩ ở các cơ quan Tỉnh đội và các đơn vị trực thuộc bổ sung đủ quân số theo biên chế và đảm bảo chất lượng tốt cho Tiểu đoàn 68c. Đảng uỷ Tỉnh đội ra Nghị quyết chuyên đề "Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo Tiểu đoàn 68c đi B" chỉ rõ nhiệm vụ của cấp uỷ Đảng và chỉ huy các cấp "phải tiếp tục động viên chính trị, củng cố quyết tâm, gây

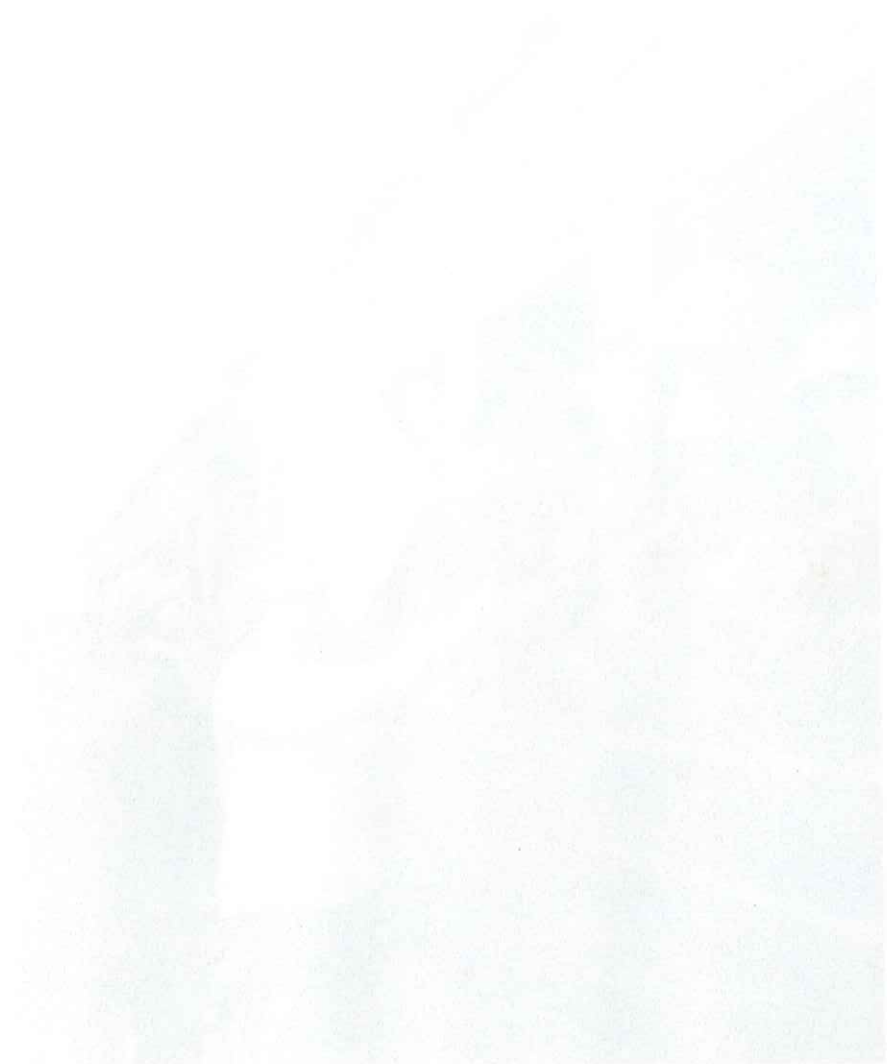
thành không khí hào hứng, sôi nổi, phấn khởi đối với nhiệm vụ hành quân vào Nam chiến đấu cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ trong Tiểu đoàn; đồng thời phải tổ chức tốt lễ tiễn đưa Tiểu đoàn 68c đi chiến đấu".

Ngày 2/2/1969, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 68c tạm biệt quê hương Thái Nguyên lên đường vào Nam đánh Mỹ. Tại lễ xuất quân đi chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 68c, các đồng chí Lãnh đạo Tỉnh uỷ, lãnh đạo Ủy ban hành chính tỉnh) và đoàn đại biểu của Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể và nhân dân huyện Phú Lương, các đoàn đại biểu của 2 tỉnh Khánh Hoà, Công Tum kết nghĩa đã đến thăm hỏi, động viên và tặng quà cho đơn vị. Sự thăm hỏi, động viên kịp thời của các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã góp phần tạo nên không khí phấn khởi, hăng hái, quyết tâm đi chiến đấu cho 732 cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 68c. Cán bộ chiến sĩ Tiểu đoàn 68c lên đường vào Nam chiến đấu so với chỉ tiêu Quân khu giao vượt 16%; tỷ lệ quân số hành quân tới đích đạt 96%, (cao nhất so với các đơn vị cùng đi lúc bấy giờ).

Ngoài việc xây dựng, huấn luyện các tiểu đoàn 68b, 68c bổ sung trực tiếp cho chiến trường miền Nam, giữa năm 1968, Ban chỉ huy Tỉnh đội còn xây dựng 1 đại đội độc lập vừa làm nhiệm vụ xây dựng doanh trại, kho tàng cho cơ quan Tỉnh đội và các đơn vị trực thuộc, vừa rèn luyện, chọn lọc chiến sĩ cử đi học đào tạo chuyên môn kỹ thuật cho Quân khu và Bộ. Ban chỉ huy đại đội độc lập có hai đồng chí: Thượng úy Lê Bình Định (Đại đội trưởng) và Trung úy Trần Đình Trường (Chính trị viên).



Thủ trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tiễn cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 68C lên đường vào Nam đánh Mỹ (tháng 2/1969).



This is a very faint image of a person's face, possibly a portrait, which is almost entirely obscured by noise and low resolution. The image is oriented vertically on the page.

Năm 1968, với tinh thần hết lòng vì miền Nam ruột thịt, các huyện, thành nằm trên địa bàn Thái Nguyên đã triển khai liên tục 4 chiến dịch tuyển quân, huy động 10.625 con, em ưu tú của mình vào bộ đội, chiếm tỷ lệ 89% tổng số người nhập ngũ năm 1968 của cả tỉnh Bắc Thái (cũ). Trừ huyện Võ Nhai, còn lại các huyện, thành khác đều vượt mức chỉ tiêu trên giao (trong đó thành phố Thái Nguyên vượt 4,52%, tỷ lệ đảng viên so với người nhập ngũ đạt 15,14% (đứng thứ nhì tỉnh); huyện Phú Bình vượt chỉ tiêu 0,57%, tỷ lệ đảng viên so với số người nhập ngũ đạt 16,8% (cao nhất tỉnh); huyện Phổ Yên vượt chỉ tiêu 0,22%, tỷ lệ đảng viên so với số người nhập ngũ đạt 13,36% (đứng thứ ba tỉnh); các huyện Định Hoá vượt 0,61%, Đại Từ vượt 0,56%, Phú Lương vượt 1,75%, Đồng Hỷ vượt 0,28%. Chỉ tính riêng năm 1968, Thái Nguyên đã huy động 2,6% dân số vào bộ đội. Nếu tính từ năm 1965 đến hết năm 1968, tỷ lệ người nhập ngũ so với dân số ở huyện Đồng Hỷ là 5,17%, Phú Bình 5,1%, Đại Từ 4,57%, Phổ Yên 4,45%, Võ Nhai 4,16%, Định Hoá 3,59%, Phú Lương 3,41%, thành phố Thái Nguyên 3,88%; trong đó các xã Tân Quang (Đồng Hỷ) 8%, Bảo Lý (Phú Bình), Phúc Xuân (Đồng Hỷ) 7%, Tân Cương (Đồng Hỷ), Trung Thành (Phổ Yên), Đức Lương (Đại Từ) 6%; 100% đảng viên nam trong độ tuổi nhập ngũ ở các xã Đồng Quang, Cam Giá, Gia Sàng (thành phố Thái Nguyên) đều được huy động vào bộ đội.

Các con số trên đã khẳng định sự đóng góp rất lớn của Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên vào sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu

nước; là thể hiện lòng yêu nước, ý chí căm thù giặc và quyết tâm đánh Mỹ của quân và dân Thái Nguyên.

Bên cạnh những thành tích nêu trên, trong công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường của Thái Nguyên năm 1968 cũng còn nhiều điểm yếu. Do chiến tranh ngày càng ác liệt kéo dài, thương binh từ chiến trường trở về hậu phương ngày một nhiều, con số báo tử của tỉnh cũng ngày một tăng nên, đã tác động không nhỏ đến tư tưởng quần chúng; các hiện tượng sợ hy sinh, ngại gian khổ bắt đầu xuất hiện. Trong khi đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở cơ sở lại thiếu nhạy bén và thiếu kiên quyết. Có cấp uỷ Đảng, có đảng viên chưa quán triệt đầy đủ, chưa thấy hết trách nhiệm lãnh đạo của mình đối với công tác tuyển quân. Thậm chí một số cán bộ, đảng viên còn tìm cách trốn tránh trách nhiệm để cho con mình không phải đi bộ đội. Tại huyện Võ Nhai, từ năm 1966 đến năm 1968 đã có tới 160 người chống lệnh nhập ngũ, trong đó có cả đảng viên. Ở xã Vũ Chấn hai vợ chồng đồng chí Phó Bí thư chi bộ xã đều là đảng viên, có 3 con trai, 4 con gái nhưng đã phát biểu "lấy con tôi đi bộ đội là một tổn thất lớn đối với tôi, thà mất Đảng thì thôi". Một đồng chí Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch một xã khác có 4 con trai và 4 con gái nhưng không cho một người con nào đi bộ đội. Một đồng chí Đảng uỷ viên kiêm Trưởng công an một xã khi con trúng tuyển đi bộ đội đã đưa trả lại Xã đội trưởng toàn bộ sổ sách, giấy tờ.

Những hiện tượng trên đã gây bất bình trong nhân dân, nêu gương xấu cho quần chúng, nhiều nơi nhân dân không cho con, em mình đi bộ đội; các xã Văn Lăng, Thần

Sa (Võ Nhai) liên tục là xã yếu, xã trắng trong công tác tuyển quân.

Để khắc phục các yếu kém, khuyết điểm trên, hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân năm 1969, ngày 20/5/1969, Ủy ban hành chính tỉnh chỉ thị cho Ủy ban hành chính các huyện, thành, thủ trưởng các ban, ngành, cơ quan, đơn vị: "Phải tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác động viên tuyển quân năm 1969. Cụ thể phải chỉ đạo chặt chẽ việc đăng ký, thống kê và quản lý quân dự bị để nắm chắc thực lực; khẩn trương triển khai công tác khen thưởng các gia đình quân nhân chống Mỹ, cứu nước nhằm động viên tinh thần và tư tưởng quần chúng trước khi tiến hành tuyển quân năm 1969".

Thực hiện chỉ thị của Ủy ban hành chính tỉnh, các huyện, thành, cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã triển khai thống kê nắm chắc thực lực, làm tốt công tác giáo dục, động viên tư tưởng, đặt công tác tuyển quân bổ sung cho chiến trường lên hàng đầu, nên năm 1969 toàn tỉnh đã tuyển quân vượt chỉ tiêu 2,53%. Tại huyện Phổ Yên, 946 thanh niên đã viết đơn tình nguyện nhập ngũ (có 30% đơn tình nguyện của gia đình cha, mẹ). Huyện uỷ, Ủy ban hành chính huyện cử cán bộ trực tiếp xuống các xã Phúc Thuận, Thuận Thành - là những xã yếu trong các đợt tuyển quân trước để vận động tuyển quân. Nhờ đó, xã Phúc Thuận giao quân vượt chỉ tiêu 66%, xã Thuận Thành giao quân vượt chỉ tiêu 50%, toàn huyện giao quân vượt chỉ tiêu 11,37%. Tại huyện Đồng Hỷ, các xã Tân Lợi, Hoà Bình, Hợp Tiến đều giao quân vượt mức chỉ tiêu. Thành phố Thái Nguyên giao quân vượt chỉ tiêu 5,7%.

Đến cuối năm 1969, 80% số thanh niên nam trong lực lượng dân quân, tự vệ, 8,5% số đảng viên trong Đảng bộ tỉnh đã lên đường nhập ngũ. Tiếp sau năm 1969, hai năm 1970, 1971 Thái Nguyên đều tuyển quân vượt chỉ tiêu Quân khu giao (năm 1970 vượt 6,1%, năm 1971 vượt 1,8%).

Cùng với nhiệm vụ động viên tuyển quân chi viện chiến trường, Thái Nguyên đã chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, củng cố các tổ chức lãnh đạo, chỉ huy trong lực lượng bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ đảm bảo luôn luôn vững mạnh, đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu tại chỗ. Trong hai ngày 3 và 4/5/1968, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Đảng uỷ Quân khu Việt Bắc, Đảng bộ Tỉnh đội tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ 2 với sự có mặt của 75 đại biểu chính thức. Đại hội đã ra Nghị quyết nhấn mạnh "Đảng bộ phải tập trung lãnh đạo xây dựng, củng cố Đảng bộ, chi bộ cơ sở vững mạnh". Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh đội khoá II gồm 9 đồng chí. Các đồng chí Mã Kim Thành (Chính trị viên Tỉnh đội) được bầu làm Bí thư Đảng uỷ, Nguyễn Hồng an (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Tỉnh đội trưởng) được bầu làm Phó Bí thư và đồng chí Nguyễn Xuân Hiệp (Chính trị viên phó Tỉnh đội) được bầu làm Ủy viên Thường vụ. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh đội lần thứ II, Đảng uỷ Tỉnh đội tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng đội ngũ đảng viên trong các lực lượng bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ. Đến cuối năm 1968, trong lực lượng bộ đội địa phương, Đảng bộ Tỉnh đội đã mở 2 lớp bồi dưỡng chính trị cho 165 đối tượng kết nạp Đảng và đảng viên dự bị; tổ chức kết

nạp được 58 đảng viên mới; bình xét cuối năm 1968, 83% đảng viên và 54% chi bộ đạt tiêu chuẩn đảng viên 4 tốt và chi bộ 4 tốt. Đối với lực lượng dân quân, tự vệ, 2 năm 1968, 1969 số cán bộ, chiến sĩ nhập ngũ bổ sung cho bộ đội thường trực nhiều, nhưng các huyện, thành vẫn làm tốt công tác xây dựng, củng cố, phát triển lực lượng và huấn luyện sẵn sàng chiến đấu. Năm 1968, Thái Nguyên đã củng cố và phát triển được 5.444 dân quân, tự vệ, đạt tỷ lệ 12,6% so với dân số; 98% cán bộ các Ban chỉ huy xã đội, đại đội dân quân, tự vệ là đảng viên; 77% số xã đảm bảo tốt nội dung huấn luyện dân quân. Năm 1969, tỷ lệ dân quân, tự vệ so với số dân ở thành phố Thái Nguyên và các huyện, Phú Bình, Phú Lương, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Định Hoá đạt 13%, Đại Từ 11,3% (trong đó các xã Thành Công (Phổ Yên) Thắng Lợi, Tân Hoà (Phú Bình) đạt tỷ lệ 15% (cao nhất tỉnh); ngược lại xã Thuận Thành (Phổ Yên) chỉ đạt tỷ lệ 9% (thấp nhất tỉnh). Sau bầu cử Hội đồng nhân dân xã năm 1969, tỉnh đã kiện toàn lại các Ban chỉ huy xã đội, đảm bảo biên chế đủ mỗi Ban chỉ huy từ 4 đến 5 đồng chí cán bộ; toàn tỉnh đã thay 10 Xã đội trưởng, 18 Chính trị viên xã đội, 12 Chính trị viên phó xã đội; trong số cán bộ xã đội có 56 nữ (trong đó có 2 Xã đội trưởng, 18 Chính trị viên, còn lại là Xã đội phó và Chính trị viên phó).

Được thường xuyên củng cố, kiện toàn đảm bảo số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu tại chỗ, lực lượng dân quân, tự vệ Thái Nguyên tham gia phòng, chống bão, lụt và đào phá bom nổ chậm đạt kết quả tốt. Tại huyện Phổ Yên, trận lụt tháng 8/1968 đã làm

466 hộ gia đình có nhà bị ngập, đổ; 6175 mẫu lúa bị ngập úng, (có 4534 mẫu phải cấy lại). Các lực lượng vũ trang huyện Phổ Yên đã cùng với nhân dân các dân tộc trong huyện nêu cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục khó khăn, lăn lộn hy sinh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chống lụt, cứu đói. Lực lượng vũ trang và nhân dân các xã Tiên Phong, Tân Tiến được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; cán bộ, chiến sĩ Huyện đội Phổ Yên và các lực lượng vũ trang nhân dân các xã Đắc Sơn, Đồng Tiến, Trung Thành được Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh tặng Bằng khen¹. Năm 1969, lực lượng dân quân, tự vệ Thái nguyên đã huy động 204 cán bộ, chiến sĩ, đóng góp 3526 ngày công, đào 22 quả bom phá (trong đó phá nổ 6 quả, tháo 16 quả) và 8 quả bom bi mẹ. Trong đợt rà, phá bom nổ chậm ở trung tâm thành phố Thái Nguyên tháng 3/1969, được sự hướng dẫn, giúp đỡ về kỹ thuật của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 62 và Tiểu đoàn 61 công binh Quân khu Việt Bắc, lực lượng công binh tự vệ đường phố và lực lượng công binh dân quân các xã ngoại thành thành phố Thái Nguyên đã rà, phá được 8 quả bom phá, loại 250kg. Với thành tích đó, Ủy ban hành chính tỉnh đã quyết định tặng Bằng khen cho lực lượng công binh dân quân, tự vệ thành phố Thái Nguyên và tặng Giấy khen cho các đồng chí: Nguyễn Hữu Hạnh (tự vệ khu phố Phan Đình Phùng), Phạm Văn Thép (tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ), Nguyễn Văn Sen (tự vệ Hợp tác xã

1. Quyết định số 88/QĐ ngày 10/10/1968.

cao cấp cơ khí Hồng Hà), Nguyễn Văn Hoàn (tự vệ Hợp tác xã cao cấp cơ khí Bắc Nam).

Cùng với nhiệm vụ động viên tuyển quân, xây dựng lực lượng vũ trang chi viện chiến trường, củng cố và phát triển lực lượng bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu tại chỗ, tranh thủ thời gian địch ngừng đánh phá, quân và dân Thái Nguyên đã tích cực hàn gắn vết thương chiến tranh, giữ vững và phát triển sản xuất, coi đó là hành động thiết thực không chỉ đáp ứng yêu cầu của địa phương mà còn góp phần to lớn vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của dân tộc. Một trong những việc làm có ý nghĩa to lớn của quân và dân Thái Nguyên trong thời gian này là đã đẩy mạnh cuộc vận động chính trị "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phát động theo tinh thần Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng. Đảng bộ các xã Hà Thượng, Phú Thịnh (huyện Đại Từ), dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ và Huyện uỷ Đại Từ đã làm tốt việc thí điểm triển khai cuộc vận động chính trị, rút ra được nhiều kinh nghiệm cho Tỉnh uỷ chỉ đạo ra toàn tỉnh. Những kinh nghiệm đó là:

1- Phải xây dựng mục đích, yêu cầu, nội dung thực hiện cuộc vận động chính trị phù hợp với thực tiễn ở từng cơ sở.

2- Cán bộ lãnh đạo, nhất là lãnh đạo ở cơ sở phải có quyết tâm cao, phương pháp tốt, thật sự dân chủ, đi sâu, đi sát đảng viên và quần chúng.

3- Xây dựng được đội ngũ cán bộ vững vàng, dám chịu trách nhiệm trước phong trào.

Nhờ vận dụng tốt các kinh nghiệm đó mà các huyện Đại Từ, Phú Lương, Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên đã huy động được 95% cán bộ, đảng viên, đoàn viên, quần chúng tham gia học tập và thực hiện cuộc vận động chính trị. Qua học tập và thực hiện cuộc vận động chính trị, nhiều đồng chí cán bộ, đảng viên ở các huyện Đại Từ, Phú Lương đã 2, 3 năm không hoạt động, nay tự giác xin nhận kỷ luật và đề nghị cấp uỷ Đảng, Chi bộ giao công tác.

Qua 6 tháng triển khai thực hiện cuộc vận động chính trị, các huyện Đại Từ, Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên đã đưa từ 57% đến 65% giống lúa mới vào sản xuất, nhân dân huyện Đại Từ cấy thêm 77 héc ta ngoài kế hoạch; nhân dân các huyện Phú Bình, Phổ Yên cấy lúa hè - thu vượt diện tích từ 23% đến 25%. Nhân dân các xã Nga My (Phú Bình), Phú Thịnh, Yên Lãng (Đại Từ) trồng được hàng chục ngàn cây ăn quả và cây lấy gỗ. Sản xuất phát triển, thu hoạch khá, nhân dân Thái Nguyên đã phấn khởi đóng góp cho Nhà nước vượt 49 tấn thóc so với chỉ tiêu Trung ương giao; tiết kiệm, bán thêm cho Nhà nước 96.223 kg thóc, trên 70 tấn thịt lợn hơi, gửi vào quỹ tiết kiệm 538.477 đồng.

Nhân dân các huyện Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ ủng hộ bộ đội và đồng bào miền Nam hàng chục con lợn, hàng ngàn con gà và hàng ngàn đồng tiền mặt (riêng huyện Đại Từ, nhân dân đã bán được trên 40 tấn thóc tiết kiệm chống Mỹ, 78 con lợn (3320 kg), 825 con gà. Các cụ phụ lão dân tộc Dao ở xã Đoàn Kết ủng hộ đồng bào miền Nam 111 đồng tiền mặt).

Thực hiện cuộc vận động chính trị "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", cán bộ, công nhân mỏ than Khánh Hoà đã đưa năng suất lao động tăng 40%, năng suất làm các sản phẩm phục vụ nông nghiệp tăng từ 2% đến 18%, giá trị sản lượng tăng 6%; mỏ than Phấn Mễ đưa sản lượng khai thác than tăng từ 200 tấn lên 400 tấn một ca; khối lượng bốc dỡ đất, đá tăng từ 180 mét khối lên 339 mét khối một ca; hoàn thành kế hoạch sản xuất cả năm trước 48 ngày. Cán bộ công nhân ngành Lâm nghiệp khai thác gỗ tròn vượt 47% kế hoạch, khai thác vầu vượt 6,4% kế hoạch. Cán bộ, công nhân Xí nghiệp sản xuất Nông cụ đưa năng suất đúc từ 155 mũì cày một ca lên 450 mũì cày một ca. Các hợp tác xã cơ khí 1-5, Bắc Nam, Hồng Hà đều có chuyển biến tốt về năng suất và sản phẩm.

Phát huy kết quả bước đầu của cuộc vận động chính trị "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", từ ngày 5 đến ngày 7/10/1968, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ mở Hội nghị "Chống Mỹ, cứu nước" nhằm bàn các biện pháp đẩy mạnh sản xuất, xây dựng hậu phương, đóng góp tích cực cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Các đồng chí Tỉnh uỷ viên, Uỷ viên Uỷ ban hành chính tỉnh, trưởng, phó các ban, ngành, các ty của tỉnh và các đồng chí Uỷ viên Thường vụ các Huyện uỷ, Thành uỷ đã về dự Hội nghị. Tại Hội nghị, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã phát động tiếp cuộc vận động "Toàn dân bàn việc đánh Mỹ" với các nội dung thiết thực nhằm đẩy mạnh sản xuất, tăng cường củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh công tác chấp hành chính sách hậu phương quân đội.

Thực hiện cuộc vận động do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phát động, quân và dân Thái Nguyên đã ra sức khắc phục khó khăn, đảm bảo diện tích gieo trồng cây nông nghiệp đạt hơn 90% kế hoạch. Năm 1970, tổng sản lượng lương thực đạt cao hơn 2 năm 1968 và 1969; sản xuất công nghiệp địa phương được giữ vững và có nhiều mặt phát triển tốt; sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp phục vụ nông nghiệp và giao thông vận tải tăng nhanh. Giá trị sản lượng hàng tiêu dùng năm 1970 tăng 29,9% so với năm 1969. Số xí nghiệp công nghiệp địa phương tăng gấp đôi năm 1969 cả về số lượng và sản phẩm. Các mặt giao thông vận tải vẫn được giữ vững và phát triển; hơn 160.000 mét khối đất, đá sứt lở xuống các tuyến giao thông 1B, 13A, 19 và Quốc lộ 3 do các đợt lũ lụt gây ra đã được nhân dân Thái Nguyên khắc phục kịp thời, đảm bảo giao thông thông suốt. Ngành giáo dục phổ thông, số học sinh đến trường tăng trung bình hàng năm 19,9%.

Phong trào xây dựng và củng cố hợp tác xã nông nghiệp ở các huyện Phổ Yên, Định Hoá, Đại Từ, thành phố Thái Nguyên được giữ vững và phát triển. Tại huyện Đại Từ, cuối năm 1969, đầu năm 1970 đã hợp nhất 74 hợp tác xã nhỏ thành 22 hợp tác xã có quy mô thích hợp, đưa số hợp tác xã trong toàn huyện từ 132 trong những năm 1966, 1967 xuống còn 62. Bên cạnh các huyện, thành trên, các huyện Phú Lương, Phú Bình, Võ Nhai và Đông Hỷ một số hợp tác xã nông nghiệp bị tan vỡ hàng loạt, ảnh hưởng xấu đến việc hoàn thành nghĩa vụ đóng góp đối với Nhà nước. Ở huyện Võ Nhai, từ năm 1965 đến 1970, không năm nào huyện hoàn thành được nghĩa vụ

lương thực, một số xã trong huyện nhiều năm liền không đạt kế hoạch tuyển quân. Nguyên nhân của tình trạng trên là do sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền từ huyện xuống cơ sở quá yếu, không giữ được vai trò tiên phong, không còn là hạt nhân lãnh đạo phong trào; đội ngũ cán bộ hợp tác xã hạn chế cả về chính trị, tư tưởng và trình độ quản lý. Trong nội bộ các hợp tác xã việc thu, chi, ăn, chia không đều; thanh, quyết toán hàng năm không dứt điểm, nợ nần dây dưa kéo dài, xã viên nợ hợp tác xã, hợp tác xã nợ Nhà nước v.v. Hiện tượng cán bộ tham ô tài sản hợp tác xã khá phổ biến, các thắc mắc của xã viên không được giải quyết, thu nhập của xã viên giảm, đời sống khó khăn.

Đây chính là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tan vỡ hàng loạt các hợp tác xã nông nghiệp ở các huyện Võ Nhai, Đông Hy, Phú Bình, Phú Lương.

Trước tình hình trên, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ra Nghị quyết lãnh đạo "Củng cố và khôi phục lại phong trào hợp tác xã hoá nông nghiệp", nhằm đẩy mạnh sản xuất, làm tròn nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm và tuyển quân đối với Nhà nước, đảm bảo đời sống quần chúng, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, giữ vững trật tự trị an, đưa phong trào toàn tỉnh tiến lên, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định mở cuộc vận động "Khôi phục và củng cố hợp tác xã"; cử một đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và 52 cán bộ trực tiếp xuống chỉ đạo củng cố các huyện yếu,

trọng điểm là huyện Võ Nhai. Nhờ đó, phong trào bước đầu có chuyển biến tốt. Vì 95% gia đình bộ đội, thương binh, liệt sĩ ở Thái Nguyên là ở nông thôn, nên việc khôi phục, củng cố các hợp tác xã nông nghiệp đã góp phần rất to lớn vào việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội, làm cho anh em bộ đội đang chiến đấu ở chiến trường yên tâm tin tưởng "gia đình mình ở hậu phương đã có hợp tác xã chăm lo".

Trong thời kỳ 1969, 1970, 1971, Thái Nguyên đã đẩy mạnh thực hiện chính sách hậu phương quân đội, đặc biệt là chính sách đối với các gia đình có con em đang chiến đấu ở các chiến trường B (miền Nam) và C (Lào). Đầu năm 1969, toàn tỉnh có 3236 hộ gia đình có người là bộ đội chiến đấu ở các chiến trường B và C, với 28.166 người hưởng chính sách gia đình có người chiến đấu ở chiến trường B (gồm 4.563 vợ, 7348 con và 16.255 bố, mẹ), 699 người hưởng chính sách gia đình có người chiến đấu ở chiến trường C (gồm 139 vợ, 118 con và 442 bố, mẹ). Để làm tốt công tác chính sách đối với các gia đình có người đang chiến đấu ở các chiến trường B, C, đầu năm 1969, Ban chỉ huy Tỉnh đội phối hợp với các ngành chức năng tổ chức các đoàn cán bộ kiểm tra công tác chấp hành chính sách hậu phương quân đội ở các huyện, thành trong tỉnh. Qua kiểm tra, ngoài các thành tựu, ưu điểm, các đoàn cán bộ của tỉnh cũng phát hiện được nhiều thiếu sót, khuyết điểm của các huyện, thành trong việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội, nổi bật là: tỷ lệ sai sót trong việc chi trả trợ cấp tiền tuất tới 6,8%; tỷ lệ tổn thất kinh phí 18,2%; 33 con liệt sĩ mồ côi chưa được

hưởng trợ cấp nuôi dưỡng; 41 gia đình liệt sĩ chưa được cấp tiền tuất lần đầu; quý I /1969 thành phố Thái Nguyên cấp tiền trợ cấp chính sách còn sót tới hơn 100 gia đình. Những sai sót này đã gây cho quần chúng nhiều bất bình, dị nghị.

Công tác giáo dục, đấu tranh bảo vệ hạnh phúc gia đình có người đi chiến đấu còn chưa được chú trọng, nên một số chị em phụ nữ có chồng đang chiến đấu ở các chiến trường B, C đã vi phạm phẩm chất, đạo đức của người phụ nữ, thiếu chung thủy với chồng. Đây là một khuyết điểm nghiêm trọng vì nó làm cho người đi chiến đấu không yên tâm tư tưởng, người sắp đi chiến đấu không tin tưởng vào người vợ ở hậu phương. Điều nghiêm trọng là "Trong số đối tượng xâm phạm hạnh phúc gia đình quân nhân có trên 30% là cán bộ, đảng viên, có cả cấp uỷ viên"¹.

Ngoài ra, các đoàn cán bộ kiểm tra còn phát hiện ở các huyện Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên, Đại Từ và thành phố Thái Nguyên việc giải quyết chế độ trợ cấp mất sức cho bố, mẹ bộ đội đang chiến đấu ở B, C còn chậm, thủ tục còn nhiều phiền phức; việc khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ cho gia đình chính sách còn nhiều hạn chế.

Những thiếu sót, khuyết điểm trên là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho công tác động viên tuyển quân, xây dựng lực lượng vũ trang, chi viện chiến trường của tỉnh gặp khó khăn, trở ngại.

1. Lưu trữ UBND tỉnh, Hồ sơ 589.

Để kịp thời khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm trên, đầu tháng 5/1969, đồng chí Phó Bí thư Tỉnh uỷ đã chủ trì Hội nghị quán triệt công tác chính sách hậu phương quân đội tới các đồng chí Phó Chủ tịch phụ trách nội chính các huyện, thành và đại diện các ban, ngành, đoàn thể và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh. Sau Hội nghị ở tỉnh, Huyện uỷ Đồng Hỷ tổ chức hội nghị quán triệt công tác chính sách hậu phương quân đội cho 42 Bí thư Đảng uỷ các xã và các ngành; mở hội nghị "Phụ nữ 3 đảm đang" với gần 300 đại biểu phụ nữ và 54 đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tham dự. Cùng với huyện Đồng Hỷ, các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đại Từ và thành phố Thái Nguyên cũng mở hội nghị quán triệt công tác chính sách hậu phương quân đội.

Tiếp đó, giữa tháng 5/1969, Tỉnh uỷ ra Nghị quyết chỉ rõ "Chúng ta phải nêu cao tinh thần trách nhiệm chính trị trước Đảng và quần chúng, tích cực thực hiện đầy đủ chính sách hậu phương quân đội, chủ yếu là chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội đang chiến đấu ở các chiến trường B, C". Sau các hội nghị trên, công tác hậu phương quân đội của các huyện, thành trong tỉnh đã có chuyển biến tốt. Công tác khen thưởng, động viên gia đình quân nhân được các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương coi trọng. Trong tỉnh, các gia đình có người đi bộ đội đã được tặng thưởng 20 Huân chương Kháng chiến, 548 bảng vàng danh dự, 20.877 bảng gia đình vẻ vang. Các huyện, thành đã cấp tiền trợ cấp khó khăn đột xuất do thiên tai, dịch hoạ cho 20 gia đình có người đi chiến đấu ở chiến trường B, C, mỗi gia đình từ

30 đồng đến 120 đồng; xét giải quyết trợ cấp mất sức lao động cho 224 ông bố, bà mẹ; gần 8000 cháu là con bộ đội đang chiến đấu ở B, C đã được hưởng trợ cấp thường xuyên, ngoài ra còn 15 cháu bố đi chiến đấu, mẹ ở nhà chết vì bom, đạn Mỹ hoặc bệnh tật được nhận thêm tiền trợ cấp hè, tết. Các xã Bảo Lý, Lương Môn (Phú Bình); Tiên Phong, Hợp Thành (Phổ Yên) đã ưu tiên giảm tiền học phí, tiền đóng góp xây dựng trường cho con bộ đội đang chiến đấu ở B,C. Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính các huyện Đông Hỷ, Phổ Yên phát động phong trào đỡ đầu con liệt sĩ. Nhiều cán bộ, chiến sĩ, thương binh, bệnh binh hoàn thành nhiệm vụ đánh Mỹ trở về được ưu tiên sắp xếp vào làm việc ở các cơ quan, xí nghiệp của Nhà nước, nâng tỷ lệ cán bộ, công nhân, viên chức là bộ đội hoàn thành nghĩa vụ trở về trên tổng số cán bộ, công nhân viên chức toàn tỉnh lên 34%. Nhân dân ở 22 xã thuộc huyện Đại Từ, 3 xã thuộc huyện Phú Bình, 1 xã thuộc huyện Đông Hỷ có sáng kiến lập tổ tương trợ gia đình đi bộ đội B, C; các xã Phúc Xuân (Đông Hỷ), Hợp Thành (Phổ Yên) lập tổ quản lý gia đình chính sách B,C. Các tổ này đã có tác dụng tốt trong việc giáo dục, giúp đỡ động viên các gia đình bộ đội B,C. Ở xã Bảo Lý (Phú Bình) khi anh Tăng đang chiến đấu ở chiến trường, ở nhà vợ ốm, ngoài việc điều hoà lương thực theo qui định chung, hợp tác xã còn cho vay 3 tạ thóc và huy động dân quân đến giúp làm nhà. Nhân dịp Tết Nguyên đán, các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đại Từ, Đông Hỷ, thành phố Thái Nguyên tổ chức gặp mặt gia đình quân nhân đang chiến đấu ở các chiến trường B, C. Huyện Phú Lương tổ chức gặp mặt 38 đại

biểu gia đình chính sách B, C tiêu biểu. Được sự quan tâm giúp đỡ của cấp uỷ Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương, nhiều chị là vợ bộ đội đang chiến đấu ở các chiến trường xa đã giỏi việc nước, đảm việc nhà. Chị Thái ở xã Tân Khánh (Phước Bình), chồng chiến đấu ở chiến trường B, ở nhà vừa làm tốt nhiệm vụ Uỷ viên Đảng uỷ xã, Phó Chủ tịch kiêm Chính trị viên Xã đội, vừa làm tốt công việc chăn sóc bố, mẹ chồng. Khi được tin chồng hy sinh ở ngoài mặt trận, chị đã nén đau thương động viên, an ủi bố, mẹ chồng "anh ấy hy sinh còn có con". Chị Hưng ở xã Dân Chủ (Đồng Hỷ) chồng chiến đấu ở chiến trường B, ở nhà vừa tăng gia sản xuất, đảm bảo tốt việc nuôi con nhỏ và chăm sóc mẹ chồng già, vừa tham gia dân quân luyện tập tốt, sẵn sàng chiến đấu cao, được Ban chỉ huy Tỉnh đội tặng Giấy khen.

Nhằm phát huy các thành tích đã đạt được, khắc phục kịp thời các khuyết điểm, thiếu sót còn tồn tại, tiếp tục đẩy công tác chấp hành chính sách hậu phương quân đội lên một bước mới, đầu năm 1970, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ mở cuộc vận động "Chấp hành chính sách hậu phương quân đội". Đây là cuộc vận động hợp lòng dân, được các tầng lớp nhân dân trong tỉnh nhiệt tình hưởng ứng, nên chỉ sau 4 tháng thực hiện cuộc vận động, nhân dân ở các huyện, thành đã ủng hộ các gia đình thương binh, liệt sĩ, bộ đội 12.374 cây tre, 16.575 tàu lá cọ, 9663 kg thóc, 4933 đồng tiền mặt, làm mới và sửa chữa 206 ngôi nhà. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể, hợp tác xã ở cơ sở đã thực hiện tốt các chính sách điều hoà lương thực; ưu tiên khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ cho gia đình thương

binh, liệt sĩ, bộ đội. Những việc làm tình nghĩa đó góp phần giúp đỡ các gia đình chính sách khắc phục khó khăn, ổn định đời sống, nên đã có tác dụng thiết thực động viên những người đi chiến đấu ở chiến trường và củng cố niềm tin cho những người mẹ, người vợ, người con ở hậu phương.

Cuộc vận động "Chấp hành chính sách hậu phương quân đội" do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phát động đã có tác dụng rất tích cực đối với công tác động viên tuyển quân của tỉnh. Cuộc vận động này đã góp phần làm cho hậu phương Thái Nguyên ổn định, người hậu phương Thái Nguyên yêu thương, đùm bọc lẫn nhau trong nghĩa tình quê hương, làng bản. Hậu phương Thái Nguyên vững mạnh đã là chỗ dựa vững chắc của hàng ngàn, hàng vạn người con thân yêu của nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đang chiến đấu ở các chiến trường xa, và là nguồn cổ vũ lớp lớp thanh niên Thái Nguyên tiếp tục lên đường đánh giặc, cứu nước.

Trong không khí sôi nổi của cuộc vận động chính trị "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" và các cuộc vận động "Học tập và làm theo Di chúc của Bác Hồ", "Chấp hành chính sách hậu phương quân đội", từ ngày 21/5 đến ngày 3/6/1970, tại thành phố Thái Nguyên, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất đã được tổ chức với sự tham gia của 272 đại biểu, thay mặt cho trên 3 vạn đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã khẳng định thành tích to lớn về nhiều mặt của quân và dân Bắc Kạn-Thái Nguyên trong thời gian 5 năm từ ngày hợp nhất tỉnh (1/7/1965) tới nay, trong đó nổi bật là các thành tích:

"Đã thực hiện tốt công tác phòng không sơ tán, tổ chức chiến đấu, phục vụ chiến đấu, phát triển giao thông vận tải, đảm bảo trật tự, an ninh, hoàn thành tốt và kịp thời những nhiệm vụ đột xuất.

-Trong những năm chiến tranh ác liệt, Đảng bộ và nhân dân đã bảo vệ và xây dựng thêm phần cơ sở vật chất, kỹ thuật; phát triển tổng hợp ba cuộc cách mạng quan hệ sản xuất, kỹ thuật, tư tưởng và văn hoá trong nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương nghiệp nhỏ.

-Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật đều phát triển tốt và lành mạnh.

-Công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và hoạt động của các đoàn thể có nhiều tiến bộ"¹.

Đại hội đã ra Nghị quyết nhấn mạnh "Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh phải đem hết tinh thần và nghị lực ra phát triển kinh tế để đảm bảo cung cấp đầy đủ sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần cùng nhân dân cả nước nhanh chóng đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hoà bình, thống nhất Tổ quốc"²

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, Đảng bộ Tỉnh đội tập trung lãnh đạo, chỉ đạo củng cố tổ chức Đảng và xây dựng lực lượng vũ trang

1. Lịch sử Đảng bộ Bắc Thái 1955 - 1975, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bắc Thái xuất bản 1991, trang 155 trang 156.

2. Lịch sử Đảng bộ Bắc Thái 1955 - 1975, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bắc Thái xuất bản 1991, trang 155 trang 156.

địa phương. Từ ngày 4 đến ngày 6/7/1970, Đảng bộ Tỉnh đội tổ chức thành công Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ tư, bầu Ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ mới gồm 9 uỷ viên (7 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết). Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh đội khoá 4 đã bầu lại các đồng chí Mã Kim Thành (Chính trị viên Tỉnh đội) làm Bí thư và Nguyễn Xuân Hiệp (Chính trị viên phó Tỉnh đội) làm Phó Bí thư; đồng chí Triệu Kỳ Phay (Tỉnh đội phó) được bầu làm Uỷ viên Ban Thường vụ.

Trước tình hình địch tăng cường cho các loại máy bay vào trinh sát Thái Nguyên, thực hiện Quyết định số 1905/A-QL ngày 30/12/1970 của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, ngày 4/1/1971, Ban chỉ huy Tỉnh đội tổ chức thành lập Tiểu đoàn pháo cao xạ 37mm mang phiên hiệu Tiểu đoàn 68B, làm nhiệm vụ bảo vệ Khu công nghiệp Cao Ngạn. Theo biên chế, Tiểu đoàn 68B gồm 3 đại đội (Đại đội 1 đủ quân làm nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu, các đại đội 2 và 3 dự nhiệm), Trung đội chỉ huy thông tin và cơ quan Tiểu đoàn bộ. Ban chỉ huy Tiểu đoàn 68B gồm các đồng chí Đại úy Đinh Văn Giang (Tiểu đoàn trưởng), Đại úy Nhan Văn Sâu (Chính trị viên), Trung úy Phan Quảng (Tiểu đoàn phó), Trung úy Ngô Quang Đức (Chính trị viên phó). Ngày 15/1/1971, Ban chỉ huy Tỉnh đội điều động đủ cán bộ, chiến sĩ, xây dựng hoàn chỉnh Đại đội 1 pháo cao xạ 37mm do các đồng chí Trung úy Nguyễn Văn Biên làm Đại đội trưởng và Trung úy Hà Văn Tắm làm Chính trị viên. Từ ngày 16/1/1971, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 1 vừa làm nhiệm vụ ổn định tổ chức, củng cố nơi ăn, ở, vừa khẩn trương bước vào huấn

luyện, triển khai nhiệm vụ thường trực, sẵn sàng chiến đấu.

Sau khi xây dựng hoàn chỉnh Đại đội 1, Ban chỉ huy Tỉnh đội tiếp tục, điều động cán bộ xây dựng khung các đại đội dự nhiệm 2 và 3. Ban chỉ huy Đại đội dự nhiệm 2 gồm Trung úy Nguyễn Hữu Thư (Đại đội trưởng) và Trung úy Cù Văn Thống (Chính trị viên); Ban chỉ huy Đại đội dự nhiệm 3 gồm Trung úy Nguyễn Văn Định (Đại đội trưởng) và Trung úy Ngô Trung Tiến (Chính trị viên). Hai đại đội dự nhiệm 2 và 3 có quân số là 178 cán bộ, chiến sĩ; quân dự bị động viên là tự vệ các tiểu khu phía bắc thành phố Thái Nguyên và dân quân các xã Cao Ngạn, Lương Sơn, Quyết Thắng (huyện Đồng Hỷ), Sơn Cẩm (huyện Phú Lương).

* * *

Chiến tranh kéo dài và ngày càng ác liệt, một số quân nhân giảm sút ý chí chiến đấu, đảo ngũ trở về, gây nhiều khó khăn cho địa phương trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự và động viên tuyển quân chi viện chiến trường. Thực hiện Chỉ thị số 185 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết quân nhân đào, lạc ngũ, ngày 21/8/1971, Ban chỉ huy Tỉnh đội thành lập Tiểu đoàn huấn luyện "quân tự giác tái ngũ" làm nhiệm vụ giáo dục, huấn luyện số quân nhân đảo ngũ trên địa bàn tỉnh tự giác trở lại quân đội để bổ sung cho các đơn vị chiến đấu. Ban chỉ huy Tiểu đoàn huấn luyện "quân tự giác tái ngũ" gồm Thượng úy Mai Văn Vấn (quyền Tiểu đoàn trưởng),

Thượng úy Nguyễn Thế Dung (Chính trị viên), Thượng úy Hoàng Quỳnh Thạch (Tiểu đoàn phó) và Thượng úy Hoàng Tịnh (Chính trị viên phó). Tiểu đoàn huấn luyện "quân tự giác tái ngũ" biên chế 4 đại đội 1, 2, 3, 4 do Trung úy Nguyễn Việt Đức và Trung úy Nguyễn Tiến Ngũ làm Đại đội trưởng và Chính trị viên Đại đội 1; Thiếu úy Chu Quang Kỳ và Thiếu úy Phan Văn Định làm Đại đội trưởng và Chính trị viên Đại đội 2; Trung úy Đào Văn Cẩm và Trung úy Hà Văn Phẩm làm Đại đội trưởng và Chính trị viên Đại đội 3; Trung úy Bùi Xuân Sánh và Trung úy Hoàng Đình Lộc làm Đại đội trưởng và Chính trị viên Đại đội 4.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn huấn luyện "quân tự giác tái ngũ" đã hoàn thành tốt nhiệm vụ tiếp nhận, giáo dục chính trị và huấn luyện quân sự cho quân nhân đào, lạc ngũ tự nguyện trở lại quân đội. 85% quân nhân đào, lạc ngũ được Tiểu đoàn tiếp nhận, huấn luyện, giáo dục đã tình nguyện lên đường chiến đấu. Ngoài ra, Ban chỉ huy Tỉnh đội còn thành lập khung Công trường 73 do đồng chí Thượng úy Lê Văn Lũy chỉ huy làm nhiệm vụ tiếp nhận, giáo dục, cải tạo lao động bắt buộc đối với quân nhân đào, lạc ngũ không tự giác trở lại quân đội. Việc thành lập Tiểu đoàn huấn luyện "quân tự giác tái ngũ" và Công trường 73 giáo dục, cải tạo lao động bắt buộc quân nhân đào, lạc ngũ không tự giác trở lại quân đội của Ban chỉ huy Tỉnh đội đã hạn chế được nhiều số quân nhân giảm sút ý chí chiến đấu, đào ngũ về địa phương, tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội ở địa phương được giữ vững và ổn định; công tác động viên tuyển quân, chi viện chiến trường của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực.

Cuối tháng 8/1971, do mưa lớn kéo dài ở đầu nguồn, mực nước sông Cầu ở Gia Bả dâng cao tới 27,6mét (trên báo động cấp 3), ở Chã (Phổ Yên) lên tới 11,35mét. Nước lũ dâng tràn qua 200 mét đê Hà Châu (Phú Bình) làm sạt lở 3 đoạn đê dài 17 mét, hỏng 3 cống, sụt 2 mố cầu; tràn qua 1500 mét đê Chã (Phổ Yên) làm sạt lở 4 đoạn đê dài 120 mét. Trước tình hình đó, Ban chỉ huy các huyện đội Phổ Yên, Phú Bình đã huy động gần 1400 dân quân, tự vệ đào, đắp được 1150 mét đê con trạch, đóng trên 4200 cọc tre, đào đắp hàng nghìn mét khối đất, đá bổ sung vào thân đê, đảm bảo an toàn các đoạn đê sung yếu ở các khu vực Hà Châu (Phú Bình), Tiên Phong, Đại Xuân (Phổ Yên), góp phần bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác quân sự địa phương, cũng như các tỉnh, thành miền Bắc khác từ cuối tháng 8/1971, qui mô tổ chức của Tỉnh đội Bắc Thái được nâng từ cấp trung đoàn lên tương đương cấp sư đoàn; Ban chỉ huy Tỉnh đội được đổi thành Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; các chức danh "Tỉnh đội trưởng" và "Tỉnh đội phó" được đổi thành "Chỉ huy trưởng" và "Chỉ huy phó" Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; Chính trị viên và Chính trị viên phó Tỉnh đội được đổi thành "Chính uỷ" "Phó chính uỷ" Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; các ban Tham mưu, Chính trị, Hậu cần được nâng lên thành các phòng Tham mưu, Chính trị, Hậu cần và các tiểu ban thuộc các Ban được nâng lên thành các Ban thuộc các Phòng. Cán bộ chủ chốt Bộ chỉ huy và cán bộ chủ chốt các Phòng thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh thời kỳ này gồm các đồng chí Trung tá

Nguyễn Hồng An (Chỉ huy trưởng), Trung tá Mã Kim Thành (Chính uỷ), Thiếu tá Triệu Kỳ Phay (Chỉ huy phó), Thiếu tá Nguyễn Văn Quảng (Chỉ huy phó), Trung tá Bùi Xuân San (Phó chính uỷ), Đại úy Nguyễn Ích Tiến (quyên Tham mưu trưởng), Đại úy Dương Đức Thanh (Chủ nhiệm Chính trị), Đại úy Nguyễn Văn Mão (Chủ nhiệm Hậu cần).

Đầu năm 1972, trước những thắng lợi to lớn của quân và dân ta trong cuộc tấn công chiến lược năm 1972 ở miền Nam, để cứu vãn tình thế ngày càng nguy khốn của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 5/1972, đế quốc Mỹ đã điều sang Đông dương 5 biên đội gồm 337 máy bay chiến thuật, 50 máy bay ném bom chiến lược B52, nâng tổng số máy bay Mỹ ở Đông dương lên 13 biên đội với tổng số 931 máy bay chiến thuật, 140 máy bay ném bom chiến lược B52. Trong 2 tháng 4 và 5/1972, địch đã tăng số tàu chiến ngoài vịnh Bắc Bộ lên tới 66 chiếc (chiếm 60% tổng số tàu chiến đấu và đổ bộ của Hạm đội 7).

Theo dõi sát âm mưu và hành động của địch, Bộ Tổng Tham mưu đã chỉ thị cho các lực lượng vũ trang miền Bắc sẵn sàng đánh trả nếu địch đánh phá trở lại miền Bắc.

Thái Nguyên là Thủ phủ, là Trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội và quốc phòng của Khu tự trị Việt Bắc; nơi tập trung nhiều công trình kinh tế và quốc phòng quan trọng của Trung ương (Khu gang thép Thái Nguyên, Nhà máy điện Cao Ngạn, các nhà máy quốc phòng Z 127, Z131, các mỏ than Quán Triều, Làng Cẩm, Phấn Mễ..). Thái Nguyên cũng là nơi tập trung nhiều đầu

mối giao thông có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với vùng Việt Bắc mà còn đối với cả nước. Quân khu uỷ, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc đã khẳng định Thái Nguyên sẽ là một trong những trọng điểm đánh phá ác liệt của địch trên địa bàn Quân khu, nên đã tập trung chỉ đạo, giúp đỡ Thái Nguyên chuẩn bị, sẵn sàng đối phó với bước leo thang mới của đế quốc Mỹ. Được sự chỉ đạo sâu sát và kịp thời của Đảng uỷ, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo củng cố các lực lượng vũ trang địa phương, thành lập các phân đội, cụm chiến đấu, tổ chức các tổ cơ động, phục kích đón lõng bắn máy bay địch bay thấp. Từ ngày 15/4/1972, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã gấp rút xây dựng, kiện toàn Tiểu đoàn cao xạ 68B đủ 2 đại đội cao xạ 37mm và 1 đại đội cao xạ 57mm; đồng thời gấp rút triển khai thành lập khung Tiểu đoàn dự nhiệm pháo cao xạ 68C.

Ban chỉ huy Tiểu đoàn dự nhiệm pháo cao xạ 68C gồm các đồng chí Thượng úy Dương Như Chút (Tiểu đoàn trưởng), Thượng úy Hoàng Tịnh (quyền Chính trị viên), Trung úy Đoàn Văn Tân (Tiểu đoàn phó). Tiểu đoàn 68C có 3 đại đội 1, 2, 3, do các đồng chí Trung úy Nguyễn Tiến Tâm và Trung úy Nguyễn Văn Chắc làm Đại đội trưởng và Chính trị viên Đại đội 1; Trung úy Nguyễn Văn Hiền và Trung úy Cù Văn Thống làm Đại đội trưởng và Chính trị viên Đại đội 2; Thiếu úy Nguyễn Văn Chín và Trung úy Nông Văn Lượng làm Đại đội trưởng và Chính trị viên Đại đội 3.

Nhằm tăng cường hoả lực phòng không tầm thấp làm nhiệm vụ cơ động, phục kích, đón lõng, bắn máy bay địch

bay thấp, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức xây dựng Đại đội 74 (súng máy cao xạ 14,5mm) gồm 9 khẩu đội làm nhiệm vụ cơ động chiến đấu bảo vệ các trọng điểm giao thông trên trục Quốc lộ 1B. Ban chỉ huy Đại đội 74 gồm Trung úy Bùi Xuân Sánh (Đại đội trưởng), Trung úy Lê Đình Dân (Chính trị viên), Thiếu úy Trịnh Dữn (Đại đội phó).

Cùng với việc xây dựng Đại đội 74, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự các huyện, thành điều chỉnh, bố trí lại các trận địa, cụm trận địa bắn máy bay địch bay thấp của dân quân, tự vệ. Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện Võ Nhai điều chỉnh lực lượng trực chiến phòng không của dân quân, tự vệ trong huyện (gồm 3 khẩu đội đại liên, 4 khẩu đội súng máy cao xạ 12,7mm và 14,5mm) thành 2 cụm trận địa ở 2 xã Lâu Thượng và Phú Thượng. Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ điều chỉnh lực lượng trực chiến phòng không của dân quân, tự vệ (gồm 3 khẩu đội đại liên và 10 khẩu đội súng máy cao xạ) thành 3 cụm trận địa ở 3 xã Yên Lãng, Ký Phú, Văn Yên. Ban chỉ huy tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên bố trí lực lượng tự vệ trực chiến (gồm 20 khẩu đội đại liên và 6 khẩu đội súng máy cao xạ) thành các cụm trận địa ở các khu vực ga Lưu Xá, Khu tập thể công nhân Gang thép và cầu Trà Vườn. Các Ban chỉ huy tự vệ Nhà máy điện Cao Ngạn, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ đã phối hợp bố trí thành các cụm trận địa xung quanh hai nhà máy.

Ngoài ra, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh còn chỉ đạo các Ban chỉ huy quân sự các huyện, thành tổ chức được hơn 100

trận địa "tay cày, tay súng" và "tay búa, tay súng" của dân quân, tự vệ, sẵn sàng lên trận địa chiến đấu khi có máy bay địch.

Trong khi quân và dân Thái Nguyên cùng với quân và dân miền Bắc chuẩn bị bước vào cuộc chiến đấu mới, thì ngày 6/4/1972, đế quốc Mỹ huy động hơn 100 lần chiếc máy bay chiến thuật và nhiều tàu chiến bắn, phá một số địa phương ven biển Quân khu IV và nhiều mục tiêu ở bắc Vĩ tuyến 20. Tiếp đó, chúng dùng máy bay chiến lược B52 ném bom rải thảm ở Vinh (10/4), Thanh Hoá (13/4). Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai, đế quốc Mỹ đánh ồ ạt ngay từ đầu chứ không leo thang từng bước, vừa đánh, vừa thăm dò như cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất. Bằng cách đó, chúng hy vọng có thể nhanh chóng xoay chuyển cục diện chiến tranh, ép ta chấp thuận những điều kiện do chúng định ra tại Hội nghị Pa-ri.

Do đã dự kiến được âm mưu của địch và có sự chuẩn bị sẵn, lại có kinh nghiệm trong cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của địch lần thứ nhất, nên nhân dân và các lực lượng vũ trang miền Bắc đã bình tĩnh, chủ động, tự tin bước vào cuộc chiến đấu mới.

Sau 10 ngày ném bom, đánh phá dữ dội nhiều vùng thuộc Quân khu IV, ngày 16/4/1972, đế quốc Mỹ đã huy động 9 lần chiếc máy bay chiến lược B52, 261 lần chiếc máy bay chiến thuật vào đánh phá ác liệt thành phố Hải Phòng. Cùng ngày, địch huy động 60 máy bay chiến thuật khác từ Thái Lan sang ồ ạt ném bom Thủ đô Hà Nội.

Trước những thủ đoạn thay đổi về kỹ thuật và chiến thuật, đặc biệt là thủ đoạn gây nhiễu điện tử mạnh của địch, bộ đội tên lửa và bộ đội cao xạ của ta bắn rất nhiều đạn, nhưng đều không rơi được máy bay Mỹ. Hàng nghìn người dân Hải Phòng và Hà Nội bị thương, vong, 12/14 bể xăng và 7000 phi dầu ở kho xăng, dầu Đức Giang bị máy bay địch ném bom phá huỷ hoàn toàn.

Trước hành động leo thang chiến tranh mới của đế quốc Mỹ, ngày 16/4/1972, Ban chấp hành Trung ương Đảng lao động Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra lời kêu gọi "Các lực lượng vũ trang nhân dân hãy dũng cảm xông lên, liên tục chiến đấu, giết giặc, cứu nước. Mỗi công dân phải là một chiến sĩ kiên cường chống Mỹ, cứu nước. Mỗi xí nghiệp, công trường, nông trường, đường phố phải là một chiến hào, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu, hành động phiêu lưu quân sự của giặc Mỹ và tay sai".

Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp bất thường, phân công cán bộ đi kiểm tra, đôn đốc công tác phòng không sơ tán và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu của các cơ quan, đơn vị, huyện, thành trong tỉnh. Ngày 19/4/1972, Uỷ ban hành chính tỉnh ra "Chỉ thị tăng cường công tác tuyển quân, sẵn sàng chiến đấu và phòng không nhân dân trong tình hình hiện nay", khẳng định Thái Nguyên sẽ là mục tiêu đánh phá của không quân địch, yêu cầu quân, dân trong tỉnh nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu và tăng cường công tác phòng không, sơ tán. Hai ngày 24 và 25/4, sau khi nghiên cứu và quán triệt các

chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Khu uỷ Việt bắc về công tác phòng không sơ tán, bảo đảm sản xuất và sẵn sàng chiến đấu trong tình hình mới, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết chỉ rõ: "Để đối phó với những âm mưu độc ác của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, vấn đề khẩn trương trước mắt là cần phải tiến hành gấp việc tổ chức sơ tán, phân tán, dẫn bớt mật độ dân số quá đông ở các khu vực trọng điểm để hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất nếu địch đánh phá; đồng thời vẫn phải đảm bảo sản xuất và phục vụ chiến đấu tốt". Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định khôi phục lại Ban phòng không nhân dân tỉnh và cử các đồng chí Lê Quảng, Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh làm Trưởng ban; Dương Quyền, Chủ tịch Uỷ ban hành chính thành phố Thái Nguyên làm Phó ban.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban phòng không nhân dân tỉnh, Ban Y tế phòng không tỉnh được củng cố, kiện toàn do đồng chí Hoàng Ngọc, Phó ty Y tế làm Trưởng ban. Ban Y tế phòng không tỉnh đã tổ chức kiểm tra công tác chuẩn bị cấp cứu phòng không ở thành phố Thái Nguyên và một số huyện trọng điểm có thể bị địch đánh phá. Qua kiểm tra các bệnh viện Tỉnh (A), Khu Gang thép, Quốc doanh Dược phẩm đều có sự chuẩn bị tốt về lực lượng cán bộ, phương tiện y cụ, thuốc men theo phương án cấp cứu phòng không. Tuy nhiên, sự hợp đồng về công tác cấp cứu phòng không và giải quyết hậu quả giữa các bệnh viện Khu, Tỉnh và các đơn vị còn chưa chặt chẽ. Nhằm khắc phục kịp thời các thiếu sót, khuyết điểm trên, Ban Y tế phòng không tỉnh đã họp với lãnh đạo các

bệnh viện Khu, Tỉnh (A) và đại diện các cơ quan: Ban Quân y Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Quốc doanh Dược phẩm, các bệnh viện Công ty gang thép Thái Nguyên, Điện và Than, Phòng Y tế Thành phố, các bệnh xá Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, Nhà máy điện Cao Ngạn và Công ty Kiến trúc ... để bàn bạc, thống nhất các qui định về công tác cấp cứu phòng không. Theo qui định này các tuyến cấp cứu phòng không 3, 4 có các bệnh viện Khu, Tỉnh (A), Gang thép, Trại Cau, Điện và Than, bệnh xá Công ty Xây - Lắp; tuyến cấp cứu phòng không 2,3 có các bệnh viện huyện và các bệnh xá Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, Nhà máy điện Thái Nguyên, Công ty Kiến trúc; tuyến cấp cứu phòng không 2 là các trạm xá xã, các bệnh xá và các ban y tế có y sỹ; tuyến cấp cứu phòng không 1 là y tá các cơ quan, hợp tác xã, đội sản xuất, các đồng chí cứu thương của dân quân, tự vệ. Hội nghị Y tế phòng không tỉnh đã nhấn mạnh nhiệm vụ các tuyến cấp cứu phòng không phải tiến hành củng cố và tổ chức chu đáo, chuẩn bị đầy đủ phương tiện y cụ, thuốc men, có phương án cấp cứu cụ thể trong các tình huống địch đánh phá ác liệt; thường xuyên có cán bộ thường trực tại các trạm, phòng và các bệnh viện, xử lý cấp cứu nạn nhân kịp thời và nhanh gọn với chất lượng tốt nhất.

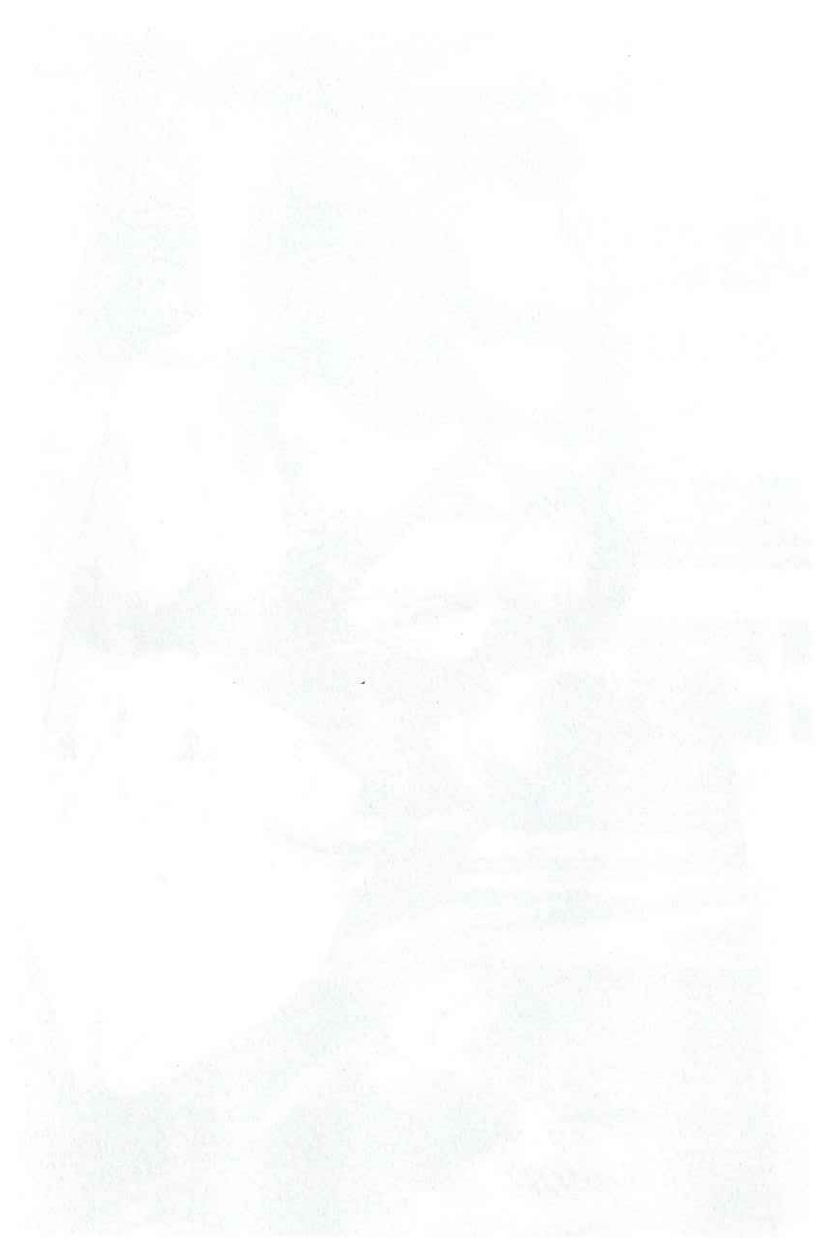
Do tích lũy được kinh nghiệm trong cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ lần thứ nhất, nên bước vào cuộc chiến đấu lần này, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh và công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu,

phục vụ chiến đấu của các cơ quan, ban, ngành chức năng được chủ động và cụ thể hơn so với năm 1965.

Cuối tháng 4/1972, các cơ quan Khu, Tỉnh, các bệnh viện, trường học, cơ quan hành chính không trực tiếp sản xuất, người già, trẻ em và phụ nữ có thai đã được sơ tán khỏi thành phố Thái Nguyên và các trọng điểm có thể bị địch đánh phá. Đối với cán bộ, công nhân ở lại sản xuất cũng được chia thành các ca, kíp phù hợp; trừ ca sản xuất còn các ca khác đều phải sơ tán, phân tán ra khỏi nhà máy, xí nghiệp. Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ cho sơ tán trên 800 cán bộ, công nhân, chỉ để lại 120 người đảm bảo sản xuất. Công ty gang thép Thái Nguyên cũng chia làm 3 ca, trừ ca sản xuất, 2 ca còn lại, cán bộ, công nhân phải sơ tán ra khỏi Nhà máy. Tại Nhà máy điện Thái Nguyên, cán bộ, công nhân vừa đảm bảo sản xuất, vừa tổ chức sơ tán, phân tán được 104 hộ, với 300 cán bộ, công nhân, viên chức và 1500 tấn vật tư, thiết bị tồn kho ra khỏi Nhà máy; đồng thời huy động lực lượng xây 320 mét khối gạch xỉ che, chắn các máy biến thế, đào đắp 2800 mét khối than xỉ bảo vệ máy phát, tổ chức sửa, chữa hầm, hào phòng tránh cho cán bộ, công nhân làm việc trong Nhà máy, củng cố các đội cứu thương, cứu hoả, đào bới cứu hộ, thông tin trực chiến, sẵn sàng đối phó với tình huống máy bay địch đánh phá. Được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh trang bị thêm 15 khẩu súng máy cao xạ 12,7mm, Đảng uỷ và Ban giám đốc Nhà máy điện Thái Nguyên quyết định rút 60 cán bộ, chiến sĩ tự vệ là đảng viên và quần chúng tốt, tổ chức thành 1 đại đội tự vệ gồm 3 trung đội làm nhiệm vụ trực chiến phòng không liên tục 24/24 giờ trong ngày



Thanh niên Nhà máy điện Cao Ngạn ghi tên đăng ký lên đường đánh Mỹ.



do đồng chí Thư ký Công đoàn làm Đại đội trưởng và 1 đồng chí Đảng uỷ viên làm Chính trị viên. Với 15 khẩu súng máy cao xạ 12,7mm mới được trang bị và 2 khẩu súng máy trung liên, 1 súng trường đã được trang bị từ trước, 60 cán bộ, chiến sĩ Đại đội tự vệ Nhà máy điện Thái Nguyên sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu quyết liệt với kẻ thù.

Sau hơn một tháng khẩn trương chuẩn bị đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính, Ban phòng không nhân dân và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã tổ chức nhiều đợt kiểm tra, đôn đốc công tác phòng không, sơ tán. Các lực lượng vũ trang địa phương phối hợp với các đơn vị phòng không của bộ đội chủ lực đã cơ bản dàn xong thế trận sẵn sàng chiến đấu. Song, tất cả vẫn còn đang ở phía trước, sự bất ngờ trong chiến tranh bao giờ cũng là một tiềm ẩn.

Về phía địch, đầu tháng 5/1972, nhằm tăng thêm hiệu lực ném bom miền Bắc, để cứu vãn chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" ở miền Nam đang trên đà suy sụp, trong hai ngày 8 và 9/5/1972, tổng thống Mỹ Ních-xơn triệu tập cuộc họp Hội đồng an ninh quốc gia, quyết định đẩy mạnh cường độ ném bom, thả mìn phong toả các hải cảng miền Bắc Việt Nam, cho không quân và hải quân thả mìn ngăn chặn Hải quân Việt Nam xuất kích, ngăn chặn Bắc Việt Nam nhận hàng viện trợ trong vùng biển, cắt đứt tới mức tối đa tất cả các đường giao thông.

Với tinh thần "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", "Tất cả vì đồng bào miền Nam ruột thịt, vì Khánh

Hoà kết nghĩa", đồng bào và chiến sĩ Thái Nguyên đã sẵn sàng vào trận.

Đầu tháng 5/1972, cán bộ lãnh đạo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh có sự thay đổi, đồng chí Trung tá Nguyễn Đình Thiển được Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc điều về làm Chính uỷ thay đồng chí Trung tá Mã Kim Thành nghỉ hưu. Để kịp thời kiện toàn bộ máy lãnh đạo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định chỉ định đồng chí Nguyễn Đình Thiển giữ chức Bí thư Đảng uỷ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

Đêm 23/5/1972, sau khi nhận được điện thông báo của Bộ Tổng Tham mưu và Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc "ngày 24/5 địch có thể đánh lớn vào Bắc Thái", Thường trực Tỉnh uỷ và Thường trực Uỷ ban hành chính tỉnh họp khẩn cấp bàn biện pháp đối phó, đồng thời thông báo ngay nội dung bức điện trên đến các cơ quan, đơn vị trọng điểm nằm trên địa bàn tỉnh.

Do được thông báo từ đêm 23, nên 8 giờ sáng ngày 24/5/1972, tại Nhà máy điện Thái Nguyên, hơn 200 cán bộ, công nhân làm nhiệm vụ đào, đắp công sự, che chắn thiết bị, máy móc đã được tổ chức sơ tán triệt để ra khỏi Nhà máy, trong Nhà máy chỉ còn 40 cán bộ, công nhân ca 2 ở lại làm nhiệm vụ trực tiếp sản xuất.

9 giờ 50 phút, tại Sở chỉ huy Tiểu đoàn 68B, chiến sĩ tiêu đồ đánh dấu được 2 tốp máy bay địch hoạt động vào đến cách tây bắc thành phố Thái Nguyên 50km thì mất mục tiêu. Do thiếu tập trung tư tưởng và chủ quan, nên vào lúc 10 giờ 45 phút, các chiến sĩ trinh sát và tiêu đồ Sở

chỉ huy Tiểu đoàn 68B đã không phát hiện được 2 tốp, 5 máy bay địch bất ngờ lao tới ném 12 quả bom "tinh khôn"¹ và bắn một loạt đạn rốc két xuống Nhà máy điện Thái Nguyên. Toàn thành phố Thái Nguyên không kịp báo động phòng không. Các đơn vị bộ đội cao xạ, các trận địa trực chiến phòng không của dân quân, tự vệ bảo vệ Nhà máy điện Thái Nguyên hoàn toàn bị bất ngờ, không tổ chức đánh trả được địch. Nhà máy điện Thái Nguyên bị tổn thất nặng (hai lò hơi đốt bị hỏng, kho tạp phẩm trị giá 54.000 đồng bị phá huỷ hoàn toàn), phải tạm ngừng sản xuất để tháo dỡ tiếp 500 tấn vật tư, thiết bị đưa đi sơ tán. Mặc dù bị máy bay địch đánh phá bất ngờ làm 3 người chết, 6 người bị thương, nhưng cán bộ, công nhân Nhà máy điện Thái Nguyên trực tiếp sản xuất ca 2 vẫn bình tĩnh, dũng cảm thao tác vận hành máy. Với thành tích đó, tập thể ca trực 2 và 10 cán bộ, công nhân Nhà máy điện Thái Nguyên đã được Ủy ban hành chính tỉnh tặng Bằng khen.

1. Bom "tinh khôn" là bom điện quang (wueye): có một camera truyền hình nhỏ để ở đầu quả bom rơi, camera truyền hình ảnh đến thiết bị theo dõi trên máy bay; từ trên máy bay, sĩ quan phụ trách vũ khí có thể điều chỉnh hướng rơi của bom bằng cách sử dụng thiết bị điện tử lái cánh đuôi của bom. hoặc là bom lade: đầu quả bom có gắn thiết bị tìm tia lade. Khi đánh phá miền Bắc giặc Mỹ sử dụng một máy bay chiếu chùm tia lade xuống mục tiêu, một máy bay khác cất bom có gắn thiết bị tìm lade. Bom theo chùm tia lade xuống mục tiêu. Thông thường khi 2 máy bay ở độ cao từ 3,6km đến 4,6km thì 50% số bom rơi cách mục tiêu xa nhất 9 mét.

Tổn thất do máy bay địch đánh phá ngày 24/5/1972 ở Nhà máy điện Thái Nguyên là thực tế kiểm nghiệm kế hoạch chiến đấu và phòng tránh của Thái Nguyên sau hơn 4 năm địch ngừng đánh phá. Điều đó chứng tỏ công tác chuẩn bị phòng, tránh và đánh địch của quân và dân Thái Nguyên tuy có cố gắng, nhưng còn nhiều thiếu sót, chủ quan, chưa đáp ứng kịp với qui mô và tính chất quyết liệt, dồn dập trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai này của địch. Sau tổn thất này, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã rút ra nguyên nhân các lực lượng phòng không của ta bị bất ngờ, không tổ chức đánh trả được địch là do chủ quan, mất cảnh giác, không phát hiện được địch từ xa, khi máy bay địch bất ngờ xuất hiện thì chỉ huy lúng túng, xử lý chậm.

Đầu tháng 6/1972, sau khi địch thả 13.000 quả thủy lôi và nhiều bom từ trường xuống 43 khu vực cửa sông, bến cảng thuộc 10 tỉnh, thành miền Bắc, riêng ở vùng biển địch đã thả 7963 quả thủy lôi, (trong đó các khu vực Hải Phòng 1733 quả, Cửa Hội 1352 quả, Hòn La 1162 quả, cảng Sông Gianh 610 quả), Trung ương giao cho tỉnh hai nhiệm vụ : một là tiếp nhận hàng (chủ yếu là lương thực và hàng quốc phòng) từ các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn về và từ Hà Bắc sang, khối lượng từ 30.000 tấn đến 50.000 tấn một tháng, vừa để dự trữ, vừa để tiếp chuyển cho chiến trường và các tỉnh trong khu vực. Hai là: phải đảm bảo giao thông, vận tải thông suốt trong mọi tình huống trên các trục đường, đặc biệt là trên các trục đường chiến lược.

Đây là một nhiệm vụ hết sức khó khăn và nặng nề đối với tỉnh, vì hệ thống giao thông nằm trên địa bàn tỉnh về cầu, cống và các đường quốc lộ đã bị xuống cấp, hư hỏng nhiều; vật tư dự trữ để thay thế và sửa chữa hầu như không có gì.

Thực hiện nhiệm vụ Trung ương giao, ngày 15/6/1972, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết xác định nhiệm vụ cho Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang trong tỉnh phải "Tập trung toàn lực phục vụ giao thông vận tải. Đảm bảo giao thông và các phương tiện vận tải thông suốt, kịp thời trong mọi tình huống là nhiệm vụ trọng tâm, đột suất số một". Triển khai Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, UBHC tỉnh ra quyết định khôi phục lại Ban đảm bảo giao thông, vận tải thời chiến, chỉ định các đồng chí Lê Quảng (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch UBHC tỉnh) làm Trưởng ban, Nông Văn Sảo (Trưởng ty Giao thông) làm Phó ban, Triệu Kỳ Phay (Chỉ huy phó Bộ chỉ huy quân sự tỉnh) và một đồng chí Phó ty Công an tỉnh làm uỷ viên. Đồng thời, UBHC tỉnh cũng quyết định trưng tập một số cán bộ ở các ban, ngành của tỉnh sang làm nhiệm vụ chuyên trách giúp Tỉnh uỷ, UBHC tỉnh làm nhiệm vụ tiếp nhận và trung chuyển lương thực, hàng hoá.

Tháng 6/1972, đế quốc Mỹ đã tăng cường thêm một lực lượng lớn không quân và hải quân cho chiến trường Đông Dương. So với tổng số máy bay của Mỹ, ở Đông Dương máy bay chiến thuật chiếm tới 31%, máy bay chiến lược B52 chiếm 40%, tàu sân bay chiếm 43%. Trước tình hình địch tăng cường lực lượng, chuẩn bị đánh phá lớn, và

nhằm tăng cường lực lượng bảo vệ các mục tiêu quan trọng, ngày 27/6/1972, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc quyết định thành lập Trung đoàn pháo cao xạ 256 gồm 3 tiểu đoàn 1, 2, 3 làm nhiệm vụ bảo vệ thành phố Thái Nguyên. Theo chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã bàn giao toàn bộ Tiểu đoàn 68B, khung Tiểu đoàn 68C và 300 tân binh mới tuyển về Quân khu để Quân khu tổ chức thành lập Trung đoàn 256. Ngay tối ngày 27/6, tại xã Quang Sơn (huyện Đồng Hỷ), đồng chí Thiếu tướng Bằng Giang, Tư lệnh Quân khu Việt Bắc đã giao nhiệm vụ cho Ban chỉ huy Trung đoàn pháo cao xạ 256. Các đồng chí Thiếu tá Võ Ngọ (Trung đoàn trưởng), Thiếu tá Nguyễn Hải Trình (Chính uỷ), Đại úy Đồng Quốc Huệ (Trung đoàn phó), Đại úy Hoàng Đình Cầu (Phó Chính uỷ) đã có mặt nhận nhiệm vụ.

Đầu tháng 7 /1972, tại xã Quyết Thắng (huyện Đồng Hỷ), Trung đoàn 256 làm lễ ra mắt. Đồng chí Đôn Văn Cước (Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh) và đại diện các ban, ngành của tỉnh đã đến dự và động viên đơn vị. Được Bộ Tư lệnh Quân khu quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; Tỉnh uỷ, Ủy ban, Bộ chỉ huy quân sự và các ban, ngành của tỉnh nhiệt tình giúp đỡ, giữa tháng 7/1972, Trung đoàn 256 đã xây dựng hoàn chỉnh 3 tiểu đoàn, trong đó Tiểu đoàn 1 gồm 2 đại đội cao xạ 37mm, 1 đại đội cao xạ 100mm bảo vệ khu vực gang thép Thái Nguyên; Tiểu đoàn 2 gồm 1 đại đội cao xạ 37mm, 1 đại đội cao xạ 57mm và 1 đại đội cao xạ 100mm bảo vệ khu vực Cao Ngạn. Tiểu đoàn 3 gồm 2 đại đội cao xạ 37mm, 1 đại đội cao xạ

100mm bảo vệ khu vực phía đông thành phố Thái Nguyên.

Để tập trung lãnh đạo và chỉ huy các lực lượng phòng không của Quân khu trên địa bàn Thái Nguyên, ngày 16/8/1972, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc quyết định điều Tiểu đoàn 24 pháo cao xạ 37mm, 2 nòng bảo vệ khu vực cầu Đa Phúc về trực thuộc Trung đoàn 256.

Nhằm đối phó với các loại bom "tinh khôn" của địch, được Cục Hoá học (Bộ Quốc phòng) và phòng Hoá học Quân khu giúp đỡ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo các Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên và huyện Phổ Yên thành lập 4 tiểu đội dân quân, tự vệ làm nhiệm vụ thả màn khói nguy trang các mục tiêu cầu Gia Bấy, cầu Trà Vườn, đập Thác Huống và cầu Đa Phúc. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, 2 tiểu đội dân quân xã Cam Giá (thành phố Thái Nguyên) đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thả khói nguy trang cầu Trà Vườn và đập Thác Huống, góp phần hạn chế được nhiều tổn thất do máy bay địch đánh phá. Tiểu đội dân quân xã Thuận Thành (Phổ Yên) và Tiểu đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ (thành phố Thái Nguyên) cũng hoàn thành được nhiệm vụ thả khói nguy trang cầu Đa Phúc và cầu Gia Bấy.

Trước tình hình đế quốc Mỹ leo thang ô ạt đánh phá trở lại miền Bắc rất ác liệt, ngày 1-6-1972, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết 220 chỉ rõ 4 nhiệm vụ lớn cho quân và dân các tỉnh miền Bắc: Bảo vệ hậu phương lớn miền Bắc; Chi viện tiền tuyến lớn miền Nam; Chuyển hướng kinh tế, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình mới; Chuẩn bị điều kiện để

khôi phục và phát triển sản xuất, xây dựng đất nước khi chiến tranh kết thúc. Thực hiện Nghị quyết 220 của Bộ Chính trị, ngày 15/6/1972, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp ra Nghị quyết 17 chỉ rõ nhiệm vụ của quân và dân trong tỉnh " giữ vững và phát triển sản xuất trong thời chiến, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm. Động viên sức người, sức của chi viện cao nhất cho tiền tuyến. Tăng cường công tác giữ gìn an ninh trật tự; làm tốt hơn nữa công tác sơ tán phòng không; ổn định sản xuất và đời sống nhân dân; tổ chức nghiên cứu kế hoạch, chuẩn bị điều kiện xây dựng tỉnh khi chiến tranh kết thúc ". Nghị quyết 17 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đề ra chủ trương tiến hành một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên, quân chúng, các tầng lớp nhân dân và lực lượng vũ trang trong tỉnh nhận thức sâu sắc tình hình và nhiệm vụ mới, biến khẩu hiệu "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" thành hành động cụ thể của mỗi người...

Trong những ngày cuối tháng 6/1972, không quân địch hoạt động với cường độ cao, đánh phá nhiều mục tiêu trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, gây cho ta nhiều thiệt hại về người và của. 14 giờ ngày 21/6, địch huy động 28 máy bay vào ném 8 quả bom "tinh khôn" điều khiển bằng tia la - de xuống cầu Trà Vườn, làm hỏng 2 mố cầu; ném 6 quả bom phá xuống xã Dân Chủ (huyện Đồng Hỷ) làm thương, vong 5 người và đổ 11 ngôi nhà. 16 giờ 50 phút ngày 24/6, giặc Mỹ lại huy động tiếp 36 máy bay, ném 196 quả bom phá xuống các khu vực gang thép Thái Nguyên, xã Cam Giá và Hợp tác xã nông nghiệp Minh

Hương làm 21 người bị thương, vong (có 9 người chết), phá huỷ 51 ngôi nhà. Xưởng luyện thép Lưu Xá trước đây bị địch đánh hỏng, đang khôi phục, nay lại bị máy bay địch ném trúng 4 quả bom điều khiển bằng tia la de, hỏng nặng hơn.

Tuy một số tiểu đoàn tên lửa bảo vệ Thủ đô Hà Nội cơ động lên Thái Nguyên, Tiểu đoàn cao xạ 24 bảo vệ cầu Đa Phúc, Tiểu đoàn cao xạ 68B bảo vệ Cao Ngạn và các trận địa phòng không của dân quân, tự vệ trong tỉnh rất tích cực nổ súng đánh địch, nhưng do địch tập trung đánh phá với cường độ cao, thủ đoạn xảo quyệt, vũ khí trang bị tinh vi, trong khi đó lực lượng phòng không bảo vệ Thái Nguyên vừa mỏng, lại mới tham gia tác chiến lần đầu, ít kinh nghiệm, nên hiệu suất chiến đấu thấp, không bảo vệ được mục tiêu. Đây là một thử thách lớn đối với các lực lượng phòng không bảo vệ Thái Nguyên.

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Tham mưu Quân khu Việt Bắc và Quân chủng Phòng không - Không quân, lực lượng phòng không bảo vệ Thái Nguyên vừa tiếp tục chiến đấu, vừa tranh thủ thời gian huấn luyện và rút kinh nghiệm.

Nhằm tăng cường lực lượng đảm bảo giao thông, vận tải trong tình huống máy bay địch đánh phá ác liệt nhất, theo sự chỉ đạo của Quân khu, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tách Trung đội công binh 91 khỏi Đại đội 73, thành lập Đại đội công binh 91 làm nhiệm vụ cơ động đảm bảo giao thông - vận tải ở các trọng điểm giao thông nằm trên địa bàn tỉnh. Ban chỉ huy Đại đội công binh 91 gồm

các đồng chí Trung úy Nguyễn Văn Tam (Đại đội trưởng) và Trung úy Nguyễn Văn Kham (Chính trị viên). Cùng với việc thành lập Đại đội công binh 91, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh điều động cán bộ, xếp đủ trợ lý công binh ở Ban chỉ huy quân sự các huyện, thành; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho 15 cán bộ công binh các cấp tỉnh, huyện; chỉ đạo cơ quan quân sự các huyện, thành thành lập được 1 trung đội, 9 tiểu đội, 96 tổ công binh của dân quân, tự vệ, với quân số 328 cán bộ, chiến sĩ. Ban chỉ huy quân sự các huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Võ Nhai, thành phố Thái Nguyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ công binh cho 367 cán bộ, chiến sĩ công binh dân quân, tự vệ.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Tỉnh Đoàn thanh niên phát động phong trào "Thanh niên xung kích đảm bảo giao thông, vận tải" và kiện toàn lại Đội 91 thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước tập trung. Hưởng ứng phong trào "Thanh niên xung kích đảm bảo giao thông, vận tải", Ban chấp hành Đoàn thanh niên các huyện, thành đã thành lập được 500 Đội thanh niên xung kích bảo đảm giao thông, vận tải trên các trục đường giao thông chính với gần 2 vạn đoàn viên, thanh niên tham gia. Các Đội thanh niên xung kích ở các khu vực Ba Nhất (Đồng Hỷ), Minh Sơn (Võ Nhai) hoạt động tốt, được Tỉnh Đoàn thanh niên tặng danh hiệu "Lá cờ đầu" trong phong trào "Thanh niên xung kích đảm bảo giao thông, vận tải".

Được các cấp bộ Đoàn từ các huyện, thành xuống các cơ sở xã, thị trấn, khu phố ủng hộ, chỉ sau một thời gian ngắn, Tỉnh Đoàn thanh niên đã tuyển được 673 đội viên

thanh niên xung phong vượt chỉ tiêu của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ giao 73 đội viên, kiện toàn xong Đội 91 thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước tập trung đủ 5 đại đội. Sau khi ổn định biên chế, tổ chức, cuối tháng 6/1972, Đội 91 đã ra quân cùng với Công ty Cầu - Đường (thuộc ty Giao thông) sửa chữa, nâng cấp đoạn Quốc lộ 1B từ La Hiên (Võ Nhai) về cầu Gia Bẫy (thành phố Thái Nguyên). Nhằm tăng nhanh tiến độ sửa chữa, nâng cấp Quốc lộ 1B, từ sau ngày bị máy bay địch đánh hỏng nặng (24/6/1972), Công ty gang thép Thái Nguyên phải tạm ngừng sản xuất, UBHC tỉnh đã huy động hơn 1000 cán bộ, công nhân Công ty gang thép lên cùng với cán bộ, chiến sĩ Đội 91 và Công ty Cầu - Đường (ty Giao thông) sửa chữa, nâng cấp đoạn Quốc lộ 1B từ La Hiên (Võ Nhai) về cầu Gia Bẫy (thành phố Thái Nguyên). Bộ Giao thông - Vận tải tăng cường cho tỉnh 637 cán bộ, công nhân Công ty 16 làm nhiệm vụ sửa chữa, vá cấp phối và rải nhựa đoạn Quốc lộ 1B từ La Hiên đi Đình Cả. Lực lượng vũ trang của tỉnh thành lập 22 đài quan sát bom và 24 trạm gác giao thông dọc các quốc lộ 3 và 1B. Các lực lượng đảm bảo giao thông ở các trọng điểm Gia Bẫy (thành phố Thái Nguyên), Đa Phúc (Phổ Yên), Cầu Mây (Phú Bình) ... được tổ chức chặt chẽ, chu đáo theo các phương án tác chiến đã đề ra. Ở khu vực trọng điểm Gia Bẫy, tỉnh đã gia công dự phòng được một nhịp cầu dài 32 mét; sửa chữa xong bến Văn Thánh (Đồng Bẩm), làm mới cột cáp bến phà Ngọc Lâm, sửa chữa hoàn chỉnh mặt cầu cáp và đường ngầm Sơn Cẩm (Phú Lương).

Ở khu vực Đa Phúc, tỉnh đã hoàn thành sửa chữa một đường ngầm, một bến phà và làm mới một cầu cáp. Ngoài ra, ở hai trọng điểm Gia Bẩy và Đa Phúc, tỉnh còn chuẩn bị được lượng vật tư dự phòng gồm gần 10.000 mét khối đá học, 100 tấn sắt, thép.

Các bến phà Điệp (Đại Từ), phà Mây (Phú Bình) còn được trang bị thêm mỗi bến một phà 12 tấn. Trên Quốc lộ 1B, các lực lượng tham gia sửa chữa, nâng cấp đường đã làm thêm được 5 đường tránh với tổng chiều dài trên 50km, làm mới 2 cầu bê tông vĩnh cửu. Ngoài ra, tỉnh còn đóng mới được 3 phà, triển khai đóng tiếp 7 phà loại phà 12 tấn và 18 tấn: Với lượng vật tư dự phòng và công tác chuẩn bị khá tích cực, quân và dân Thái Nguyên quyết tâm khắc phục khó khăn về cơ sở vật chất, kỹ thuật, sẵn sàng đáp ứng kịp thời nhu cầu vận chuyển phục vụ quốc phòng và kinh tế.

Đối với nhiệm vụ tiếp nhận trung chuyển lương thực, để đảm bảo đủ kho chứa một khối lượng lương thực lớn do các nước anh em viện trợ từ các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và Bắc Giang chuyển về, Ủy ban hành chính tỉnh quyết định dùng trụ sở của các cơ quan, trường học và tầng 1 của các nhà tầng ở khu vực thành phố Thái Nguyên làm kho chứa 14.000 tấn lương thực (gấp 5 lần sức chứa của tất cả các kho lương thực của tỉnh). Ngoài ra, tỉnh còn cấp tiền và 20 nghìn cây vầu, nứa, 1 nghìn cây gỗ để làm lán trại, kho chứa tạm 20 nghìn tấn lương thực ở các xã La Hiên, Lâu Thượng, Phú Thượng (huyện Võ Nhai). Tỉnh uỷ, Ủy ban hành chính tỉnh giao nhiệm vụ cho Ban đảm bảo giao thông, vận tải tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp

chỉ đạo, điều hành công tác tiếp nhận và trung chuyển lương thực; lãnh đạo ty Lương thực chịu trách nhiệm tổ chức các trạm trung chuyển; lãnh đạo các ty Giao thông, Công an, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Tỉnh Đoàn thanh niên chịu trách nhiệm đảm bảo phương tiện vận chuyển, lực lượng bốc xếp và công tác bảo vệ.

Thực hiện nhiệm vụ do Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh giao, một tuần sau ngày nhận nhiệm vụ, lãnh đạo ty Lương thực đã thành lập xong Trạm trung chuyển lương thực Thái Nguyên do đồng chí Trần Xuân Quyền (Phó ty Lương thực) trực tiếp làm Trạm trưởng. Trạm gồm 9 tổ rải từ thị trấn Bắc Kạn (huyện Bạch Thông) và thị trấn Đình Cả (huyện Võ Nhai) theo các quốc lộ số 3 và 1B về thành phố Thái Nguyên. Để kiểm soát dọc đường vận chuyển và điều hành việc giao nhận lương thực giữa các kho, Uỷ ban hành chính tỉnh tổ chức 2 trạm điều hành, một trạm ở thị trấn Bắc Kạn và một trạm ở km 9 Quốc lộ 1B.

Nhờ làm tốt công tác chuẩn bị tiếp nhận và trung chuyển lương thực, nên đến cuối tháng 7/1972, Thái Nguyên đã hoàn thành việc tiếp nhận 9055 tấn gạo, 1563 tấn ngô; tiếp chuyển về Trung ương được 6263 tấn gạo, 703 tấn ngô. Trong tháng 8/1972, các trạm tiếp nhận và trung chuyển lương thực Thái Nguyên đã đưa năng suất tiếp nhận lên trung bình 1 nghìn tấn lương thực một ngày.

Giữa lúc công tác tiếp nhận và trung chuyển lương thực của tỉnh đang diễn ra dồn dập, liên tục và tương đối thuận lợi, 11 giờ ngày 28/8/1972, giặc Mỹ huy động 6 tốp

máy bay vào ném bom, bắn phá khu vực xã Dân Chủ (huyện Đồng Hỷ). Do cảnh giác, phát hiện được máy bay địch từ xa nên cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 256 đã nổ súng đánh trả kịp thời. Tại trận địa Đại đội 1 ở khu vực Quán Triều, sau khi tiểu đội trưởng trinh sát Bùi Như Ngà và chiến sĩ trinh sát Nguyễn Văn Sửu phát hiện 1 tốp máy bay F4 từ hướng Tây Bắc bay thẳng vào trận địa, Đại đội trưởng Chu Quang Kỳ bình tĩnh ra lệnh cho trắc thủ đo xa Lưu Văn Thiện xác định chính xác cự ly mục tiêu. Chờ tốp máy bay địch lao vào đến tầm bắn hiệu quả, Đại đội trưởng Chu Quang Kỳ lập tức phát cờ, ra lệnh nổ súng. Từng loạt đạn pháo cao xạ 57mm từ trận địa Đại đội 1 vút lên không trung nổ ròn rã, bủa vây tốp máy bay địch, 1 chiếc F4C trúng đạn, bốc cháy. Đây là chiếc máy bay đầu tiên bị quân và dân Thái Nguyên bắn rơi trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ trên địa bàn tỉnh¹; đồng thời cũng là chiến công đầu

1. Theo "Bắc Thái - Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975", trang 132 và "Thủ đô Hà Nội - Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975", trang 207 thì chiếc máy bay Mỹ đầu tiên bị bắn rơi trên bầu trời Thái Nguyên trong thời kỳ chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ là chiếc F4 bị Tiểu đoàn tên lửa 59 Trung đoàn 261 (thuộc Sư đoàn 361 Phòng không bảo vệ Hà Nội) bắn rơi đầu tháng 6/1972. Nhưng xác minh lại tư liệu thì đầu tháng 6/1972, Tiểu đoàn 59 (Trung đoàn 261, Sư đoàn 361) cơ động lên Yên Bái. Ngày 6/6/1972, tại trận địa Đức Ký (Yên Bái), Tiểu đoàn 59 bắn rơi tại chỗ 1 máy bay tiêm kích F4 (Lịch sử Quân chủng Phòng không, tập 3 trang 125).

tiên của cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn cao xạ 256 kể từ ngày thành lập.

Phát huy thành tích bắn rơi máy bay Mỹ ngày 28/8/1972, trong hai ngày 10 và 13/9/1972, cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 256 lại lập công tiếp, bắn rơi thêm 2 máy bay F4 nữa.

Hai ngày 14 và 21/9/1972, máy bay Mỹ ném xuống Nông trường Sông Cầu và một số khu dân cư nằm trên địa bàn huyện Đồng Hỷ 288 quả bom phá và bom phạt, làm 45 người chết, 51 người bị thương (trong đó một gia đình ở xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ có 7 người, thì 6 người bị chết và bị thương). Tiếp theo, 9 giờ 45 phút ngày 25/9/1972, nhiều tốp máy bay Mỹ lại liên tiếp vào đánh phá các mục tiêu nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên và các huyện Đồng Hỷ, Phú Lương. Tại Kho xăng, dầu Hoá Trung (huyện Đồng Hỷ), máy bay Mỹ ném 50 quả bom phá và bom phát quang xuống khu vực kho, làm 3 cụm bể chứa xăng, dầu bốc cháy dữ dội. Lập tức, dân quân các xã Hoá Trung, Hoá Thượng (huyện Đồng Hỷ), tự vệ Đội phòng cháy, chữa cháy (thành phố Thái Nguyên) và tự vệ Văn phòng Công ty xăng, dầu tỉnh đã kịp thời có mặt cứu, chữa. Đồng chí Đoàn Quý (Chủ nhiệm) và một số cán bộ lãnh đạo Công ty xăng, dầu đã trực tiếp xuống tận hiện trường chỉ đạo khắc phục hậu quả. Nhờ các lực lượng cứu, chữa dũng cảm giành giật từng phi xăng, dầu với ngọn lửa đang cuộn cuộn bốc cao, nên sau hơn 2 giờ, ngọn lửa trong kho đã được dập tắt. Tuy nhiên, do phương tiện chữa cháy có hạn, nên 12 bể chứa 68 tấn xăng, dầu đã bị cháy, đường ô tô ra vào kho

bị hỏng nặng. Sau khi nghe đồng chí Chủ nhiệm Công ty xăng, dầu báo cáo tại kho Hoá Trung vẫn còn một khối lượng lớn xăng, dầu và có thể bị địch tiếp tục đánh phá, đồng chí Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh đã chỉ thị cho ty Giao thông và các ngành có liên quan đưa lực lượng và phương tiện xuống Kho xăng, dầu Hoá Trung phân tán số xăng, dầu nói trên. Thực hiện chỉ thị của đồng chí Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh, Đội 91 thanh niên xung phong điều 50 cán bộ, chiến sĩ; ty Giao thông đưa máy ủi, máy gạt xuống cùng với nhân dân và dân quân các xã Hoá Trung, Hoá Thượng san lấp hố bom, sửa chữa đường để ô tô vào kho chở xăng, dầu đi phân tán. Tối 26/9/1972, đường ra, vào kho đã được sửa chữa xong, kịp thời đảm bảo cho 14 xe téc của Công ty xăng, dầu vào chở xăng, dầu trong kho đi phân tán. Nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ của Uỷ ban hành chính tỉnh và tinh thần trách nhiệm cao đối với tài sản của Nhà nước của cán bộ, công nhân, tự vệ Công ty xăng, dầu, cùng với sự giúp đỡ tận tình của các ngành, các cấp, nên đến ngày 5/10/1972, toàn bộ 350 tấn xăng, dầu còn lại trong Kho xăng dầu Hoá Trung đã được phân tán.

Như vậy, từ cuối tháng 8 đến hết tháng 9/1972, máy bay Mỹ đã ném xuống địa bàn 21 xã thuộc 6 huyện, thành của Thái Nguyên 851 quả bom phá, bom phạt, bom phát quang, làm chết 138 người, bị thương 142 người và phá hỏng nhiều nhà cửa, tài sản của nhân dân. Việc địch tập trung máy bay, bom, đạn tăng cường đánh phá Thái Nguyên chứng tỏ chúng đã phát hiện được Thái Nguyên là nơi tiếp nhận và trung chuyển lương thực, vũ khí,

phương tiện chiến tranh và các loại hàng hoá, vật tư chiến lược khác cho các tỉnh và chiến trường.

Để kịp thời chỉ đạo cơ sở rút kinh nghiệm, hạn chế đến mức thấp nhất tổn thất do máy bay địch đánh phá gây ra, ngày 28/9/1972, Đoàn cán bộ các cơ quan tỉnh (gồm Bí thư và 3 uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, do đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ Hoàng Bắc Dũng dẫn đầu đã xuống kiểm tra, nắm tình hình ở các mỏ than Phấn Mễ, Khánh Hoà và Nông trường Sông Cầu. Qua kiểm tra, Đoàn cán bộ các cơ quan tỉnh đã rút ra kết luận "Các mỏ than Phấn Mễ và Khánh Hoà do công tác chỉ đạo, tổ chức sản xuất phù hợp với thời chiến, có kế hoạch cụ thể phòng, tránh cho công nhân, nên đã hạn chế được thiệt hại do bom, đạn địch gây ra. Trái lại, lãnh đạo Nông trường Sông Cầu không chấp hành nghiêm các chỉ thị, nghị quyết của tỉnh về phòng không, sơ tán; thiếu kiểm tra đôn đốc việc phòng, tránh cho người và gia súc; sự quan tâm cứu trợ các gia đình công nhân bị nạn không được chú trọng, nên khi bị địch đánh phá đã bị thiệt hại nhiều về người và của; trách nhiệm đó thuộc về Đảng bộ và Ban giám đốc Nông trường". Từ kết quả kiểm tra thực tế ở 3 cơ sở trên, ngày 11/10/1972, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra thông báo trong toàn Đảng bộ, nêu lên những bài học kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất và phòng tránh trong điều kiện máy bay địch đánh, phá ác liệt; đồng thời chỉ đạo cho lãnh đạo các cấp, các ngành kịp thời tổ chức rút kinh nghiệm, bổ sung kế hoạch phòng, tránh và sản xuất.

Để giúp đỡ các gia đình bị nạn giảm bớt khó khăn, tháng 9/1972, Uỷ ban hành chính tỉnh đã xuất ngân sách

24.417,40 đồng (tương ứng với 6104kg gạo) trợ cấp cho 166 gia đình bị tai nạn chiến tranh.

Về phía địch, từ đầu tháng 10/1972, trên địa bàn Thái Nguyên, chúng sử dụng máy bay F111-A¹ cánh cụp, cánh xoè đánh phá về ban đêm là chủ yếu. Vào đánh Thái Nguyên, máy bay của địch đã kết hợp chặt chẽ các thủ đoạn bay thấp với bay cao; đánh lẻ, đánh lén với đánh lớn, đánh ồ ạt vào tất cả các loại mục tiêu quân sự, chính trị, dân cư, bệnh viện, kho tàng, nhà máy... với cường độ cao, phạm vi rộng. Do chưa có kinh nghiệm đối phó với thủ đoạn đánh phá ban đêm của địch, nên việc phòng tránh và đánh trả của ta còn nhiều lúng túng và bị nhiều tổn thất. Đêm 15/10/1972, tại xóm Chùa, thôn Phù Lôi, xã Thuận thành (huyện Phổ Yên), một gia đình, để lọt ánh sáng đèn dầu hoả ra ngoài, bị máy bay địch phát hiện, ném xuống 12 quả bom phá, làm 21 người chết, 23 người bị thương, 247 gian nhà của 58 hộ gia đình bị đổ, sập.

Phương thức hoạt động đánh phá ban đêm một cách liên tục, không có qui luật thời gian, với nhiều thủ đoạn phức tạp của máy bay F111-A đã gây tâm lý căng thẳng,

1. F111-A là loại máy bay cường kích được cấu tạo đặc biệt, hiện đại. Cánh của nó có thể cụp, xoè để tăng, giảm tốc độ. Tốc độ trung bình của máy bay F111-A từ 250 mét/giây đến 300 mét/giây. Một máy bay F111-A có thể mang được 10 tấn bom (bằng số bom của 5 chiếc máy bay F4). Đặc biệt, máy bay F111-A có thiết bị tự dẫn bay ở độ cao thấp, trên các địa hình phức tạp, đến ném bom mục tiêu không cần có sự hướng dẫn của hệ thống dẫn đường Lo-ran.

mệt mỏi, làm ảnh hưởng xấu tới sản xuất, chiến đấu và đời sống sinh hoạt của nhân dân và các lực lượng vũ trang ta. Chỉ tính trong tháng 10/1972, máy bay Mỹ đã đánh phá Thái Nguyên 46 trận (có 32 trận đánh đêm), ném 738 quả bom các loại và bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa, làm chết 85 người, bị thương 117 người. (gần bằng 40% số người bị thương, vong từ tháng 5 đến tháng 9/1972).

Để hạn chế đến mức thấp nhất những tổn thất về người và của do máy bay địch đánh phá về ban đêm gây ra, ngày 20/10, Chủ tịch UBHC tỉnh ra "Chỉ thị về công tác phòng không nhân dân". Chỉ thị nêu rõ: "Từ 8 giờ tối hôm trước đến 5 giờ 30 phút sáng hôm sau, nghiêm cấm để ánh sáng lọt ra ngoài; các xe cơ giới chỉ được sử dụng đèn gâm; làm thêm hầm, hào trú ẩn ngay tại nơi ngủ, nơi sản xuất; các tổ cứu thương, tải thương diễn tập theo phương pháp thực hiện nhiệm vụ trong đêm tối. Tất cả các thôn, xã đều phải tổ chức đài quan sát, trực báo động phòng không suốt ngày, đêm". Đối với các lực lượng vũ trang nhân dân, Chỉ thị của Chủ tịch UBHC tỉnh nhấn mạnh: "Phải duy trì chặt chẽ chế độ thường trực chiến đấu; luôn luôn tỉnh táo, cảnh giác, chủ động đánh địch không kể ngày, đêm. Tổ chức các trận địa cơ động, phục kích, đón lõng các đường bay của địch".

Nhờ các phương tiện thông tin đại chúng và cán bộ các ngành, các cấp trong tỉnh tích cực phổ biến, tuyên truyền "Chỉ thị về công tác phòng không nhân dân" của Chủ tịch UBHC tỉnh, nên đã góp phần nâng cao ý thức cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cho nhân dân và lực lượng vũ trang

địa phương, từng bước hạn chế được những thiệt hại do máy bay địch đánh phá ban đêm gây ra. Trong tháng 10/1972, quân và dân Thái Nguyên đã bắn rơi 4 máy bay Mỹ, nâng số máy bay Mỹ bị bắn rơi trên vùng trời Thái Nguyên từ đầu cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai (24/5/1972) đến hết tháng 10/1972 lên 7 chiếc, góp phần bảo vệ và giữ vững mạch máu giao thông, vận tải trên địa bàn tỉnh luôn luôn kịp thời, thông suốt. Cuối tháng 10/1972, trên địa bàn Thái Nguyên, máy bay địch đánh hỏng 1 cầu và 3 đoạn đường sắt dài 100 mét, 2 đoạn đường ô tô dài 60 mét. Cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp từ tỉnh xuống cơ sở đã kịp thời huy động bộ đội, thanh niên xung phong, dân quân, tự vệ và nhân dân ra sửa, chữa, nên chỉ sau 2 ngày, đêm đã đảm bảo thông xe.

Vừa đánh phá giao thông, máy bay địch vừa tập trung đánh phá ác liệt các kho tàng và chân hàng của ta. 8 giờ 33 phút sáng 6/10/1972, máy bay địch ném bom làm cháy Kho lương thực Quán Vuông (huyện Định Hoá) chứa 928 tấn thóc. Không quản nguy hiểm, dân quân, tự vệ và nhân dân xung quanh khu vực đã lao vào cùng với cán bộ, nhân viên Kho lương thực Quán Vuông dập lửa, cứu kho, hạn chế được nhiều tổn thất. Trong số 928 tấn thóc trong kho chỉ có 12 tấn bị cháy và 18 tấn bị kém phẩm chất. Chiều 6/10, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Nguyễn Quang Thâm (Trưởng ty Lương thực) và các đồng chí Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch UBHC huyện Định Hoá, 367 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ các xã Trung Lương, Trung Hội, Đồng Thịnh, Đội 6 Hạt giao thông huyện Định Hoá cùng với 100 cán bộ, công nhân ty Lương thực

đã tập trung đóng bao 898 tấn thóc còn lại trong kho để vận chuyển đi phân tán. Với tinh thần lao động tích cực, khẩn trương, sáng 7/10, toàn bộ số thóc tốt trong Kho lương thực Quán Vương đã được đóng bao và vận chuyển đến nơi an toàn.

Cuộc tiến công chiến lược của quân và dân ta ở chiến trường miền Nam, đặc biệt là ở Quảng Trị, Trung Trung Bộ, Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ đã làm cho chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ có nguy cơ sụp đổ hoàn toàn. Để cứu nguy, đế quốc Mỹ vội vã tăng cường chi viện hỏa lực cho quân nguy Sài Gòn lấn chiếm lại các vùng ta mới giải phóng; đồng thời cho không quân và hải quân đánh phá trở lại miền Bắc. Tuy ở miền Nam chúng có giành giật lại được một số vùng ta mới giải phóng, ở miền Bắc với các đợt ném bom, bắn phá qui mô lớn, chúng có phá huỷ được nhiều cơ sở vật chất của ta, nhưng chúng vẫn không xoay chuyển được cục diện chiến tranh. Những tổn thất nặng nề do bom đạn Mỹ gây ra đã không hề làm cho quân và dân ta nao núng. Những cuộc đánh phá trở lại dữ dội của chúng ở miền Bắc đã không uy hiếp được tinh thần của nhân dân ta, không gây được sức ép với Đảng và Chính phủ ta; hàng hoá, phương tiện chiến tranh từ hậu phương miền Bắc chuyển vào chiến trường miền Nam không những không giảm, mà ngày càng tăng. Trong khi đó cuộc bầu cử tổng thống Mỹ (tháng 11/1972) đang tới gần; dư luận quốc tế và trong nước Mỹ ngày càng phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ Việt Nam. Để lừa bịp dư luận Mỹ và thế giới, để tỏ ra có thiện chí và lấy lòng cử tri Mỹ, Chính quyền Ních Xon tuyên bố chấp nhận

bản dự thảo Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam do phái đoàn ta ở Hội nghị Pa ri chủ động đưa ra đầu tháng 10/1972 và sẽ ký kết vào ngày 31/10/1972; tuyên bố ngừng ném bom, bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra. Mặt khác, chúng lại tập trung máy bay và bom, đạn đánh phá ác liệt địa bàn Quân khu 4 (riêng tháng 11/1972, chúng đã sử dụng tới 1213 lần chiếc máy bay B52 ném bom Quân khu 4). Nhưng ngay sau đó, viện cố những khó khăn từ phía nguy quyền Sài Gòn, đế quốc Mỹ tráo trở đòi sửa đổi một số điều khoản trong bản dự thảo Hiệp định.

Trước tình hình đó, ngày 26/10/1972, Chính phủ ta ra tuyên bố về "Tình hình đàm phán về vấn đề Việt Nam hiện nay", nêu rõ lập trường chính nghĩa, thái độ thiện chí của ta, vạch trần sự tráo trở của chính quyền Mỹ, đòi Mỹ phải nghiêm chỉnh thực hiện những vấn đề đã thoả thuận. Trước tuyên bố của Chính phủ ta, Kít-xinh-giơ cố vấn đặc biệt của phái đoàn Mỹ ở Hội nghị Pa ri mở ngay cuộc họp báo ở Oa-xinh-tơn thừa nhận "Một bản Hiệp định đã thấy trước mắt" và trịnh trọng tuyên bố "Hoà bình đã ở trong tầm tay". Với lòng mong mỏi hoà bình sớm được lập lại ở Việt Nam, nhân dân Mỹ thở phào nhẹ nhõm. Nhưng ngay sau khi Ních - xơn trúng cử tổng thống Mỹ nhiệm kỳ hai, đế quốc Mỹ đã trắng trợn lật lọng, xoá bỏ Hiệp định đã thoả thuận với ta, đòi ta phải sửa chữa lại 126 chỗ trong bản dự thảo Hiệp định mà trước đó chúng đã hoàn toàn nhất trí. Do sự lật lọng của Mỹ, nên Hội nghị Pa ri bế tắc, chiến tranh tiếp diễn và đang đứng trước một sự bùng nổ ác liệt.

Trong khi phá vỡ đàm phán, đế quốc Mỹ bí mật chuẩn bị một cuộc tập kích đường không chiến lược bằng máy bay B52 vào Thủ đô Hà Nội và một số tỉnh, thành miền Bắc nhằm kết thúc chiến tranh trên thế mạnh, buộc ta phải chấp nhận những điều khoản do chúng áp đặt trong văn bản Hiệp định Pa ri. Chúng cấp tốc thành lập Tập đoàn không quân chiến lược số 57 để chỉ huy chung cả hai sân bay U-ta-pao ở Thái Lan và An-đéc-xơn ở đảo Gu-am; lệnh cho hai tàu sân bay In-tơ-Prai-dơ và Xa-ra-tô-ga tiến vào vịnh Bắc Bộ, đưa tổng số tàu sân bay ở vịnh Bắc Bộ lên 5 chiếc; điều thêm 50 máy bay vận tải KC135 làm nhiệm vụ tiếp dầu trên không sang Phi-líp-pin, nâng lực lượng không quân của Mỹ triển khai ở Đông Nam Á lên tới 1192 máy bay (trong đó có 193 máy bay B52, chiếm 48% số máy bay B52 của toàn nước Mỹ).

Nhận rõ bản chất ngoan cố, lật lọng của đế quốc Mỹ, ngay từ cuối tháng 10/1972, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng, Chính phủ, Quân uỷ Trung ương đã liên tiếp chỉ đạo quân và dân miền Bắc, đặc biệt là các lực lượng vũ trang đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi hành động phiêu lưu quân sự của địch.

Ngày 25/11, Quân uỷ Trung ương ra "Chỉ thị tăng cường sẵn sàng chiến đấu", nêu rõ "Chúng ta cần đề phòng địch có thể có những hành động phiêu lưu mới. Chúng có thể ném bom trở lại miền Bắc với mức độ ác liệt hơn trước. chúng có thể liều lĩnh dùng máy bay B52 đánh phá Hà Nội, Hải Phòng, các đầu mối giao thông, các vùng đông dân. Các lực lượng vũ trang, các địa phương phải hết sức đề cao cảnh giác, kiểm tra và hoàn chỉnh

thêm công tác sẵn sàng chiến đấu, phương án tác chiến, kế hoạch phòng tránh và sơ tán".

Căn cứ vào Chỉ thị của Quân uỷ Trung ương và thực tế tình hình mọi mặt trên địa bàn, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc chỉ đạo các địa phương, đơn vị "Tăng cường giáo dục ý thức cảnh giác cho các lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương, chống chiến tranh tâm lý. Các đơn vị bộ đội cao xạ, các tổ phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp của lực lượng dân quân, tự vệ phải ngày, đêm thường trực, sẵn sàng chiến đấu cao, đề phòng địch đánh bất ngờ. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc công tác phòng không, sơ tán; củng cố hầm, hào phòng tránh và công sự chiến đấu".

Quán triệt các chỉ thị trên và trước tình hình từ ngày 22/10 đến 25/11/1972, đế quốc Mỹ liên tiếp cho 11 lần tốp máy bay trinh sát chiến lược SR71 và máy bay trinh sát không người lái vào hoạt động trên vùng trời Thái Nguyên, hai ngày 26 và 30/11/1972, Uỷ ban hành chính tỉnh chỉ thị cho các huyện, thành, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trong tỉnh phải nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, làm tốt công tác phòng không, sơ tán.

Đối phó với tình huống địch dùng máy bay ném bom chiến lược B52 đánh phá các kho tàng, chân hàng, đầu mối giao thông quan trọng và các khu công nghiệp nằm trên địa bàn Thái Nguyên, theo chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, đầu tháng 11/1972, Trung đoàn 256 tách các đại đội 3, 5, 9 pháo cao xạ 100mm ra khỏi các tiểu đoàn 1, 2, 3, về trực thuộc Ban chỉ huy Trung đoàn,

làm nhiệm vụ phối hợp với các lực lượng bộ đội tên lửa và không quân đánh máy bay chiến lược B52.

B52 là loại máy bay ném bom chiến lược của không quân Mỹ, có thể hoạt động trong điều kiện thời tiết phức tạp, ném bom ở độ cao trên dưới 10km. Mỗi máy bay B52 có 15 máy gây nhiễu tích cực, 2 máy gây nhiễu tiêu cực bằng sợi kim loại. Từ khi ra đời (năm 1952), máy bay B52 được Mỹ coi là thứ vũ khí "linh hoạt nhất" trong bộ hạ vũ khí chiến lược (gồm tên lửa chiến lược, tàu ngầm hạt nhân và máy bay ném bom chiến lược B52). Từ năm 1966 đế quốc Mỹ đã sử dụng máy bay B52 đánh, phá miền Bắc. Sau nhiều lần xuất kích mà chưa bị trừng trị, giới quân sự Mỹ cho rằng "B52 có thể đánh bất kỳ mục tiêu nào ở Bắc Việt Nam".

Sau khi đưa các đại đội 3, 5, 9 về trực thuộc Trung đoàn 256, Ban chỉ huy Trung đoàn bổ sung phương án tác chiến, giao cho các đại đội pháo cao xạ 37mm và 57mm đánh các loại máy bay chiến thuật, còn các đại đội pháo cao xạ 100mm tập trung đánh máy bay chiến lược B52. Mỗi đại đội pháo cao xạ 100mm có 6 khẩu đội, 1 máy chỉ huy, 1 máy đo xa và 1 Radar SON-9. Do các Radar SON-9 của cả 3 đại đội 3, 5, 9 đều bị hỏng, các máy chỉ huy chưa kiểm tra, hiệu chỉnh đồng bộ xong, nên Trung đoàn 256 xây dựng phương án sử dụng pháo cao xạ 100mm đánh B52 bằng phương pháp thao tác quay tay, theo các phân tử tính sẵn, bắn dựng màn đạn cố định trên các đường bay của máy bay B52. Trận địa Đại đội 5, bố trí ở xã Quang Vinh, Đại đội 3 bố trí ở Viện điều dưỡng (nay là bệnh viện Lao), Đại đội 9 bố trí ở xã Cam Giá.

Sau khi xây dựng bổ sung phương án đánh máy bay B52, Trung đoàn 256 cử cán bộ về Quân chủng Phòng không - Không quân nghiên cứu, học tập cách đánh B52 bằng pháo phòng không 100mm để về huấn luyện bộ đội. Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân trực tiếp cử cán bộ xuống các đại đội pháo phòng không 100mm của Trung đoàn 256 để hướng dẫn cán bộ, chiến sĩ cách hiệu chỉnh khí tài đánh B52, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh huy động hàng nghìn dân quân, tự vệ ở các huyện Đồng Hỷ, Phổ Yên, Phú Bình và thành phố Thái Nguyên phối hợp với bộ đội củng cố, sửa chữa các trận địa cũ, làm thêm các trận địa mới, làm đường, sửa đường cho xe, pháo phòng không sẵn sàng cơ động đánh địch. Để kịp thời phát hiện máy bay địch từ xa, Trung đoàn 256 thành lập 2 trạm trinh sát nắm địch ở Đèo Khế và Núi Pháo (huyện Đại Từ).

Đầu tháng 12/1972, Tỉnh uỷ, UBHC tỉnh được Ban Thường vụ Khu uỷ, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc điện thông báo: "Theo phán đoán của ta, địch sẽ tiến hành một cuộc tập kích đường không chiến lược nhằm uy hiếp tinh thần nhân dân, phá hoại tiềm lực kinh tế và quốc phòng của miền Bắc; chúng sẽ đánh phá, huỷ diệt kinh tế hòng tạo nên hậu quả tàn phá lớn, khiến ta phải khắc phục lâu dài Với ý đồ đó, đế quốc Mỹ hy vọng buộc ta tiếp tục đàm phán trên thế yếu và hạ thấp một số điều khoản của Hiệp định đã được hai bên thoả thuận"¹ Điện thông báo của Ban Thường vụ Khu uỷ, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt

1 Tài liệu lưu trữ Trung tâm lưu trữ UBND tỉnh Thái Nguyên.

Bắc chỉ rõ nhiệm vụ cho quân và dân Thái Nguyên "Vừa xây dựng, củng cố lực lượng, vừa sơ tán để đánh thắng, sẵn sàng chi viện cho những nơi trọng điểm, vừa làm nhiệm vụ hậu phương với tiền tuyến"¹.

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu, ngày 5/12/1972, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh quyết định thành lập Đại đội 75 dân quân, du kích huyện Đại Từ trang bị các loại súng máy cao xạ 12,7mm và 14,5mm, làm nhiệm vụ cơ động, phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp. Cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh tích cực động viên nhân dân giúp đỡ bộ đội và dân quân, tự vệ nguy trang trận địa, bện rơm thành các tấm chắn bảo vệ người và xe, pháo.

Đến giữa tháng 12/1972, lực lượng vũ trang bảo vệ Thái Nguyên có Trung đoàn cao xạ 256 của Quân khu Việt Bắc, 48 cụm trận địa súng máy cao xạ 12,7mm, 14,5mm và súng đại liên, trung liên, cùng hàng trăm trận địa súng trường, súng máy của bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ. Ngoài ra, còn có các lực lượng cao xạ, tên lửa, không quân của Bộ cơ động lên chiến đấu trên địa bàn tỉnh.

Giữa tháng 12/1972, tình hình diễn biến càng khẩn trương. Ngày 13/12, Kít-xinh-giơ tuyên bố bỏ Hội nghị Pa ri vô thời hạn (thực chất lúc này Tổng thống Mỹ Ních-xơn đã chủ trương sử dụng máy bay chiến lược B52 mở cuộc tập kích đường không chiến lược vào Hà Nội, Hải

1. Tài liệu lưu trữ Trung tâm lưu trữ UBND tỉnh Thái Nguyên.

Phòng và một số tỉnh, thành miền Bắc để giành thế mạnh trước khi đi đến giải pháp chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam có lợi cho Mỹ).

Ngày 14/12, Tổng thống Mỹ gửi điện cho Chính phủ ta, đòi ta trong vòng 72 giờ phải trở lại bàn đàm phán ở Pa ri, nếu không chúng sẽ ném bom trở lại miền Bắc. Đồng thời Ních-xơn cũng ra lệnh cho Bộ chỉ huy không quân chiến lược và chiến thuật chuẩn bị ném bom miền Bắc, thả thêm mìn phong toả cảng Hải Phòng.

Qua gần hai tháng tạm ngừng đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, ngày 17/12/1972, không quân Mỹ ném bom trở lại tỉnh Thái Bình, thả thủy lôi và bắn tên lửa xuống cảng và thành phố Hải Phòng. Điều này càng làm rõ nhận định của ta là địch sẽ đánh phá trở lại miền Bắc, kể cả dùng máy bay chiến lược B52 ném bom Thủ đô Hà Nội. Ngay từ năm 1967, trong một lần làm việc với đồng chí Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: "Sớm muộn đế quốc Mỹ cũng sẽ đưa B52 ra đánh Hà Nội rồi có thua nó mới chịu thua"¹. Điều tiên đoán của Bác sắp trở thành hiện thực. Đó là bước khởi đầu và cũng là thử thách cao nhất của quân và dân miền Bắc trong cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Theo dõi sát diễn biến của địch, 8 giờ sáng ngày 18/12/1972, Bộ Quốc phòng điện nhắc các địa phương và

1. Phùng Thế Tài: Kính dâng Bác chiến công này, Tạp chí lịch sử Quân sự số 24, tháng 12/1987..

đơn vị lực lượng vũ trang cần đặc biệt đề phòng địch dùng máy bay B52 đánh phá các mục tiêu trọng điểm. Các đơn vị cao xạ, tên lửa, không quân phải đầy mạnh sẵn sàng chiến đấu, kịp thời đánh trả máy bay địch; tổ chức tốt việc quan sát, báo động phòng không; phối hợp với công an và nhân dân làm tốt công tác bảo vệ an ninh, bảo vệ tài sản, kho tàng của quân đội và Nhà nước.

10 giờ 15 phút và 10 giờ 45 phút ngày 18/12, địch cho 2 máy bay trinh sát không người lái vào trinh sát Hà Nội và Hải Phòng. Từ 12 giờ trưa ngày 18, hàng loạt máy bay B52, có máy bay chiến thuật yểm trợ từ Guam và Thái Lan, lần lượt xuất kích về hướng Việt Nam. 16 giờ, Bộ Tổng Tham mưu thông báo có 32 máy bay B52 xuất kích từ sân bay An-đéc-xơn (đảo Guam) vào đánh miền Bắc. Tiếp đó, Quân chủng Phòng không - Không quân thông báo "Từ 18 giờ hôm nay B52 sẽ đánh Hà Nội, hướng đánh từ Tây Bắc xuống. Các đơn vị khẩn trương sửa chữa vũ khí, khí tài đang hỏng hóc. Mọi công tác chuẩn bị đánh B52 phải hoàn thành trước 17 giờ".

Tuy thời tiết miền Bắc đêm 18, rạng sáng ngày 19/12 nhiều mây, có mưa nhỏ, trời rét, nhưng tất cả các lực lượng trực chiến phòng không của ta đều đã ở vị trí sẵn sàng chiến đấu cao.

19 giờ 15 phút ngày 18/12, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu phát lệnh báo động máy bay B52 đang bay vào miền Bắc cho Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh, thành miền Bắc. Từ 19 giờ 40 phút tối ngày 18 đến 4 giờ 51 phút sáng ngày 19/12/1972, mở đầu cho cuộc tập kích đường không chiến lược vào thủ đô Hà Nội và các tỉnh

thành khác ở miền Bắc, đế quốc Mỹ huy động 90 lần chiếc máy bay chiến lược B52, 135 lần chiếc máy bay chiến thuật đánh liên tiếp ba đợt vào các sân bay Kép, Nội Bài, Gia Lâm, Hoà Lạc, Yên Bái và các khu vực Đông Anh, Yên Viên, Đức Giang, cơ sở phát sóng của Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam ở Mĩ Trì. Cùng thời gian, trên chúng huy động 28 lần chiếc máy bay của hải quân đánh vào thành phố Hải Phòng. Quyết tâm bảo vệ thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng, các đơn vị bộ đội tên lửa, cao xạ bảo vệ Thủ đô đã đánh đòn phủ đầu, bắn tan xác 3 "siêu pháo đài bay" B52, trong đó có 1 chiếc do Tiểu đoàn tên lửa 59 bắn rơi tại chỗ xuống cánh đồng giữa hai xã Đồng Xuân và Phù Lỗ thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là chiếc máy bay B52 đầu tiên của đế quốc Mỹ bị bắn rơi tại chỗ trên chiến trường Đông Dương.

Tại Thái Nguyên, trong hai ngày 18 và 19/12, giặc Mỹ cho máy bay F111-A và máy bay F4 bắn tên lửa xuống các xã Đoàn Kết (huyện Đại Từ) và Hợp Thành, (huyện Phổ Yên).

Đêm 19/12, địch tiếp tục huy động 87 lần chiếc máy bay ném bom chiến lược B52 và 163 lần chiếc máy bay chiến thuật vào đánh phá Hà Nội, Hải Phòng. Quân và dân Hà Nội lại thắng lớn, bắn rơi tiếp 2 "Siêu pháo đài bay" B52. Tại Thái Nguyên, đêm 19, rạng 20/12, địch cho nhiều tốp máy bay F111-A cánh cụp, cánh xoè và các loại máy bay chiến thuật khác vào quần đảo, gây nhiễu, ném bom một số điểm ngoại vi thành phố Thái Nguyên. 4 giờ 30 phút sáng 20/12, địch huy động 5 tốp máy bay B52 và nhiều máy bay cường kích chiến thuật vào ném ô ạt gần

1000 quả bom xuống 10 điểm ở khu Bắc thành phố Thái Nguyên. Tiếp đó, từ 23 giờ 40 phút đêm 20 đến 1 giờ 15 phút sáng 21/12, địch lại huy động 5 tốp máy bay B52 nữa vào ném bom tiếp tục huỷ diệt khu Bắc thành phố Thái Nguyên.

Tuy các lực lượng vũ trang Thái Nguyên cùng với các lực lượng phòng không của Bộ và Quân khu đã nổ súng đánh trả rất quyết liệt, nhưng phần vì hỏa lực hạn chế, phần vì chưa có kinh nghiệm, nên không bắn rơi được máy bay địch. Bom đạn do máy bay B52 của giặc Mỹ ném xuống đã gây cho nhân dân thành phố Thái Nguyên nhiều tổn thất to lớn về người và của; đã huỷ diệt vùng dân cư tiểu khu Thống Nhất và các hợp tác xã nông nghiệp Quang Tiến, Quyết Tiến (thuộc xã Quang Vinh), Nhất Tâm (thuộc xã Đồng Bẩm), Tân Long (thuộc xã Tân Long), các trường phổ thông cấp I xã Quang Vinh, cấp II Hoàng Văn Thụ, cấp III vừa học, vừa làm, Trung cấp y sĩ Việt Bắc, Đại học sư phạm Việt Bắc. Đặc biệt, tại khu tập thể công nhân Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, máy bay B52 của giặc Mỹ đã trút xuống gần 200 quả bom phá, làm 31 người chết, 4 người bị thương, trên 40 nóc nhà bị phá huỷ; gia đình ông Vũ Kim Nhiên có 8 người, chết 7 (chỉ còn 1 người con đi học ở trường vừa học, vừa làm là còn sống sót); gia đình anh Hoàng Văn Tụ chết hết cả mẹ, vợ, chồng, con và 1 người bạn; gia đình vợ, chồng anh Nguyễn Kim Đăng chết 5 người (gồm chồng và 4 con), chỉ còn lại người vợ bị thương nặng. Trận bom do máy bay B52 ném lúc 4 giờ 30 phút sáng 20/12 xuống xã Cao Ngạn đã làm 19 người bị chết, 14 người bị thương; xuống Xí

nghiệp gạch Tân Long làm thương, vong 11 người (có 10 người chết).

Nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tổn thất do máy bay B52 ném bom rải thảm gây ra, ngày 21/12/1972, UBHC tỉnh chỉ thị cho các huyện, thành, cơ quan, đơn vị

1 - Đôn đốc các cơ quan, xí nghiệp, trường học, cửa hàng.... kiểm tra lại hầm hào, nếu chưa đảm bảo đủ số lượng và chất lượng thì cho tạm nghỉ sản xuất, học tập để làm cho đủ.

2 - Đối với các xí nghiệp không thể tạm ngừng sản xuất thì phải dành riêng một số nhân lực để làm hầm, hào.

3 - Ở các nơi công cộng bến xe, bến chợ.... phải có đủ hầm hào phòng, tránh cho người qua lại.

4 - Phải phân tán nhỏ các chợ, các cửa hàng bách hoá, lương thực, thực phẩm....

5 - củng cố lại hệ thống trinh sát, báo động phòng không.

Thực hiện chỉ thị của UBHC tỉnh, UBHC các huyện Phổ Yên, Đồng Hỷ, Đại Từ, thành phố Thái Nguyên, đã cử cán bộ xuống cơ sở trực tiếp đôn đốc, kiểm tra công tác phòng không, sơ tán.

Nhằm tập trung hỏa lực pháo cao xạ 100mm đánh máy bay B52, Ban chỉ huy Trung đoàn 256 quyết định chuyển Đại đội 9 từ trận địa Cam Giá lên trận địa Túc Duyên để cùng với Đại đội 3 ở Viện điều dưỡng và Đại đội 5 ở Quang Vinh phối hợp chiến đấu. Để có đủ trận địa cho

Đại đội 9 kịp thời triển khai chiến đấu, theo đề nghị của Ban chỉ huy Trung đoàn 256, UBHC tỉnh đã ra lệnh huy động dân quân, tự vệ thành phố Thái Nguyên và huyện Đồng Hỷ làm nhiệm vụ đào đắp, sửa chữa, củng cố trận địa Túc Duyên; Ban giám đốc Mỏ than Khánh Hoà điều xe vận tải kéo 6 khẩu pháo cao xạ 100mm từ trận địa Cam Giá lên trận địa Túc Duyên.

Chấp hành lệnh của UBHC tỉnh, ngày 22/12, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã huy động hơn 1000 dân quân, tự vệ ở thành phố Thái Nguyên và huyện Đồng Hỷ ra phối hợp với bộ đội đào đắp, củng cố các ụ pháo ở trận địa Túc Duyên và sửa chữa đường để xe ô tô vận tải kéo pháo vào trận địa. Sáng 23/12, Ban giám đốc Mỏ than Khánh Hoà đã điều 4 xe vận tải Kra và Uran kéo 6 khẩu pháo cao xạ 100mm từ trận địa Cam Giá lên trận địa Túc Duyên an toàn. Chiều 23/12, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 9 (Trung đoàn 256) đã hoàn thành việc chiếm lĩnh trận địa và triển khai chiến đấu ở Túc Duyên.

Trưa và chiều 23/12, nhiều tốp máy bay chiến thuật Mỹ lại tiếp tục vào ném bom xuống các khu dân cư Chùa Hang và Chiến Thắng (thuộc xã Đồng Bẩm).

Chiều 24/12, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc ra lệnh cho Trung đoàn 256 "sẵn sàng chiến đấu đánh B52". Chấp hành lệnh của Bộ Tư lệnh Quân khu, Đại úy Đồng Quốc Huệ (Trung đoàn phó) dẫn đầu đoàn cán bộ các cơ quan Tham mưu, Chính trị xuống các đại đội 3,5,9 kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Cán bộ, chiến sĩ các đại đội 3, 5, 9 mở hội nghị quân

nhân bàn biện pháp và quyết tâm bắn rơi máy bay B52, trả thù cho nhân dân thành phố Thái Nguyên bị bom Mỹ giết hại và chia lửa với thủ đô Hà Nội. Khẩu hiệu "Quyết tâm bắn rơi máy bay B52 của giặc Mỹ" đã được cán bộ, chiến sĩ các đại đội 3, 5, 9 quán triệt sâu sắc và biến thành hành động cụ thể trong trực chiến sẵn sàng chiến đấu và trong bảo quản, bảo dưỡng vũ khí, khí tài ...

19 giờ 45 phút tối 24/12, ngay sau khi các trạm trinh sát ở Đèo Khế và Núi Pháo (Đại Từ) báo cáo về "có máy bay B52 từ các hướng Tây, Tây Bắc bay vào thành phố Thái Nguyên theo trục Đường 13A", lập tức, Trung đoàn phó Trung đoàn 256 Đại úy Đồng Quốc Huệ ra lệnh cho các đại đội 3, 5, 9 tập trung hỏa lực chuẩn bị đánh B52 theo phương án bắn dựng màn đạn cố định bằng ngòi nổ định sẵn ở độ cao từ 10km đến 12km.

Từ 19 giờ 55 phút ngày 24 đến 0 giờ 5 phút ngày 25/12, giặc Mỹ huy động 34 máy bay B52 và gần 40 máy bay chiến thuật ồ ạt vào ném hơn 700 quả bom các loại xuống khu Nam thành phố Thái Nguyên. Thảm bom B52 của giặc Mỹ đã kéo thành 3 vệt dài, vệt thứ nhất từ Bệnh viện Điều dưỡng đến Hợp tác xã cơ khí Hồng Hà; vệt thứ hai từ xóm Cầu Thông (xã Tích Lương) qua Xí nghiệp cơ khí 19/5 - khu tập thể Công ty Xây Lấp - Bệnh viện Gang thép đến Nhà máy cán thép Gia Sàng; vệt thứ ba từ trường Đại học cơ điện Việt Bắc (nay là trường Đại học Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên) qua ga Lưu Xá đến xưởng Gang.

Mặc dù thời tiết xấu, trời tối, đánh địch trong điều kiện không có khí tài điều khiển, khí tài quan sát máy

bay địch ban đêm lại có nhiều hạn chế, nhưng cán bộ, chiến sĩ các đại đội 3, 5, 9 vẫn bình tĩnh kiên trì, bám trận địa, sẵn sàng trên mâm pháo chờ địch. Khi tốp máy bay B52 của địch bay vào tới tầm bắn hiệu quả, từ Sở chỉ huy Trung đoàn 256, Trung đoàn phó, Đại úy Đồng Quốc Huệ lập tức ra lệnh cho các đại đội pháo cao xạ 100mm đồng loạt nổ súng, tập trung hỏa lực đánh máy bay B52. Bầu trời thành phố Thái Nguyên sáng rực bởi lửa đạn của súng, pháo phòng không các loại. Tiếng bom địch, tiếng đạn pháo cao xạ của ta nổ vang rền, rung chuyển cả một vùng.

Tại trận địa Đại đội 5 ở xã Quang Vinh (thành phố Thái Nguyên), sau khi nhận được thông báo về hướng, cự li của máy bay địch và lệnh nổ súng đánh máy bay B52 của Ban chỉ huy Trung đoàn, Đại đội trưởng Nguyễn Công Tuấn đã bình tĩnh chỉ huy cả 6 khẩu đội tập trung bắn đồng loạt vào từng tốp máy bay B52 của địch. Trong khói đạn mịt mù, trung sĩ Giá Văn Tường (Khẩu đội trưởng Khẩu đội 3) vừa chỉ huy Khẩu đội bắn theo lệnh của Đại đội trưởng, vừa làm pháo thủ thay chiến sĩ bị thương. Chiến sĩ Vũ Đình Chiến, dáng người nhỏ bé, thư sinh, vừa rời ghế nhà trường vào bộ đội được 3, 4 tháng, thoăn thoắt như con thoi, vác từng quả đạn pháo cao xạ 100mm nặng bằng trọng lượng của cơ thể mình, chuyên cho đồng đội. Chiến sĩ Trần Quốc Hùng, nhận được tin gia đình bị bom Mỹ đánh trúng, nhà bị đổ, hầm bị sập, em ruột bị thương nặng, vẫn bình tĩnh bám trận địa chiến đấu hết trận này đến trận khác...

21 giờ 50 phút đêm 24/12, Đài quan sát địch ở Đèo Khế (Đại Từ) báo cáo về Sở chỉ huy Trung đoàn 256 "một máy bay B52 bị cháy bay về phía Tây".

Pháo cao xạ 100mm của Quân khu Việt Bắc ở Thái Nguyên đánh trả quyết liệt, bắn rơi 1 máy bay B52.

Chiến công bắn rơi 1 "Siêu pháo đài bay" B52 của đế quốc Mỹ đêm 24/12 là chiến công đầu của quân và dân Thái Nguyên trong chiến dịch chống cuộc tập kích đường không chiến lược của đế quốc Mỹ 12 ngày, đêm cuối tháng 12/1972. Chiến công này đã góp phần cùng với quân và dân thủ đô Hà Nội đập tan đợt I, cuộc tập kích đường không chiến lược vào Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh, thành miền Bắc.

Do bị thất bại nặng nề và lấy có nghi lễ Nô en, từ 0 giờ ngày 25/12, địch tạm ngừng cuộc tập kích để củng cố lực lượng, ổn định tinh thần bọn giặc lái và rút kinh nghiệm, tìm thủ đoạn đánh mới.

Giai đoạn một của chiến dịch phòng không kết thúc. Qua bảy ngày chiến đấu kiên cường, dũng cảm, quân và dân Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh, thành khác ở miền Bắc đã bắn rơi 53 máy bay địch (có 18 máy bay B52, 5 máy bay F111), trong đó quân và dân Thái Nguyên đã bắn rơi 1 máy bay ném bom chiến lược B52.

Với tinh thần "thắng không kiêu, bại không nản", tranh thủ thời gian địch ngừng đánh phá, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng phòng không bảo vệ Thái Nguyên đã khẩn trương rút kinh nghiệm, tìm cách đánh, kịp thời ứng phó với các thủ đoạn đánh phá nham hiểm và các

loại vũ khí trang bị hiện đại, tối tân của địch. Các đơn vị khẩn trương củng cố, bổ sung lực lượng, vũ khí; sửa chữa công sự, bồi dưỡng sức chiến đấu, sẵn sàng vào trận mới. Các cơ sở bị địch đánh phá nhanh chóng khắc phục hậu quả; triệt để sơ tán, dân dân ra khỏi các khu vực trọng điểm đánh phá của địch. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo các cơ quan quân sự huyện, thành và Ban chỉ huy tự vệ các cơ quan, xí nghiệp tổ chức bố trí lại các trận địa súng máy cao xạ, đại liên, trung liên, súng trường v.v của dân quân, tự vệ, đáp ứng yêu cầu phục kích, đón lõng, bắn máy bay địch bay thấp. Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc quyết định thành lập Tiểu đoàn cao xạ 37mm của tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên đặt dưới sự chỉ huy chiến đấu trực tiếp của Ban chỉ huy Trung đoàn 256.

Chiều 25/12, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc điện cho Ban chỉ huy Trung đoàn 256 và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh: "từ tối 25/12, tất cả cán bộ, chiến sĩ, vũ khí, khí tài trực chiến phòng không của bộ đội và dân quân, tự vệ phải sẵn sàng chiến đấu 100%. Các loại pháo, súng máy phòng không tập trung đánh máy bay F111 và các loại máy bay chiến thuật khác. Các đại đội cao xạ 100mm tham gia đánh máy bay chiến lược B52".

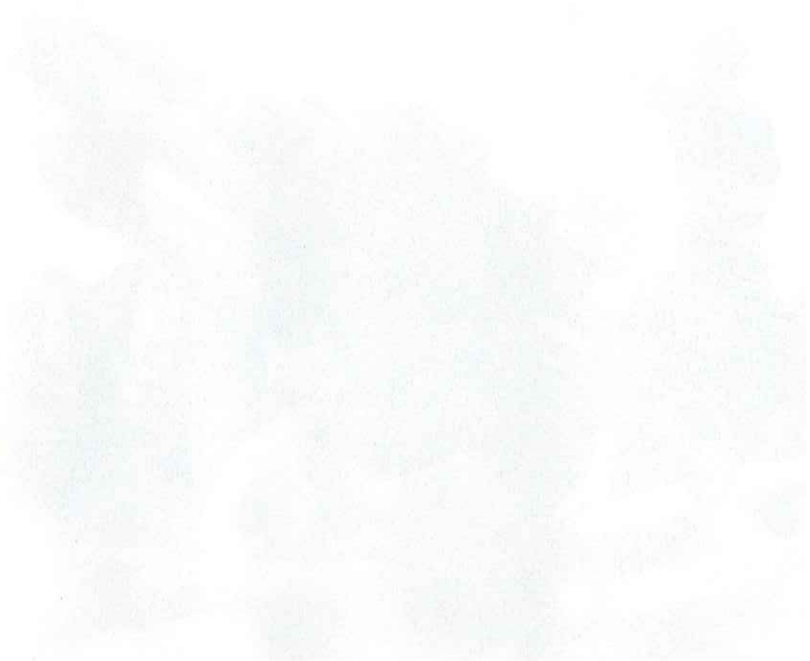
11 giờ trưa 26/12, địch huy động nhiều tốp máy bay F111 và F4 vào ném bom khu vực Chùa Hang (xã Đồng Bẩm, huyện Đồng Hỷ). Các đơn vị bộ đội pháo cao xạ 37mm, 57mm của Trung đoàn 256 cùng với các trận địa súng máy cao xạ 14,5mm và 12,7mm của dân quân, tự vệ thành phố Thái Nguyên và huyện Đồng Hỷ đã đánh trả rất quyết liệt.

Từ 22 giờ 5 phút đêm 26/12, địch sử dụng 110 lần chiếc máy bay chiến thuật, hộ tống cho 105 lần chiếc máy bay B52, đánh ô ạt, liên tục, đồng thời từ nhiều hướng và đánh tập trung một đợt vào nhiều mục tiêu trên cả 3 khu vực Hà Nội, Hải Phòng và Thái Nguyên. Tại Thái Nguyên, địch cho 21 máy bay B52, có nhiều tốp máy bay chiến thuật hộ tống, ô ạt vào ném gần 600 quả bom phá xuống huỷ diệt ba khu vực rộng lớn ở thành phố Thái Nguyên: khu vực thứ nhất từ bến đò Ngọc Lâm (sông Cầu) đến xóm Dân Tiến (xã Túc Duyên); khu vực thứ hai từ Trại Bầu (xã Gia Sàng) đến sân vận động khu Gang thép; khu vực thứ ba từ Núi Đỏ đến đồi Độc Lập. Cùng với máy bay B52 ném bom rải thảm, máy bay F 111 của Mỹ đã ném 48 quả bom phá cỡ lớn xuống khu vực cầu Trà Vườn và các trận địa phòng không của dân quân các xã Cúc Đường (Võ Nhai), Phú Sơn (Đại Từ). Cả thành phố Thái Nguyên và vùng phụ cận rung chuyển do bom Mỹ nổ.

Trút căm thù lên nòng pháo, không quân trời tối, mưa phùn, gió rét, cán bộ, chiến sĩ các đại đội 3, 5, 9 (Trung đoàn 256) đã cùng bắn cấp tập từng đợt, mỗi đợt 18 loạt đạn pháo 100mm vào các tốp máy bay B52 của địch, trong đó các loạt đạn pháo 100mm của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 5 ở trận địa xã Quang Vinh đã đạt hiệu xuất chiến đấu cao, quật ngã tiếp một "Siêu pháo đài bay" B52 nữa của đế quốc Mỹ, góp phần nâng số máy bay B52 của Mỹ bị bắn rơi ở Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên đêm 26/12 lên 8 chiếc. Với chiến công mới này, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 5 (Trung đoàn 256) đã được Chính phủ tặng



Một trong những khẩu đội pháo cao xạ 100mm thuộc Đại đội 5 (Trung đoàn 256) - Đơn vị bắn rơi 2 máy bay B52 của giặc Mỹ đêm 24 và đêm 26-12-1972.



1911
1912
1913
1914
1915
1916
1917
1918
1919
1920
1921
1922
1923
1924
1925
1926
1927
1928
1929
1930
1931
1932
1933
1934
1935
1936
1937
1938
1939
1940
1941
1942
1943
1944
1945
1946
1947
1948
1949
1950
1951
1952
1953
1954
1955
1956
1957
1958
1959
1960
1961
1962
1963
1964
1965
1966
1967
1968
1969
1970
1971
1972
1973
1974
1975
1976
1977
1978
1979
1980
1981
1982
1983
1984
1985
1986
1987
1988
1989
1990
1991
1992
1993
1994
1995
1996
1997
1998
1999
2000
2001
2002
2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025

thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba và Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà Tôn Đức Thắng tặng lẵng hoa.

Trước tình hình máy bay B52 của địch đánh phá ác liệt, ném bom rải thảm nhiều nơi trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, ngày 27/12, Ủy ban hành chính tỉnh quyết định chuyển địa điểm làm việc của Ban chủ nhiệm phòng không nhân dân thành phố Thái Nguyên đến hầm địa đạo Kô Kê. Hầm địa đạo Kô Kê nằm trên địa bàn khu phố Phan Đình Phùng (thành phố Thái Nguyên) được đưa vào sử dụng từ ngày 18/10/1972. Trước đó, để đảm bảo việc lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất và chiến đấu trong điều kiện có chiến tranh phá hoại ác liệt, ngày 25/4/1972, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã quyết định xây dựng 4 đường hầm địa đạo ở núi Kô kê để các đồng chí lãnh đạo tỉnh làm việc. Thực hiện quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ủy ban hành chính tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo thi công đường hầm núi Kô Kê do các đồng chí Lý Văn Tần (Trưởng ban thiết kế cơ bản tỉnh) làm Trưởng ban, Đỗ Xuân Lộc (Phó thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh) và Nghiêm Xuân Đạo (Phó Bí thư Tỉnh Đoàn, Đội trưởng Đội 91 thanh niên xung phong) làm Phó ban. Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo là tổ chức lực lượng thi công hầm địa đạo Kô Kê đảm bảo nhanh, gọn, an toàn. Từ ngày 28/4/1972, Đội 91 TNXP, Công ty xây lắp kiến trúc, Xí nghiệp đá núi Hột; Công ty gang thép Thái Nguyên, 1 tổ thợ lò của mỏ than Phấn Mễ, có sự giúp đỡ của phòng Công binh Quân khu Việt Bắc ... đã thi công xây dựng đường hầm địa đạo Kô kê. Khắc phục những khó khăn về nơi ăn, ở; vượt qua

các thiếu thốn về lương thực, thực phẩm, dụng cụ thi công, ánh sáng, cán bộ, chiến sĩ, công nhân ... các đơn vị thi công hầm địa đạo Kô Kê đã tổ chức làm 3 ca liên tục. Sau 60 ngày liên tục làm việc, các đơn vị đã đào 1281 mét khối đất, đá, hoàn thành việc đào đường hầm vào lòng núi Kô Kê với tổng chiều dài 141 mét; làm 6 buồng hầm làm việc cho lãnh đạo Tỉnh uỷ và Uỷ ban hành chính tỉnh. Theo yêu cầu của Ban chỉ đạo, ty Lâm nghiệp đã tổ chức khai thác, cung cấp kịp thời cho các đơn vị thi công hầm địa đạo Kô Kê 60 mét khối gỗ chống lò, 20 mét khối gỗ chèn đường hầm. Ngày 18/10/1972, hầm địa đạo Kô Kê đã hoàn thành.

Nhờ có hầm địa đạo đồi Kô kê nên trong những ngày cuối tháng 12/1972, trong điều kiện máy bay của giặc Mỹ đánh phá ác liệt, B52 ném bom rải thảm, huỷ diệt nhiều nơi trên địa bàn Thành phố, mà các đồng chí lãnh đạo Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính và các cơ quan, ban, ngành của tỉnh vẫn có nơi làm việc an toàn, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo quân, dân trong tỉnh chiến đấu và sản xuất thắng lợi.

Càng thất bại nặng nề, giặc Mỹ càng điên cuồng cho máy bay đánh phá ác liệt Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên và một số tỉnh, thành khác của miền Bắc. Tại Thái Nguyên, đêm 27/12, máy bay F111 ném 8 quả bom phá cỡ lớn xuống Nhà máy điện Thái Nguyên; đêm 28/12, máy bay F4C lại ném tiếp 64 quả bom phá và bom phạt xuống hai xã Linh Sơn và Quang Trung (huyện Đồng Hỷ); đêm 29/12, giặc Mỹ huy động 33 máy bay B52 tiếp tục ném 580 quả bom phá xuống khu vực từ Trại Cà đến

thị trấn Trại Cau, làm thành 3 vệt bom có chiều dài từ 800 mét đến 5000 mét, rộng từ 100 mét đến 1000 mét. Đây là trận ném bom cuối cùng của máy bay B52 Mỹ xuống Thái Nguyên.

Từ đánh nhỏ đến đánh lớn, đánh cả ban ngày, lẫn ban đêm, đánh liên tục và dữ dội, mà vẫn không đạt được mục đích mong muốn, ngược lại, tổn thất về máy bay, nhất là về máy bay ném bom chiến lược B52 quá lớn, giặc Mỹ không thể kéo dài hơn nữa cuộc tập kích đường không chiến lược vào Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên và một số tỉnh, thành khác của miền Bắc. 7 giờ sáng ngày 30/12, Tổng thống Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và đề nghị gặp lại đại diện của Chính phủ ta tại Pa ri để bàn việc ký kết Hiệp định.

Cuộc tập kích đường không chiến lược qui mô lớn bằng máy bay ném bom chiến lược B52 của đế quốc Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên... kéo dài 12 ngày, đêm cuối tháng 12 năm 1972 đã kết thúc. Trong cuộc tập kích đường không chiến lược này, đế quốc Mỹ đã huy động tới 193 máy bay ném bom chiến lược B52 (chiếm 48% tổng số máy bay B52 của toàn nước Mỹ), 1000 máy bay chiến thuật của cả không quân và hải quân; trong đó máy bay B52 xuất kích 663 lần chiếc, máy bay chiến thuật xuất kích bảo vệ B52 và đánh các trận địa phòng không và mục tiêu nhỏ lẻ tới 3920 lần chiếc. Trong cuộc tập kích này giặc Mỹ huy động cả 1 liên đội máy bay F111A cánh cụp, cánh xoè, xuất kích mỗi ngày, đêm từ 10 đến 25 lần chiếc, hoạt động xen kẽ giữa các đợt đánh phá của máy bay B52.

Trên địa bàn Thái Nguyên, giặc Mỹ huy động 69 lần chiếc máy bay ném bom chiến lược B52, 170 lần chiếc máy bay chiến thuật, ném 2826 quả bom các loại xuống 61 mục tiêu (trong đó 34 mục tiêu kinh tế, 5 mục tiêu giao thông, 4 mục tiêu quân sự). Bom, đạn do máy bay Mỹ trút xuống Thái Nguyên trong chiến dịch tập kích đường không chiến lược 12 ngày, đêm cuối tháng 12 năm 1972 đã gây rất nhiều tội ác đối với nhân dân các dân tộc Thái Nguyên. Với 2826 quả bom các loại do máy bay Mỹ ném xuống Thái Nguyên đã làm 309 người dân vô tội bị chết, 78 người khác bị thương, nhiều nhà cửa, kho tàng, xí nghiệp, trường học đê điều bị phá huỷ. Riêng địa bàn thành phố Thái Nguyên, máy bay B52 của địch đã ném bom làm chết 264 người, bị thương 102 người (trong số 264 người chết có 134 nam và 131 nữ; 131 cán bộ, công nhân, viên chức và 135 nhân dân; 44 trẻ em dưới 15 tuổi; 24 gia đình có từ 3 người đến 10 người bị chết. Trong số 102 người bị thương có 57 nam, 45 nữ; 42 người là cán bộ, công nhân, viên chức; 28 người là trẻ em dưới 15 tuổi). Toàn thành phố Thái Nguyên có 1805 gian nhà bị phá huỷ, 49 con trâu, bò, 183 con lợn bị chết, 200 sào lúa, 5550kg thóc giống bị phá huỷ.

Xí nghiệp Cơ khí 19/5 (thuộc Bộ Cơ khí - Luyện kim), diện tích chỉ có 1000 mét vuông (gồm nhà máy chính, nhà kho, nhà ăn, bãi để xe), nhưng máy bay B52 Mỹ đã ném xuống tới 125 quả bom phá, gây thiệt hại cho Xí nghiệp hơn 433.750 đồng, làm 15 người bị chết.

Công ty than Việt Bắc bị trúng bom B52, thiệt hại hơn 33.862 đồng; Nông trường Sông Cầu bị máy bay F111 của

địch đánh đi, đánh lại nhiều lần, tổng thiệt hại lên tới 672.883 đồng. Đặc biệt, máy bay Mỹ đã ném 20 quả bom phá xuống tuyến đê sông Cầu nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên (đoạn từ ga Lưu Xá tới đập Thác Huống), có 6 quả trúng giữa thân đê, 14 quả còn lại trúng từ 1/3 đến 1/4 thân đê và chân đê.

Thực hiện lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do, đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn", với khí thế quật khởi của một dân tộc anh hùng, trong 12 ngày đêm cuối tháng 12 năm 1972, quân và dân Thái Nguyên đã cùng với quân và dân Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh thành khác của miền Bắc bắn rơi 81 máy bay Mỹ, trong đó có 34 máy bay ném bom chiến lược B52, 5 máy bay F111 cánh cụp, cánh xoè; 40 tên giặc lái máy bay Mỹ (trong đó có 34 tên giặc lái máy bay B52) bị bắt sống, nhiều tên khác bị tiêu diệt và mất tích. Trong số 34 máy bay B52 của giặc Mỹ bị quân và dân miền Bắc bắn rơi trong chiến dịch phòng không 12 ngày đêm cuối tháng 12 /1972, có 2 chiếc do quân và dân Thái Nguyên bắn rơi bằng pháo cao xạ 100mm trong điều kiện không có khí tài điều khiển, góp phần cùng với quân và dân thủ đô Hà Nội và thành phố cảng Hải Phòng làm nên một "Điện Biên Phủ" trên không chấn động địa cầu.

Với cuộc tập kích đường không chiến lược dùng máy bay B52 đánh vào Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên..., đế quốc Mỹ định đánh ta bất ngờ, nhưng chính chúng lại bị

bất ngờ. Chúng bất ngờ vì số lượng máy bay B52 bị bắn rơi nhiều. Chính Tổng thống Mỹ Ních- xon đã thú nhận trong hồi ký của mình "Điều lo ngại chính của tôi trong tuần lễ ném bom đầu tiên không phải là những đợt phản đối gay gắt ở trong nước và thế giới, điều này đã được dự tính, mà chính là thiệt hại nặng nề về B52". Đặc biệt là chúng bất ngờ về tinh thần bình tĩnh, vững vàng của quân và dân miền Bắc (trong đó có quân và dân Thái Nguyên) trước đạn, bom ác liệt của cuộc tập kích.

Trong chiến dịch phòng không 12 ngày, đêm cuối tháng 12/1972, bên cạnh chiến công bắn rơi 2 chiếc "Siêu pháo đài bay" B52, quân và dân Thái Nguyên còn giành được nhiều thành tựu to lớn trên mặt trận giao thông, vận tải, tiếp nhận và trung chuyển lương thực, hàng hoá, chi viện chiến trường.

Ngay từ đêm 18/12, khi máy bay chiến lược B52 của giặc Mỹ ném bom rải thảm xuống Hà Nội, Hải Phòng, thì tại hai chân hàng ga Lưu Xá và ga Quán Triều, các lực lượng bộ đội, thanh niên xung phong, dân quân, tự vệ và giao thông vận tải Thái Nguyên vẫn bình tĩnh, dũng cảm giải toả lương thực, hàng hoá. Ngày và đêm 20, rạng ngày 21/12, máy bay B52 ném bom rải thảm xuống khu vực Bắc thành phố Thái Nguyên, việc giải toả lương thực, hàng hoá, ở hai chân hàng ga Lưu Xá và ga Quán Triều trở nên hết sức cấp bách. Sáng 23/12, Phó Thủ tướng Chính phủ Đỗ Mười, Trưởng ban đảm bảo giao thông vận tải Trung ương chỉ thị cho Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh phải "Tổ chức ca, kíp, tập trung lực lượng, phương tiện để giải toả hàng hoá ở các

kho, chân hàng nằm trong khu vực trọng điểm đánh phá của địch"

Chấp hành chỉ thị của Phó Thủ tướng Chính phủ, ngay chiều 23/12, tại hầm địa đạo Kô Kê, đồng chí Lê Quảng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch kiêm Trưởng ban đảm bảo giao thông vận tải tỉnh đã họp khẩn cấp với lãnh đạo các ngành Quân sự, Công an, Giao thông vận tải và Đội 91 TNXP bàn biện pháp giải toả lương thực, hàng hoá ở các chân hàng nằm trong khu vực trọng điểm đánh phá của địch. Sau khi nghe lãnh đạo các ngành phát biểu, thay mặt UBHC tỉnh, đồng chí Lê Quảng quyết định:

- Tập trung lực lượng thanh niên xung phong và dân quân, tự vệ khu vực thành phố Thái Nguyên và toàn bộ phương tiện vận tải của ty Giao thông vào việc giải toả 19.923 tấn lương thực, hàng hoá đang tồn đọng ở hai chân hàng ga Lưu Xá và ga Quán Triều.

- Việc giải toả chỉ làm vào ban ngày, ban đêm các lực lượng giải toả phải rút ra xa các khu vực trọng điểm đó.

Thực hiện quyết định của UBHC tỉnh, 21 giờ đêm 23/12, Ban chỉ huy Đội 91 TNXP điều 40 cán bộ, đội viên Đại đội 912 xuống ở trường Đại học Cơ điện để 7 giờ sáng ngày 24/12 bắt đầu làm nhiệm vụ giải toả hàng hoá. Tiếp đó, sáng 24/12, đồng chí Nghiêm Xuân Đạo (Đội trưởng Đại đội 91 TNXP), điều 66 cán bộ, đội viên Đại đội 915 xuống ga Lưu Xá làm nhiệm vụ giải toả lương thực và hàng hoá. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ giải toả hàng hoá trong ngày, do chủ quan cho rằng đêm 24 (trước Nô en) máy

bay địch không đánh, nên đồng chí Nguyễn Thế Cường, Đội phó Đội 91, (trực tiếp chỉ huy lực lượng TNXP giải toả hàng hoá ở ga Lưu Xá) cùng 66 cán bộ, đội viên Đại đội 915 và 2 nhân viên thủ kho lương thực Lưu Xá đã không rút về trường Đại học Cơ điện theo qui định của UBHC tỉnh, mà lại tự ý rút về nghỉ tại Bệnh viện Gang thép. Vào lúc 19 giờ 55 phút, khi cán bộ, đội viên Đại đội 915 chưa kịp ăn cơm, thì máy bay B52 của địch đã đến ném bom rải thảm xuống trúng khu vực hai hầm trú ẩn, làm 100% cán bộ, chiến sĩ Đại đội 915 và 2 nhân viên thủ kho lương thực Lưu Xá bị thương, vong. Do vị trí nghỉ ở ngoài khu vực qui định của UBHC tỉnh và Ban chỉ huy Đội 91, nên mãi hơn 22 giờ đêm 24/12, đồng chí Nghiêm Xuân Đạo và các đồng chí y sĩ, y tá Đội 91 mới tìm thấy nơi trú ẩn của Đại đội 915. Vì không được cấp cứu kịp thời nên nhiều đồng chí bị thương đã dẫn đến tử vong, nâng số cán bộ, chiến sĩ TNXP và thủ kho lương thực Lưu Xá bị chết lên tới 61 người (trong đó có đồng chí Đội phó Đội 91 Nguyễn Thế Cường), 8 người còn lại đều bị thương, trong đó có 4 người bị thương nặng¹.

61 người bị chết, 8 người bị thương trong đó có 4 người bị thương nặng trong trận máy bay B52 ném bom rải thảm tối 24/12 xuống Bệnh viện Gang thép là một tổn thất rất nặng nề của Thái Nguyên trên mặt trận tiếp nhận và trung chuyển lương thực, hàng hoá, đảm bảo

1. Trong số 59 TNXP bị chết có 23 nam và 36 nữ; trong số đó 8 TNXP bị thương có 1 nam và 7 nữ.

giao thông vận tải. Tổn thất này đã nói lên sự đóng góp, hy sinh, của quân và dân Thái Nguyên, nhưng cũng là bài học xương, máu trong công tác phòng tránh, bảo toàn lực lượng để chiến đấu lâu dài. Nguyên nhân sâu xa của tổn thất này là các cấp lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương chưa tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ và nhân dân nhận thức đầy đủ âm mưu và thủ đoạn đánh phá tàn bạo, xảo quyệt của kẻ thù. Ban đảm bảo giao thông tỉnh do 1 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch UBHC tỉnh trực tiếp phụ trách đã thiếu kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị thực hiện đúng các qui định của UBHC tỉnh về công tác phòng không, sơ tán trong quá trình giải toả lương thực, hàng hoá ở các trọng điểm đánh phá của địch. Nguyên nhân trực tiếp là đồng chí Đội phó Đội 91 TNXP đã tùy tiện cho cán bộ, đội viên Đại đội 915 về nghỉ ở Bệnh viện Gang thép, trái với qui định của UBHC tỉnh, dẫn đến cái chết không cần thiết của 59 cán bộ, đội viên Đội 91 TNXP và 2 công nhân thủ kho lương thực Lưu Xá. Bài học xương, máu này mãi mãi có giá trị cho các cấp lãnh đạo và chỉ đạo hôm nay và mai sau.

Mặc dù bị tổn thất nặng về người ở khu vực Lưu Xá đêm 24/12, nhưng các lực lượng đảm bảo giao thông, giải toả lương thực, hàng hoá của Thái Nguyên vẫn không hề nao núng. Địch tiếp tục đánh phá ác liệt các chân hàng ở thành phố Thái Nguyên, các lực lượng giải toả hàng hoá vẫn kiên trì bám trụ, kịp thời giải toả, vận chuyển hết số lương thực, hàng hoá tồn đọng ra khỏi các trọng điểm đánh phá của máy bay địch đến nơi an toàn, giảm được nhiều thiệt hại do bom đạn địch gây ra. Trong số 19.923

tấn lương thực, hàng hoá được giải toả trong thời gian 12 ngày đêm cuối tháng 1972, chỉ có 40 tấn bị phá huỷ, gần 25 tấn bị kém phẩm chất, tỷ lệ hư hao xấp xỉ 0,34%.

Thành tích giải toả, vận chuyển 19.923 tấn lương thực, hàng hoá khỏi các trọng điểm đánh phá của máy bay địch trong 12 ngày đêm cuối tháng 12/1972 đã nâng số lương thực, hàng hoá mà quân và dân Thái Nguyên tiếp nhận và trung chuyển kịp thời, an toàn từ tháng 6 đến hết tháng 12/1972 lên 70.000 tấn, góp phần đánh bại âm mưu phong toả miền Bắc của địch trên mặt trận giao thông, vận tải.

Cùng với nhiệm vụ chiến đấu và đảm bảo giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh luôn luôn kịp thời, thông suốt, nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái Nguyên còn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ động viên, tuyển quân chi viện chiến trường.

Năm 1972, Thái Nguyên được giao chỉ tiêu tuyển quân lớn gấp 1,81 lần năm 1971. Trong 8 năm trực tiếp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965 - 1972), năm 1972 là năm Thái Nguyên có chỉ tiêu tuyển quân lớn thứ hai (sau năm 1968). Để hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân trên giao, ngay từ đầu năm 1972, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ra nghị quyết lãnh đạo chỉ rõ: "Ủy ban hành chính các huyện, thành cần đề cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường công tác kiểm tra, tuyển quân đảm bảo quân số, chất lượng, chính sách công bằng và thời gian giao quân"¹

1. Nghị quyết ngày 9/5/1972.

Triển khai Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Uỷ ban hành chính tỉnh đã họp với các ngành liên quan và Uỷ ban hành chính các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Phổ Yên, Định Hoá bàn nội dung, biện pháp thực hiện. Tỉnh uỷ và Uỷ ban hành chính tỉnh cử một đoàn cán bộ xuống chỉ đạo huyện Đồng Hỷ làm điểm việc tổ chức kiểm tra công tác chấp hành chính sách hậu phương quân đội hỗ trợ cho công tác tuyển quân. Qua chỉ đạo điểm của tỉnh, huyện Đồng Hỷ đã kiểm tra, phát hiện 186 trường hợp có sai sót trong việc trả trợ cấp cho gia đình quân nhân đang chiến đấu ở các chiến trường miền Nam (B) và Lào (C)¹ (trong đó: 29 trường hợp cấp sai đối tượng, 8 trường hợp trùng cấp, 40 trường hợp cấp quá tiêu chuẩn, còn lại là các sai sót khác... làm thâm hụt ngân sách Nhà nước 23.506 đồng). Qua kiểm tra huyện Đồng Hỷ cũng phát hiện được còn trả trợ cấp thiếu cho 56 gia đình B, C với số tiền là 5.214 đồng; 167 bố, mẹ có con đang chiến đấu ở các chiến trường B, C đã hết tuổi lao động, chưa được hưởng trợ cấp; 12 con có bố đi B, C chưa được hưởng chính sách. Phát hiện được các sai sót trên huyện Đồng Hỷ đã kịp thời khắc phục, mang lại niềm tin cho nhân dân. Từ kết quả kiểm tra chấp hành chính sách hậu phương quân đội ở huyện Đồng Hỷ, Tỉnh uỷ, UBCH tỉnh chỉ đạo các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Phú Lương làm tốt công tác hậu phương quân đội, coi đó là một biện pháp tích cực để thúc đẩy công tác động viên tuyển quân.

1. Tỷ lệ sai sót là 8,2% so với tổng số gia đình quân nhân B,C.

Ngoài ra, Hội đồng nghĩa vụ quân sự và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh còn cử nhiều cán bộ xuống chỉ đạo các huyện, thành làm tốt công tác đảm bảo công bằng, hợp lý trong tuyển quân. Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh tổ chức tổng kết công tác tuyển quân 2 năm 1970, 1971. Tại Hội nghị tổng kết, với thành tích tuyển quân 2 năm 1970, 1971 Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh đã vinh dự được đón nhận Huân chương Kháng chiến hạng III của Chính phủ tặng cho nhân dân và lực lượng vũ trang trong tỉnh; Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính đã trao Huân chương Kháng chiến hạng Nhất của Chính phủ cho các xã Tân Quang, Phúc Xuân (huyện Đồng Hỷ), Gia Sàng, Đồng Quang (thành phố Thái Nguyên); Huân chương Kháng chiến hạng II cho thành phố Thái Nguyên, xã Tân Cương (huyện Đồng Hỷ) và các cơ quan ty Lâm nghiệp, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ; Huân chương Kháng chiến hạng III cho các xã Cúc Đường (huyện Võ Nhai), Trung Thành, Thuận Thành, Thắng Lợi, Tân Hương, Tân Tiến, Nam Tiến, Đại Xuân (huyện Phổ Yên) trao bằng khen cho các xã Tràng Xá (huyện Võ Nhai), Cù Vân (huyện Đại Từ).

Nhờ Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh kết hợp nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổng kết, động viên khen thưởng kịp thời, nên tuyển quân đợt I năm 1972, thành phố Thái Nguyên giao quân vượt chỉ tiêu 33,7%, các huyện Đại Từ vượt 11,6%, Phú Lương vượt 22,1%, Định Hoá vượt 17,8%. Phát huy thành tích tuyển quân đợt I năm 1972, ba đợt tuyển quân tiếp theo, các huyện, thành nằm trên địa bàn Thái Nguyên (trừ huyện Võ Nhai) đều giao quân đạt và vượt chỉ tiêu trên giao. Qua 4 đợt tuyển

quân năm 1972, Thái Nguyên đã giao quân vượt 2,43% chỉ tiêu; đạt chất lượng tốt, đảm bảo đúng chính sách, tiêu chuẩn. Xã Hợp Tiến (huyện Đồng Hỷ) nhiều năm liền không có thanh niên người Dao nhập ngũ, năm 1972 đã có 27 thanh niên người Dao vào bộ đội đánh Mỹ. Để đảm bảo công bằng xã hội, năm 1972 toàn tỉnh đã tuyển được 489 thanh niên là con, em cán bộ, nhân dân trong các gia đình chưa có người nhập ngũ vào bộ đội; đưa 1329 quân nhân đào, lạc ngũ đi lao động bắt buộc (trong đó đã vận động được 481 người trở lại quân đội, xoá án kỷ luật cho về địa phương 434 người). Những việc làm đó đã có tác động tích cực đến công tác động viên tuyển quân những năm sau đó.

Trong công tác huy động lương thực, thực phẩm chi viện chiến trường, UBHC tỉnh đã tập trung hơn 100 cán bộ các ban, ngành của tỉnh đưa xuống các huyện, xã chỉ đạo, vận động nhân dân thực hiện khẩu hiệu ba đủ (đủ nghĩa vụ tuyển quân, đủ lương thực vào kho, đủ nghĩa vụ thịt lợn). Kết quả huy động lương thực của các huyện, thành nằm trên địa bàn Thái Nguyên năm 1972 vượt 1,26%, về huy động lương thực giá cao vượt 59,1%. Tại huyện Đồng Hỷ, Cửa hàng lương thực Dân Chủ cử cán bộ xuống tận các xã Khe Mo, Đoàn Kết, Quang Trung thu mua được 120 tấn thóc thuế và thóc nghĩa vụ. Các huyện Đại Từ, Định Hoá, Phổ Yên, Đồng Hỷ đã huy động lương thực vượt chỉ tiêu trên giao. Đây cũng là một trong những thắng lợi lớn của quân và dân Thái Nguyên năm 1972.

Cùng với thắng lợi quan trọng của quân và dân ta trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972 trên chiến trường miền Nam, thắng lợi của cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân Mỹ ở miền Bắc, đặc biệt là thắng lợi trong chiến dịch chống cuộc tập kích đường không chiến lược bằng máy bay B52 của đế quốc Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh (trong đó Thái Nguyên) của quân và dân ta trong 12 ngày, đêm cuối tháng 12/1972 đã buộc chính quyền Mỹ và nguy quyền Sài Gòn phải cay đắng cầm bút ký "Hiệp định Pa ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam" theo những điều kiện của ta, công nhận nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Cuộc chiến tranh phá hoại kéo dài 8 năm của đế quốc Mỹ gây ra trên miền Bắc nước ta đã phải chấm dứt. Quân Mỹ và chư hầu phải rút hết ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Thắng lợi to lớn này đã đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta từ chiến lược "đánh cho Mỹ cút", chuyển sang chiến lược "đánh cho nguy nhào". Quân và dân Thái Nguyên tự hào đã góp phần xứng đáng của mình vào chiến công "đánh cho Mỹ cút" của cả nước.

Phát huy những thành tích đã giành được, nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái Nguyên cùng với quân và dân miền Bắc ra sức củng cố, xây dựng hậu phương vững mạnh, tích cực chi viện sức người, sức của cho miền Nam tiếp tục "đánh cho nguy nhào", giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

CHƯƠNG IV

KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, TÍCH CỰC XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG VỮNG MẠNH, DỒN SỨC CHI VIỆN CHIẾN TRƯỜNG (1/1973 - 4/1975)

Sau "Hiệp định Pa ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam" được ký kết, dư luận thế giới đều thừa nhận đó là thắng lợi to lớn của nhân dân ta và là thất bại nặng nề của đế quốc Mỹ. Ở miền Bắc, chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ chấm dứt, nhân dân được sống trong hoà bình. Ở miền Nam, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu ra sức phá hoại Hiệp định Pa ri, bất chấp lệnh ngừng bắn, xua quân đi thực hiện kế hoạch "Tràn ngập lãnh thổ", nên nhân dân còn phải tiếp tục chiến đấu, thực hiện thắng lợi chiến lược "đánh cho ngụy nhào" theo lời Bác Hồ đã dạy.

Trước tình hình Hiệp định Pa ri đã được ký kết, quân Mỹ và chư hầu đang rút khỏi miền Nam, nhưng quân ngụy Sài Gòn tăng cường các hành động lấn chiếm trên cả vùng đồng bằng, duyên hải và Tây Nguyên, ngày 12/3/1973, Tỉnh uỷ chỉ thị cho các cấp, các ngành:

1 - Tăng cường giáo dục quán triệt tình hình và nhiệm vụ mới. Dù trong hoàn cảnh nào, thời chiến hay thời bình, nhiệm vụ xây dựng lực lượng, phòng thủ đất nước, bảo vệ thành quả cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng rất quan trọng và rất cần thiết. Tình hình đòi hỏi không ngừng đề cao cảnh giác, hoàn thành mọi nhiệm vụ sản xuất trên tư thế sẵn sàng chiến đấu cao, làm tròn nghĩa vụ đối với tiền tuyến.

2 - Tiếp tục chỉ đạo tốt công tác động viên tuyển quân, đạt và vượt chỉ tiêu cả về số lượng, chất lượng và thời gian.

3 - Khẩn trương hoàn thành kế hoạch huấn luyện dân quân, tự vệ, hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quân sự địa phương, đảm bảo cả nội dung và thời gian qui định.

4 - Chấp hành tốt chính sách hậu phương quân đội, nhất là đối với các gia đình có con em đi chiến đấu xa, gia đình thương binh, liệt sĩ, đồng thời chuẩn bị tốt hội nghị đại biểu gia đình quân nhân ở cấp huyện.

5 - Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp, nhanh chóng kiện toàn đội ngũ cán bộ chỉ huy ở cơ sở.

6 - Từ thực tế hoạt động các năm qua, cơ quan quân sự từ tỉnh xuống các xã cần rút kinh nghiệm về thực hiện chức năng tham mưu cho cấp uỷ, tạo thêm điều kiện để trong bất kỳ tình huống nào cũng góp phần hoàn thành tốt công tác quân sự địa phương.

Thực hiện các chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương và Tỉnh uỷ, nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái

Nguyên đã ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định sản xuất và đời sống. Đảng bộ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng. Từ ngày 22 đến ngày 24/3/1973, Đảng bộ tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ sáu bầu Ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ mới gồm 9 uỷ viên do các đồng chí Nguyễn Đình Thiển (Chính uỷ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh) làm Bí thư, Bùi Xuân San (Phó chính uỷ) làm Phó Bí thư, Hoàng Chu (Chỉ huy trưởng) làm Uỷ viên Thường vụ.

Đáp lời kêu gọi "Tăng cường đoàn kết, luôn luôn đề cao cảnh giác, ra sức phấn đấu để củng cố những thắng lợi đã giành được, giữ vững hoà bình lâu dài, hoàn thành độc lập dân tộc, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hoà bình, thống nhất Tổ quốc" của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tổ chức hội nghị bồi dưỡng 327 báo cáo viên đưa về các ngành, các huyện, thành và cơ sở truyền đạt tinh thần lời kêu gọi của Ban chấp hành Trung ương Đảng, động viên nhân dân các dân tộc trong tỉnh phấn khởi, tin tưởng, ra sức thi đua sản xuất và công tác. Tiếp đó, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết về nhiệm vụ chung và một số công tác cụ thể, chỉ rõ "Nhiệm vụ trước mắt của toàn quân, toàn dân trong tỉnh là phải luôn luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao, tiếp tục làm nhiệm vụ chi viện sức người sức của cho tiền tuyến", "Tăng cường xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng các cấp, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới và tạo điều kiện từng bước đưa Bắc Thái đi lên sản xuất lớn".

Thực hiện các chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương và Tỉnh uỷ, nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái

Nguyên đã ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định sản xuất và đời sống. Sau Hiệp định Pa ri, cũng như các tỉnh, thành miền Bắc khác, chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ đã chấm dứt trên đất Thái Nguyên. Tuy bầu trời Thái Nguyên đã im tiếng gầm thét của máy bay phản lực, mặt đất Thái Nguyên đã im những tiếng nổ rung trời, chuyển đất của bom, đạn Mỹ, nhưng hậu quả chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ để lại trên đất Thái Nguyên còn rất nặng nề. Hầu hết các nhà ga xe lửa, các bến xe ô tô, các trục đường giao thông, các nhà máy, bệnh viện, các cầu lớn nằm trên địa bàn Thái Nguyên đều bị tàn phá. Nhà máy Chè thuộc Nông trường chè Sông Cầu bị phá huỷ toàn bộ hàng trăm tấn thiết bị, máy móc. Tuy Khu gang thép Thái Nguyên chỉ nằm trong khu vực có diện tích 27ha, nhưng trong 2 cuộc chiến tranh phá hoại, địch đã huy động tới 1.716 lần chiếc máy bay (trong đó có 42 lần chiếc B52), đánh 115 trận, ném 2.873 quả bom các loại và bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa (trong đó có 1.040 quả bom trúng vào Nhà máy) phá huỷ 25 công trình sản xuất và 63 thiết bị máy móc, thiệt hại tính bằng tiền lên tới 109 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 20% vốn đầu tư xây dựng Nhà máy), tổn thất 440 người (trong đó có nhiều người là công nhân kỹ thuật, thợ lành nghề). Trên địa bàn Thái Nguyên còn hàng trăm quả bom phá, bom xuyên, hàng ngàn quả bom bi chưa nổ còn nằm dưới lòng đất hoặc rải rác trong các nhà máy, cơ quan, xí nghiệp, ruộng đồng..., hàng trăm người bị thương tật, tàn phế vì bom, đạn Mỹ đang cần được cứu chữa, nuôi dưỡng.

Để đảm bảo an toàn cho nhân dân và các cơ quan, xí nghiệp đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, công tác rà phá, thu dọn bom, đạn chưa nổ trở thành hết sức cấp bách. Ngay sau khi chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ vừa chấm dứt, đầu năm 1973, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã tổ chức lớp tập huấn cách lập hồ sơ, bồi dưỡng nghiệp vụ rà, phá, tháo, gỡ bom, đạn chưa nổ cho 45 cán bộ, tổ, đội công binh của dân quân, tự vệ ở các cơ sở huyện, thành; đồng thời tăng cường trang bị máy dò và các phương tiện tháo, gỡ bom, đạn cho các đơn vị công binh của bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ.

Tháo gỡ bom, đạn chưa nổ là một công việc rất nguy hiểm và nặng nhọc. Ở đầu cầu Gia Bẫy, phía Quốc lộ 3, 1 quả bom phá 500 bảng Anh, nằm ở độ sâu 10 mét, do máy bay Mỹ thả ngày 17/10/1965, Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên đã phải huy động tới 1.400 công của dân quân, tự vệ, đào bới liên tục 15 ngày mới lấy lên được. Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc thông báo ở tỉnh Yên Bái có 1 quả bom phá, đào lên chưa kịp tháo kịp đã nổ. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh xác định "Đào, phá mỗi quả bom được coi như là một trận đánh, có lãnh đạo, chỉ huy chặt chẽ, huy động nhân lực và phương tiện phải đảm bảo tuyệt đối an toàn". Bộ chỉ huy quân sự tỉnh trực tiếp chỉ đạo tháo, gỡ bom đạn ở khu vực thành phố Thái Nguyên để rút kinh nghiệm chỉ đạo các huyện khác. Nhờ sự tích cực chủ động chỉ đạo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, sự cố gắng tập trung huy động lực lượng đào, phá, tháo, gỡ bom, đạn của Ban chỉ huy quân sự các huyện, thành nằm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, năm 1973 Thái Nguyên đã đào, phá, gỡ được 45 quả bom phá, năm 1974 đào, phá

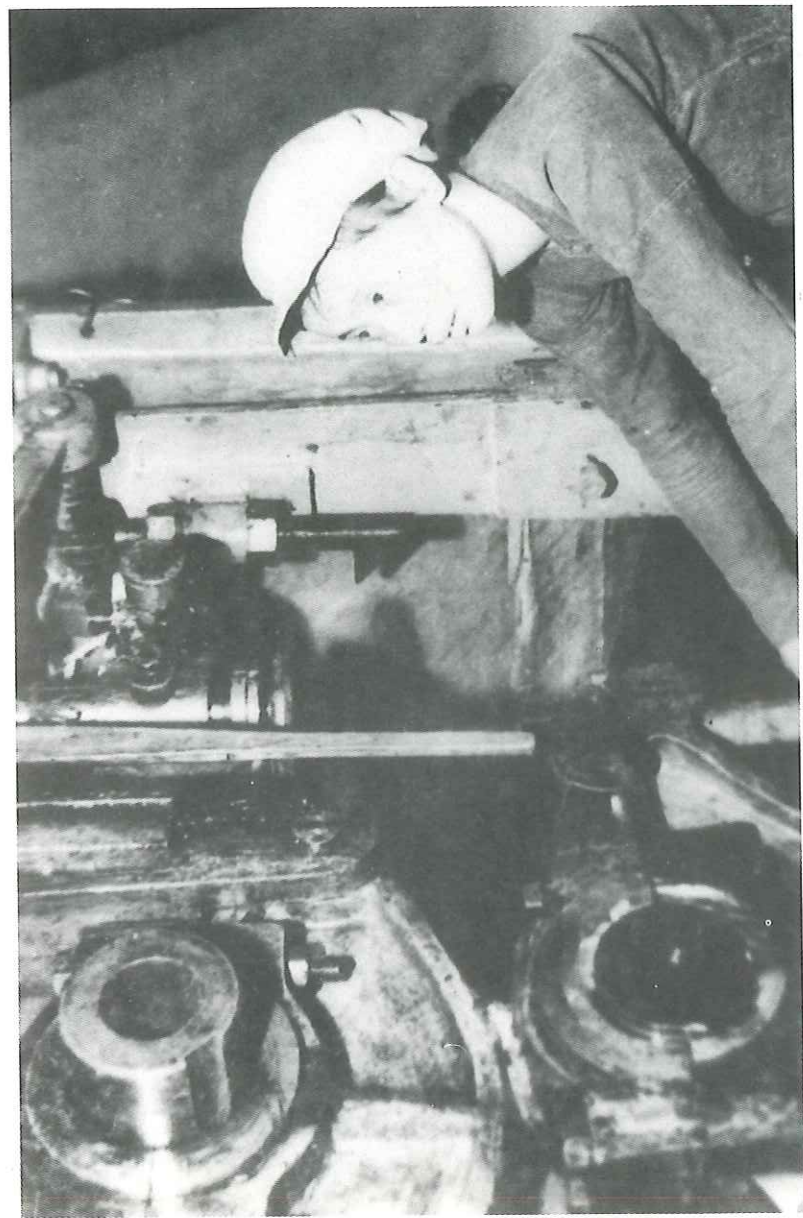
tiếp được 17 quả và năm 1975 đào, phá thêm được 10 quả nữa. Riêng khu vực thành phố Thái Nguyên, nếu tính từ năm 1965 đến những tháng đầu năm 1975 đã đào, phá, tháo, gỡ được 140 quả bom phá (có 23 quả bom từ trường), thu nhặt lại trên 12.000 quả bom bi¹.

Nhờ làm tốt công tác rà, phá, tháo, gỡ bom đạn chưa nổ, giải phóng mặt bằng mà Công ty gang thép Thái Nguyên, Nhà máy điện Thái Nguyên, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ và nhiều nhà máy, xí nghiệp khác của Trung ương và địa phương đã nhanh chóng chuyển được máy móc từ nơi sơ tán về, khẩn trương khôi phục lại sản xuất.

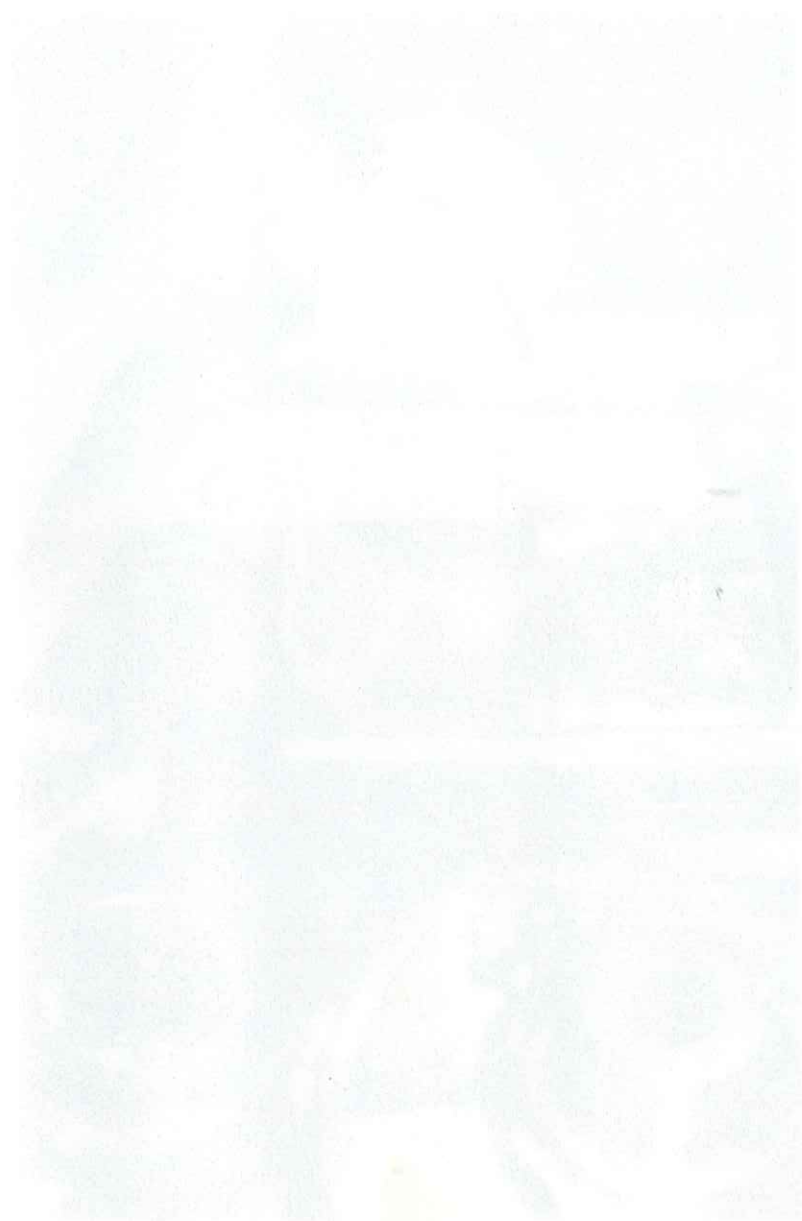
Tuy nhiên, do phương tiện phát hiện, tháo, gỡ bom, đạn và năng lực trình độ chuyên môn kỹ thuật của đội ngũ cán bộ, chiến sĩ công binh thuộc bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ làm nhiệm vụ rà, phá, tháo, gỡ bom, đạn còn nhiều hạn chế, nên kết quả thu được còn thấp. Năm 1974, các huyện, thành thuộc địa bàn Thái Nguyên mới rà, phá, tháo, gỡ bom, đạn địch chưa nổ được 48,5% kế hoạch. Số bom, đạn địch chưa nổ nằm rải rác ở các huyện, thành còn nhiều, lực lượng công binh của bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ phải mất nhiều năm sau chưa phát hiện và đào, phá, tháo, gỡ hết².

1. Báo cáo tổng kết chiến tranh chống Mỹ của thành phố Thái Nguyên.

2. Từ năm 1996 đến tháng 10/2001, được nhân dân phát hiện, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã chỉ đạo ban Công binh (phòng Tham mưu) và cơ quan quân sự các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Phú Lương, Đại Từ, thị xã Sông Công và thành phố Thái Nguyên đào, phá hủy 19 quả bom phá và nhiều bom bi.



Thực hiện phong trào "Ba đảm đang", chị em phụ nữ Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ điều khiển máy seo giấy thay anh em nam giới lên đường đánh Mỹ.



Cùng với nhiệm vụ rà, phá, tháo, gỡ bom đạn, Mỹ chưa nổ, nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã tích cực sửa chữa cầu, đường, kịp thời đảm bảo giao thông vận tải thông suốt và san lấp hố bom, khôi phục sản xuất công, nông, lâm nghiệp. Dân quân, tự vệ các huyện, thành đã góp 1.421 ngày công đào, xúc gần 100 mét khối đất, đá, nguyên vật liệu đổ nát do bom, đạn địch gây ra và tu sửa các công trình quân sự. Khi cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ kết thúc, nhân dân và các cơ quan, xí nghiệp, nhà máy, trường học... từ các nơi sơ tán trở về nơi ở và làm việc cũ, bắt tay hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, ổn định sản xuất, công tác, học tập và đời sống.

Bộ chỉ huy quân sự tỉnh cũng chuyển từ nơi sơ tán về thành phố Thái Nguyên. Trong điều kiện có khó khăn, thiếu thốn về nhiều mặt, cán bộ, chiến sĩ cơ quan Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã dốc sức, vận chuyển hàng trăm tấn vũ khí, trang bị, lương thực, thực phẩm và phương tiện làm việc, đồ dùng sinh hoạt. Để ổn định nơi ăn, ở và làm việc, cán bộ, chiến sĩ cơ quan Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã khai thác hơn 8.000 cây tre, nứa, vầu; mua thêm tranh, tre, nứa, lá và dỡ nhà ở nơi sơ tán về sửa chữa và làm mới được 1.930 mét vuông nhà ở và làm việc; 402 mét vuông nhà kho chứa vũ khí, trang bị. Ngoài ra, cán bộ, chiến sĩ cơ quan Bộ chỉ huy quân sự tỉnh còn xây dựng 32 cột thu lôi chống sét.

Cán bộ, chiến sĩ cơ quan quân sự các huyện: Võ Nhai khai thác vật liệu tại chỗ, tự túc làm được 7 gian nhà lá, trị giá 700 đồng; Phú Lương tranh thủ ngày nghỉ, giờ

nghỉ lao động đắp nền nhà, tu sửa đường đi, lối lại trong đơn vị.

Cán bộ, chiến sĩ Đội 91 TNXP khai thác 93 cây gỗ và nhiều tranh tre, nứa, lá tự túc làm được 552 mét vuông nhà ở và làm việc...

Vừa ổn định nơi ăn, ở, làm việc, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và Ban chỉ huy quân sự các huyện, thành nằm trên địa bàn Thái Nguyên vừa tập trung đẩy mạnh công tác quân sự địa phương. Một trong những nhiệm vụ quan trọng mà Bộ chỉ huy quân sự tỉnh triển khai ngay sau khi cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ chấm dứt là công tác kiểm tra, hướng dẫn việc quản lý, bảo vệ và sử dụng các công trình quốc phòng và các phương tiện vũ khí, khí tài... nhằm đảm bảo các lực lượng vũ trang địa phương luôn luôn sẵn sàng chiến đấu. Qua kiểm tra, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phát hiện một số công trình quốc phòng, một số trận địa cao xạ, tên lửa không có người trực chiến đã bị một số người dân phá để sản xuất hoặc làm nhà ở, còn một số bị hư hỏng do mưa, lũ. Vũ khí, khí tài chiến đấu ở một số cơ sở thuộc các huyện Võ Nhai, Phú Lương, thành phố Thái Nguyên còn để han rỉ, hư hỏng, mất phụ tùng, sử dụng không đúng nguyên tắc như dùng súng đạn bắn thú rừng, bắn mừng xuân, bắn mừng chiến thắng; trong đó huyện Đồng Hỷ sử dụng đạn sai nguyên tắc tới 2.176 viên đạn. Ngoài ra, một số súng, đạn còn nằm trong dân không được đăng ký, quản lý. Nhà máy điện Thái Nguyên để súng máy cao xạ 12,7mm ngập nước dưới hầm bê tông, gây hư hỏng nghiêm trọng...

Trước tình hình đó, ngày 4/11/1973, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh ra "Chỉ thị hướng dẫn bảo quản các công trình quốc phòng và các trận địa phòng không", trong đó chỉ rõ "các công trình quốc phòng, các trận địa phòng không không có bộ đội chiếm lĩnh, các huyện, thành, các xã sở tại phải có trách nhiệm quản lý, bảo quản, tu sửa, trồng cây nguy trang, coi đây là công việc thường xuyên phải làm. Tỉnh tổ chức kiểm tra các công trình quốc phòng gồm sân bay, hầm chỉ huy... và các trận địa phòng không 6 tháng 1 lần. Các huyện, thành sở tại tổ chức kiểm tra mỗi tháng 1 lần. Qua kiểm tra phát hiện hư hỏng phải tổ chức sửa chữa ngay". Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tăng cường mở các lớp hướng dẫn sử dụng và bảo quản các loại vũ khí, khí tài cho quân khí viên các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp, huyện, thành; đồng thời quyết định thu hồi 100 tấn vũ khí các loại đưa vào kho bảo quản, niêm cất.

Bản "Chỉ thị hướng dẫn bảo quản các công trình quốc phòng và các trận địa phòng không" và quyết định thu hồi, bảo quản các loại vũ khí, khí tài của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã được các cấp, các ngành tích cực triển khai thực hiện, do đó đã hạn chế được nhiều sự xuống cấp, hư hỏng, mất mát của các loại vũ khí, bảo vệ được các công trình quốc phòng và các trận địa phòng không. Để đảm bảo cho các lực lượng vũ trang địa phương vừa sẵn sàng chiến đấu, vừa tham gia sản xuất, khôi phục kinh tế, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo các cơ quan quân sự huyện, thành củng cố, chấn chỉnh lại tổ chức các tổ, đội phục vụ chiến đấu và các trận địa trực chiến gọn, nhẹ, phù hợp với tình hình mới. Các đơn vị bộ đội địa phương của tỉnh được

chuyển sang làm nhiệm vụ xây dựng các công trình quốc phòng của địa phương và Quân khu.

Ngày 15/8/1973, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh được Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc giao nhiệm vụ xây dựng công trình quốc phòng BT 601. Đây là một công trình quốc phòng quan trọng, Bộ Tư lệnh Quân khu dùng làm Sở chỉ huy chiến đấu khi có chiến tranh xảy ra, nên yêu cầu công trình phải có độ vững chắc cao và có khả năng chống được cả bom nguyên tử. Thực hiện nhiệm vụ trên, sau khi được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ nhất trí thông qua bản kế hoạch và quyết tâm xây dựng công trình BT 601, tháng 10/1973, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh cử cán bộ chỉ huy, kỹ thuật khảo sát, thiết kế, đồng thời quyết định thành lập Công trường 91 gồm 77 cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ chỉ đạo và tổ chức thi công. Bộ phận chỉ huy Công trường 91 gồm 2 cán bộ chỉ huy và 2 cán bộ kỹ thuật, ngoài ra còn các nhân viên tài vụ, thống kê, thủ kho, tiếp liệu. Hai đại đội 91 và 73 (bộ đội địa phương tỉnh) được giao nhiệm vụ khai thác vật liệu xây dựng (gỗ, cát, sỏi) và san mặt bằng. Đại đội 91 chia cán bộ, chiến sĩ thành tổ khai thác gỗ ván, tổ làm mộc, tổ cơ khí, tổ khai thác đá, cát, sỏi, Đại đội 73 chia cán bộ, chiến sĩ thành 2 bộ phận cùng một lúc bặt và san mặt bằng ở cả 2 cửa hầm. Nhờ các đơn vị làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức làm việc 3 ca liên tục; cán bộ, chiến sĩ các đại đội 91 và 73 có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn nên năng suất lao động cao. Với 25.000 công, cán bộ, chiến sĩ Công trường 91 đã đào, bặt 2 cửa hầm và san mặt bằng được 200 mét khối đất, đá; đào 1 đường hầm dài 208 mét với khối lượng 1.150 mét khối; đổ

378 mét khối bê tông, làm 400 mét vuông nhà ở và làm việc, sửa chữa 2km đường đi, lại. Cuối tháng 3/1974 công trình quốc phòng BT 601 đã hoàn thành, đảm bảo đúng thời gian, kế hoạch, được Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc khen ngợi là công trình đạt chất lượng cao.

*
* *

Để giảm bớt khó khăn cho Đảng và Nhà nước, từng bước cải thiện nơi ăn, ở, từ đầu năm 1974, các đơn vị bộ đội địa phương và các cơ quan quân sự các cấp từ tỉnh xuống huyện, thành đã chủ động, tích cực xây dựng doanh trại, kho tàng bằng công sức và vốn tự có của mình. Về tăng gia sản xuất, tự túc một phần lương thực, thực phẩm, 6 tháng đầu năm 1974 các cơ quan và đơn vị đã khai hoang, cày, cấy được hơn 8 sào lúa, trồng được 20.000 mét vuông sắn, ngô, khoai. Riêng ban Thông tin Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã cấy và thu hoạch được 150kg thóc, bình quân được 11kg gạo người trên tháng, đạt 100% chỉ tiêu về tự túc lương thực. Ngoài ra mỗi đơn vị còn nuôi được từ 1 đến 2 con lợn, Đại đội 91 và Đại đội 73 nuôi được lợn lai kinh tế, lợn giống và phát triển thêm đàn gia cầm, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh xây dựng được 1 trại chăn bò, bước đầu có 20 con. Cơ quan Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đào được ba ao thả cá với diện tích 5.300 mét vuông mặt nước, thả hàng vạn con cá giống, bình quân mỗi ao, mỗi năm thu hơn 100kg cá thịt, góp phần cải thiện bữa ăn cho cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị.

Năm 1974, các cơ quan, đơn vị bộ đội địa phương Thái Nguyên đã chăn nuôi, cấy, trồng tự túc được 4.000kg thịt (vượt chỉ tiêu 92,86%), 9.000kg lương thực (đạt chỉ tiêu 100%), 38.880 kg rau xanh, vượt chỉ tiêu 7%).

Tuy thành tích đạt được trong lao động và xây dựng còn nhỏ, nhưng nó đã khẳng định bước đi đúng đắn của lực lượng vũ trang địa phương Thái Nguyên trong công cuộc khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế, xây dựng hậu phương, củng cố quốc phòng.

Công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội đã thu hút hàng vạn người Thái Nguyên tham gia. Từ ngày 19 đến ngày 21/2/1973, Thường trực Uỷ ban hành chính tỉnh đã quyết định mỗi huyện tổ chức 1 đội hoặc 1 hợp tác xã xây dựng, riêng thành phố Thái Nguyên thành lập 1 Công ty xây dựng biên chế 300 lao động, chuyên làm nhiệm vụ xây dựng cơ bản. Đến tháng 9 năm 1973, ty Lao động đã tuyển được 3.000 lao động cho các ngành Kiến trúc, Sản xuất vật liệu, Công ty xây lắp 1 và 2, Giao thông, Nông - Lâm nghiệp. Trước đó, ngành Xây dựng cơ bản đã tuyển 831 người, nâng tổng số lao động được tuyển dụng toàn tỉnh năm 1973 lên 3.831 người. Đội ngũ cán bộ, công nhân tăng lên nhanh chóng, do đó lực lượng tự vệ cũng không ngừng lớn mạnh theo.

Trên mặt trận sản xuất công nghiệp, việc khôi phục Khu gang thép Thái Nguyên là một trong những công trình trọng điểm của Đảng và Nhà nước ta. Nghị quyết của Trung ương Đảng lần thứ 22 về khôi phục và phát triển kinh tế miền Bắc trong hai năm 1974 - 1975 đã chỉ

rõ: "Cần tập trung khôi phục và hoàn thành sớm việc xây dựng Khu gang thép Thái Nguyên để huy động nhanh vào sản xuất".

Thực hiện Nghị quyết 22 của Trung ương Đảng, cán bộ, công nhân, tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên đã khẩn trương khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất. Công việc đầu tiên là rà phá bom, đạn chưa nổ, thu dọn mặt bằng và vận chuyển máy móc, thiết bị từ nơi sơ tán về. Tuy đội ngũ cán bộ, kỹ sư và công nhân Gang thép được tăng cường về số lượng và rút được kinh nghiệm qua khôi phục sản xuất sau chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ lần thứ nhất, nhưng lần khôi phục này có nhiều khó khăn hơn, vì toàn bộ các công trình đều bị bom, đạn Mỹ tàn phá nặng nề hơn, trong khi đó máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật liệu lại thiếu nhiều, có những linh kiện không còn để thay thế. Với tinh thần lao động miệt mài và sáng tạo, chỉ sau 8 tháng, đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật đã khôi phục xong và đưa vào sản xuất hệ thống lò cao số I. Ngày 8/9/1973, mẻ gang đầu tiên sau khi Hiệp định Pa ri được ký kết đã được ra lò. Tiếp đến, ngày 11/11/1973, lò cao số II cũng được khôi phục và trở lại sản xuất. Sang năm 1974, các công trình lò Cốc, Xưởng vật liệu chịu lửa, Mỏ sắt Trại Cau... cũng được sửa chữa, khôi phục và trở lại sản xuất.

Điểm nổi bật của Thái Nguyên trong thời gian này là Nhà máy luyện cán thép Gia Sàng (có công suất thiết kế sản xuất 1 năm là 5 vạn tấn thép tròn đường kính từ 8mm đến 36mm và thép góc nhỏ cung cấp cho xây dựng) do Nước cộng hoà dân chủ Đức giúp ta được tiếp tục xây dựng với tiến độ nhanh.

Nhà máy luyện cán thép Gia Sàng chính thức khởi công xây dựng ngày 23/3/1971, nhưng mới đổ xong bê tông được một phần móng thì đế quốc Mỹ gây chiến tranh phá hoại lần thứ hai, việc thi công phải tạm dừng lại. Sau Hiệp định Pa ri được ký kết, việc xây dựng Nhà máy được tiếp tục. Công ty Xây lắp - Luyện kim đảm nhiệm xây tiếp phần móng, Xưởng công trình 2 (Công ty gang thép Thái Nguyên) là đơn vị chủ công phụ trách phần lắp đặt máy móc. Việc thi công lúc này hết sức khẩn trương, dồn dập, nhất là giai đoạn cuối năm 1974, đầu năm 1975. Công trình được hoàn thành, đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật xưởng công trình 2 đã lắp đặt hơn 6.000 tấn thiết bị, máy móc. Một sự trùng hợp có ý nghĩa lịch sử là vào ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng 30/4/1975 và ngày Quốc tế lao động (1/5/1975), Nhà máy luyện cán thép Gia Sàng cho ra mẻ thép đầu tiên trong niềm hân hoan chờ đón của hàng ngàn cán bộ, công nhân sau những năm tháng xây dựng. Cũng trong thời gian này, Công ty gang thép Thái Nguyên gấp rút hoàn tất việc xây lắp đợt I xưởng Hợp kim sắt có công suất thiết kế 4.000 tấn một năm. Đây là xưởng do cán bộ và công nhân Công ty gang thép Thái Nguyên tự nghiên cứu, thiết kế và lắp đặt. Hợp kim sắt rất cần cho luyện thép. Ở nước ta chưa có cơ sở công nghiệp nào sản xuất được hợp kim sắt, nên việc sản xuất được hợp kim sắt ngay tại Khu gang thép Thái Nguyên chẳng những mở ra triển vọng sản xuất thép mà còn mang lại giá trị kinh tế cao, bớt được chi phí ngoại tệ cho Nhà nước về nhập nguyên vật liệu và vận chuyển.

Qua một thời gian dài nghiên cứu, thí nghiệm, thi công đầy khó khăn, gian khổ, với tinh thần tự lực, tự cường và sáng tạo của đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật gang thép, đúng vào dịp kỷ niệm lần thứ 85 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1975), xưởng Hợp kim sắt khánh thành và chính thức đi vào sản xuất, đáp ứng nhu cầu cho lò luyện cán thép Gia Sàng và sau đó là lò bằng Lưu Xá và các lò luyện thép ở miền Nam sau này.

Song song với việc xây dựng Nhà máy cán thép Gia Sàng, Công ty Xây lắp - Luyện kim triển khai xây dựng lại Xưởng luyện thép lò bằng Lưu Xá, một công trình lớn có trên 8.000 cán bộ, kỹ sư, công nhân. Xưởng luyện thép lò bằng Lưu Xá được xây dựng từ năm 1965, nhưng bị máy bay Mỹ ném bom phá hỏng. Đến ngày 20/12/1974, lễ khởi công khôi phục lại Xưởng luyện thép lò bằng Lưu Xá được tổ chức. Tại buổi lễ khởi công xây dựng, đồng chí Nguyễn Tấn Phúc, Bí thư Đảng uỷ kiêm Giám đốc Công ty gang thép Thái Nguyên đã khẳng định: "Khởi công khôi phục hệ thống công trình luyện thép là chúng ta bước vào một thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh khôi phục và xây dựng Nhà máy gang, thép Thái Nguyên nhằm thực hiện mục tiêu làm ra thép"¹.

Để sản xuất ra gang và thép, 5.832 chiến sĩ tự vệ (chiếm 37% tổng số cán bộ, công nhân toàn Công ty) đã nỗ lực lao động cùng với đội ngũ cán bộ, công nhân gang thép thu dọn, di chuyển hàng ngàn tấn bê tông, sắt, thép,

1. Khu gang thép Thái Nguyên: Vài nét về lịch sử và truyền thống, Phòng TTVH - C/TGTTN xuất bản năm 1978 trang 99.

gạch, ngói đỏ vỡ, đổ trên 2.000 mét khối bê tông, lắp ráp trên 5.000 tấn kết cấu bê tông và sắt, thép, xây gần 1.700 mét khối gạch chịu lửa, lắp đặt trên 2.000 tấn thiết bị máy móc và đặt hơn 7km đường sắt trong khu vực xưởng¹ v.v.

Cùng với quá trình khôi phục, xây dựng lại Khu gang thép Thái Nguyên, Nhà máy luyện cán thép Gia Sàng, xưởng Hợp kim sắt, Xưởng luyện thép Lưu Xá, các xí nghiệp Mỏ sắt Trại Cau, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, Nhà máy điện Thái Nguyên v.v cũng được khôi phục, xây dựng và đi vào sản xuất.

Nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã tích cực đóng góp nhiều sức người, sức của trong việc khôi phục xây dựng và bảo vệ các nhà máy, xí nghiệp của Trung ương nằm trên địa bàn tỉnh. Các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp địa phương cũng từng bước được phục hồi trở lại sản xuất. Sáu tháng đầu năm 1973, một số nhà máy, xí nghiệp công nghiệp địa phương tiếp tục di chuyển, sửa chữa mặt bằng, xây dựng công xưởng và lắp đặt máy móc; một số nhà máy xí nghiệp bước đầu tổ chức dây chuyền sản xuất. Tuy nhiên "sản xuất chưa ổn định, nhất là các cơ sở cơ khí, gôm, thuỷ tinh. Quản lý xí nghiệp còn nhiều thiếu sót; quản lý lao động chưa tốt. Nơi ăn, ở, sản xuất của cán bộ, công nhân còn nhiều khó khăn thiếu thốn. Nhiều nơi lao động nữ có con nhỏ đông, nhưng chưa tổ chức được nhà trẻ, mẫu giáo, nguyên vật liệu cho

1. Khu gang thép Thái Nguyên: Vài nét về lịch sử và truyền thống, Phòng TTVH - C/TGTTN xuất bản năm 1978 trang 99.

sản xuất còn thiếu thốn. Chất lượng sản phẩm kém, hàng hoá xấu, bị thị trường tự do cạnh tranh, không tiêu thụ được, do đó đã làm ảnh hưởng lớn tới sản xuất"¹, nên việc khôi phục và sản xuất công nghiệp của Thái Nguyên còn chậm.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Tỉnh uỷ, nên sáu tháng cuối năm 1973 các xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã thủ công nghiệp Thái Nguyên đã "Tích cực sắp xếp, quản lý, ổn định sản xuất, đưa giá trị tổng sản lượng công nghiệp đạt và vượt kế hoạch so với cùng kỳ năm 1972"².

Năm 1974, ngành công nghiệp, thủ công nghiệp đã đi vào ổn định tổ chức, quản lý, sản xuất nên số lượng và chất lượng sản phẩm tăng, giá trị tổng sản lượng đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch. Xí nghiệp gỗ Tháng Tám đạt giá trị tổng sản lượng 498.015 đồng (vượt chỉ tiêu 1,32%); giá trị tổng sản lượng của Công ty gang thép Thái Nguyên đạt 41 triệu đồng (vượt chỉ tiêu 7,8%). Công nghiệp khai thác than đạt 3.427.535 đồng (vượt chỉ tiêu 4,76%)

Những thành tựu mà nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên đạt được trong thời kỳ khôi phục và phát triển kinh tế sau Hiệp định Pa ri có sự đóng góp to lớn của đoàn viên, thanh niên các ngành, các cấp trên địa bàn. Ngay từ tháng 1/1973, Tỉnh Đoàn đã mở "Đại hội thanh niên kiên cường thắng Mỹ" và tổ chức một đợt giáo dục chính trị, nâng cao nhận thức và vai trò của thanh

1, 2. Báo cáo tổng kết năm 1973 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

niên đối với sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới. Tháng 3/1973, Tỉnh Đoàn mở "Đại hội thanh niên ba sẵn sàng" và phát động phong trào thi đua "Thanh niên tình nguyện lao động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

Hưởng ứng phong trào thi đua do Tỉnh Đoàn phát động, hơn 2.000 đoàn viên, thanh niên đã tình nguyện đi khôi phục và xây dựng kinh tế ở những nơi khó khăn và gian khổ. Tại Công ty gang thép Thái Nguyên, hàng ngàn đoàn viên, thanh niên Thái Nguyên đã xung phong vào làm việc, bổ sung thêm cho đội ngũ những người thợ trẻ trên các công trường xây dựng Khu gang thép nguồn sinh lực mới. Phong trào thi đua "Luyện tay nghề, thi thợ giỏi" của tuổi trẻ gang thép Thái Nguyên, với 5.000 đoàn viên, thanh niên (đa số là các cán bộ, chiến sĩ tự vệ) tham gia đã thu được 150 sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, nâng cao năng suất lao động, hoàn thành tốt 116 công trình khó.

Phong trào thanh niên thi đua vượt định mức lao động, vượt chỉ tiêu kế hoạch ở các nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ, Luyện cán thép Gia Sàng, Công ty Xây lắp - Luyện kim... đã diễn ra sôi nổi, góp phần quan trọng thúc đẩy các công trình xây dựng hoàn thành trước thời gian, các nhà máy, xí nghiệp nhanh chóng ổn định, đi vào sản xuất, phát triển kinh tế, xây dựng hậu phương vững mạnh.

*

* * *

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ "tập trung chủ yếu vào đẩy mạnh sản xuất lương thực và chăn nuôi", lực lượng dân quân, tự vệ thành phố Thái Nguyên và các huyện Đồng Hỷ, Phổ Yên đã cùng với nhân dân địa phương san lấp trên 300 hố bom với khối lượng hơn 3 vạn mét khối đất, đá, đưa hàng trăm thửa ruộng vào sản xuất.

Nhằm nhanh chóng sửa chữa, khôi phục hệ thống đê, kè trên tuyến sông Cầu do chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và lũ lụt làm hư hại, thành phố Thái Nguyên và các huyện Phú Bình, Phổ Yên tổ chức các đội xung kích đắp đê do lực lượng dân quân, tự vệ làm nòng cốt. Kết hợp quốc phòng với kinh tế, dân quân huyện Phổ Yên kết hợp huấn luyện quân sự và đào đất, đắp đê được 13.000 mét khối. Để chủ động phòng chống lũ, lụt, nhân dân và các lực lượng vũ trang trong tỉnh đã chuẩn bị sẵn sàng trên 1.500 đôi quang gánh, 1.150 cây tre, 6.000 bao tải, 11.900 mét khối đất đóng bao dự trữ, 878 rọ sắt, 12 xuồng máy, 4.192 mét khối đá hộc và trên 150 chiếc thuyền các loại. Nhờ làm tốt công tác sửa chữa đê, kè, chuẩn bị tốt việc phòng chống bão, lụt, nên Thái Nguyên đã hạn chế được nhiều thiệt hại do trận lụt cuối tháng 6 đầu tháng 7/1973 gây ra. Trong trận lụt cuối tháng 6 đầu tháng 7/1973, chỉ tính riêng 50 cán bộ, chiến sĩ Đại đội 91 (bộ đội địa phương), 200 học sinh các trường Đại học sư phạm Việt Bắc, Trung học sư phạm miền Núi và 27 xe ô tô của Công ty vận tải tỉnh đã đóng gói, bốc xếp, vận chuyển 1.789 tấn lương thực từ nơi bị ngập lụt đến nơi an toàn.

Cùng với việc đào đất, đắp đê, sửa chữa kè cống, phòng chống bão lụt, nhân dân và lực lượng vũ trang các

huyện Định Hoá, Võ Nhai, Phổ Yên, Phú Lương, Đồng Hỷ còn làm được 5 công trình thuỷ lợi, đảm bảo nước tưới cho đồng ruộng.

Năm 1973, nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ ngay từ đầu năm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền từ tỉnh xuống cơ sở, các hợp tác xã mạnh dạn đưa các giống lúa mới có năng suất cao vào sản xuất trên 67% diện tích gieo cấy và nhờ làm tốt công tác thuỷ lợi và phòng chống lũ, lụt, cộng với lượng phân bón tăng 46% so với năm 1972, nên sản xuất nông nghiệp của Thái Nguyên đạt nhiều kết quả tốt: diện tích gieo, cấy vượt kế hoạch, 4,3%, năng suất bình quân đạt 3.709kg trên 1 héc ta. Riêng "vụ Đông - Xuân 1973 có sản lượng cao nhất và là một trong những vụ được mùa tương đối đều trên cả 3 mặt: diện tích, năng suất và tổng sản lượng so với các vụ Đông Xuân kể từ năm 1960".

Sản xuất nông nghiệp của Thái Nguyên năm 1973 đạt được thành tích to lớn đã góp phần quan trọng vào việc ổn định đời sống nhân dân trên địa bàn.

Cuối năm 1973, đầu năm 1974, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chủ trương tập trung lãnh đạo củng cố phong trào hợp tác hoá. Chủ trương đó được cụ thể hoá bằng các biện pháp: 1 - Phân loại hợp tác xã để có kế hoạch củng cố, giúp đỡ từng loại, ở từng vùng khác nhau cho phù hợp; 2 - Tiếp tục đưa cán bộ xuống giúp củng cố phong trào hợp tác hoá, kể cả việc cử một số cán bộ xuống trực tiếp giữ các trọng trách ở các hợp tác xã; 3 - Cử một đội ngũ cán bộ, nhân viên cần thiết, có nghiệp vụ kế toán xuống giúp hợp tác xã trong thời gian khoảng nửa năm để thanh

toán dứt điểm khâu quản lý tài chính, giải quyết các vụ nợ nần, tham ô trong các hợp tác xã; 4 - Đi đôi với tập trung chỉ đạo các địa phương yếu kém, phải kết hợp chỉ đạo củng cố phong trào chung trên cơ sở phương hướng và chỉ tiêu sản xuất đã được xác định.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, ngày 3/10/1973, Uỷ ban hành chính tỉnh tổ chức Đại hội các hợp tác xã tiên tiến và khá. Đại hội đã đi sâu tổng kết, nhấn mạnh những thành công và ưu điểm của các hợp tác xã tiên tiến và khá, khẳng định những nguyên nhân thành công và cũng là những bài học kinh nghiệm chủ yếu trong lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền ở các địa phương có hợp tác xã điển hình và khá là: đã coi trọng công tác xây dựng Đảng; đào tạo, bồi dưỡng được đội ngũ cán bộ cốt cán vững mạnh; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý dân chủ trong các hợp tác xã. Các bài học kinh nghiệm đó đã được Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ Đảng, chính quyền các huyện, thành trong tỉnh nghiên cứu, vận dụng.

Tiếp sau Đại hội các hợp tác xã tiên tiến và khá, đầu năm 1974, Tỉnh uỷ tập trung gần 500 lượt cán bộ về bồi dưỡng và đưa xuống cơ sở, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 192, Nghị quyết 228 của Trung ương và Nghị quyết 33 của Tỉnh uỷ về việc củng cố phong trào hợp tác hoá. Nhờ đó, đến cuối năm 1974, tỉnh đã phục hồi được 22 hợp tác xã, xây dựng thêm được 5 hợp tác xã, toàn tỉnh có 798 hợp tác xã với 68.200 hộ nông dân, chiếm 78,3% số nông dân trong toàn tỉnh (trong đó có 222 hợp tác xã tiên tiến và khá - chiếm 27,8% số hợp tác xã).

Phong trào hợp tác xã được khôi phục, củng cố và phát triển đã có tác động tích cực đến sản xuất nông nghiệp. Đầu năm 1974 rét đậm, lúa chiêm phát triển chậm, có nơi bị chết lụi, nhân dân Thái Nguyên đẩy mạnh sản xuất lúa xuân (một giống lúa mới có năng suất cao được đưa vào sản xuất ở hầu khắp các hợp tác xã trong tỉnh, chiếm tới 83,2% diện tích). Các phong trào áp dụng khoa học kỹ thuật nông nghiệp vào sản xuất, làm phân xanh, bèo hoa dâu phát triển mạnh, đảm bảo mỗi héc ta gieo cấy được chăm bón trung bình 7 tấn phân hữu cơ và 135kg phân vô cơ. Nhờ đó, so với năm 1973, năm 1974 sản lượng lúa xuân tăng 3,3%; năng suất lúa trung bình tăng từ 3.709kg/ha lên 4.496kg/ha. Hai huyện Đại Từ, Định Hoá và hàng chục hợp tác xã nông nghiệp ở các huyện, thành khác đạt năng suất 5 tấn thóc trên 1 héc ta cả năm. Trong các hợp tác xã nông nghiệp, lực lượng dân quân đã thực sự làm nòng cốt trong phong trào nâng cao năng suất, sản lượng, trong đó lực lượng nữ dân quân đã nêu cao "Ba đảm đang", đi đầu trong công tác làm phân, làm thuỷ lợi và áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất, Nữ dân quân Bàn Thị Hồng, dân tộc Dao Đỏ ở Đại Từ¹ lặn lội về dưới xuôi học tập các điển hình tiên tiến, mạnh dạn đưa giống lúa mới, có năng suất cao vào sản xuất, góp phần đưa huyện Đại Từ trở thành một trong hai huyện của tỉnh Bắc Thái (cũ) đạt năng suất 5 tấn thóc một năm trên một héc ta.

Ngoài lúa, Thái Nguyên còn đẩy mạnh gieo trồng sản xuất các loại cây lương thực (ngô, khoai, sắn), cây thực

1. Theo "Việt Bắc 30 năm chiến tranh cách mạng", tập II.

phẩm (lạc, đỗ), cây công nghiệp (mía, chè). Trong 2 năm 1973, 1974, Thái Nguyên đã đạt sản lượng gần 5.750 tấn ngô, 81.130 tấn sắn, 53 tấn đỗ tương, 2.439 tấn lạc, 31.463 tấn mía cây, 542 tấn chè búp khô. Trồng trọt phát triển đã thúc đẩy chăn nuôi phát triển. Trên địa bàn Thái Nguyên, năm 1974 so với năm 1973 thì đàn lợn tăng 14%, đàn trâu, bò tăng 16,3%; riêng 3 trại chăn nuôi tập thể của thành phố Thái Nguyên và hai huyện Đại Từ, Phú Lương đã nuôi được 4.620 con lợn; tổng số trâu, bò trên địa bàn tỉnh có khoảng trên 47.000 con.

Trồng trọt và chăn nuôi ở Thái Nguyên phát triển đã là nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm ổn định, đảm bảo và từng bước cải thiện đời sống cho nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương, là cơ sở quyết định để Thái Nguyên hoàn thành nghĩa vụ đóng góp lương thực cho Nhà nước và chi viện thực phẩm cho tiền tuyến.

Về giao thông vận tải, chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đã tàn phá nặng nề các tuyến Quốc lộ 3, Quốc lộ 1B, đường 13A, đường sắt Thái Nguyên - Hà Nội, đường sắt Lưu Xá - Trại Cau. Ngay sau khi chiến tranh vừa kết thúc, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đề ra chủ trương và Uỷ ban hành chính tỉnh đã quyết định tập trung mọi nỗ lực "Khôi phục và phát triển giao thông vận tải, nâng cấp đường ở những tuyến có lượng xe chạy nhiều. Tiếp tục đẩy mạnh việc củng cố và phát triển giao thông nông thôn, đặc biệt chú ý những xã chưa có đường lớn; tích cực sửa chữa và tận dụng công suất của các phương tiện vận tải; khôi phục vận tải đường sông, trước nhất là đoạn Sông Cầu từ tỉnh Thái Nguyên đi Bắc Kạn và đoạn Sông

Máng từ thành phố Thái Nguyên đi huyện Phú Bình; xây dựng hệ thống kho tàng"¹.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và quyết định của Uỷ ban hành chính tỉnh, các lực lượng vũ trang địa phương và Đội 91 TNXP của Tỉnh Đoàn thanh niên cùng với các đội công trình Cầu - Đường, xây dựng cơ bản (thuộc ty Giao thông) tiến hành tu sửa, nâng cấp các đoạn đường trọng yếu trên Quốc lộ 3, đoạn Bờ Đậu - Đèo Khế trên Đường 13A và các ngầm Sơn Cẩm (Phú Lương), Bến Tượng (thành phố Thái Nguyên) thường xuyên được củng cố, đảm bảo giao thông luôn thông suốt trong thời gian cầu Gia Bẫy chưa được khôi phục, sửa chữa xong. Quý 4/1973, nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên tiếp tục sửa chữa, khôi phục lại các cầu Mỏ Bạch, Số 5 (thành phố Thái Nguyên), Huy Ngạc (Đại Từ); nâng cấp mở rộng Đường 13A được 8,5km, rải nhựa được 4,5km và làm đường mới từ thành phố Thái Nguyên vào hồ Núi Cốc. Ngành Giao thông - vận tải tỉnh tiếp nhận và vận chuyển 10 vạn tấn hàng từ Cao Bằng về xuôi an toàn. Chín tháng đầu năm 1974, chỉ tính riêng tuyến Thái Nguyên- Bắc Kạn đã vận chuyển được khối lượng hàng hoá 203 nghìn tấn. Năm 1974 so với năm 1969, khối lượng vận tải hàng hoá bằng cơ giới tăng 19%, bằng xe thô sơ tăng 21,9%, vận tải hành khách tăng 82,9%.

Giao thông nông thôn phát triển nhanh chóng, đến cuối năm 1974, hơn 80% số xã trên địa bàn Thái Nguyên

1. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái 1955 - 1975, trang 287, 288.

đã có đường ô tô có thể đi, lại đến trung tâm xã trong mùa khô. Quân, dân trong tỉnh làm mới và sửa chữa 223 chiếc cầu lớn, nhỏ, 3.481 cống các loại, đóng mới và sửa chữa 4.555 phương tiện vận tải thô sơ. Chỉ tính riêng huyện Định Hoá đã làm được 660km đường liên thôn, 260km đường liên xã. Giao thông, vận tải Thái Nguyên được khôi phục và phát triển nhanh chóng đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế - văn hoá - xã hội của tỉnh đi lên, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, quốc phòng và đảm bảo đời sống nhân dân trong tỉnh.

Bên cạnh việc khôi phục và phát triển các ngành công, nông, nghiệp, giao thông vận tải; các ngành Xây dựng cơ bản, Lưu thông phân phối của Thái Nguyên cũng được chú ý đẩy mạnh. Từ năm 1973 đến năm 1975, xây dựng cơ bản tăng trung bình mỗi năm 5,5%, "Lưu thông phân phối đã đảm bảo các nhu cầu cơ bản cho sản xuất, chiến đấu và đời sống"¹.

Thắng lợi bước đầu của nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên trên mặt trận kinh tế là thể hiện chủ trương đúng đắn của Đảng bộ tỉnh, là sự kết tinh những giá trị lao động của quân và dân Thái Nguyên trong khôi phục và phát triển sản xuất, trong đó "Dân quân, tự vệ đông đảo ở khắp nơi là lực lượng hùng hậu trong sản xuất và tham gia xây dựng mọi phong trào ở địa phương, có tác dụng thúc đẩy phong trào chung của các xã, hợp tác xã, cơ quan, xí nghiệp tạo bước chuyển biến mọi mặt sau

1. Báo cáo chính trị của Tỉnh uỷ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ hai (năm 1976).

chiến tranh, làm cho đời sống nhân dân cơ bản ổn định, một số vùng được cải thiện rõ rệt"¹.

Cùng với việc khôi phục, củng cố, phát triển kinh tế và giao thông vận tải, Thái Nguyên đẩy mạnh chuyển hướng các hoạt động thông tin, văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao... phù hợp với tình hình đất nước và địa phương sau Hiệp định Pa ri. Công tác thông tin, tuyên truyền tập trung động viên nhân dân hăng hái lao động, sản xuất, hàn gắn vết thương do chiến tranh phá hoại của địch gây nên, động viên các tầng lớp nhân dân trong tỉnh hướng về tiền tuyến, phấn đấu hoàn thành kế hoạch Nhà nước, tiếp tục đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến.

Công tác giáo dục, ngay sau khi chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ vừa chấm dứt, hầu hết các trường, lớp ở nơi sơ tán đều chuyển về chỗ cũ. Các trường, lớp bị hư hỏng trong chiến tranh lần lượt được tu sửa hoặc xây dựng lại. So với năm học trước, năm học 1973, số học sinh phổ thông tăng 4,5%. Năm 1974, ngành giáo dục phổ thông có bước phát triển mới, thành phố Thái Nguyên và các huyện Phú Lương, Võ Nhai, học sinh các lớp cuối cấp I, II, III thi tốt nghiệp đạt tỷ lệ từ 90% trở lên. So với năm học 1973 - 1974, năm học 1974 - 1975 số học sinh phổ thông tăng 6,5%, số học sinh mẫu giáo tăng 2,4%. Bên cạnh giáo dục phổ thông, phong trào bổ túc

1. Báo cáo chính trị của Tỉnh uỷ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ hai (năm 1976).

văn hoá tiếp tục được khôi phục, xây dựng và phát triển mạnh ở Công ty Gang thép và Nhà máy điện Thái Nguyên. Giáo dục phát triển đã thu hút hầu hết các em ở lứa tuổi học sinh đến trường. Được đào tạo, giáo dục dưới mái trường xã hội chủ nghĩa, trải qua chiến tranh, bom, đạn, các em đã trưởng thành nhanh chóng. Đây là nguồn quan trọng để bổ sung cho lực lượng vũ trang những chiến sĩ có sức khoẻ, có văn hoá và chính trị tư tưởng tốt. Mỗi năm có hàng ngàn em đã và đang học ở các trường phổ thông trong tỉnh xung phong tình nguyện nhập ngũ. Năm 1974, hơn 3.000 nam, nữ thanh niên lên đường tòng quân, giết giặc (trong đó 85% có trình độ văn hoá cấp II và cấp III).

Công tác y tế cũng được khôi phục, phát triển và tổ chức lại phù hợp với điều kiện thời bình. Các bệnh viện, trạm xá được sửa chữa, xây dựng lại, các trang thiết bị được bổ sung, đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường đã mở ra khả năng phục vụ đông đảo nhân dân các dân tộc trên địa bàn. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ty Y tế, được các cấp, các ngành quan tâm, 25 trạm xá đã được củng cố, trở lại hoạt động bình thường nâng số trạm xá nằm trên địa bàn các huyện, thành thuộc Thái Nguyên lên trên 150 đơn vị, trong đó có gần 100 trạm xá được trang bị hoàn chỉnh. So với năm 1972, năm 1973, số người đến khám bệnh tăng 40%, số người điều trị tăng 30%. Những cố gắng của ngành Y tế Thái Nguyên đã góp phần bảo vệ sức khoẻ cho cán bộ và nhân dân, đồng thời cũng góp phần cứu chữa và điều trị được nhiều người bị nạn trong chiến tranh.

Quân y cơ quan Quân sự các cấp và các đơn vị bộ đội địa phương duy trì tốt chế độ khám, chữa bệnh định kỳ, đáp ứng cơ bản các yêu cầu về thuốc men, phòng ngừa được dịch bệnh, đảm bảo sức khoẻ học tập, công tác thường xuyên cho cán bộ, chiến sĩ đạt tỷ lệ bình quân 99,4%. Ngoài ra, cơ quan quân y các cấp trong tỉnh còn phối hợp chặt chẽ với các bệnh viện, bệnh xá, trạm xá tổ chức khám, chữa bệnh cho lực lượng dự bị, góp phần giảm được nhiều tình trạng bộ đội "thấp, bé, nhẹ cân" trong các đợt tuyển quân. Một trong những đóng góp quan trọng của ngành Y tế Thái Nguyên trong 3 năm (1973 - 1975) là đã khám tuyển được gần 1 vạn thanh niên vào bộ đội.

*
* *

Giữa lúc quân và dân Thái Nguyên đang ra sức lao động, xây dựng và củng cố hậu phương vững mạnh, thì bọn tội phạm hình sự, lưu manh, trộm, cướp lợi dụng các mặt sơ hở trong quản lý kinh tế, xã hội của các cấp, các ngành trong tỉnh để cướp của, giết người, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa. Tội phạm hình sự gia tăng và ngày càng nghiêm trọng; các tệ nạn xã hội (mê tín dị đoan, cờ bạc, nghiện hút) xuất hiện ngày càng nhiều. So với năm 1972, năm 1973 số vụ vi phạm pháp luật trên lĩnh vực kinh tế, xã hội tăng từ 5% đến 40% (trong đó có 11 vụ giết người, cướp của; 683 vụ trộm cắp; 179 vụ tai nạn giao thông. Các vụ nghiêm trọng là vụ tổ chức ăn cắp vật tư ở Công ty gang thép Thái Nguyên, ở Nhà máy điện Thái

Nguyên, ở Mỏ đá Núi Hột; vụ đánh nhau giữa học viên Trường lái xe Quân đội với học viên Trường học sinh miền Nam ở Phú Lương.

So với năm 1973, năm 1974 tình hình trật tự, trị an xã hội còn xấu hơn; số vụ trộm cắp tăng 40% (trong đó vụ Công trường xây dựng hồ Núi Cốc mất trộm 2.000 kíp mìn, 100 mét dây cháy chậm là vụ nghiêm trọng nhất). Về an ninh chính trị, năm 1973 một số tên trong các tổ chức phản động ở Định Hoá, Võ Nhai, trong thiên chúa giáo tìm cách hoạt động, chống đối chính quyền, tuyên truyền chiến tranh tâm lý, phá rối trị an xã hội.

Sở dĩ có tình trạng các vụ vi phạm pháp luật ngày càng tăng, có nơi nghiêm trọng là vì " Công tác trị an còn nhiều biểu hiện chủ quan, thiếu nhạy bén trước những diễn biến phức tạp nảy sinh sau khi chấm dứt chiến tranh; tổ chức nắm tình hình và phòng ngừa tội phạm kém... "Các ngành Công an, Kiểm sát, Toà án từ tỉnh xuống các huyện, thành còn biểu hiện nhiều mặt hữu khuynh; việc lập các hồ sơ, xét xử các vụ vi phạm tài sản xã hội chủ nghĩa; gây rối trật tự trị an, vi phạm luật hôn nhân, gia đình... làm quá chậm, thiếu kịp thời; việc kết hợp giữa tuyên truyền giáo dục với các biện pháp kinh tế, hành chính kém"¹.

Trước tình hình trên, việc tăng cường giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thái Nguyên trong thời kỳ này trở nên cấp bách và không chỉ

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 1973 của Tỉnh uỷ.

là trách nhiệm của các ngành Công an, Kiểm sát, Toà án mà là trách nhiệm chung của toàn xã hội, trong đó có trách nhiệm nặng nề của lực lượng vũ trang địa phương.

Thực hiện Chỉ thị ngày 20/4/1973 của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc về "Một số vấn đề cấp thiết trong việc giữ gìn kỷ luật quân đội và tham gia giữ gìn trị an xã hội trong tình hình mới", Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đẩy mạnh công tác giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành điều lệnh, điều lệ; củng cố tổ chức quản lý cơ quan, đơn vị về mọi mặt. Các cơ quan quân sự tỉnh, Thành phố và huyện Phú Lương phối hợp với Công an giải quyết tốt các vụ gây rối đánh nhau giữa học viên Trường học sinh miền Nam với học viên Trường lái xe quân đội, giữa một số thương binh bị kích động với Công an thành phố Thái Nguyên.

Phối hợp với ngành Công an, lực lượng vũ trang địa phương đã vạch trần những âm mưu, thủ đoạn chiến tranh tâm lý của bọn tay sai, phản động trong công giáo ở thành phố Thái Nguyên và huyện Đông Hỷ. Tháng 8/1973, lực lượng vũ trang địa phương phối hợp với Công an tỉnh khám phá, truy quét và trấn áp kịp thời tổ chức phản động mang tên "Đảng trung dân cứu quốc" tại Võ Nhai.

Năm 1974, thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, trong đợt học tập các Nghị quyết 195, 228 và Chỉ thị 192 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh cùng với các ngành Công an, Kiểm sát, Toà án mở một cuộc tuyên truyền pháp luật trong cán bộ và nhân dân, nhằm giáo dục và ngăn chặn các hành động phi pháp, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, giữ vững kỷ

cương xã hội; đồng thời kiên quyết truy quét bọn tội phạm, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân và bảo vệ trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn. Lực lượng vũ trang thành phố Thái Nguyên phối hợp với Công an Thành phố chỉ đạo các xã Đồng Quang, Gia Sàng, Quang Vinh, Túc Duyên và các tiểu khu Tân Long, Quán Triều, Quyết Thắng, Hoàng Văn Thụ, Trưng Vương, Phan Đình Phùng, Phú Xá, Hương Sơn, Tân Thành (thuộc thành phố Thái Nguyên), huy động gần 100 cán bộ của Thành phố và cơ sở, tiến hành 2 đợt kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra đã phát hiện 321 vụ phạm pháp. Được sự giúp đỡ của nhân dân, Công an Thành phố phối hợp chặt chẽ với bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ làm trong sạch căn bản địa bàn Thành phố, nhất là các khu vực Trung tâm, Đồng Quang và các ga Quán Triều, Lưu xá. Tổ kiểm soát Quân sự của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với Công an Thành phố trực tiếp giải toả và ngăn chặn có hiệu quả các hành động côn đồ của một số phần tử quá khích, gây xung đột với nhân viên các trạm Thuế vụ ga Quán Triều (ngày 20/5), ga Đồng Quang (ngày 30/8) và đồn Công an Lưu Xá (ngày 19/8), đảm bảo tốt trật tự, an ninh địa bàn.

Qua kiểm tra hành chính và đấu tranh chống tội phạm hình sự, các lực lượng bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ và Công an còn phát hiện, bắt giữ một số kẻ giả danh bộ đội, công an, thương binh, cán bộ thuế vụ để lừa đảo, trộm cắp, trấn lột và gây rối trật tự công cộng.

Tháng 7/1974, trong đợt công tác đột xuất "Tăng cường bảo vệ an ninh thành phố Thái Nguyên", ngành Công an đã lập hồ sơ, đưa đi cải tạo tập trung 10 đối tượng xấu;

lập danh sách và đưa đi học tập kết hợp với lao động cải tạo tập trung theo lứa tuổi 94 em thiếu niên hư, nhằm giáo dục các em trở thành người công dân tốt. Đặc biệt, được sự giúp đỡ của nhân dân, lực lượng công an và bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ Thành phố đã bắt 1 ổ, 7 tên lưu manh, trộm cướp có nhiều tiền án, tiền sự, đang lẩn trốn pháp luật do tên Lê Bá Lương cầm đầu.

Tại huyện Đại Từ, tháng 8/1974, Công an huyện phối hợp với bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ và cán bộ nhân viên phòng Thuế, giải tỏa kịp thời 10 tên mặc quần áo và đeo huy hiệu giả danh bộ đội và thương binh vào vây phòng Tài chính huyện, bắt 4 tên chuyên buôn lậu.

Tại huyện Võ Nhai, tháng 3/1974 lực lượng vũ trang địa phương phối hợp Công an huyện bắt giữ 2 tên Hoàng Văn Sao và Phùng Văn Tam, cầm đầu tổ chức phản động "Đảng trung dân cứu quốc". Tiếp đó, tháng 4/1974, được nhân dân giúp đỡ, lực lượng vũ trang địa phương và Công an Võ Nhai lại phát hiện và triệt phá tiếp tổ chức phản động "Liên đoàn người cộng sản" chuyên tuyên truyền, nói xấu chế độ, đả kích lãnh tụ, phá hoại phong trào hợp tác xã, bắt 2 tên cầm đầu là Lý Tiến Lâm và Triệu Sinh Vương.

Hai năm 1973, 1974, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Đông Hỷ tổ chức các hội nghị chuyên đề về công tác trị an xã hội và củng cố quốc phòng, chống bạo loạn. Lực lượng dân quân, tự vệ phối hợp chặt chẽ với các lực lượng bộ đội địa phương, bộ đội chủ lực đóng trên địa bàn và ngành Công an thường xuyên tổ chức tuần tra, canh gác, luyện tập sẵn sàng chiến đấu. Nhờ đó mà trên địa bàn Thái Nguyên, an ninh

chính trị và trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững, quốc phòng được củng cố.

Trong công tác giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, Thái Nguyên đã xây dựng cơ sở và đẩy mạnh phong trào ở khắp các huyện, thành. Tại thành phố Thái Nguyên, các xã Đồng Quang, Gia Sàng, Quang Vinh, Túc Duyên, các tiểu khu Hoàng Văn Thụ, Tân Long, Quán Triều, Phú Xá, các nhà máy, xí nghiệp Luyện cán thép Gia Sàng, Gõ Tháng Tám, Giấy Hoàng Văn Thụ luôn giữ vững và phát huy truyền thống "Đơn vị trật tự, trị an tốt". Các trường Đại học sư phạm Việt Bắc, Công nghiệp nhẹ, Công nhân kỹ thuật III... phong trào giữ gìn trật tự trị an từ đơn vị yếu đã vươn lên đơn vị khá.

Tuy hơn hai năm (1/1973 - 4/1975) là khoảng thời gian ngắn ngủi, nhưng nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, phát triển văn hoá, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Đó là cơ sở vững chắc để quân và dân Thái Nguyên tiến hành xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ dồn sức chi viện cho quân và dân miền Nam đánh bại hoàn toàn đế quốc Mỹ và tay sai.

*
*
*

Quán triệt sâu sắc quan điểm của Quân uỷ Trung ương đã nêu trong Nghị quyết 61 "Dân quân, tự vệ là lực

lượng bán vũ trang nòng cốt và đông đảo trong nhân dân. Bất kỳ trong tình huống nào cũng phải ra sức xây dựng dân quân, tự vệ làm lực lượng gốc của lực lượng vũ trang nhân dân", ngay sau khi Hiệp định Pa ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam vừa được ký kết, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ thị cho cơ quan quân sự các huyện, thành khẩn trương "Xây dựng dân quân, tự vệ vững mạnh toàn diện, đi vào nền nếp, có chất lượng, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu và làm nòng cốt xung kích cho mọi công tác ở địa phương"¹.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, cơ quan quân sự các huyện, thành nằm trên địa bàn Thái Nguyên đã tổ chức quán triệt tình hình nhiệm vụ xây dựng dân quân, tự vệ cho 453 cán bộ xã đội và 479 cán bộ tự vệ; xây dựng chỉ tiêu, kế hoạch xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ cho từng cơ sở xã, thị trấn, đơn vị tự vệ.

Trên cơ sở giáo dục nâng cao một bước nhận thức về chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ chỉ huy và chiến sĩ lực lượng bán vũ trang ở địa phương, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự các huyện, thành đề bạt 103 cán bộ, chiến sĩ vào các cấp chỉ huy từ tiểu đội đến trung đội, xã đội dân quân và đại đội tự vệ; kiên quyết đưa ra khỏi cương vị chỉ huy một số cán bộ dân quân, tự vệ sa sút về phẩm chất đạo đức hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác (trong đó các

1. Báo cáo sơ kết củng cố tổ chức dân quân, tự vệ 6 tháng đầu năm 1973 của BCHQS tỉnh.

huyện Phú Bình thay thế 46 cán bộ, Đông Hỷ thay thế 42 cán bộ, Đại Từ thay thế 15 cán bộ. Các xã Phúc Triu (Đông Hỷ), Cúc Đường (Võ Nai), Tiên Phong (Phổ Yên) đã lựa chọn, đề bạt xã đội trưởng là nữ. Hầu hết các xã, các cơ sở tự vệ trên địa bàn tỉnh đã có cấp uỷ viên phụ trách công tác dân quân, tự vệ). Nhờ đó, so với năm 1972, năm 1973 tỷ lệ cán bộ dân quân, tự vệ trẻ, khoẻ, có năng lực và trình độ chỉ huy tăng lên rõ rệt. Các cấp chỉ huy dân quân, tự vệ được kiện toàn, đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng bán vũ trang ở địa phương.

Đồng thời với việc củng cố tổ chức, việc xây dựng, củng cố các đơn vị cơ động chiến đấu của dân quân, tự vệ trở thành yêu cầu cấp bách. Đầu năm 1973, trên địa bàn Thái Nguyên có 24 trung đội dân quân, tự vệ cơ động huyện, thành và cơ động vùng (liên xã) với hơn 1.000 cán bộ, chiến sĩ. Trung bình mỗi xã có 1 tiểu đội dân quân cơ động (bình quân mỗi tiểu đội có 15 cán bộ, chiến sĩ) làm nhiệm vụ chiến đấu tập trung, giữ vai trò nòng cốt trong phong trào toàn dân chiến đấu bảo vệ an ninh, trật tự ở xã.

Qua kiểm tra giữa năm 1973 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đối với các đơn vị dân quân, tự vệ cơ động, điểm mạnh nổi lên là tổ chức của các đơn vị đảm bảo đủ quân số theo qui định, bố trí đạt được ý đồ tác chiến, nhận thức chính trị tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ tốt, tổ chức chặt chẽ, có tinh thần sẵn sàng chiến đấu, bảo quản, giữ gìn vũ khí đúng qui định. Điểm yếu là: ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong sinh hoạt, trình độ kỹ, chiến thuật còn hạn chế;

tỷ lệ nữ trong các trung đội, đại đội cơ động của dân quân, tự vệ các huyện Phổ Yên, Phú Bình còn cao; cá biệt có trung đội cơ động chưa được huấn luyện.

Đối với cấp xã, qua kiểm tra của Ban chỉ huy quân sự các huyện, thành thì điểm mạnh là tổ chức biên chế đủ, có khả năng cơ động chiến đấu trên địa bàn. Điểm yếu là trình độ chiến thuật, kỹ thuật thấp; trang bị vũ khí không đầy đủ; sử dụng và bảo quản vũ khí chưa đúng qui định; dân quân, tự vệ các huyện Võ Nhai, Định Hoá còn dùng súng, đạn để săn thú rừng.

Từ thực tế kiểm tra nêu trên, vấn đề đặt ra hết sức cấp bách đối với Thái Nguyên là phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng lực lượng bán vũ trang địa phương, đảm bảo tốt yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi.

Bộ chỉ huy quân sự tỉnh làm tham mưu cho Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các huyện, thành xây dựng chỉ tiêu, kế hoạch xây dựng, củng cố, tổ chức và phát triển lực lượng dân quân, tự vệ cụ thể cho từng cơ sở. Ban chỉ huy quân sự các huyện, thành tổ chức quán triệt nhiệm vụ cho cán bộ chủ chốt các xã và cán bộ chỉ huy tự vệ về nhiệm vụ xây dựng và củng cố dân quân, tự vệ. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh mở lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác dân quân, tự vệ của các cơ quan quân sự huyện, thành.

Được các cấp uỷ Đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, các ngành, các giới trong tỉnh phối hợp chặt chẽ, công tác xây dựng, củng cố tổ chức, phát triển lực

lượng dân quân, tự vệ Thái Nguyên những tháng cuối năm 1973, có nhiều tiến bộ rõ rệt.

Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tập trung chỉ đạo tốt việc xây dựng, củng cố tiểu đoàn cao xạ của tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên, 2 đại đội súng máy cao xạ của dân quân huyện Đại Từ và tự vệ Nhà máy điện Thái Nguyên, 2 đại đội hoả lực ĐKZ của dân quân 3 xã Đông Tiến, Hồng Tiến, Thắng Lợi (Phổ Yên) và đại đội bộ binh cơ động của tự vệ Công trường xây dựng Nhà máy cán thép Gia Sàng. Các xã Tân Cương (Đông Hỷ), Cấp Tiến, Hồng Phong (Phú Bình) mỗi xã xây dựng được 2 trung đội dân quân cơ động chiến đấu trên địa bàn xã, các cơ quan Công ty ô tô 19/8, Nông trường chè Quân Chu, Công ty gang thép Thái Nguyên, mỗi cơ quan xây dựng được 1 trung đội tự vệ cơ động chiến đấu vùng. Các trung đội dân quân, tự vệ cơ động chiến đấu này đều được huấn luyện cơ bản, có khả năng cơ động chiến đấu ở các khu vực được phân công. Các trung đội dân quân, tự vệ gần huyện lỵ các huyện Định Hoá, Võ Nhai, Phú Bình đã được xây dựng và củng cố tốt, có tác dụng tích cực thúc đẩy phong trào dân quân, tự vệ ở cơ sở. Nhờ làm tốt việc xây dựng và phát triển lực lượng, nên cuối năm 1973 Thái Nguyên đã có 60.911 dân quân và 7.642 tự vệ, đạt tỷ lệ 13,2% so với dân số. Thành phố Thái Nguyên và huyện Phổ Yên là 2 đơn vị dẫn đầu các huyện, thành trong tỉnh về công tác xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng dân quân, tự vệ (tỷ lệ dân quân, tự vệ so với dân số thành phố Thái Nguyên đạt 18%, huyện Phổ Yên đạt 19%).

Trong quá trình củng cố và xây dựng lực lượng bán vũ trang địa phương, Thái Nguyên đã không chỉ phát triển nhanh về số lượng mà còn đảm bảo từng bước nâng cao về chất lượng. Hàng năm các cơ sở dân quân, tự vệ trong tỉnh đã giáo dục, rà xét, chọn lọc, kết nạp vào lực lượng dân quân, tự vệ những người thuộc lứa tuổi thanh niên khoẻ mạnh, có trình độ văn hoá. Các quân nhân phục viên, xuất ngũ có phẩm chất đạo đức tốt được kết nạp vào dân quân, tự vệ, và được bồi dưỡng, đề bạt vào các cấp lãnh đạo, chỉ huy từ tiểu đội, trung đội đến xã đội dân quân và đại đội tự vệ làm nòng cốt cho công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ trật tự, trị an ở cơ sở. Đồng thời các cơ sở cũng xem xét cho nghỉ hoạt động đối với những cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ tuổi cao, sức yếu hoặc đưa ra khỏi đội ngũ những người có trách nhiệm thấp và phẩm chất đạo đức kém¹.

Năm 1974, xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ công tác quân sự địa phương, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh quyết định xây dựng thêm và điều chỉnh nhiệm vụ của một số đơn vị dân quân, tự vệ. Trên địa bàn Thái Nguyên ngày 23/8/1974, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh quyết định thành lập Đại đội dân quân, du kích xã Động Đạt (huyện Phú Lương) làm nhiệm vụ tác chiến tại chỗ và cơ động chiến đấu trên địa bàn các huyện Phú Lương, Đại Từ, Định Hoá, Võ Nhai. Ngày 18/9/1974. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh

1. Chỉ tính riêng 9 tháng đầu năm 1974 tỉnh kết nạp 932 người vào dân quân, tự vệ; đồng thời cũng cho nghỉ hoạt động và đưa ra khỏi lực lượng dân quân, tự vệ 1.218 người.

quyết định chuyển Đại đội tự vệ Nông trường Bắc Sơn (huyện Phổ Yên) từ đơn vị cơ động chiến đấu của tỉnh thành đơn vị chiến đấu tại chỗ. Đầu tháng 11/1974, trên địa bàn huyện Đại Từ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh quyết định nâng cấp tổ chức tự vệ Nông trường chè Quán Chu từ trung đội lên thành đại đội và quyết định thành lập tiếp đơn vị tự vệ Công trường xây dựng hồ Núi Cốc.

Đầu tháng 12/1974, theo chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết 88 của Thường trực Quân uỷ Trung ương, được sự uỷ quyền của Tỉnh uỷ, Đảng uỷ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã tổ chức Hội nghị thảo luận nội dung, kế hoạch công tác quân sự địa phương năm 1975. 100% đại diện cấp uỷ Đảng, chính quyền, cơ quan quân sự các huyện, thành, các ban, ngành trên địa bàn Thái Nguyên đã về dự Hội nghị. Hội nghị đã tập trung thảo luận bản dự thảo nội dung, kế hoạch công tác quân sự địa phương năm 1975 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh về xây dựng các lực lượng dân quân, tự vệ, bộ đội địa phương và quân dự bị; chuẩn bị điều kiện hoàn thành kế hoạch động viên, tuyển quân năm 1975, các biện pháp đảm bảo sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ trị an; động viên các lực lượng vũ trang địa phương tham gia sản xuất; đẩy mạnh chấp hành chính sách hậu phương quân đội và chính sách đãi ngộ đối với dân quân, tự vệ. Trên cơ sở quán triệt Chỉ thị 210 của Ban Bí thư và Nghị quyết 88 của Thường trực Quân uỷ Trung ương, Hội nghị đã nhanh chóng nhất trí những vấn đề quan trọng về củng cố, kiện toàn tổ chức và phát triển lực lượng vũ trang địa phương; đăng ký và quản lý quân dự bị; huấn luyện quân sự và đào tạo cán

bộ; xây dựng kế hoạch, phương án tác chiến cơ bản, lâu dài; các biện pháp đảm bảo sẵn sàng chiến đấu, phòng không sơ tán, bảo vệ trị an và động viên tuyển quân.

Tiếp sau Hội nghị thảo luận nội dung, kế hoạch công tác quân sự địa phương năm 1975, ngày 31/12/1974, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp thông qua nội dung bản dự thảo kế hoạch công tác năm 1975 của Uỷ ban hành chính tỉnh "Nhanh chóng hoàn thành việc hàn gắn vết thương chiến tranh, ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; ổn định tình hình kinh tế và đời sống nhân dân; củng cố quốc phòng, ra sức chi viện cuộc đấu tranh chống Mỹ và xây dựng vùng giải phóng của đồng bào miền Nam". Ban Thường vụ tỉnh ra Nghị quyết tập trung mọi nỗ lực lãnh đạo toàn quân, toàn dân trong tỉnh "Hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ về công tác quân sự địa phương, nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu, thủ đoạn của địch; xây dựng và củng cố tốt bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ, đảm bảo thực hiện đầy đủ chỉ tiêu tuyển quân đủ số lượng, đúng thời gian, đúng chính sách và công bằng, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội".

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, đầu năm 1975, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với các cấp, các ngành chức năng chỉ đạo củng cố, xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ vững mạnh, rộng khắp. Sau bầu cử Hội đồng nhân dân xã, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo cơ quan quân sự các huyện, thành tập trung củng cố kiện

toàn đủ mỗi Ban chỉ huy xã đội từ 3 đến 5 cán bộ, trong đó tỷ lệ cán bộ trẻ, khỏe, có trình độ năng lực công tác quân sự được tăng lên. Ngoài các đơn vị dân quân, tự vệ đã có, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh quyết định thành lập thêm Đại đội tự vệ ngành Bưu điện tỉnh. Các tổ, đội thông tin liên lạc, cứu hoả, cứu thương, trinh sát, các đơn vị binh chủng, hoả lực của dân quân, tự vệ được sắp xếp ổn định, phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới.

Do quán triệt sâu sắc Chỉ thị 142 của Ban chấp hành Trung ương Đảng "tự vệ là lực lượng nửa vũ trang của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở thành thị, là công cụ chuyên chính của chính quyền nhân dân ở cơ sở. Cùng với dân quân, tự vệ là lực lượng hậu bị của quân đội và là một trong ba thứ quân của lực lượng vũ trang nhân dân" nên Đảng bộ, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp ở Thái Nguyên đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác củng cố, xây dựng lực lượng tự vệ. Là địa bàn có trên 160 đầu mối các cơ quan, xí nghiệp, với số lượng cán bộ, công nhân, viên chức chiếm tới 16% dân số, nên lực lượng tự vệ ở Thái Nguyên rất đông đảo. Riêng Công ty gang thép Thái Nguyên lúc cao nhất đã có tới 5.832 cán bộ, chiến sĩ tự vệ, chiếm 37% tổng số cán bộ, công nhân, viên chức toàn Công ty (trong đó so với tổng số cán bộ, công nhân viên ở các phân xưởng lực lượng tự vệ phân xưởng Cơ khí chiếm tỷ lệ 53%, ở phân xưởng Gang chiếm tỷ lệ 83,33%).

Từ thực tế sản xuất và chiến đấu trong những năm trực tiếp chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965 - 1972), sau ngày Hiệp định Pa ri được ký kết, Tỉnh

uỷ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tiếp tục chủ trương xây dựng lực lượng tự vệ khối công nghiệp (cả Trung ương và địa phương) thành đơn vị tự vệ mạnh, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tập trung cán bộ chỉ đạo Công ty gang thép Thái Nguyên làm thí điểm việc củng cố tổ chức và xây dựng lực lượng tự vệ để rút kinh nghiệm chỉ đạo củng cố tổ chức và xây dựng lực lượng tự vệ ra toàn tỉnh. Qua chỉ đạo thí điểm ở Công ty gang thép Thái Nguyên, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh rút ra một số kinh nghiệm bước đầu:

1 - Nên lấy tỷ lệ tự vệ là 40% so với tổng số cán bộ, công nhân, viên chức trong các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp.

2 - Tỷ lệ tự vệ chiến đấu phải chiếm trên 30% so với tổng số tự vệ.

3 - Cần bóc tách các đơn vị, lấy ca kíp, phân xưởng làm cơ sở để biên chế các đơn vị tự vệ chiến đấu, lấy tổ sản xuất để biên chế các đơn vị tự vệ. Tổ chức xây dựng lực lượng tự vệ ở các xí nghiệp theo phương án này vừa đảm bảo được yêu cầu sản xuất theo ca, kíp, tổ, đội trong phân xưởng, vừa đảm bảo lực lượng tự vệ sẵn sàng chiến đấu.

Trong công tác xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, lực lượng tự vệ Thái Nguyên đã luôn luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tạo được phong trào thi đua "Quyết thắng" sôi nổi trong các đơn vị. Tiêu biểu cho phong trào thi đua "Quyết thắng" của lực lượng tự vệ

Thái Nguyên trong 2 năm 1973, 1974 là các đơn vị tự vệ chi nhánh Ngân hàng thành phố Thái Nguyên, tự vệ chi nhánh Ngân hàng huyện Phổ Yên, Đại đội tự vệ 25 thuộc Công ty Xây lắp - Luyện kim. Trung đội 2 thuộc Đại đội tự vệ 2 Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, Đại đội tự vệ phân xưởng Đúc thuộc Công ty gang thép Thái Nguyên, Trung đội tự vệ nuôi cá và Trung đội tự vệ phòng Quản lý ruộng đất thuộc Uỷ ban nông nghiệp thành phố Thái Nguyên, Đại đội tự vệ Nhà máy mì sợi Bắc Hải v. v.

*

* * *

Song song với nhiệm vụ xây dựng củng cố tổ chức và phát triển lực lượng, Thái Nguyên đã rất coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng và huấn luyện quân sự cho cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ, coi đây là một nội dung rất quan trọng trong công tác xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương. Trong chỉ thị về phương hướng, nhiệm vụ giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự năm 1973, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã nêu rõ những vấn đề cơ bản về huấn luyện quân sự là nâng cao trình độ hiệp đồng tác chiến; nội dung huấn luyện phải phù hợp với đặc điểm tình hình địa bàn từng huyện và khu vực. Chỉ thị của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ rõ nhiệm vụ và nội dung huấn luyện của các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Đại Từ, Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên là học cách đánh địch tập kích đường không và bắn máy bay địch bay thấp các huyện; Võ Nhai, Phú Lương, Định Hoá là học tập phương

án đánh biệt kích, thám báo, bắt giặc lái máy bay, đánh địch đến cứu viện. Các khu vực có cơ quan, kho tàng ... chú trọng học tập các phương án đánh địch tập kích đường không v.v.

Để nâng cao chất lượng huấn luyện dân quân, tự vệ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tập trung chỉ đạo huấn luyện điểm dân quân ở một số xã và tự vệ ở một số cơ quan thuộc các huyện Đại Từ, Phú Lương và Đồng Hỷ để rút kinh nghiệm chỉ đạo ra toàn tỉnh.

Cùng với việc giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự, công tác trực ban, trực chiến phòng không, sẵn sàng chiến đấu thường xuyên được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và Ban chỉ huy quân sự các huyện, thành chỉ đạo các đơn vị Tiểu đoàn pháo cao xạ 37mm tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên và Đại đội súng máy cao xạ 14,5mm, 12,7mm của tự vệ các Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ và Điện Thái Nguyên duy trì tốt. Ngoài ra, các tổ, đội bắn máy bay địch bay thấp của dân quân các huyện, thành vẫn triển khai sẵn sàng chiến đấu khi có lệnh.

Sau khi Hiệp định Pa ri được ký kết, để đáp ứng với tình hình yêu cầu và nhiệm vụ mới, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo cơ quan quân sự các huyện, thành nghiên cứu, bổ sung phương án chiến đấu cho từng cơ sở, đặc biệt là những nơi xung yếu và những xã trọng điểm.

Tại thành phố Thái Nguyên, nhận thấy khu vực phía bắc và đông bắc Thành phố tiếp giáp với địa bàn các huyện Đồng Hỷ, Phú Lương cũng hết sức trọng yếu, kể

địch có thể gây rối trật tự, trị an xã hội dẫn đến bạo loạn, nên đầu năm 1974, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo thành phố Thái Nguyên và các huyện Đồng Hỷ, Phú Lương tổ chức diễn tập huy động lực lượng dân quân, tự vệ chống bạo loạn ở các khu vực Quán Triều (thành phố Thái Nguyên) và các xã Động Đạt, Cổ Lũng, Sơn Cẩm (Phú Lương), Cao Ngạn (Đồng Hỷ). Sau diễn tập, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh trực tiếp giúp đỡ Ban chỉ huy quân sự các huyện Đồng Hỷ, Phú Lương và thành phố Thái Nguyên xây dựng phương án tác chiến và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ sở dân quân, tự vệ ở các khu vực xung yếu, các xã trọng điểm, các bến tàu, xe, nơi có các cơ quan, xí nghiệp, kho tàng, trường học, bệnh viện...

Để thực hiện tốt phương án bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định khôi phục lại Ban chỉ huy phòng chống gián điệp, biệt kích tỉnh; giao cho các huyện, thành đảm bảo các phương tiện giao thông, thông tin liên lạc, tổ chức lực lượng chiến đấu và các lực lượng chuyên môn, các trang thiết bị... phục vụ cho Ban chỉ huy phòng chống gián điệp, biệt kích. Nhờ có sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ, các cấp có phương án đảm bảo tốt, nên trật tự, trị an xã hội và an ninh quốc phòng ở Thành phố và các huyện nằm trên địa bàn Thái Nguyên luôn được đảm bảo vững chắc.

Trong công tác chỉ đạo huấn luyện chính trị, quân sự, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đặc biệt coi trọng chỉ đạo huấn luyện ở các vùng yếu, trọng điểm, các đơn vị cơ động, các

cơ sở dân quân, tự vệ yếu và trắng. Với quyết tâm nâng vùng yếu lên đạt và khá, xoá bỏ vùng trắng, trong công tác chỉ đạo huấn luyện, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã đề ra phương hướng lấy công tác huấn luyện cán bộ là trung tâm, lấy huấn luyện du kích, tự vệ chiến đấu và tổ, đội binh chủng, đơn vị hoả lực là chủ yếu, đồng thời coi trọng đúng mức huấn luyện dân quân, tự vệ rộng rãi và giáo dục phổ cập kiến thức quân sự trong nhân dân, nhất là kiến thức về phòng tránh và khắc phục hậu quả chiến tranh khi địch đánh phá.

Quý I năm 1975, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh liên tiếp mở 14 lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ huấn luyện chính trị, quân sự cho 380 cán bộ chỉ huy cơ quan quân sự các huyện, thành và cơ quan đơn vị trực thuộc, cán bộ chỉ huy xã đội dân quân và đại đội tự vệ. Qua bồi dưỡng, cán bộ chỉ huy các cấp đã nâng cao thêm một bước nhận thức về chính trị, tư tưởng và trình độ tổ chức huấn luyện, tổ chức chỉ huy chiến đấu. Việc chấp hành các chế độ điều lệnh, điều lệ của quân đội, qui định của đơn vị và việc rèn luyện thể lực của đội ngũ cán bộ chỉ huy các cấp đã có chuyển biến tốt, từng bước khắc phục được các biểu hiện lệch lạc: hoà bình, nghỉ ngơi, ngại khó, mất cảnh giác. Kiểm tra đánh giá kết quả huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ các huyện Đại Từ đạt 98% khá, giỏi, Phổ Yên 86,52% khá, giỏi và thành phố Thái Nguyên đạt 81,57% khá, giỏi.

Công tác huấn luyện kỹ, chiến thuật cho du kích, tự vệ chiến đấu và các đơn vị hoả lực, đơn vị binh chủng được

cơ quan quân sự các cấp từ tỉnh xuống các huyện, thành, xã, cơ sở tự vệ tổ chức chặt chẽ. Các nội dung bắn súng, ném lựu đạn, bắn máy bay bay thấp bằng súng bộ binh, sử dụng vũ khí tự tạo, vũ khí hoá học đều được huấn luyện đầy đủ, kết quả kiểm tra bắn đạn thật đạt yêu cầu trở lên từ 85% đến 88%, trong đó có từ 30% đến 50% đạt khá, từ 20% đến 30% đạt giỏi. 100% các đơn vị dân quân cơ động, 90% đơn vị tự vệ chiến đấu đã được huấn luyện hết nội dung, chương trình kỹ thuật và các hình thức chiến thuật cá nhân đến tiểu đội, trung đội và đại đội chiến đấu. Đây là một sự cố gắng lớn của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và lãnh đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang Thái Nguyên nhằm nâng cao năng lực chỉ huy và chất lượng chiến đấu của lực lượng bán vũ trang địa phương.

Việc huấn luyện đối với các đơn vị bộ đội địa phương yêu cầu đòi hỏi cao và toàn diện hơn. Đại đội 73 tập trung học tập chiến thuật tập kích, vây lấn, tấn công kết hợp chốt. Các đại đội 91 và 74 học chiến thuật cá nhân và tổ kết hợp đánh một số mục tiêu. Kết quả kiểm tra của các đơn vị này đều đạt từ khá trở lên.

Nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao thể lực, sẵn sàng lên đường vào chiến trường miền Nam đánh giặc, cán bộ, chiến sĩ các đơn vị bộ đội địa phương Thái Nguyên đã đẩy mạnh các hoạt động thể thao, tổ chức luyện tập hành quân đường dài có mang, vác nặng. Các đơn vị đều có sân và thường xuyên tổ chức luyện tập bóng chuyền, xà đơn, xà kép, nhảy cao, nhảy xa. Chỉ tính riêng năm 1973, cán

bộ, chiến sĩ Đại đội 73 đã luyện tập hành quân đường dài tới 422 km (gấp 5 lần năm 1972), khi hành quân mỗi người mang vác nặng từ 20 kg đến 25 kg. Đại đội 73 là đơn vị dẫn đầu khối các đơn vị bộ đội địa phương Thái Nguyên về luyện tập hành quân đường dài mang, vác nặng và rèn luyện thể lực.

Nhờ làm tốt công tác huấn luyện, rèn luyện thể lực và luyện tập hành quân đường dài mang, vác nặng, nên các đơn vị bộ đội địa phương Thái Nguyên đã nhanh chóng đạt được trình độ cơ động cao, có khả năng tác chiến toàn diện, đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ địa phương, cơ động chiến đấu trên địa bàn Quân khu và sẵn sàng lên đường đánh giặc chi viện cho các chiến trường.

*

* * *

Những kết quả bước đầu trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và thắng lợi trong chiến dịch Xuân - Hè 1974 của quân và dân miền Nam trên các chiến trường Tống Lê Chân, Bến Cát, Nông Sơn, Trung Phước... vọng về, đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần luyện tập của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Thái Nguyên. Chín tháng đầu năm 1974, Thái Nguyên đã có 95% số xã và 75% số cơ sở tự vệ hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự năm 1974, trong đó dân quân các xã Thịnh Đức, Tân Quang (Đồng Hỷ), Yên Đổ (Phú Lương), Độc Lập (Đại Từ) và tự vệ chi nhánh Ngân hàng Phố Yên

đã hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự năm 1974 ngay từ 6 tháng đầu năm. So với năm 1973, năm 1974 trên địa bàn Thái Nguyên (chủ yếu là ở hai huyện Định Hoá và Võ Nhai) số cơ sở dân quân, tự vệ yếu kém và số cơ sở dân quân, tự vệ trắng trong huấn luyện đã giảm rõ rệt. Những thành tích đạt được trong huấn luyện năm 1974 là cơ sở để lực lượng vũ trang Thái Nguyên vươn lên đạt những kết quả cao hơn trong mùa huấn luyện năm 1975, đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Phấn khởi trước những thắng lợi to lớn của quân và dân ta trên chiến trường miền Nam, đầu năm 1975 công tác giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự của các lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã diễn ra sôi nổi, rộng khắp. Quý I/1975, Thái Nguyên đã bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ dân quân, du kích, tự vệ được 92%, cán bộ quân sự, 73% cán bộ chính trị ở 73% số cơ sở dân quân, tự vệ trong toàn tỉnh. Trong đó, các đơn vị khá là các huyện Đại Từ đạt 86,22%, thành phố Thái Nguyên đạt 81,57%. Song song với nhiệm vụ bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ, các huyện Đại Từ, Phú Lương, Phổ Yên, Định Hoá và thành phố Thái Nguyên đã triển khai huấn luyện dân quân, tự vệ nhanh, gọn, chất lượng tương đối tốt.

Việc huấn luyện các đơn vị cơ động, các vùng yếu, trọng điểm cũng được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo tiến hành đồng thời, nên hết quý I/1975, Thái Nguyên đã hoàn thành huấn luyện xong 100% số xã nằm trong các vùng xung yếu, trọng điểm; 100% các đơn vị dân quân, du

kích cơ động và 90% cơ sở tự vệ chiến đấu. Đây là một sự cố gắng rất lớn của các cơ sở dân quân, tự vệ Thái Nguyên nhằm nâng cao khả năng chỉ huy và chiến đấu của lực lượng hậu bị, sẵn sàng bổ sung cho tiền tuyến những cán bộ, chiến sĩ có sức chiến đấu tốt.

*

*

*

Đối với việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội, sau Hiệp định Pa ri, được sống trong không khí hoà bình, một số cán bộ và nhân dân trong tỉnh nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, vị trí, tác dụng của chính sách hậu phương quân đội. Họ cho rằng "Việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội đã có các cơ quan quân sự và Thương binh - xã hội các cấp tỉnh, huyện, xã làm; cả làng đi bộ đội thì ưu tiên giúp đỡ thế nào cho hết; các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình quân nhân nhân bị thiếu đói là do ỷ lại vào trợ cấp của Nhà nước"¹ v.v

Phát hiện được tình hình trên, tháng 10/1973, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết mở cuộc vận động "Toàn dân chấp hành chính sách hậu phương quân đội". Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với các ngành chức năng chỉ đạo huyện Đồng Hỷ làm thí điểm triển khai cuộc vận

1. Báo cáo số 50/B-CS tháng 10/1973 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh về kết quả thực hiện cuộc vận động chấp hành chính sách hậu phương quân đội ở ba huyện Phổ Yên, Phú Bình, Phú Lương.

động để rút kinh nghiệm chỉ đạo ra toàn tỉnh. Tiếp theo, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo 3 huyện: Phổ Yên, Phú Lương, Phú Bình triển khai cho cán bộ và nhân dân học tập chính sách hậu phương quân đội. Kết quả ở ba huyện trên, các đối tượng tham gia học tập: cấp uỷ viên đạt 95%, xã viên hợp tác xã đạt 86,3%, nhân dân làm ăn cá thể đạt 60%, gia đình có người thân đang chiến đấu ở chiến trường miền Nam và Lào đạt 97,3%, gia đình liệt sĩ đạt 96%, gia đình thương binh đạt 86,3%, các đối tượng hưu trí, mất sức, bộ đội phục viên: đạt 81,6%. Qua học tập, các cấp uỷ Đảng, chính quyền, cán bộ và các tầng lớp nhân dân đã nhận thức được việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội có tác động trực tiếp đến công tác động viên, tuyển quân chi viện chiến trường; đến việc tăng cường sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân. Sau học tập, nhân dân ba huyện Phổ Yên, Phú Bình, Phú Lương đã tự nguyện đóng góp, ủng hộ gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình bộ đội neo đơn: 8.260 cây tre, 8.550 tàu lá cọ, 309 công, làm mới 30 ngôi nhà, sửa chữa 150 ngôi nhà khác; ủng hộ 581 bộ quần áo, 40 chăn, màn và 3.557 kg gạo; đào giúp 3.395 chiếc hầm phòng tránh máy bay.

Nhân dịp các ngày lễ, tết, ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7), các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể quân chúng và lực lượng vũ trang trong tỉnh đã tổ chức thăm viếng, dâng hoa, thắp hương các đài tưởng niệm và nghĩa trang liệt sĩ. Đại diện các cơ quan, đoàn thể tổ chức thăm hỏi, động viên, tặng quà các gia đình thương binh, liệt sĩ, tử sĩ, gia đình có công với nước. Các hợp tác xã và các

đoàn thể quân chúng thường xuyên đặt trách nhiệm giúp đỡ các gia đình neo đơn, chăm sóc tuổi già, con trẻ khi ốm đau. Các gia đình thuộc diện được hưởng chính sách hậu phương quân đội được hợp tác xã điều hoà lương thực, được xét hoàn cảnh cụ thể để miễn hoặc giảm các nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm với Nhà nước. Các gia đình liệt sĩ, gia đình có người đang chiến đấu ở các chiến trường miền Nam và Lào được trợ cấp "đến tay, đủ số, đúng kỳ". Năm 1973, toàn tỉnh đã trợ cấp cho 14.346 gia đình gồm 22.056 bố, mẹ, 5.009 vợ và 7.379 con quân nhân đang tại ngũ.

Bên cạnh những thành tích và ưu điểm trên, công tác chấp hành chính sách hậu phương quân đội của tỉnh năm 1973 qua kiểm tra của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và các ngành chức năng vẫn còn có những thiếu sót. Những thiếu sót chính là tỷ lệ sai sót trong việc chi trả trợ cấp gia đình B, C còn cao (6,8%), làm tổn thất cho công quỹ tới 18,2%; đến cuối năm 1973, toàn tỉnh vẫn còn 30.000 đồng tiền trợ cấp chưa được phát tới các gia đình chính sách.

Phát huy những ưu điểm và khắc phục những thiếu sót của năm 1973, năm 1974 và những tháng đầu năm 1975, công tác hậu phương quân đội được các cấp uỷ Đảng, chính quyền, cơ quan đoàn thể và các ngành chức năng của tỉnh lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ hơn. Do đó đã đạt được kết quả tốt hơn so với năm 1973, góp phần quan trọng làm an lòng hàng vạn cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang là con em nhân dân các dân tộc trong tỉnh đang

chiến đấu ở ngoài tiền tuyến, động viên họ nêu cao tinh thần "Quyết chiến, quyết thắng" anh dũng tiến lên, giết giặc, lập công. Và tiêu biểu cho tinh thần "quyết chiến, quyết thắng" đó của con em nhân dân các dân tộc Thái Nguyên ở ngoài tiền tuyến là đồng chí Trần Xuân Thiện (sinh năm 1954; quê ở xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương; nhập ngũ tháng 9/1972), trong Chiến dịch mùa Xuân năm 1975 đã chiến đấu dũng cảm, lập công đặc biệt xuất sắc bắn cháy 1 xe tăng và 1 xe bọc thép M113, bắt sống 1 xe ô tô GMC và 1 xe bọc thép M113, tiêu diệt và bắt sống gần 100 tên địch, thu 3 máy thông tin, 1 máy ảnh. Và với những thành tích đặc biệt xuất sắc đó, ngày 30/10/1978 đồng chí Trần Xuân Thiện đã được Đảng, Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ tuyên dương danh hiệu cao quý "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

Đối với Thái Nguyên, việc chấp hành tốt chính sách hậu phương quân đội của Đảng và Nhà nước đã góp phần động viên nhân dân các dân tộc trong tỉnh hăng hái đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến.

*

* *

Trong những năm 1973, 1974 và những tháng đầu năm 1975, để tăng cường lực lượng cho Quốc phòng và chi viện đặc lực cho quân và dân miền Nam đánh Mỹ và thắng Mỹ, công tác động viên tuyển quân ở các tỉnh, thành hậu phương miền Bắc có tầm quan trọng đặc biệt. Ngay từ tháng 11/1972, Hội đồng Chính phủ đã chỉ thị

triển khai tuyển quân đợt I năm 1973 trong tháng 12/1972. Chỉ thị của Hội đồng Chính phủ xác định "Động viên tuyển quân là công tác có tầm quan trọng hàng đầu đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, yêu cầu các địa phương phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cả về số lượng, chất lượng và thời hạn giao quân". Quán triệt Chỉ thị của Hội đồng Chính phủ, ngày 20/11/1972, Tỉnh uỷ đã ra "Chỉ thị tăng cường lãnh đạo công tác tuyển quân năm 1973", yêu cầu các cấp, các ngành "Phát huy thành tích công tác tuyển quân năm 1972, bất kỳ tình huống nào, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh cũng kiên quyết hoàn thành tốt công tác tuyển quân đạt và vượt chỉ tiêu về số lượng, đảm bảo chất lượng tốt, giao quân đúng thời gian, góp phần chi viện cho tiền tuyến với tinh thần tích cực, khẩn trương và đầy đủ nhất". "Các cấp uỷ Đảng cần quan tâm đúng mức tới công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong nhân dân nhất là đối với lực lượng thanh niên nhằm thực hiện tốt nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Các cơ sở phải thực hiện tốt chính sách điều hoà lương thực và tổ chức giúp đỡ những gia đình bộ đội, thương binh, liệt sĩ, tử sĩ".

Thực hiện các chỉ thị của Hội đồng Chính phủ và của Tỉnh uỷ, Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh đã họp, giao chỉ tiêu tuyển quân năm 1973 cho các huyện, thành. Ngày 11/12/1972, Uỷ ban hành chính tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết công tác tuyển quân năm 1972, bàn nội dung, biện pháp thực hiện nhiệm vụ động viên tuyển quân năm 1973, với 100% đại diện các cấp uỷ Đảng, chính quyền, cơ quan quân sự các huyện, thành và đại diện các ngành,

các giới, các đoàn thể quần chúng trong tỉnh đã có mặt tham dự. Sau Hội nghị, Ủy ban hành chính tỉnh đã huy động 60 cán bộ các ngành từ trưởng, phó ty trở xuống tăng cường cho các huyện, thành làm công tác động viên, tuyển quân.

Giữa lúc công tác động viên tuyển quân của các huyện, thành nằm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đang diễn ra khẩn trương, sôi nổi những ngày giáp tết nguyên đán, thì ngày 27/1/1973, Hiệp định Pa ri về chấm dứt chiếm tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam đã được ký kết, việc động viên tuyển quân chi viện chiến trường miền Nam tạm dừng lại. Hai huyện Phú Bình, Đại Từ tuyển được 394 tân binh ở các xã yếu, vùng yếu, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giao cho Quân khu Việt Bắc và các quân, binh chủng.

Tháng 8/1973, theo Chỉ thị của Hội đồng Chính phủ và mệnh lệnh của Bộ tư lệnh Quân khu Việt Bắc, Thái Nguyên tiếp tục tuyển quân đợt II năm 1973. Được hoãn tuyển quân đợt I, các cơ sở có nhiều điều kiện thuận lợi về người để chuẩn bị tuyển quân đợt II và trong cuộc bầu cử Hội đồng nhân cấp xã (tháng 4/1973), các cơ sở đã lựa chọn được nhiều cán bộ tốt đưa vào vị trí lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở (toàn tỉnh thay đổi quá nửa xã đội trưởng, riêng huyện Phú Bình thay tới 17 trên tổng số 22 xã đội trưởng), nên công tác tuyển quân đợt II của Thái Nguyên có nhiều thuận lợi. Nhưng do thời gian chuẩn bị tuyển quân đợt II quá ngắn (chỉ có 1 tuần), nên Tỉnh uỷ, Ủy ban hành chính và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã phải hoãn triển khai nhiều việc khác để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tuyển quân.

Với quyết tâm "Phất cao ngọn cờ tháng Tám, giao quân vượt mức kế hoạch", "Vì đồng bào miền Nam ruột thịt", Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Thái Nguyên đã động viên được 2.353 nam, nữ thanh niên vào bộ đội, vượt chỉ tiêu Quân khu giao 0,07%. Chất lượng tuyển quân của Thái Nguyên đợt II năm 1973 đảm bảo tốt, 98,99% ở độ tuổi từ 18 đến 25, đa số là thanh niên khoẻ mạnh, 89,59% chưa lập gia đình, hầu hết có trình độ văn hoá cấp 2, cấp 3 (cũ). Thành phố Thái Nguyên tuyển được 284 thanh niên vào bộ đội, vượt mức chỉ tiêu trên giao 1,4%, trở thành đơn vị dẫn đầu toàn tỉnh trong công tác tuyển quân đợt II năm 1973. Tiếp theo thành phố Thái Nguyên, các huyện Đại Từ tuyển được 407 thanh niên, Đồng Hỷ tuyển được 353 thanh niên vào bộ đội, vượt mức chỉ tiêu kế hoạch của Uỷ ban hành chính tỉnh giao.

Tuy nhiên, do công tác tuyên truyền, giáo dục động viên tuyển quân của các cấp, các ngành còn chưa thường xuyên, nhất là từ khi có chỉ thị của Hội đồng Chính phủ tạm hoãn tuyển quân đợt I; trong khi đó cấp uỷ Đảng, Chính quyền ở một số huyện, xã lãnh đạo, chỉ đạo công tác động viên tuyển quân đợt II lại thiếu sát sao, nên tỷ lệ chống lệnh nhập ngũ toàn tỉnh đợt II năm 1973 còn lên tới 22%, cá biệt các huyện Võ Nhai, Phú Bình tỷ lệ này lên tới gần 55%.

Năm 1974, Thái Nguyên tiến hành 2 đợt tuyển quân, đợt I vào thời kỳ giữa năm và đợt II vào tháng 10.

Đợt I, Thái Nguyên được Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc giao chỉ tiêu tuyển 1003 tân binh nam và 156 tân binh nữ. Mặc dù chỉ tiêu tuyển quân đợt I năm 1974

Quân khu giao cho Thái Nguyên không cao so với các đợt trước, năm trước, nhưng các huyện, thành trong tỉnh đã không hoàn thành được chỉ tiêu cả về số lượng, chất lượng và thời gian. Tỉnh chỉ tuyển được 812 tân binh nam (đạt 80,95%) và 116 tân binh nữ (đạt 74,35%), có huyện còn có xã trắng (xã không tuyển được người vào quân đội), có nơi tỷ lệ chống lệnh gọi nhập ngũ lên tới 47,64%, tỷ lệ số đảo ngũ so với số nhập ngũ là 27,6% (có tỉnh trong Quân khu tỷ lệ này là 34,6%). Trong số 812 thanh niên Thái Nguyên nhập ngũ đợt I năm 1974 còn có những anh bộ đội “thấp, bé, nhẹ cân” do tỉnh và các huyện, thành thiếu kế hoạch bồi dưỡng sức khỏe và chữa bệnh.

Sở dĩ trong điều kiện hoà bình, công tác tuyển quân của Thái Nguyên gặp khó khăn, không hoàn thành được các yêu cầu chỉ tiêu cả về số lượng, chất lượng và thời gian là do công tác giáo dục chính trị tư tưởng của lãnh đạo, chỉ đạo các cấp trong tỉnh chưa sâu sắc, tỉnh có in hàng vạn tài liệu để tuyên truyền, phổ biến chính sách động viên tuyển quân, nhưng các cấp huyện, thành và cơ sở đã không phát huy được tác dụng của tài liệu; huyện Võ Nhai có tài liệu, nhưng không sử dụng để tuyên truyền, giáo dục; các cấp chỉ đạo có lúc, có nơi còn quan liêu, mệnh lệnh, không nắm được thực lực, thiếu chuẩn bị chu đáo, ít kiểm tra đôn đốc và giúp đỡ cơ sở khắc phục khó khăn; một số huyện, xã còn thiếu công bằng khi thực hiện chính sách động viên tuyển quân.

Để tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác động viên tuyển quân, ngày 13/8/1974, Quân khu uỷ, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc mở Hội nghị sơ kết, rút kinh nghiệm

lãnh đạo, chỉ đạo công tác động viên tuyển quân và bản nội dung, phương hướng, nhiệm vụ tuyển quân đợt II năm 1974.

Tại Hội nghị quan trọng này, đồng chí Thượng tướng Chu Văn Tấn (Bí thư Quân Khu uỷ kiêm Chính uỷ Quân khu Việt Bắc) đã đọc báo cáo đánh giá tình hình, nhiệm vụ cách mạng Việt Nam sau Hiệp định Pa ri, xác định nhiệm vụ của Quân khu đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Thay mặt Quân khu uỷ và Bộ Tư lệnh Quân khu, đồng chí Bí thư Quân khu uỷ kiêm Chính uỷ Quân khu đã chỉ ra những thiếu sót của các địa phương trong đó có Thái Nguyên trong công tác động viên tuyển quân.

Sau Hội nghị sơ kết, rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo tuyển đợt I năm 1974 của Quân khu, Thái Nguyên đã có thêm được những kinh nghiệm lãnh đạo chỉ đạo tuyển quân đợt II năm 1974.

Nhằm khắc phục các khuyết điểm trong tuyển quân đợt I và hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân đợt II, ngày 28/8/1974, Uỷ ban hành chính tỉnh chỉ thị cho các huyện, thành phải chuẩn bị hoàn chỉnh việc khám tuyển, xét duyệt hồ sơ tuyển quân trong 9 tháng để tháng 10 tiến hành giao quân.

Vì thời gian tuyển quân đợt II năm 1974 đúng vào vụ thu hoạch ở nông thôn, nên Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, tiến hành khẩn trương chu đáo ngay từ đầu.

Được giao chỉ tiêu tuyển quân với số lượng lớn, các đồng chí Chủ tịch, Phó chủ tịch các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phổ Yên đã xuống các xã trực tiếp chỉ đạo tuyển quân, tạo được bước chuyển biến mới về nhận thức cho cán bộ và nhân dân ở cơ sở, mang lại kết quả tốt.

Tuy Đại Từ là huyện có chỉ tiêu tuyển quân cao nhất các huyện, thành trong tỉnh, nhưng do cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp trong huyện làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo nên đã giao quân vượt chỉ tiêu 8%, tiếp đó là huyện Đồng Hỷ giao quân vượt chỉ tiêu 6%.

Đặc biệt, tại thành phố Thái Nguyên, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính và Hội đồng nghĩa vụ quân sự Thành phố đã triệu tập hội nghị liên ngành thảo luận, thống nhất cách giải quyết mối quan hệ giữa công tác tuyển quân với tuyển sinh và tuyển lao động. Hội nghị liên ngành thành phố Thái Nguyên xác định tuyển quân là nhiệm vụ hàng đầu, nhưng cũng cần quan tâm đúng mức tới việc giáo dục, đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân để xây dựng đất nước sau chiến tranh. Được lãnh đạo, chỉ đạo và các cơ quan, ban, ngành Thành phố quan tâm giúp đỡ, chỉ đạo, các cơ sở thuộc Thành phố đã là tốt công tác giáo dục, động viên được đông đảo thanh niên hăng hái lên đường nhập ngũ. Tuyển quân đợt II năm 1974, thành phố Thái Nguyên đã giao quân vượt chỉ tiêu 14%, giữ vững truyền thống là đơn vị đạt tỷ lệ tuyển quân vượt chỉ tiêu cao nhất trong tỉnh.

Tại huyện Phú Bình, các ngành, các đoàn thể quần chúng đều tổ chức hội nghị bàn nội dung, biện pháp động viên tuyển quân, coi công tác động viên tuyển quân là

trách nhiệm của từng ngành và toàn xã hội. Các huyện Phổ Yên, Phú Lương kết hợp tốt giữa công tác giáo dục với các biện pháp của chính quyền, vừa động viên, tuyên truyền giáo dục vừa kiên quyết xử lý những trường hợp chống lệnh, huy động các cơ sở còn thực lực, nhất là những cơ sở vốn trước đây “yếu” hoặc “trắng”, nhờ vậy mà kết quả tuyển quân đợt II năm 1974 huyện Phú Lương vượt chỉ tiêu 1%.

Năm 1974, phối hợp chặt chẽ với cơ quan quân sự các cấp trong tỉnh, ngành Y tế tỉnh đã tổ chức khám tuyển quân được 9.560 người, cắt và điều trị a mi đan trước khi giao quân cho 89 người; chất lượng khám tuyển được nâng lên, số quân bị thải loại về sức khoẻ giảm từ 20% năm 1973 xuống còn 12%.

Ngành Công an đã chỉ đạo, xét duyệt chặt chẽ lai lịch chính trị trên 6.000 hồ sơ lý lịch tuyển quân, đảm bảo chất lượng tốt, nên thải loại về chính trị khi giao quân chỉ còn 0,5%. Quá trình xét duyệt tuyển quân, các ngành, các cấp đã nắm chắc tiêu chuẩn, vận dụng đảm bảo chính sách công bằng và hợp lý, thủ tục giấy tờ đầy đủ.

Cơ quan quân sự các cấp trong tỉnh đã phát huy hết trách nhiệm, tích cực và chủ động làm tốt công tác tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền địa phương; các ngành Giao thông – Vận tải, Thương nghiệp, Lương thực, thực phẩm, các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát... theo chức năng, nhiệm vụ của mình đã nâng cao tinh thần trách nhiệm, phục vụ đắc lực nhiệm vụ tuyển quân, góp phần hạn chế mặt tiêu cực, đưa công tác tuyển quân đạt kết quả tốt.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ, Ủy ban hành chính tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của cơ quan quân sự với các cơ quan ban, ngành, đoàn thể các cấp trong tỉnh, nên năm 1974, Thái Nguyên đã tuyển được 1.535 người vào bộ đội, vượt chỉ tiêu của Bộ Tư lệnh Quân khu giao cho tỉnh 1,5%, trong đó thành phố Thái Nguyên vượt 14%, các huyện Đại Từ vượt 8%, Đồng Hỷ vượt 6%, Định Hoá vượt 4%, Phú Lương vượt 1%. Ba huyện không đạt chỉ tiêu là Phú Bình (đạt 85,5%), Võ Nhai (đạt 96%), Phổ Yên (đạt 97,3%).

Do có những thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác tuyển quân năm 1974 của các cơ sở, ngày 31/12/1974, Ủy ban hành chính tỉnh đã ra quyết định số 52/QĐ-UB tặng Bằng khen cho cán bộ nhân dân và lực lượng vũ trang trong các huyện Phú Lương, thành phố Thái Nguyên và 14 đơn vị cơ sở thuộc huyện Đồng Hỷ và thành phố Thái Nguyên.

Đầu năm 1975, những thắng lợi ngày càng to lớn của quân và dân miền Nam đã tạo thời cơ giải phóng miền Nam, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, vì vậy việc chi viện cho miền Nam lúc này là nhiệm vụ hàng đầu và là tình cảm thiêng liêng của nhân dân các dân tộc Thái Nguyên.

Ngày 10/1/1975, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc giao cho tỉnh tuyển 4428 người vào quân đội bổ sung cho chiến trường miền Nam và các binh chủng.

Đón trước tình hình nhiệm vụ năm 1975, ngay từ cuối năm 1974, Đảng uỷ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã mở Hội

ng nghị bàn phương hướng, nhiệm vụ và sơ bộ giao chỉ tiêu tuyển quân năm 1975 cho các huyện, thành trong tỉnh. Hội nghị đã đề ra nhiều biện pháp động viên, khen thưởng, tổ chức toạ đàm, in và phát tài liệu tuyên truyền, giáo dục thắng lợi của cách mạng miền Nam kết hợp với công tác kiểm tra, giúp đỡ cơ sở giải quyết khó khăn trong công tác tuyển quân.

Tiếp đó, Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh và các ngành, các cấp trong tỉnh đã mở Hội nghị chuyên đề quán triệt mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ động viên tuyển quân năm 1975. Sự lãnh đạo của Đảng bộ, chỉ đạo của chính quyền, chỉ huy của cơ quan quân sự và hỗ trợ của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp trong tỉnh đối với công tác động viên, tuyển quân được tăng cường. Ngoài công tác giáo dục chính trị, động viên tư tưởng, kiểm tra nắm chắc thực lực, chuẩn bị hồ sơ, các công tác đảm bảo hậu cần, khám chữa bệnh ngăn ngày..., được các ngành quan tâm xúc tiến rất khẩn trương.

Do tình hình cách mạng miền Nam chuyển biến nhanh chóng, nên yêu cầu hậu phương miền Bắc phải chi viện khẩn trương. Ngày 18/2/1975, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc điện chỉ thị cho tỉnh hoàn thành ngay việc tuyển quân đợt I năm 1975 trong tháng 2 và hoàn thành tuyển quân đợt II năm 1975 vào ngày 15/3. Chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu yêu cầu nơi nào có điều kiện thuận lợi thì giao quân đợt II cùng một lúc với đợt I và hoàn thành tuyển quân đợt III năm 1975 vào ngày 15/4/1975.

Thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, sau một thời gian ngắn chuẩn

bị, hàng ngàn nam, nữ thanh niên là con em nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã hăng hái ghi tên tình nguyện lên đường nhập ngũ. Tuyển quân đợt I năm 1975, Thái Nguyên đã động viên được 998 thanh niên nhập ngũ, vượt chỉ tiêu Quân khu giao 9,7%.

Tiếp theo, ngày 22/2/1975, Ủy ban hành chính tỉnh chỉ thị cho các huyện, thành tuyển quân đợt II. Chấp hành chỉ thị của Ủy ban hành chính tỉnh, các huyện, thành đã nỗ lực phấn đấu, giao quân đợt II được 2.866 tân binh, vượt chỉ tiêu trên giao 3,47%.

Có sự chi viện kịp thời của hậu phương miền Bắc (trong đó có Thái Nguyên), với quyết tâm chiến lược đúng đắn, chính xác của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng, ngày 11/3/1975, quân ta tiến công và hoàn toàn giải phóng thị xã Buôn Ma Thuật mở màn cho chiến dịch Tây Nguyên toàn thắng. Từ ngày 25/3/1975, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp, hạ quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Tháng 4/1975, quân ta tiến công địch trong “Thế chẻ tre” suốt dọc vùng duyên hải miền Trung. Tỉnh Khánh Hoà kết nghĩa được giải phóng là niềm vui của quân và dân cả nước nói chung, của quân và dân Thái Nguyên nói riêng.

Tin chiến thắng của quân và dân ta trên các chiến trường miền Nam đã làm nức lòng quân và dân Thái Nguyên. Quân và dân Thái Nguyên nguyện đem hết sức mình góp phần vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc.

Thực hiện Thông tri số 254 ngày 3/4/1975 của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, tháng 4/1975, 219 thanh niên là

cán bộ, công nhân, sinh viên... đang công tác, học tập tại các cơ quan, trường học, công, nông, lâm trường, xí nghiệp đóng trên địa bàn Thái Nguyên đã nô nức lên đường tòng quân giết giặc.

Với tinh thần “Vì đồng bào miền Nam ruột thịt”, “Vì trách nhiệm vinh quang giải phóng miền Nam”, 4 tháng đầu năm 1975, Thái Nguyên đã tiến hành dồn dập 3 đợt động viên tuyển quân với qui mô lớn, huy động được 3.994 thanh niên vào bộ đội (có 116 nữ), vượt chỉ tiêu Quân khu giao về số lượng 1,8%, đảm bảo chất lượng tốt, giao quân gọn, đúng thời gian.

Đúng đầu thành tích tuyển quân của tỉnh Thái Nguyên 4 tháng đầu năm 1975 vẫn là thành phố Thái Nguyên vượt 39% và huyện Đại Từ vượt 19%; các huyện còn lại đều đạt và vượt chỉ tiêu được giao.

Cùng với nhiệm vụ tuyển quân chi viện chiến trường, Thái Nguyên tập trung xây dựng lực lượng bộ đội địa phương vững mạnh, đảm bảo lực lượng sẵn sàng chiến đấu tại chỗ khi có chiến tranh xảy ra. Thực hiện chỉ thị ngày 15/4/1975 của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, ngày 22/4/1975, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức thành lập 2 đơn vị dự nhiệm của tỉnh gồm Trung đoàn 295 pháo cao xạ làm nhiệm vụ bảo vệ thành phố Thái Nguyên và Tiểu đoàn 51 công binh làm nhiệm vụ cơ động đảm bảo giao thông, vận tải trên địa bàn tỉnh.

Trung đoàn 295 có 3 tiểu đoàn hoả lực (1 tiểu đoàn pháo cao xạ 57mm và 2 tiểu đoàn pháo cao xạ 37mm) và 3 cơ quan Trung đoàn bộ (Tham mưu, Chính trị, Hậu

cần). Ban chỉ huy Trung đoàn 295 gồm các đồng chí Thiếu tá Lục Văn Lang (Trung đoàn trưởng), Thiếu tá Hà Tuấn Trung (Chính uỷ); cán bộ chỉ huy các cơ quan Trung đoàn bộ gồm Đại úy Vũ Văn Ưu (Tham mưu trưởng), Đại úy Phạm Thuần (Chủ nhiệm Chính trị) và Thượng úy Mai Văn Ván (quyên Chủ nhiệm Hậu cần). Ngay sau khi thành lập, Ban chỉ huy Trung đoàn 295 và Ban chỉ huy Tiểu đoàn 51 đã khẩn trương tiếp nhận cán bộ, chiến sĩ khung do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh điều về, ổn định biên chế tổ chức, củng cố nơi ăn, ở, sẵn sàng nhận nhiệm vụ của Quân khu và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giao cho.

Trong hơn 2 năm (từ tháng 1/1973 đến tháng 4/1975), quân và dân Thái Nguyên đã động viên 8.614 con em nhân dân các dân tộc trong tỉnh nhập ngũ vào bộ đội. Con em Thái Nguyên vào bộ đội đã có mặt chiến đấu ở khắp các chiến trường ba nước Đông Dương, góp phần to lớn cùng với quân và dân cả nước đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

Ngày 30/4/1975, chiến dịch, Hồ Chí Minh toàn thắng, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, non sông đất nước thu về một mối. Trong niềm vui đại thắng, tuy có mất mát, hy sinh, song nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên tự hào đã phát huy tốt truyền thống anh hùng, bất khuất của quê hương căn cứ địa trước cách mạng tháng 8/1945, Thủ đô kháng chiến của cả nước trong kháng chiến chống Pháp, đóng góp nhiều sức người, sức của vào thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc.

KẾT LUẬN

Hai mươi một năm (1954 - 1975) chỉ là một khoảng khắc đối với lịch sử dân tộc, nhưng những thành tựu mà nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang tỉnh Thái Nguyên đã đạt được trong thời gian ấy thì thật là to lớn. Quân và dân Thái Nguyên đã trải qua những năm, tháng thử thách gay go và ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và đã được khẳng định.

Ra khỏi khói lửa của cuộc kháng chiến chống Pháp kéo dài suốt chín năm đầy gian khổ, hy sinh và anh dũng của dân tộc, nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái Nguyên không một phút nghỉ ngơi, lao ngay vào trận chiến đấu mới. Đảng bộ, nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang Thái Nguyên đứng trước nhiệm vụ nặng nề: vừa phải nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục, cải tạo, xây dựng, phát triển kinh tế xã hội, từng bước đi lên XHCN; vừa phải nâng cao cảnh giác, đề phòng âm mưu phá hoại của kẻ thù và các thế lực phản động. Vào lúc đó, tình hình kinh tế Thái Nguyên rất khó khăn. Công nghiệp là con số không. Nông nghiệp vẫn cảnh manh mún, tự cấp, tự túc, lúa cấy một vụ không chắc ăn, nhà nông không đủ nuôi mình. Thị xã Thái Nguyên là đồng gạch vụn, hoang tàn. Các cơ sở giáo dục,

y tế, văn hóa không có gì đáng kể ngoài một trường trung học Lương Ngọc Quyến và vài chục trường tiểu học, một số phòng phát thuốc, một đoàn cải lương... Các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, cơ quan quân sự tỉnh vừa từ nơi sơ tán trở về vốn quen chỉ đạo, vận động đánh giặc, kháng chiến, còn rất bỡ ngỡ trước công việc kiến thiết, xây dựng. Các tầng lớp nhân dân, lực lượng vũ trang trong tỉnh rất phấn chấn trước khung cảnh quê hương, đất nước hòa bình; nhưng khi nhìn vào thực tế trước mắt quá nhiều khó khăn, hậu quả chiến tranh nặng nề, đặc biệt là sau này, khi phát hiện sai lầm của cải cách ruộng đất là nghiêm trọng, mọi người không khỏi lo lắng, băn khoăn, có người bi quan...

Nhìn lại tình hình những ngày đầu hòa bình (7-1954), càng thấy rõ những khó khăn, thử thách mà Đảng bộ và quân dân Thái Nguyên đã vượt qua. Đồng thời càng thấy những thành tựu của Thái Nguyên trong 21 năm chống Mỹ cứu nước có ý nghĩa vô cùng sâu sắc.

Khi nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang tỉnh Thái Nguyên tạm chia tay với các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ và bộ đội đã gắn bó cùng nhau suốt 9 năm kháng chiến về tiếp quản Thủ đô (10-1954), cũng là lúc cuộc đấu tranh giai cấp đang diễn ra quyết liệt một cơn, một mất giữa nông dân và địa chủ ở hầu hết các huyện trong tỉnh, nhằm xóa bỏ chế độ người bóc lột người và thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng" như cương lĩnh năm 1930 của Đảng đã đề ra. Trước sự mất còn, giai cấp địa chủ đã phản ứng quyết liệt, chúng cấu kết với bọn phản động tìm mọi cách chống lại

đường lối chính sách của Đảng, chống lại cải cách ruộng đất, cải cách dân chủ.

Được Đảng phát động, có lực lượng vũ trang - những người nông dân mặc áo lính - vừa trực tiếp tham gia đấu tranh vừa làm hậu thuẫn vững chắc, nông dân ở 75 xã thuộc các huyện trung du tiến hành cải cách ruộng đất và 73 xã ở các huyện miền núi làm cải cách dân chủ trong tỉnh đã giành thắng lợi hoàn toàn. Giai cấp địa chủ bị đánh đổ; ruộng đất đã về tay nông dân. Nông dân thực sự được giải phóng và làm chủ nông thôn, đồng ruộng; tăng cường khối liên minh công nông.

Tiếc rằng trong khi tiến hành cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, ta đã phạm phải một sai lầm rất nghiêm trọng. Trung ương Đảng đã phát hiện ra những sai lầm đó và chủ trương kiên quyết sửa chữa.

Tuy diện cải cách ruộng đất ở Thái Nguyên không rộng (75 xã/149 xã) nhưng là tỉnh được chọn làm thí điểm, nên sai lầm phạm phải là nghiêm trọng, nhất là trong chỉnh đốn tổ chức. Nhiều cán bộ, đảng viên ở cơ sở, từng là chỉ huy xã đội, chỉ huy dân quân, du kích, từng là quân nhân tại ngũ, đã nhiều năm lăn lộn ngoài mặt trận cùng với hàng ngàn cán bộ, đảng viên khác, nay gia đình và bản thân bị quy sai thành phần, kết tội liên quan với đế quốc phong kiến... gây nên bầu không khí căng thẳng ở nông thôn, ở trong các đơn vị bộ đội địa phương và dân quân, du kích.

Thực hiện chủ trương sửa sai của Trung ương, tỉnh ủy Thái Nguyên đã huy động nhiều cán bộ, trong đó có cả cán bộ quân đội đưa về các xã đã cải cách ruộng đất để

sửa sai. Khi tiến hành công tác sửa sai, lực lượng vũ trang của tỉnh được giao trọng trách: giữ gìn trật tự nông thôn, bảo vệ thành quả cải cách ruộng đất, tham gia công tác sửa sai; chống cưỡng ép di cư; vận động sản xuất, chống đói giáp hạt. Nhiều cán bộ, đảng viên được minh oan, được trả lại tự do, trả lại công quyền đã hăng hái lao ngay vào công việc sửa sai, chia sẻ với Đảng những mất mát trong cải cách ruộng đất, trong chỉnh đốn tổ chức.

Như Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã nhận định trong Hội nghị lần thứ X: "Sai lầm cải cách ruộng đất là nghiêm trọng". Tại Thái Nguyên, tỉnh được chọn làm thí điểm cải cách ruộng đất, những sai lầm cũng đã gây chấn động xã hội trong tỉnh. Tính riêng lực lượng vũ trang, đã có gần 100 đồng chí, trong đó có hơn 20 đồng chí là cán bộ từ cấp trung đội đến cấp tiểu đoàn thuộc bộ đội địa phương Thái Nguyên và 74 đồng chí là cán bộ xã đội, trung đội trưởng dân quân, du kích bị quy oan, xử trí sai¹.

Song do được Đảng giáo dục và rèn luyện và thử thách trong những ngày đấu tranh cách mạng và kháng chiến gian khổ, các đồng chí này vẫn giữ vững lòng tin ở Đảng, Bác Hồ - Người cha kính yêu của các lực lượng vũ trang, nhẫn nại chờ đợi sự sáng suốt của Đảng. Không có một trường hợp nào bất mãn, dao động ngả theo kẻ xấu, phản bội lợi ích của nhân dân. Sự vững vàng của những

1. Báo cáo tổng kết cải cách ruộng đất của tỉnh ủy Thái Nguyên - 1957 - lưu tại Ban NCLSD Thái Nguyên.

đồng chí bị oan sai nói riêng và cả lực lượng vũ trang nói chung là một đảm bảo chắc chắn cho sự ổn định xã hội. Đảng bộ Thái Nguyên đánh giá cao vai trò của lực lượng vũ trang tỉnh nhà trong công tác sửa chữa sai lầm cải cách ruộng đất.

Cùng với công tác sửa sai, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, năm 1956, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân tỉnh Thái Nguyên tích cực tham gia cuộc vận động thành lập Khu tự trị Việt Bắc. Việc thành lập Khu tự trị Việt Bắc chỉ là phát triển thêm một bước chính sách dân tộc của Đảng trong điều kiện hòa bình lập lại, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, tạo thêm khả năng cho các dân tộc thiểu số để thực hiện quyền bình đẳng do cách mạng đã mang lại. Khu tự trị Việt Bắc ra đời, thị xã (sau này là thành phố) Thái Nguyên được chọn làm thủ phủ đã làm cho nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang Thái Nguyên thêm đoàn kết, phấn khởi, tăng cường thêm ý thức làm chủ quê hương, đất nước, phát huy được mọi khả năng và tính tích cực của cán bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh để xây dựng và bảo vệ đất nước.

Về xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục: từ một tỉnh nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, sau 11 năm (1954 - 1965) gian khổ phấn đấu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh, Thái Nguyên đã trở thành tỉnh công - nông - lâm nghiệp có những thành tựu quan trọng. Trên nhiều khu đồi đã mọc lên những cơ sở công nghiệp quan trọng, có quy mô lớn nhất miền Bắc như Khu liên hợp gang thép Thái Nguyên, khu công nghiệp cơ khí Sông Công, Bãi Bông, khu công nghiệp nhẹ

bắc thành phố Thái Nguyên. Công nghiệp khai thác mỏ cũng phát triển nhanh và mạnh như các mỏ than Phấn Mễ, Làng Cẩm, Quán Triều, Khánh Hòa, mỏ phốt phát Núi Vãn, quặng sắt Trại Cau, chì, kẽm làng Hích... mỗi năm khai thác hàng trăm ngàn tấn than, quặng phục vụ cho nhu cầu sản xuất trong và ngoài tỉnh¹. Đội ngũ công nhân khi hòa bình lập lại, cả tỉnh có chưa đầy 500 người, đến 1964 lực lượng ấy đã có tới 4 vạn người. Hệ thống giao thông được mở rộng, đã có thêm nhiều tuyến đường bộ liên tỉnh, liên huyện và liên xã. Đặc biệt năm 1962 tuyến đường sắt Quán Triều - Đông Anh dài 54km đã được đưa vào vận chuyển hành khách và hàng hóa. Vận tải thủy, thành phố Thái Nguyên có một hợp tác xã thuyền trọng tải 1.200 tấn đi từ Bến Tượng đến Hải Phòng... Toàn tỉnh đã có hơn 5 ngàn thợ thủ công (gấp 10 lần năm 1954) sản xuất vật liệu xây dựng, làm hàng tiêu dùng và xuất khẩu... Nông nghiệp có bước phát triển vượt bậc. Năm 1955, bình quân lương thực một năm một người là 270kg, năm 1964 tăng lên 446kg. Tốc độ tăng trưởng bình quân (1961 - 1965) 7,8% (kể cả chăn nuôi)². Những năm này, nông dân Thái Nguyên dư dật lương thực, hoàn toàn thoát khỏi nạn đói giáp hạt.

Kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, do đó sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa cũng có cơ sở và

1. Tăng trưởng công nghiệp địa phương bình quân 5 năm (1961 - 1965) là 11,8%.

2. Trong "Bắc Thái lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước" đưa con số tăng trưởng nông nghiệp là 9,4% - đây chỉ tính trồng trọt.

điều kiện mở mang. Năm 1961 tỉnh ta đã xóa nạn mù chữ, đạt tỷ lệ 93,5%. Năm học 1964 - 1965, toàn tỉnh có hơn 200 trường phổ thông với gần 5,6 vạn học sinh, trong đó có 8 trường cấp 3. Đến năm 1965, toàn tỉnh đã thanh toán xong bệnh sốt rét. Hệ thống bệnh viện, bệnh xá, trạm y tế xã từ tỉnh xuống đến xã được xây dựng, đội ngũ thầy thuốc ngày càng đông (năm 1965 gấp 1,6 lần năm 1960) và đã sản xuất đủ thuốc chữa bệnh cho dân...

Thấu suốt hai nhiệm vụ chiến lược do đại hội Đảng toàn quốc lần thứ ba (9-1960), trong khi tập trung năng lực, trí tuệ của toàn Đảng, toàn quân toàn dân trong tỉnh đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên hết sức chú trọng công tác xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng. Trong giai đoạn này Mỹ - Diệm luôn hô hào "Bắc tiến", nguy cơ chiến tranh lan rộng ra cả nước, có thể xảy ra, chấp hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (3-1957) về "Tích cực xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng", tỉnh ủy Thái Nguyên đã chỉ đạo việc xây dựng lực lượng hậu bị, củng cố dân quân, tự vệ và thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự. Tháng 10-1959, tỉnh ủy Thái Nguyên ra Nghị quyết về tăng cường lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng hậu bị.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, đến cuối năm 1959 số dân quân, tự vệ đã tăng 61,2% so với năm 1958. Toàn tỉnh có 423 trung đội dân quân, tự vệ, 54% cán bộ xã đội là quân nhân phục viên, 75% số xã có các cấp ủy viên tham gia Ban chỉ huy xã đội; cán bộ trung đội tuyền đại

bộ phận là đảng viên và bộ đội phục; 85% đơn vị dân quân, tự vệ hoàn thành chương trình huấn luyện quân sự. Qua kiểm tra sau huấn luyện, đại đa số cán bộ, chiến sĩ đạt khá, giỏi cả về lý thuyết và thực hành.

Tháng 2-1965, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân ra miền Bắc. Tám tháng sau đó, ngày 17-10-1965, chúng đã leo thang đánh phá Thái Nguyên. Quân và dân Thái Nguyên bắt đầu trực tiếp đối mặt với kẻ thù và cuộc đối đầu này diễn ra liên tục và kéo dài cho đến ngày 29-12-1972.

Trong cuộc chiến tranh này, đế quốc Mỹ đã huy động gần 4.000 lần chiếc máy bay các loại (có 69 lần chiếc máy bay B52) đánh, phá Thái Nguyên trên 1.900 trận trong 297 ngày và 70 đêm, với gần 15.000 quả bom phá (tương đương gần 5.000 tấn). Riêng thành phố Thái Nguyên, chúng đã huy động tới 2.056 lần chiếc trong đó có 69 lần chiếc B52, tiến hành 269 phi vụ, ném 6.658 quả bom, trên 10 vạn quả bom bi, bắn hàng trăm quả tên lửa và rốc két, gây cho Thành phố nhiều thiệt hại to lớn về người và của. Hàng ngàn người dân trong tỉnh bị chết hoặc tàn phế, hàng trăm cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, trường học, bệnh viện bị ném bom dữ dội, hàng vạn mét vuông nhà bị tàn phá, hầu hết các cầu qua sông bị phá hủy. Nhưng tỉnh Thái Nguyên, Thành phố "gang thép" chẳng những không bị hủy diệt như giặc Mỹ mong muốn, mà còn hiên ngang đứng vững như một chiến lũy anh hùng. Quân dân tỉnh Thái Nguyên đã chiến đấu hơn 400 trận, bắn rơi 61 máy bay các loại, trong đó có 2 chiếc B52, một chiếc máy bay trinh sát điện tử EB66, tháo gỡ hàng

trăm quả bom từ trường, bom nổ chậm, tiêu diệt và bắt sống nhiều giặc lái. Tỉnh đã tổ chức tốt việc sơ tán người và của, giữ vững các hoạt động sản xuất, đảm bảo giao thông vận tải thông suốt, phục vụ sản xuất và đời sống, đáp ứng mọi nhu cầu của tiền tuyến.

Với khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã không tiếc sức người, sức của chi viện cho miền Nam đánh Mỹ. Trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước Thái Nguyên đã có 48.278 người nhập ngũ, có mặt chiến đấu, trên khắp các chiến trường ba nước Đông Dương, trong số đó, 7.792 người đã ngã xuống vì Tổ quốc, gần 7.800 người để lại một phần xương, máu ở chiến trường. Toàn tỉnh có hơn 3.000 gia đình có từ 2 đến 5 người tòng quân, hàng trăm gia đình có từ 2 đến 3 liệt sĩ hoặc có một con độc nhất đã hy sinh. Trong 10 năm (1965 - 1975) bình quân mỗi năm đóng góp cho nhà nước 20.000 tấn lương thực. Đây là sự cống hiến to lớn của nhân dân các dân tộc tỉnh nhà vào thắng lợi vẻ vang của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc.

Do những cống hiến trên đây, nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang tỉnh nhà đã vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng 1 Huân chương Sao Vàng, 1 Huân chương Độc lập, 54 huân chương Kháng chiến, 2 huân chương Chiến công và 8 bằng khen. Riêng các đồng chí tham gia chiến đấu ở chiến trường miền Nam đã được tặng gần 11 ngàn Huân chương chiến sĩ giải phóng, 8 đơn vị và 8 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang (xem phần phụ lục).

Những thành tựu mà nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang Thái Nguyên đạt được trong 21 năm chống Mỹ cứu nước trước hết bắt nguồn từ sự lãnh đạo và chỉ đạo sáng suốt, cụ thể của Trung ương Đảng, Chính phủ. Những nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương từ lần thứ 12 đến lần thứ 16 (khóa II), nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III, cũng như các chỉ thị, nghị quyết của BCH Trung ương Đảng, của Bộ Chính trị, của Ban Bí thư, của Chính phủ là bố đốc soi đường cho Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên vững bước đi lên trong gian khó, trong bom đạn. Những lời chỉ bảo của Bác Hồ khi Người về thăm tỉnh, hoặc qua thư, qua điện, những ý kiến chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo của Trung ương, Chính phủ, của Quân ủy Trung ương (sau này là Đảng ủy Quân sự Trung ương), của Khu ủy khu tự trị Việt Bắc là cơ sở giúp Đảng bộ và quân dân trong tỉnh có phương hướng suy nghĩ và hành động một cách đúng đắn, sáng tạo.

Những thành tựu đó cũng là kết quả hoạt động của các cấp ủy Đảng, ban, ngành chính quyền, cơ quan quân sự, các ban, ngành đoàn thể; là kết quả phong trào cách mạng của quần chúng và vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Tỉnh ủy và Đảng bộ Thái Nguyên đã cố gắng từng bước quán triệt đường lối cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh và vận dụng có sáng tạo đường lối đó vào địa phương, đề ra những chủ trương và biện pháp đúng đắn, thích hợp với từng địa phương, từng dân tộc. Trong 10 năm đầu (1954 - 1964) Tỉnh ủy đã tổ chức cho

cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đi sâu nghiên cứu, học tập những vấn đề về quan điểm và đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà; về phát triển kinh tế và tăng cường quốc phòng. Chỉ trong một thời gian ngắn (1958 - 1960) Tỉnh ủy đã lần lượt ban hành một hệ thống tương đối hoàn chỉnh các nghị quyết về lãnh đạo, chỉ đạo từng lĩnh vực cụ thể như: tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp; đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp; phát triển công nghiệp địa phương và tiểu thủ công nghiệp, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng hậu bị v.v... và những nghị quyết đó là chương trình hành động cụ thể của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh. Đặc biệt trong 10 năm (1965 - 1975) khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước bước vào giai đoạn quyết liệt, trong đó có 8 năm đối mặt trực tiếp với kẻ thù, Tỉnh ủy đã chủ trương nhanh chóng chuyển mọi hoạt động của tỉnh từ thời bình sang thời chiến, kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng chủ quan khinh địch, khắc phục hiện tượng ngại gian khổ, sợ hy sinh. Sau trận 17-10-1965, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo và thực hiện có kết quả việc sơ tán hàng vạn dân, hàng trăm ngàn tấn máy móc, vật tư ra khỏi vùng trọng điểm địch có thể đánh phá. Tổ chức lại hệ thống trận địa phòng không, tăng cường công tác an ninh, trật tự v.v...

Thành công trong hoạt động lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh trong những năm đánh Mỹ còn ở chỗ phát động khí thế thi đua của những phong trào "Ba sẵn sàng" trong thanh niên, "Ba đảm đang" trong phụ nữ, "tay búa, tay súng" trong công nhân, "tay cày, tay súng" trong nông dân, "nhằm thẳng quân thù mà bắn" trong lực lượng vũ

trang... thật sự có sức lôi cuốn quần chúng và đã đem lại hiệu quả trong sản xuất và chiến đấu.

Sở dĩ Thái Nguyên tạo được phong trào và cao trào toàn dân tham gia chống Mỹ, cứu nước thật sự sôi nổi và rộng khắp, *điều quan trọng là Đảng bộ thường xuyên coi trọng xây dựng, củng cố và tăng cường mối đoàn kết gắn bó giữa nhân dân các dân tộc; quan tâm đúng mức đến quyền lợi và nghĩa vụ của từng dân tộc; tổ chức, động viên và phát động đông đảo các tầng lớp nhân dân các dân tộc tham gia vào sự nghiệp lớn của dân tộc.*

Là một tỉnh có nhiều dân tộc anh em chung sống, là thủ phủ Khu tự trị Việt Bắc, trong nhiều năm trước, trên cơ sở đường lối chính sách của Đảng về vấn đề dân tộc, tỉnh đã có nhiều chủ trương, biện pháp để các dân tộc anh em bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi, giúp đỡ đồng bào thuộc các dân tộc ít người về mọi mặt nhằm khắc phục những tồn tại về sự cách biệt và những chênh lệch về trình độ phát triển xã hội do lịch sử để lại. Cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ đã đem lại những kết quả tốt. Chính sách dân tộc của Đảng phát triển thêm một bước mới trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, đưa các dân tộc thiểu số cùng toàn thể nhân dân tỉnh nhà tiến lên CNXH và tham gia công cuộc chống Mỹ cứu nước. Thực tế trong 21 năm qua đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc trong tỉnh, dù có chiến tranh vẫn được giữ vững và có phần được cải thiện, nếu so với chế độ cũ thì một trời, một vực. Chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đều có cán bộ các dân tộc tham gia. Khối đoàn kết thống

nhất dân tộc ngày càng mở rộng và củng cố. Các xã miền núi, vùng cao được tích cực tăng cường củng cố, tăng thêm sức chiến đấu của lực lượng dân quân, sẵn sàng diệt địch bảo vệ bản, làng. Trong thực tế những năm đánh Mỹ, tất cả các dân tộc đều có người ra mặt trận¹ và đều lập công xuất sắc, hàng ngàn người được khen thưởng. Bảy đồng chí quê Thái Nguyên được tuyên dương anh hùng lực lượng vũ trang thì 1 đồng chí thuộc dân tộc ít người (Ma Văn Viên - dân tộc Tày). Trong số hơn 89.700 nam nữ dân quân, tự vệ thì hơn 2 vạn là người dân tộc thiểu số.

Một nhân tố nữa quyết định thắng lợi của Thái Nguyên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là *quan điểm chiến tranh nhân dân, sự nghiệp đánh giặc giữ nước là của toàn dân, mọi người đồng lòng, chung sức đánh giặc.*

Là một tỉnh trung du và miền núi đất không rộng, người không đông bằng nhiều tỉnh bạn, sau 11 năm dốc sức xây dựng kinh tế, văn hóa đã có những bước phát triển nhưng còn chông chát khó khăn, đặc biệt là miền núi, vùng cao nơi tập trung nhiều đồng bào các dân tộc ít người sinh sống. Trước khó khăn ấy, Đảng bộ đã dựa vào sức mạnh và khả năng to lớn của nhân dân các dân tộc để

1. So với dân số từng dân tộc, tỷ lệ người nhập ngũ như sau:

- Kinh: 6,5%; - Sán Diu: 4,4%; - Dao: 2,2%.

- Tày: 5%; - Cao Lan: 3,9%; - Hoa: 1%.

- Nùng: 4,5%; Sán chỉ: 3,40%.

động viên sức người, sức của cho tiền tuyến. Năm 1968, Thái Nguyên đã động viên tới 1,71% số dân vào bộ đội, 12,71% vào dân quân, tự vệ. Tính chung, năm 1968 có tới 14% số dân trong tỉnh tham gia lực lượng vũ trang. Nếu cộng 10 năm (1965 - 1975) con số này sẽ lớn gấp nhiều lần. Đó là chưa kể hàng vạn người khác tham gia thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước và các đội tình nguyện ứng cứu giao thông, phục vụ chiến đấu. Với lực lượng dân quân, tự vệ hùng hậu, toàn tỉnh đã xây dựng hàng trăm trận địa bắn máy bay thấp, góp lửa cùng với bộ đội tên lửa, cao xạ và không quân đánh trả máy bay Mỹ. Dân quân xã Hà Thượng (Đại Từ) bằng súng bộ binh đã bắn rơi máy bay "Con ma" của giặc Mỹ. Nhiều giặc lái nhảy dù xuống đã bị dân quân, tự vệ bắt sống. Trong suốt những năm đánh Mỹ, an ninh chính trị, trật tự xã hội vẫn được giữ vững. Đó cũng là kết quả của thế trận lòng dân. Hàng năm nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã dành tới 25% tổng sản lượng thóc cung cấp cho kháng chiến. Trong đó, giao cho nhà nước 20% (gần 10% thuế, 10% bán theo giá nghĩa vụ), 5% quỹ ông ích để HTX nuôi lực lượng dân quân trực chiến và hỗ trợ cho các gia đình chính sách hậu phương quân đội.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã đi vào lịch sử, nhưng những đóng góp của nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên vào chiến thắng vĩ đại này vẫn mãi mãi là niềm vinh dự và tự hào của Đảng bộ và quân, dân tỉnh nhà.

PHỤ LỤC

Trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và bảo vệ Tổ quốc, tỉnh Thái Nguyên đã được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu “Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” cho 44 tập thể; “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” cho 14 cá nhân (có sinh quán và trú quán trên địa bàn); “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” cho 115 Bà mẹ (có sinh quán và trú quán trên địa bàn).

Phụ lục I: Danh sách tập thể thuộc tỉnh Thái Nguyên được tuyên dương danh hiệu “Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”:

Thời kỳ chống Pháp: 34 tập thể

- 1- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Thái Nguyên
- 2- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Võ Nhai
- 3- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Định Hoá
- 4- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ
- 5- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình

- 6- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phổ Yên
- 7- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Thượng (huyện Võ Nhai)
- 8- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Lâu Thượng (Huyện Võ Nhai)
- 9- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã La Hiên (huyện Võ Nhai)
- 10- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tràng Xá (huyện Võ Nhai)
- 11- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Đình (huyện Định Hoá)
- 12- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân thị trấn Chợ Chu (huyện Định Hoá)
- 13- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bảo Linh (huyện Định Hoá)
- 14- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Qui Kỳ (huyện Định Hoá)
- 15- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Điều Mặc (huyện Định Hoá)
- 16- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Định Biên (huyện Định Hoá)
- 17- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thanh Định (huyện Định Hoá)
- 18- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Cù Vân (huyện Đại Từ)

- 19- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Yên Lãng (huyện Đại Từ)
- 20- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Hùng Sơn (huyện Đại Từ)
- 21- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Lục Ba (huyện Đại Từ)
- 22- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Yên (huyện Đại Từ)
- 23- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã La Bằng (huyện Đại Từ)
- 24- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Lương Phú (huyện Phú Bình)
- 25- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Kha Sơn (huyện Phú Bình)
- 26- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tiên Phong (huyện Phổ Yên)
- 27- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Khe Mo (huyện Đồng Hỷ)
- 28- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Cây Thị (huyện Đồng Hỷ)
- 29- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Động Đạt (huyện Phú Lương)
- 30- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phấn Mễ (huyện Phú Lương)
- 31- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Ôn Lương (huyện Phú Lương)

32- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Sơn (Thị xã Sông Công)

33- Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Cương (TP Thái Nguyên)

34- Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ.

* **Thời kỳ chống Mỹ, cứu nước: 8 đơn vị**

1- Nhân dân và Lực lượng vũ trang thành phố Thái Nguyên

2- Nhân dân và Lực lượng vũ trang phường Gia Sàng (TP Thái Nguyên)

3- Nhân dân và Lực lượng vũ trang phường Hoàng Văn Thụ (TP Thái Nguyên)

4- Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên

5- Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Nhà máy điện Cao Ngạn (nay là Sở điện lực Thái Nguyên)

6- Lực lượng tự vệ ty Bưu điện tỉnh Thái Nguyên

7- Công an thành phố Thái Nguyên.

8- Phòng Bảo vệ Chính trị 4 (Công an tỉnh Thái Nguyên)

* **Thời kỳ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và đổi mới: 2 đơn vị**

1- Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ

2- Phòng cảnh sát hình sự (Công an tỉnh Thái Nguyên)

Phu lục II: Danh sách 16 cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang (có sinh quán, trú quán trên địa bàn tỉnh) được tuyên dương danh hiệu: “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” và “Anh hùng Lao động”.

1- Dương Quảng Châu (Anh hùng chống Pháp), sinh tháng 10/1927, quê: Hoàng Hanh – Phù Tiên – Hưng Yên, trú quán: Thành Công – Phổ Yên, được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang ngày 7/5/1956.

2- Đàm Văn Ngụy (Anh hùng chống Pháp), sinh tháng 5/1928, quê: Minh Khai – Thạch An – Cao Bằng, trú quán: Phường Hoàng Văn Thụ – thành phố Thái Nguyên, được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang ngày 7/5/1956.

3- Triệu Văn Báo (Anh hùng chống Pháp), sinh năm 1932, quê: Chí Viễn – Trùng Khánh – Cao Bằng, gia đình trú tại: Nam Tiến - Phổ Yên, được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang ngày 7/5/1956.

4- Phạm Thanh Ngân (Anh hùng chống Mỹ), sinh năm 1939 quê: Lương Phú – Phú Bình, trú quán: Đường Trường Chinh - Đống Đa – Hà Nội, được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang ngày 18/6/1969.

5- Trần Thế Lại (Anh hùng chống Mỹ), sinh năm 1933 tại Thái Lan, quê: Quảng Tiến – Quảng Trạch – Quảng Bình, trú quán: thị trấn Chùa Hang - Đồng Hỷ, được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang ngày 20/12/1979.

6- Ngô Văn Sơn (Anh hùng chống Mỹ), sinh tháng 3/1947, quê quán, trú quán: Đồng Bẩm - Đồng Hỷ, được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang ngày 3/6/1976.

7- Hoàng Văn Nghiên (Anh hùng chống Mỹ), sinh năm 1939, quê: Sông Bằng – thị xã Cao Bằng, trú quán: phường Trưng Vương – thành phố Thái Nguyên, được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang ngày 1/1/1967.

8- Ma Văn Viên (Anh hùng chống Mỹ), sinh năm 1941, quê quán, trú quán: Tân Dương - Định Hoá, được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang ngày 25/8/1970.

9- Trần Xuân Thiện (Anh hùng chống Mỹ), sinh tháng 3/1954, quê quán, trú quán: Phấn Mễ – Phú Lương, được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang ngày 6/11/1978.

10- Phạm Viết Đức (Anh hùng chống Mỹ), sinh tháng 6/1936, quê: Hoàng Kiêm, Hoàng Hoá - Thanh Hoá, trú quán: phường Tân Thịnh – TP Thái Nguyên, được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang ngày 1/10/1971.

11- Âu Văn Hùng (Anh hùng Bảo vệ Tổ quốc), sinh năm 1945, quê: Sơn Phú - Định Hoá, trú quán: Đống Đa – Hà Nội, được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang ngày 20/12/1979.

12- Nguyễn Duy Nhất (Anh hùng Bảo vệ Tổ quốc), sinh tháng 10/1959, Quê quán, trú quán: Liên Minh – Võ Nhai, được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang ngày 20/12/1979.

13- Nguyễn Mai Tâm (Anh hùng chống Mỹ), sinh năm 1933, quê quán, trú quán: Đông Cao – Phổ Yên, được tuyên dương Anh hùng Lao động ngày 4/5/1962.

14- Liệt sĩ Dương Như Thực (Anh hùng thời kỳ đổi mới), sinh ngày 19/5/1957, quê quán, trú quán: Cải Đan – thị xã Sông Công, đơn vị Công an huyện Phú Lương, hy sinh ngày 4/12/1991, được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang ngày 22/7/1998.

15- Liệt sĩ Nguyễn Văn Tiền (Anh hùng thời kỳ đổi mới), sinh ngày 24/4/1961, quê quán, trú quán: Tân Khánh – Phú Bình, đơn vị Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, hy sinh ngày 28/8/1990, tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang ngày 22/7/1998.

16- Liệt sĩ Nguyễn Văn Nhất (Anh hùng thời kỳ đổi mới), sinh ngày 21/8/1959, quê quán Bình Sơn – thị xã Sông Công, trú quán: phường Đồng Quang thành phố Thái Nguyên, đơn vị Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, hy sinh ngày 24/11/1992, tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang ngày 22/7/1998

Phụ Lục 3: Danh sách Bà mẹ Việt Nam anh hùng

- 1- Mẹ Nguyễn Thị Năm, quê: Tiên Hội - Đại Từ, có 3 con là liệt sĩ.
- 2- Mẹ Lê Thị Ong, quê: Dương Thành – Phú Bình, có 3 con là liệt sĩ.
- 3- Mẹ Trần Thị Tý, trú quán: phường Phan Đình Phùng – TP Thái Nguyên, có 3 con (1 con nuôi và 2 con đẻ) là liệt sĩ.

- 4- Mẹ Phan Thị Sáy, quê: Phú Thượng- Võ Nhai, có 4 con là liệt sĩ.
- 5- Mẹ Nguyễn Thị Mong, trú quán: Trung Lương - Định Hoá, có 3 con là liệt sĩ.
- 6- Mẹ Nguyễn Thị Dân, quê: Tân Hương – Phổ Yên, có 3 con là liệt sĩ.
- 7- Mẹ Vũ thị Gái, trú quán: Lục Ba - Đại Từ, có 3 con là liệt sĩ.
- 8- Mẹ Dương Thị Đào, quê: Thượng Đình – Phú Bình, cả 2 con đều là liệt sĩ.
- 9- Mẹ Lê Thị Bé, quê: Cao Ngạn - Đồng Hỷ, có 3 con (1 con nuôi và 2 con đẻ) là liệt sĩ.
- 10- Mẹ Lương Thị Mạc, quê: Thần Sa – Võ Nhai, có 3 con là liệt sĩ.
- 11- Mẹ Nguyễn Thị Lý, quê: Tân Hương – Phổ Yên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 12- Mẹ Nguyễn Thị Định, trú quán: Phượng Tiến – Định Hoá, có 3 con là liệt sĩ.
- 13- Mẹ Nguyễn Thị Khuyên, trú quán: Trung Lương - Định Hoá, có 3 con là liệt sĩ.
- 14- Mẹ Đàm Thị Thìn, quê: Thịnh Đán - Đồng Hỷ, có 3 con là liệt sĩ.
- 15- Mẹ Nguyễn Thị Vân, trú quán: Gia Sàng – TP Thái Nguyên, cả 2 con đều là liệt sĩ.
- 16- Mẹ Lưu Thị Châu, trú quán: Tràng Xá - Võ Nhai, có 3 con là liệt sĩ.

- 17-Mẹ Hà Thị Nhe, quê: Hoá Thượng - Đồng Hỷ, có 3 con là liệt sĩ.
- 18-Mẹ Nguyễn Thị Mùi, trú quán: Vô Tranh – Phú Lương, có chồng và 2 con là liệt sĩ.
- 19-Mẹ Nguyễn Thị Thu, trú quán: Dương Thành – Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 20-Mẹ Trần Thị Bốn, quê: Kha Sơn – Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 21-Mẹ Nguyễn Thị Nhữ, trú quán: Kha Sơn – Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 22-Mẹ Vũ Thị Sủng, Trú quán: Lương Phú – Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 23-Mẹ Nguyễn Thị Nhất, quê quán, trú quán: Hà Châu – Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 24-Mẹ Dương Thị Xay, quê: Úc Kỳ – Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 25-Mẹ An Thị Hà, trú quán: Tân Kim – Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 26-Mẹ Trương Thị Hồi, trú quán: Cam Giá - TP Thái Nguyên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 27-Mẹ Dương Thị Liễu, quê quán, trú quán: Điềm Thụy – Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 28-Mẹ Nguyễn Thị Ngẩn, trú quán: Lục Ba - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 29-Mẹ Trần Thị Tự, quê: Lục Ba - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.

- 30-Mẹ Nguyễn Thị Mỹ, trú quán: Cao Ngạn - Đồng Hỷ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 31-Mẹ Nguyễn Thị Vương, quê: Cao Ngạn - Đồng Hỷ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 32-Mẹ Hứa Thị Pít, trú quán: Bình Long - Võ Nhai, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 33-Mẹ La Thị Sáu, trú quán: La Hiền - Võ Nhai, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 34-Mẹ Nguyễn Thị Chúc, quê: Đắc Sơn - Phổ Yên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 35-Mẹ Nguyễn Thị Sảo, quê: Tân Hương - Phổ Yên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 36-Mẹ Nguyễn Thị Tân, trú quán: Đồng Tiến - Phổ Yên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 37-Mẹ Vũ Thị Đào, quê: Đắc Sơn - Phổ Yên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 38-Mẹ Lê Thị Liên, quê: Nam Tiến - Phổ Yên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 39-Mẹ Trần Thị Hựu, trú quán: Đồng Tiến - Phổ Yên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 40-Mẹ Lê Thị Thái, quê: Vạn Phái - Phổ Yên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 41-Mẹ Vũ Thị Ba, trú quán: Phấn Mễ - Phú Lương, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 42-Mẹ Phó Thị Thanh, trú quán: Sơn Cẩm - Phú Lương, có con độc nhất là liệt sĩ.

- 43- Mẹ Đàm Thị Lá, trú quán: Thị trấn Chợ Chu - Định Hoá, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 44- Mẹ Lò Thị Muôn, quê: Tân Thịnh - Định Hoá, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 45- Mẹ Nguyễn Thị Tèo, trú quán: Sơn Cẩm - Phú Lương, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 46- Mẹ Nguyễn Thị Sáu, trú quán: Phúc Trìu - TP Thái Nguyên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 47- Mẹ Hoàng Thị Đăng, trú quán: xã Lương Sơn - TP Thái Nguyên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 48- Mẹ Ngô Thị Chén, trú quán: Tân Cương - TP Thái Nguyên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 49- Mẹ Trần Thị Bẩy, trú quán: Phúc Hà - TP Thái Nguyên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 50- Mẹ Nguyễn Thị Ngoại, quê: Tân Thịnh - TP Thái Nguyên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 51- Mẹ Nguyễn Thị Cải, trú quán: Hương Sơn - TP Thái Nguyên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 52- Mẹ Nguyễn Thị Thục, quê quán, trú quán: Trưng Vương - TP Thái Nguyên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 53- Mẹ Nguyễn Thị Hứa, trú quán: Cam Giá - TP Thái Nguyên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 54- Mẹ Lê Thị Chắt, quê quán: Tích Lương - TP Thái Nguyên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 55- Mẹ Lê Thị Bốn, trú quán: Tích Lương - TP Thái Nguyên, có con độc nhất là liệt sĩ.

- 56- Mẹ Vũ Thị Sách, quê quán: Hợp Thành nay là Vạn Phái - Phổ Yên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 57- Mẹ Lương Thị Nhất, quê: Phục Linh - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 58- Mẹ Trần Thị Lai, trú quán: Minh Tiến - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 59- Mẹ Trần Thái Ninh, sinh quán: Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 60- Mẹ Nguyễn Thị Ngọt, quê: Hùng Sơn - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 61- Mẹ Nguyễn Thị Xuân, quê: Bình Thuận - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 62- Mẹ Phạm Thị Mâu, trú quán: Hà Thượng - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 63- Mẹ Nguyễn Thị Thanh, trú quán: Bình Thuận - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 64- Mẹ Nguyễn Thị Gái, trú quán: Cù Vân - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 65- Mẹ Nguyễn Thị Lai, trú quán: Cù Vân - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 66- Mẹ Nguyễn Thị Chất, quê: Thắng Lợi nay là Na Mao - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 67- Mẹ Lý Thị Tự, quê: Cúc Đường - Võ Nhai, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 68- Mẹ Nguyễn Thị Lai, quê: Bình Thuận - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.

- 69- Mẹ Nguyễn Thị So, trú quán: Hương Sơn - Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 70- Mẹ Dương Thị Quýt, quê: Bảo Lý - Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 71- Mẹ Nguyễn Thị Đài, quê: Lương Phú - Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 72- Mẹ Trần Thị Khuyên, trú quán: Đào Xá, Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 73- Mẹ Hoàng Thị Tuế, quê: Xuân Phương - Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 74- Mẹ Đỗ Thị Gái, trú quán: Đồng Bẩm - Đồng Hỷ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 75- Mẹ Đặng Thị Thảng, trú quán: Trại Cau - Đồng Hỷ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 76- Mẹ Đông Thị Rõ, trú quán: Phường Trưng Vương - TP Thái Nguyên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 77- Mẹ Nguyễn Thị Nuôi, trú quán: Túc Duyên - TP Thái Nguyên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 78- Mẹ Phạm Thị Hải, trú quán: Lương Phú - Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 79- Mẹ Nguyễn Thị Nở, trú quán: Phường Gia Sàng - TP Thái Nguyên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 80- Mẹ Nguyễn Thị Tập, trú quán: Gia Sàng - TP Thái Nguyên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 81- Mẹ Nguyễn Thị Bình, quê: Túc Duyên - TP Thái Nguyên, có con độc nhất là liệt sĩ.

- 82- Mẹ Ma Thị Tiêu, quê: Thượng Nung - Võ Nhai, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 83- Mẹ Lý Thị Vãng, quê: Thượng Nung - Võ Nhai, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 84- Mẹ Nguyễn Thị Ngát, quê: Liên Minh - Võ Nhai, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 85- Mẹ Bùi Thị Hẹn, quê: Cao Ngạn - Đồng Hỷ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 86- Mẹ Nguyễn Thị Hồng, trú quán: Đồng Bẩm - Đồng Hỷ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 87- Mẹ Cao Thị Hợi, trú quán: Bá Xuyên - Sông Công, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 88- Mẹ Nguyễn Thị Phú, trú quán: Đồng Bẩm - Đồng Hỷ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 89- Mẹ Nguyễn Thị Khánh, trú quán: Huống Thượng - Đồng Hỷ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 90- Mẹ Dương Thị Tú, quê: Mỹ Yên - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 91- Mẹ Nguyễn Thị Viết, trú quán: Yên Lãng - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 92- Mẹ Hoàng Thị Đẹt, trú quán: Bình Thuận - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 93- Mẹ Vi Thị Ly, trú quán: Bình Thuận - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 94- Mẹ Nguyễn Thị Linh, quê: Mỹ Yên - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.

- 95- Mẹ Đinh Thị Bé, trú quán: Phục Linh - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 96- Mẹ Lê Thị Mạc, trú quán: Bình Thuận - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 97- Mẹ Ngô Thị Chất, trú quán: Phục Linh - Đại Từ, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 98- Mẹ Dương Thị Lễ, quê: Sơn Cẩm - Phú Lương, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 99- Mẹ Nguyễn Thị Nhung, trú quán: Cổ Lũng - Phú Lương, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 100- Mẹ Hoàng Thị Sợi, quê: Cổ Lũng - Phú Lương, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 101- Mẹ Trương Thị Hạ, quê: Nam Tiến - Phổ Yên, có 2 con là liệt sĩ.
- 102- Mẹ Lê Thị Cửu, quê: Nam Tiến - Phổ Yên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 103- Mẹ Nguyễn Thị Võ (tức Yến), quê: Nam Tiến - Phổ Yên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 104- Mẹ Nguyễn Thị Bưởi, quê: Đồng Tiến - Phổ Yên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 105- Mẹ Dương Thị Nhị, quê: Thành Công - Phổ Yên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 106- Mẹ Nguyễn Thị Tý, quê: Tân Hương - Phổ Yên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 107- Mẹ Hoàng Thị Hân, quê: Tiên Phong - Phổ Yên, có con độc nhất là liệt sĩ.

- 108- Mẹ Phạm Thị È (tức Đào), quê: Tân Kim - Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 109- Mẹ Vũ Thị Cẩn, quê: Thanh Ninh - Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 110- Mẹ Vũ Thị Nghéch, quê: Tân Kim - Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 111- Mẹ Dương Thị Vững, quê: Nga My - Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 112- Mẹ Nguyễn Thị Hạc, quê: Nga My - Phú Bình, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 113- Mẹ Phạm Thị Gái, trú quán: Phường Phan Đình Phùng - TP Thái Nguyên, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 114- Mẹ Đồng Thị Mị, trú quán: Túc Tranh - Phú Lương, có con độc nhất là liệt sĩ.
- 115- Mẹ Nguyễn Thị Anh, quê: Sơn Phú - Định Hóa, có con độc nhất là liệt sĩ.

MỤC LỤC

Trang

- Lời nói đầu	3
- <i>Chương 1</i> : Khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế xã hội, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, sẵn sàng chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (8/1954 - 9/1965)	5
- <i>Chương 2</i> : Vừa trực tiếp chiến đấu, vừa sản xuất, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (10/1965 - 3/1968)	60
- <i>Chương 3</i> : Đẩy mạnh động viên tuyển quân chi viện chiến trường, tiếp tục xây dựng, củng cố địa bàn vững mạnh, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (4/1968 - 12/1972)	168
- <i>Chương 4</i> : Khắc phục hậu quả chiến tranh, tích cực xây dựng hậu phương vững mạnh, dồn sức chi viện chiến trường (1/1973 - 4/1975)	269
- <i>Phụ lục</i>	348

In 500 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm tại Nhà máy in Quân đội. Số in: 1724. Giấy phép xuất bản số: 62/GPXBVH. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2001.